

làng văn

90
Tháng 2.1992



TÂN NIÊN NHÂM THÂN 1992

Bổ-túc thư-mục 1991

LÀNG VĂN PHÁT-HÀNH

(dùng kèm Thư-mục Làng Văn 1991)



ẢO-THUẬT
Biên-khảo, Vũ Thành
9MK—12GK

ẢO-THUẬT KHÓ MÀ ĐỀ
Biên-khảo, Bình Sơn
8MK—11GK

BA TRỤ THIÊN
Nhận-định
20MK—26GK

BẠN ĐO THÁM ĐÔNG Á
Tiểu-thuyết dã-sử, Hải Âu
7.50MK—10GK

BẠN ĐÃ BIẾT GÌ VỀ JUDO
Sách võ-học, Kiều Nguyên
bộ 2 tập: 10MK—13GK

BẠN GÁI SOI GƯƠNG
Kiến-thức phổ-thông, Hoàng Lan
6MK—8GK

BĂNG NHI
Truyện dài, Quỳnh Dao, Ngô Quân dịch
10MK—13GK

BÃO MÙA XUÂN
Truyện dài, Nguyễn Đình Thi
11MK—14.50GK

BẦY CON TRAI
Truyện dài, Chàng Nguyễn
5MK—7GK

BÁT CHIẾN TỰ NHIÊN THÀNH
Hồi-ký, Nixon, Phạm Ích Tụng dịch
17MK—22GK

CÁC THỂ VÕ DÀNH CHO PHÁI NỮ
Kiến-thức phổ-thông, Lạc Hà & Phan Chấn Thanh
6MK—8.50GK

CÂY CỎ VIỆT-NAM
Biên-khảo, Phạm Hoàng Hộ
35MK—45GK

CON NGƯỜI PHẢN-KHÁNG
Sách dịch, Albert Camus / Bùi Giáng
7.50MK—10GK

CẨM-NANG CHO NGƯỜI SỬ-DỤNG XE HƠI
Kiến-thức phổ-thông, Nguyễn Việt
10MK—13GK

CẨM-NANG TRI-LIỆU
Kiến-thức phổ-thông, V.N. Hoàng
8MK—11GK

CÁNH CHIM TRONG GIÔNG BÃO
Truyện dài, Liêu Quốc Nhi
6.50MK—9GK

CÁT LỖ
Truyện dài, Nguyễn Tư
12MK—15GK

CHÂN BÀI THỨ NĂM
Truyện dài, Mai Thảo
10MK—13GK

CHIẾC HÔN TRONG MỘNG
Les Mysteres de Londres, P. Feval, TCD dịch
5.50MK—7GK

CHÍNH-TRỊ, THỦ-ĐOẠN VÀ MƯU-KẾ
Biên-khảo, Vũ Tài Lục
20MK—26GK

CHỌN BẠN TRĂM NĂM
Kiến-thức phổ-thông, Nguyễn Tử Quang
6MK—8.50GK

CHÚA CHÓM BA MƯƠI SÁU TẤN VÀNG
Truyện dài dã-sử, Hoài Khanh
7MK—10GK

CHUYỆN QUÊ NAM
Truyện ngắn, Hồ Trường An
10MK—12GK

CHUYỆN TRIẾT-LÝ
Nhận-định, Vũ Huy Quang
9MK—12GK

CÔI ĐÊM
Truyện dài, Nguyễn Ngọc Ngạn
18MK—22GK (giá tái-bản)

CÔI KỲ-ỨC TRẮNG XANH
Tập-bút, Hồ Trường An
10MK—12GK

CON NGƯỜI PHẢN-KHÁNG
CON RÂN LỬA HUYỀN-ĐIỆU TRONG NỀN TRIẾT-HỌC ĐÔNG-PHƯƠNG
Triết-học, Thịnh Quang
14MK—18.50GK

CƠ MUA ĐÀU MÙA
Truyện ngắn, Diệu Tần
10MK—12GK

CỤM A-22
Truyện dài, Trần Trung Quân
13MK—16GK

CỬA NGOÀI
Truyện dài, Phạm Miên Tường
10MK—13GK

ĐẠY NẤU ĂN BẰNG HÌNH MÀU, 9 món cho đám tiệc
Kiến-thức phổ-thông,
10MK—13GK

ĐẠY NẤU ĂN LÀM BÁNH BẰNG HÌNH
Kiến-thức phổ-thông,
8MK—11GK

DẶM KHUYA
Truyện dài, Hoàng Thị Đáo Tiếp
12MK—16GK

DI-CẢO II
Nhận-định, Nguyễn Ngọc Huy
10MK—13GK

DU-HÀNH TRONG LÒNG ĐỊA-CẦU
Truyện dài giả-tưởng, Jules Verne, Lê Quang Nghĩa dịch
6.50MK—9GK

ĐẠI VIỆT SỬ-KÝ TOÀN-THU
Kiến-thức phổ-thông, Ngô Sĩ Liên, Nhượng Tống dịch
14MK—18.50GK

ĐẤT MỚI
Tập văn, Trà Lũ
10MK—12GK

ĐỊA-LÝ VIỆT-NAM
Kiến-thức phổ-thông, Nguyễn Khắc Ngữ
12MK—16GK

ĐỊA-LÝ VN ĐẠI-CƯƠNG
Kiến-thức phổ-thông, Phạm Thăng
6MK—7GK

ĐIỆP-VỤ SAU CÙNG
Truyện dài, Hùng Sơn
13MK—16GK

ĐÔNG TÂY TƯỞNG THUẬT TỔNG BIÊN
Kiến-thức phổ-thông, Nguyễn Kế Ngoạn
8.50—11GK

ĐỘNG-ĐÌNH HỒ NGOẠI SỬ
Truyện dài, Yên Tử cư-sĩ (bộ 3 cuốn) 38MK—50GK

ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI
Nghiên-cứu Phật-học, Minh Tâm
8MK—11GK

EM HÁT EM VUI
Tập nhạc thiếu-nhi, Nguyễn Hữu Nghĩa & Phan Ni Tấn sáng-tác, sưu-tập
6MK—8GK

GIA-CHÁNH QUỐC VIỆT
Kiến-thức phổ-thông, Quốc Việt
7MK—10GK

GIÁ TỰ-DO
Truyện dài, Nguyễn Ang Ca
15MK—19.50GK

GIẤC MƠ
Truyện dài, Nguyễn Sa
15MK—19.50GK

GIẤC NGỦ LIÊU-TRAI
Truyện dài, Nghiêm Lệ Quân
6.50MK—8.50GK

GIẢNG-LUẬN VỀ CA-ĐẠO VÀ DÂN-CA
Biên-khảo, Huy Phong & Nguyễn Thùy
10MK—13GK

GIÔNG ĐỜI XUA VÀ NAY
Truyện ngắn, Tuyết Minh
10MK—12GK

GUƠNG SÁNG NGƯỜI XUA
Kiến-thức phổ-thông, Thượng tọa Thích Huyền Vi
8MK—10.50GK

HẢI-ĐẢO THẦN-TIÊN
Truyện dài, Đặng Trần Huân dịch
7MK—10GK

HÁN VĂN
Biên-khảo, Trần Trọng San
20MK—24GK

HOÀNG-ĐẾ CUỐI CÙNG
Hồi-ký, Vua Phổ Nghi đời Thanh
7MK—9GK

HỒ CHÍ MINH, SỰ THẬT VỀ THÂN-THỂ VÀ SỰ-NGHIỆP
Biên-khảo, nhiều tác-giả
15MK—20GK

HỒI-KÝ PHẠM DUY, THỜI THƠ-ẤU VÀO ĐỜI
Hồi-ký, Phạm Duy
17MK—22GK

HỘI HỌA CHO MỌI NGƯỜI
Kiến-thức phổ-thông,
8MK—11GK

HƯỚNG-DẪN TÂM-SINH-LÝ TUỔI TRƯỞNG-THÀNH
Kiến-thức phổ-thông, Duy Nhiều và Phạm Đình
7MK—10GK

KÉP TỤ BÈN
Truyện ngắn, Nguyễn Công Hoan
6MK—8GK

KHÉO TAY LÀM BÁNH MÚT, 375 loại mứt, kẹo, xôi, chè, xu-xoa, dưa kiệu, dưa hành, bánh VN và Tây-phương
Kiến-thức phổ-thông, trọn bộ 2 cuốn. 19MK—25GK

KHÉO TAY LÀM BẾP
Kiến-thức phổ-thông
10MK—13GK

KHOÍ SÚNG
Truyện dài, Phạm Kim Khoi
8MK—10.50GK

KHÔNG TẠC
Truyện dịch, Hải Âu
15MK—19.50GK

KHUNG TRỜI QUÊ-HƯƠNG
Thơ, Hoàng Xuân Thảo
8MK—10GK

KINH DỊCH
Biên-khảo, Nguyễn Hiến Lê
20MK—26GK

KỸ-THUẬT NHIẾP-ẢNH TỪNG ĐIỂM MỘT
Kiến-thức phổ-thông, Michael Langford, Đặng Phương Kiệt dịch
10MK—13GK

LÁ SỐ TỬ-VI 6 LÃNH-TỰ BIÊN-KHẢO
15MK—21GK

LÁI BUỒN TỔNG THỐNG
Biên-khảo, Trần Trung Quân
13MK—16GK

LỊCH-SỬ NỘI-CHIẾN Ở VIỆT-NAM
Biên-khảo
15MK—29GK

LỐI BUỒM ĐƯỜNG HƯƠNG
Truyện dài, Hồ Trường An
12MK—15GK

LUẬN-LÝ VÀ TƯ-TƯỚNG TRONG HUYỀN-THOẠI
Kiến-thức phổ-thông, Đỗ Dũng
6.50MK—8.50GK

MẶT TRỜI LƯU-VONG
Thơ, Trần Thiện Hiệp
9MK—12GK

MÀU TÍM
Truyện dài, Nguyễn Thi
10MK—13GK

MÁU HẠN
Truyện ngắn, Nguyễn Trung

làng văn



P.O. Box 310, Station "W" Published 12 times a year
Toronto, Ont., M6M 5B9, Canada Second Class Mail Reg. No 8040
Tel. (416) 249-4195 Fax. (416) 240-0342 ISSN 0832-1922 — LDN 310578

Volume 9 — No 90 — February 1992
(Năm thứ 9, số 90, tháng 2 năm 1992)

TRONG SỐ NÀY:

Tin văn thế-giới.....	2
Tin Việt-nam.....	3
Trong làng.....	7
Ngoài ngõ.....	8
Tin tị-nạn.....	9
Phê-bình bản dự-thảo sửa-đổi hiến-pháp của CSVN, Nguyễn Hữu Nghĩa	11
Chuyện con cá cuống, Lê Văn Lân.....	22
Thơ Thúy Sơn.....	25
Ngôi đình và tín-ngưỡng thành-hoàng, Cao Xuân Tú.....	28
Thơ Vân Nương.....	30
Câu đối Làng Văn.....	32
Mãnh-lực tình-thương, Nguyễn Phong.....	33
Thơ Hoàng Chính.....	34
Chuyện bên bàn điểm-tâm, Ngô Nguyễn Dũng.....	35
Thơ Trần Văn Lệ.....	36
Sang sông, Ngô Du Trung.....	38
Thơ Nguyễn Đức Bạt Ngàn.....	41
Làm ăn, Nguyễn Mạnh An Dân.....	45
Thơ Phạm Quang Ngọc.....	48
Thơ Minh Đạo.....	51
Thơ Huỳnh Liễu Ngạn.....	54
Thơ Đông Vũ.....	58
Mối tình đồng-tình luyến-ái bi-thảm ở Côn-sơn, An Khê.....	61
Thơ Nguyễn Huy Phước.....	63
Thơ Bá Dĩnh.....	66
Lời cuối, Sài-gòn, Nguyễn Quốc Trụ.....	68
Thơ Hoàng Xuân Thảo.....	70
Người đàn ông bên cạnh, Song Thao.....	72
Thơ Trần Mộng Tú.....	75
Thơ Ngọc Khôi.....	77
Cháy nhà, Nguyễn Văn Thông.....	78
Danh-sách bài dự thi giải VHNT Làng Văn (đợt chót).....	80
Xóm Cũ: Thú vui vườn ruộng miền Nam, Xuân Tước.....	81
Thơ Nguyễn Khanh.....	83
Đất mũi Bạc-liêu, Tô Kiều Phương.....	85
Bản cáo-trạng Tây-tạng, Hoàng Lan.....	86
Thơ Cung Vũ.....	89
Chân-quang, truyện dài Tự Tĩnh.....	92
Thơ Nguyễn Sĩ Long.....	94
Al Capone III, truyện dài Trường-sơn Lê Xuân Nhị.....	97
Thơ Tô Giang.....	101
Độc-giả thác-mác, Bút Chì & Minh Tâm.....	106
Diễn-đàn chính-trị.....	110
Giới-thiệu sách mới.....	112
Thư đi tin lại, Nguyễn Hương.....	115
Nhắn tin tị-nạn.....	119

Tranh bìa: Ngàn mai, song-bản của Võ Đình

TRUONG THI KIM ANH
NORWAY

Chủ-nhiệm: Nguyễn Hương
Chủ-bút: Nguyễn Hữu Nghĩa
Tổng Thư-ký: Hồ Trường An
Thư-ký tòa-soạn: Nguyễn Nghĩa

Ban biên-tập:

Bạch Thái Hà—Bút Chì—Cao Tiêu—Cung Vũ
Diệu Tồn—Dương Thượng Ngã—Đan Quế
Đào Trường Phúc—Đào Huy Đán—Đỗ Khánh Hoan
Hà Huyền Chi—Hoàng Chính—Hoàng Du Thụy
Lăng Nhân—Lâm Hảo Dũng—Lê Văn Lân
Ngô Nguyễn Dũng—Nguyễn Phong
Nguyễn Đức Bạt Ngàn—Nguyễn Văn Ngọc
Nguyễn Ngọc Ngạn—Phạm Quang Ngọc—Phạm Thăng
Tự Tĩnh—Thái Văn Kiểm—Trường Sơn Lê Xuân Nhị
Tuệ Nga—Trần Thiện Hiệp—Trần Văn Tích—Võ Đình

Cộng-tác:

Bắc Phong—Bảo Chấn—Cao Bình Minh—Cao Xuân Lý
Cao Xuân Tú—Đặng Thị Quế Phương—Đoàn Tam
Đỗ Quý Toàn—Đông Nghi—Hàn Song Tường
Huỳnh Liễu Ngạn—Hoài Châu—Kha Huyền
Mai Kim Ngọc—Ngọc Hân—Ngọc Khôi—Như Chi
Ngô Du Trung—Nguyễn Đức Lập—Nguyễn Đức Tùng
Nguyễn Quốc Trụ—Nguyễn Tấn Nhiên—Nguyễn Văn Ba
Nguyễn Hải Hà—Nguyễn Huy Phước
Nguyễn Mạnh An Dân—Nguyễn Việt
Nguyễn Tấn Hưng—Nguyễn Trung Tâm
Nguyễn Thị Vinh—Nguyễn Hữu Nhật—Phạm Hoàng Hộ
Phan Ni Tấn—Quỳ Hương—Phùng Nhân
Tô Kiều Phương—Trần Mộng Tú—Trần Quang Hải
Trần Văn Lệ—Trịnh Gia Mỹ—Vân Nương—Võ Phiến

Minh-họa: Nguyễn Nhật Tân

Trình-bày: Cung Vũ

Góp tranh:

Babui—Nguyễn Khai—Nguyễn Đồng
Nguyễn Thị Hợp—Nguyễn Tường Quý—Thái Tuấn
Vệt—Vi Vi—Võ Đình—Vũ Thái Hòa

Nhiếp-danh:

Lê Quang Xuân

- Văn-phòng đại-diện tại Âu-châu: Bạch Thái Hà
Anh: Hoài Châu Pháp: Bạch Thái Hảo
Đức: Ngô Việt Dũng Hòa-lan: Hồ Thị Chiến
- Văn-phòng đại-diện tại Á-châu: Đỗ Thông Minh
- Văn-phòng đại-diện tại Úc-châu: Phạm Quang Ngọc
- Đại-diện tại Hoa-kỳ:
Nguyễn Ngọc Thanh (Texas) Linh Phương (Florida)
Nguyễn Hùng (Bắc Cali) Võ Thắng Tiết (Nam Cali)

GIÁ BÁO BÁN LẺ

Gia-nã-đại & Hoa-kỳ: \$4 — Pháp: 30 quan
Anh: 2 bảng — Đức: 8 đức mã
Hòa-lan: 8 gulden — Đan-mạch: 25 krone
Úc: 8 úc-kim — Nhật: 600 yen

Giá báo dài hạn và
giá biểu quảng-cáo: trang 114

tin văn



BIỂU-TÌNH LỚN TẠI CAO-MIÊN

Cảnh-sát Cao-miên thuộc chế-độ Hun Sen (CSVN) đã xả súng bắn vào đoàn sinh-viên học-sinh biểu-tình đòi tự-do dân-chủ hôm 22.12 vừa qua tại Nam-vang, hạ-sát một sinh-viên và gây thương-tích cho 8 người khác, trong đó có một học-sinh 12 tuổi.

Sau vụ nổ súng, hàng ngàn sinh-viên học-sinh thay vì bỏ chạy, đã xông thẳng vào đám cảnh sát để cướp súng. Biết không thể chống-cự lại đám đông quá lớn và liều-linh, cảnh-sát đã phải rút về đồn bót cố-thủ.

Đám biểu-tình đã vây chặt đồn cảnh-sát Nam-vang, ném đá và bom xăng vào, đòi giải giao thủ-phạm vụ nổ súng. Vụ bạo-động kéo dài suốt đêm, một số bộ-đội Nam-vang đã cởi bỏ quân phục, quay súng bắn lại cảnh-sát.

Tới giữa khuya, chính-phủ Nam-vang đã điều động bộ-đội chính-qui mang xe bọc thép tới đàn-áp. Nguồn tin báo *South China Morning Post* cho biết, một sĩ-quan cao-cấp của quân-đội Nam-vang chỉ-huy trận tấn-công đã bị bắn hạ ngay trước khách-sạn Norodom, và chiếc xe jeep của ông ta đã bị lật nghiêng, đốt ngay tại chỗ.

Tới sáng, chính-phủ Nam-vang đã huy-động thêm 200 cảnh-sát dã-chiến tới giải-tán đám biểu-tình. Trận chiến ném đá, gây gộc, ma-trắc, phi-tiền, lựu-đạn cay diễn ra khốc-liệt. Cảnh-sát Nam-vang lại khai-hỏa, nhưng trước sự chứng-kiến của hàng trăm máy quay phim, máy ảnh của các hãng thông-tin đối tin, họ đã bắn lên trời.

Tới giữa trưa, hàng chục ngàn dân-chúng Nam-vang đã đổ ra đường hỗ-trợ cuộc tranh-đấu của

con em họ. Đám đông đã rầm-rộ tuần-hành trên đường phố Nam-vang và ngang qua dinh Thủ-tướng Hun Sen và trụ-sở Quốc-hội trong ba ngày, đòi chính-phủ liên-hiệp phải thực thi dân-chủ tự-do.

TRUNG CỘNG BẮT GIAM NHÀ VĂN BẢO MẬT

Theo tin AP, cảnh sát Trung cộng đã bắt giữ nhà văn Bảo Mật (phiên âm Anh văn là Bao Mi) về tội lưu hành không giấy phép tác phẩm *Hoàng họa* (*Yellow Peril* — phiên âm Anh văn là *Huang Huo*) của ông. *Hoàng-họa* viết dưới dạng tiểu-thuyết, tiên-đoán sự sụp-đổ của đảng cộng-sản Trung-quốc và sự tàn-phá của lực-địa Trung-hoa trong trận nội-chiến nguyên-tử.

"Bảo Mật" là bút hiệu, tên thật của ông chưa được tiết-lộ. Bảo Mật bị bắt lúc đang ẩn-trú ở ngoại-ô Bắc-kinh.

Cuốn *Hoàng họa* dài khoảng 500.000 chữ Hán đã lọt ra ngoài, được xuất-bản tại Đài-loan theo yêu-cầu của tác-giả, và các bản lưu-hành tại Hoa-lục là các phó-bản được sao chụp bằng máy photocopy rồi đóng thành tập, hoặc bằng đĩa lưu-trữ của máy vi-tính.

Chưa thấy Văn Bút quốc-tế lên tiếng về vụ bắt giữ này. Thực ra, can-thiệp cho các nhà văn tại Trung Cộng rất khó. Hoa-lục có ba trung-tâm Văn Bút tại Bắc-kinh, Nam-kinh và Thượng-hải và cả ba trung-tâm này đều là hội-viên chính-thức của Văn Bút thế-giới. Năm 1989, cả ba đều được gửi sang Montréal dự đại-hội Văn Bút thế-giới. Nhưng từ khi xảy ra vụ đàn-áp đẫm máu tại

Thiên-an môn ngày 4.6.1990, Văn Bút thế-giới lên tiếng phản-đối, Trung Cộng chẳng những không gửi các phái-đoàn Văn Bút của họ đi dự đại-hội 1990 ở Bồ-đào-nha, mà còn ra lệnh cho các trung-tâm này gửi văn-thư phản-đối Văn Bút thế-giới can-thiệp vô-cớ vào nội-tình nước họ.

VỤ LƯƠNG GẠT TIỀN BẠC LỚN NHẤT THẾ-GIỚI

Tin Reuter từ Đông-kinh hôm 26.12 cho biết, bà Nui Onoue, một phụ-nữ Nhật-bản, đã bị chính-phủ Nhật kết tội biển-thủ gần 2 tỉ mỹ-kim, bằng cách lương-gạt các đại công-ty tài-chánh.

Bà Onoue là chủ nhà hàng, và là con buôn khét tiếng về chứng-khoán, đã nhận tội. Tòa sẽ đăng đường ngày 16.3 sắp tới.

GEORGIA THAY CHÍNH PHỦ

Bộ-đội của Hội-đồng quân-nhân Georgia, lực-lượng chính của cuộc cách-mạng dân-chủ tại nước cộng-hòa cuối-cùng trong Liên-bang xô-viết cũ, đã thành-công trong việc lật-đổ chế-độ cộng-sản chuyên-chính.

Cựu tổng-thống Georgia, ông Zviad Gamsakhurdia, đã lên đường lưu-vong, tuy-nhiên cho tới ngày 25.6, một số vệ-binh cộng-sản với xe tăng và đại pháo vẫn còn cố-thủ khu-vực phía tây thành-phố Poti.

ALGERIA NHẤT-ĐỊNH ĐỘC ĐẢNG

Sau khi lực-lượng Hồi-giáo chiếm đa-số phiếu trong cuộc bầu-cử tự-do, chính-phủ độc đảng Algeria do Mặt Trận Giải-Phóng Quốc-Gia kiểm-soát suốt 30 năm nay đã phủ-nhận kết-quả bầu-cử, dùng quân-đội và cảnh-sát càn-quét các nhà thờ Hồi-giáo, lùng bắt chính-khách đối-lập, tổng giam tù-sĩ và những người chủ-trương dân-chủ tự-do.

Tin Việt Nam



ĐỔI ĐỊA-GIỚI 4 TỈNH

Chiều ngày 24.12.91, Quốc-hội CSVN đã quyết-định chia lại địa-giới 4 tỉnh Thuận-hải, Hậu-giang, Cửu-long và Hà-nam-ninh.

1) Chia tỉnh Thuận-hải thành hai tỉnh Ninh-thuận và Bình-thuận:

- Tỉnh Ninh-thuận gồm thị-xã Phan-rang — Tháp Chàm và 3 huyện Ninh-sơn, Ninh-hải, Ninh-phước, diện-tích 3.530 cây số vuông, dân-số 406.732 người. Tỉnh-ly là thị-xã Phan-rang — Tháp Chàm.

- Tỉnh Bình-thuận gồm thị-xã Phan-thiết và 8 huyện Tuy-phong, Bắc-bình, Hàm-thuận Bắc, Hàm-thuận Nam, Hàn-tân, Đức-linh, Tánh-linh và Phú-quý, diện-tích 7.892 cây số vuông, dân-số 812.547 người. Tỉnh-ly là thị-xã Phan-thiết.

2) Chia tỉnh Hậu-giang thành hai tỉnh Cần-thơ và Sóc-trăng:

- Tỉnh Cần-thơ gồm thành-phố Cần-thơ và 6 huyện Thốt-nốt, Ô-môn, Châu-thành, Long-mỹ, Phụng-hiệp, Vị-thanh, diện-tích 3.022 cây số vuông, dân-số 1.614.350 người. Tỉnh-ly là thành-phố Cần-thơ.

- Tỉnh Sóc-trăng gồm thị-xã Sóc-trăng và 6 huyện: Kế-sách, Mỹ-tú, Long-phú, Thạnh-trị, Mỹ-xuyên và Vĩnh-châu, diện-tích 3.138 cây số vuông, dân-số 1.067.167 người. Tỉnh-ly là thị-xã Sóc-trăng.

3) Chia tỉnh Cửu-long thành hai tỉnh Vĩnh-long và Trà-vinh:

- Tỉnh Vĩnh-long gồm thị-xã Vĩnh-long và 5 huyện Long-hồ,

Vũng-liêm, Bình-minh, Tam-bình và Trà-ôn, diện-tích 1.487 cây số vuông, dân-số 957.281 người. Tỉnh-ly là thị-xã Vĩnh-long.

- Tỉnh Trà-vinh gồm thị-xã Trà-vinh và 7 huyện Châu-thành, Càng-long, Trà-cú, Cầu Ngang, Duyên-hải, Tiểu-cần và Cầu Kè, diện-tích 2.373 cây số vuông, dân-số 961.688 người. Tỉnh-ly là thị-xã Trà-vinh.

4) Chia tỉnh Hà-nam-ninh thành hai tỉnh Nam-hà và Ninh-bình:

- Tỉnh Nam-hà gồm thành-phố Nam Định, thị xã Hà Nam và 11 huyện Xuân-thủy, Hải-hậu, Nghĩa-hung, Nam-ninh, Ý-yên, Bình-lục, Lý-nhan, Thanh-liêm, Duy-tiên và Kim-bảng, diện-tích 2.423 cây số vuông, dân-số 2.435.995 người. Tỉnh-ly là thành-phố Nam-định.

- Tỉnh Ninh-bình gồm thị-xã Ninh-bình và 5 huyện Hoa-lư, Tam-điệp, Gia-viễn, Hoàng-long và Kim-sơn, diện-tích 1.386 cây số vuông, dân-số 787.877 người. Tỉnh-ly là thị-xã Ninh-bình.

Việc chia lại địa-giới các tỉnh làm hao-tổn công-khổ rất nhiều, nhưng CSVN vẫn phải làm, vì sợ nạn sù-quân, các tỉnh càng lớn, càng đông dân một khi nổi dậy càng khó dẹp. Đó là lý-do tại sao các tỉnh miền Nam, mới bình-định, bao giờ cũng nhỏ và ít dân hơn các tỉnh miền Bắc, đã gần nửa thế-kỷ xã-hội chủ-nghĩa.

TRIỂN-NHIỆM QUỐC-HỘI

Theo báo *Quân-đội nhân-dân* ngày 2.1.91, CSVN quyết-định kéo dài nhiệm-kỳ của Quốc-hội khóa

VIII thêm ba tháng nữa, cho tới 39.9.92 mới mãn-nhiệm. Lý-do triển-nhiệm là để thông quá bản dự-thảo sửa-đổi Hiến-pháp, luật bầu-cử Quốc-hội, đồng-thời sửa-đổi và bổ-sung một số luật khác.

Theo lệ thường, nhiệm-kỳ Quốc-hội CSVN là 5 năm, họp mỗi năm hai lần, tính ra là 10 kỳ. Quốc-hội khóa VII đã họp đủ 10 kỳ, sẽ bầu lại vào tháng 4.1992 này. CSVN thay vì giao bản dự-thảo sửa-đổi Hiến-pháp cho Quốc-hội khóa IX sắp tới, nhưng muốn vấn-đề được hợp-thức-hóa sớm hơn, mà Quốc-hội khóa VIII đương-nhiệm được Đảng khen là "phá kỷ-lục về thông qua và ban-hành các văn-bản" nên cuối-cùng Hà-nội đã cho lưu-nhiệm Quốc-hội khóa VIII thêm hai tháng nữa.

Trong 5 năm, chỉ với 20 ngày họp mỗi năm, tổng cộng là 100 ngày, Quốc-hội CSVN đã thảo-luận và thông-quá 30 luật, 39 pháp-lệnh và rất nhiều nghị-quyết. Báo *Hà-nội mới chủ-nhật* cũng khen rằng "chưa có một Quốc-hội nào trong nước ta lại ban-hành được nhiều luật như thế"; và bài báo giải-thích: "đó chính là do Nhà nước quản-lý điều-hành theo pháp-luật."

Cũng nên nói rõ, CSVN vẫn tuyên-truyền rằng "Quốc hội" là cơ-quan lập-pháp, có quyền-hành tối thượng, và Nhà nước chỉ là cơ-quan hành-pháp mà thôi.

VC KHOE: BỘ-ĐỘI ĐẶC CÔNG LÀM KINH TẾ

Báo VC *Quân-đội nhân-dân* ngày 28.12.91 trong bài phỏng-vấn thiếu-tướng Tư Cường, tư-lệnh binh-chủng Đặc công, khoe rằng bộ-đội Đặc-công làm kinh-tế cũng "có bài bản" và "hiệu-quả." Vì Nhà nước không đủ tiền phát lương, bộ Quốc-phòng giao cho các đơn-vị phải tự-túc kinh-tế một phần, thế là các nơi tùy-tiện vác súng đi kiếm ăn.

Tướng Tư Cường tiết-lộ, bộ-đội Đặc công của ông ta nhận giữ kho hàng, bảo tiêu (bảo-vệ các xe hàng), v.v.. Theo ông ta, các công tác

trên đã "mang lại lợi-ích thiết-thực", "trong hai năm gần đây đã kiếm được hàng trăm triệu đồng để xây-dựng doanh trại, mua máy-móc, thiết-bị phục-vụ cho huấn-luyện, sản-xuất."

Nhiệm-vụ của quân-đội là lãnh lương chính-phủ để bảo-vệ dân. Chỉ có quân-đội VC mới vừa ăn lương Nhà nước, vừa xoe tay đòi tiền "bảo-vệ," lại còn trơ-tráo công-khai khoe thu được nhiều tiền. Từ "bảo-vệ-phí" tới "mãi-lộ phí", liệu cách bao xa?!

BĂNG PHIM "TÌNH CA MÙA XUÂN" TẠI VN

Báo *Sài-gòn giải-phóng* và *Quân-đội nhân-dân* ngày 28 và 30.12.91 loan tin, một băng phim (video) của Liên-Minh Việt Nam Tự-Do ở hải-ngoại đã xâm-nhập và gây ảnh-hưởng tại quốc nội. Băng phi mang tên *Tình ca mùa Xuân*, nhưng hầu hết ghi lại các hình-ảnh sống-động của cuộc cách-mạng dân-chủ tại Liên-sô cũ.

Báo *Quân-đội nhân-dân* mô-tả cuốn băng phim là : "*Xen giữa chương-trình ca-nhạc là những hình-ảnh về cuộc chính-biến tháng 8 ở Liên-xô đã bị xuyên-tạc rõ-rệt.*"

Tờ báo tố-cáo: "*Đây là một bằng-chứng nữa cho thấy âm-mưu phá-hoại bằng con đường diễn-biến hòa-bình của các lực-lượng phản cách-mạng lưu-vong. Chúng đã và đang không ngừng tìm mọi cách đưa các loại tài liệu, sách báo, phim-ảnh có nội-dung xuyên-tạc kích-động tâm-lý chống-đối trong nước.*"

Phản-ứng của CSVN, phản-ảnh trong các đoạn tin trên, cho thấy Hà-nội càng ngày càng lúng-túng chống-đối trước làn sóng tấn-công chính-trị trong phong-trào *Chuyển lửa về quê nhà*. Muốn thu ngắn đường về, và về trong ánh-sáng tự-do, cộng-đồng hải-ngoại càng phải vận-dụng mạnh-mẽ hơn nữa các phương cách gửi tài-liệu, sách-báo về nước cho đồng-bào đọc.

DI-TÍCH CỔ-VẬT TẠI KONTUM

Đầu tháng 12.1991, đồng-bào tỉnh Kontum đã đào được 18 cổ-vật từ hậu kỳ niên-đại đồ đá cách đây từ 3500 tới 4000 năm. Các cổ-vật này gồm rìu có vai và cuốc đá.

PHAN TRỌNG TUỆ CHẾT

Cán-bộ VC Phan Trọng Tuệ, ủy-viên ban Chấp-hành Trung-ương đảng CSVN, nguyên phó thủ-tướng, bộ-trưởng Giao-thông, đã chết ngày 18.12.91 tại thành Hồ, thọ 75 tuổi.

Tuệ vào đảng Cộng-sản năm 1934, từng bị Pháp kết án 27 năm khổ-sai, đầy đi Côn-đảo.

VC HỢP MẶT HƯỚNG ĐẠO

Nhân kỷ-niệm 45 năm "Ngày toàn-quốc kháng-chiến", CSVN đã tổ-chức hợp mặt hướng-đạo-sinh VN thế-hệ 1945—1946 tại Văn-miếu Quốc-tử-giám Hà-nội, với sự mặt của 300 hướng-đạo-sinh thuộc thế-hệ này. Buổi hợp mặt do Hà Quang Dự, Bí-thư thứ nhất Trung-ương đoàn Thanh-niên cộng-sản Hồ Chí Minh, cùng sự hiện-diện của Hoàng Đạo Thúy, Tổng ủy-viên Hướng-đạo CSVN.

Trong thời chiến, cộng-sản không từ bỏ lợi-dụng bất cứ nhân-vật, tổ-chức nào; nhưng kể từ khi chiếm được miền Nam năm 1975 tới nay, đây là lần đầu-tiên CSVN cho trình-diện tổ-chức Hướng-đạo đỏ, trong giai-đoạn cần chứng-minh cho thế-giới thấy rằng CSVN cũng có nhiều màu sắc sinh-hoạt không khác với các nước tự-do.

YASSER YARAFAT THĂM CSVN

Vừa lên nhậm chức tổng-thống Palestine (chưa tái-lập xong quốc-gia) chưa được bao lâu, Yasser Yarafat đã công-du VN. CSVN và Tổ-chức Giải-phóng Palestine cùng có một kẻ thù chung là Mỹ; cả hai cùng là những bộ máy khủng-bố. Đúng là ngưu tầm ngưu, mã tầm mã!

TIẾP-TỤC ĐƯA DÂN ĐI KINH-TẾ MỚI

Trong tháng 12, huyện Ninh-thành thuộc tỉnh Hải-hung đã đưa 136 gia-đình vào Nam lập-nghiep tại vùng kinh-tế mới Long-an. Sau tên Nguyễn-đán Nhâm Thân, tỉnh Hải-hung sẽ đưa thêm 914 gia-đình nữa vào Long-an, nâng tổng-số dân đi kinh-tế-mới lên tới 5500 người.

CẢI-CÁCH DÂN-CHỦ: XÂY-DỰNG SÂN BIA

Mười bảy năm sau khi chiếm được miền Nam, CSVN tuyên-bố cải-cách dân-chủ, đổi mới để cứu nước. Một trong những hoạt-động chuẩn-bị cho tình-hình mới của Hà-nội là xây-dựng một sân bia khổng-lồ để tập bắn.

Sau hơn hai tháng ráo-riết xây cất, thiết-trí CSVN đã làm lễ khánh-thành Trường bắn Yên-sở ngay tại thủ-đô Hà-nội. Trường bắn khổng-lồ này gồm có các dãy nhà chỉ-huy, hệ-thống điện ngầm, các mục-tiêu ẩn hiện, di-động trên đường rầy nhà bia và các khu luyện võ, tập tạ, tập cận chiến, v.v.

107 LÒ GỒM BÌNH DƯƠNG BỊ PHẠT-VẠ

Nhà cầm quyền tỉnh Sông Bé đã phạt tiền và bắt giam 107 chủ lò gốm ở các huyện Thuận-an, Tân-uyên và thị-xã Thủ-dầu-một (Bình-dương) về tội hoạt-động trái phép.

Được biết phần lớn các lò gốm này đã hoạt-động hơn nửa thế-kỷ, trước khi CSVN bắt đầu cướp được chính-quyền tại miền Bắc.

VÀI CON SỐ VỀ THAM-NHƯNG

Báo *Lao-động Chủ-nhật* ngày 29.12.91 tiết-lộ, "*theo báo-cáo chưa đầy-đủ, các ngành, địa-phương đã tiến-hành thanh-tra và kết-luận 5070 vụ tham-những... biến-thủ 1700 tỉ đồng tiền Hồ cùng với hơn 2 triệu mỹ-kim, hơn 2000 cây vàng và hơn 36.000 tấn thóc.*"

Cũng theo tờ báo, có 19.220 cán-bộ (trong đó có 6 người cấp thứ

trưởng) bị "xử lý kỷ-luật hành-chính."

Dưới chế-độ cộng-sản, dân-chúng phạm-pháp thì ra tòa và đi tù; riêng cán-bộ đảng không bị "pháp-luật đời thường" chi-phối, mà chịu trách-nhiệm trước đảng, do đó chỉ bị biện-pháp kỷ-luật hành-chính (cách chức, giáng chức hay sa-thải) mà thôi.

BÁO-CHÍ CỘNG-SẢN VÀ VỤ ÁN BS NGUYỄN ĐAN QUẾ

Báo *Quân-đội nhân-dân* ngày 1.12 đã dành hai cột bài khá dài để lên án Cao-trào Nhân-bản và BS Nguyễn Đan Quế.

Tờ báo viết rằng nội-dung của 27 tài-liệu tịch-thu được tại địa-chỉ 107/7 đường Nguyễn Trãi, quận 5 Sài-gòn "không có gì khác những luận-điều của các thế-lực thù-địch phản-động tuyên-truyền trong nhiều năm qua nhằm chống-phá cách-mạng"; "đồng tài-liệu do Nguyễn Đan Quế biên-soạn thể-hiện sự xuyên-tạc sự thật, bóp méo lịch-sử cuộc kháng-chiến chống Pháp, chống Mỹ của nhân-dân ta dưới sự lãnh-đạo của Đảng, công-khai phủ-nhận thành-quả cách-mạng do Đảng ta lãnh-đạo."

Theo đúng cung cách báo chí xã hội chủ nghĩa, bài báo chỉ dành ra đúng 12 dòng để tường thuật bản tin toà án, phần còn lại có nội dung như một bản cáo trạng đọc trước toà.

CHÁY CHỢ ĐÔNG HÀ

Nạn đốt chợ hôi của bắt đầu lan-tràn tại Việt-nam. Vụ đốt mới nhất xảy ra ngày 30.12.1991 tại chợ Đông-hà, Quảng-trị, sát quốc-lộ 1A. Đám cháy rất nhỏ, nhưng các đội cứu-hỏa phải mất hơn một giờ mới dập xong, vì người đi xem và hôi của quá đông. Số lượng hàng-hóa thất-thoát lên tới 300 triệu đồng.

KGB THẨM-VẤN TÙ-BINH MỸ TẠI VN

Đài Tiếng nói Hoa-kỳ (VoA) hôm 2.1 loan tin, ông Oleg Kalugin, cựu Tổng Giám-đốc KGB (đã giải-tán) tuyên-bố với tờ *New York Daily News* rằng nhân viên tình báo Liên-sô đã thẩm-vấn 3 tù-binh Mỹ tại Hà-nội trong năm 1978 (3 năm sau khi CS chiếm miền Nam và 5 năm sau đợt trao trả tù-binh lần cuối, theo Hiệp-định Paris). Ông Kalugin nói rõ, trong thời-gian đó,

theo ông biết, có ít nhất là 10 người Mỹ còn bị giam-giữ tại Việt-nam.

Bản tin Việt-nam Thông-tấn-xã (VC) hôm 4.1.92 viết rằng "Thông-tấn-xã Việt-nam được phép tuyên-bố": những lời tuyên-bố của ông Kalugin, Tổng Giám-đốc KGB "hoàn-toàn bịa-đặt", "chính-phủ VN đã trao trả cho chính-phủ Hoa-kỳ tất cả tù-binh Mỹ bị bắt trong chiến-tranh" và "tuyên-bố kiểu đó là lợi-dụng sự đau-khổ của nhân-dân Mỹ để phục-vụ cho ý đồ riêng."

Người theo dõi tin-tức, không hiểu tại sao Thông-tấn-xã VN lại dùng nhóm chữ "được phép tuyên-bố"? Phải chăng cơ-quan này muốn phủi trách-nhiệm về sau, khi đưa ra một bản tin mà biết chắc là không phản-ảnh sự thật?

CHÍNH-QUYỀN QUẢNG-TÂY THĂM VIẾNG CSVN

Ngày 5.1, phái-đoàn tỉnh Quảng-tây (Trung Cộng) do Thành Khắc Kiệt — chủ-tịch khu tự-trị dân-tộc Choang tỉnh Quảng-tây — hướng-dẫn, đã đi ngang cửa Hữu-ngự (ải Nam-quan ngày xưa) để chính-thức thăm các tỉnh Lạng-sơn, Quảng-ninh, Hải-phòng, Hà-nội và Sài-gòn.

Đây là lần thứ hai chính-quyền Quảng-tây sang thăm CSVN sau mười mấy năm chiến-tranh cả nóng lẫn lạnh.

BÃO TẠI QUẢNG-NGÃI

Một cơn bão lốc bất-thần đã thổi vào vùng duyên-hải Quảng-ngãi từ 10 giờ sáng đến 12 giờ 30 trưa 28.12 vừa qua khiến 85 người chết, 302 người mất-tích, 92 thuyền đánh cá bị đánh đắm mất-tích, 200 thuyền bị hư-hỏng nặng.

Bão lặng được vài giờ, rồi cuồng-phong lại nổi lên vào lúc 8 giờ tối. Gió cấp 7 từ huyện Núi Thành thổi vào đèo Hải-vân Đà-nẵng, sát-hại thêm 39 người, cuốn mất-tích 185 người, phá hỏng 99 thuyền đánh cá, cuốn trôi 103 chiếc khác cùng 820 vòng lưới.



10 MỤC-SU BỊ CSVN GIAM-GIỮ

Tap-chí *Indochina Journal* số tháng 12.91 loan tin, hiện nay CSVN vẫn tiếp-tục giam-giữ ít nhất 10 mục-su Tin Lành Việt-nam, gồm:

- Mục-su Võ Xuân, bị bắt ngày 4.12.89 tại Bình-tuy. Ông đã bị tù cải-tạo 12 năm, mới được xuất trại từ 1987.

- Mục-su Trần Xuân Tú, bị giam từ năm 1985 tới nay tại trại Võ Đất, huyện Hàm-tân, tỉnh Bình-thuận, về tội không chịu triệt-hạ thánh giá nhà thờ.

- Mục-su Võ Minh Hùng, bị bắt tại Pleiku từ 1989 về tội giảng kinh thánh tại nhà. Ông hiện bị giam tại trại A-20, huyện Đông-xuân, tỉnh Phú-yên.

- Mục-su Trần Thế Thiên Phước bị bắt lần thứ ba, năm 1989 về tội gặp-gỡ tín-đồ, hiện bị giam tại trại Tống Lê Chân, tỉnh Sông Bé.

- Mục-su Đinh Thiện Từ, bị bắt năm 1992 về tội giảng đạo tại nhà, hiện bị giam tại trại Chí-hòa, Sài-gòn.

- Mục-su Trần Đình Ái, bị bắt năm 1991 về tội liên-lạc với hội thánh Pentacostal ở ngoại-quốc, hiện bị giam tại trại Chí-hòa, Sài-gòn.

- Mục-su Trần Mai, bị bắt năm 1991 về tội giảng đạo, hiện bị giam tại trại Phan Đăng Lưu, Gia-định.

- Mục-su R'Mah Boi, người Jarai, bị bắt từ năm 1989 tại Chu Pa, huyện Gia-rai tỉnh Công-tum về tội giảng đạo, hiện bị giam tại trại A-20, huyện Đông-xuân, tỉnh Phú-yên.

- Mục-su Ya Tiêm, người Koho, bị bắt năm 1990, hiện bị giam tại Đà-lạt, tỉnh Lâm-đồng.

- Mục-su R'Mah Loan, người Mnong, bị bắt năm 1991, hiện bị giam tại Ban-mê-thuột, tỉnh Đắc-lắc.

ĐỖ MƯỜI: KIÊN-QUYẾT KHÔNG BỎ CỘNG-SẢN

Ngày 16.12, Đỗ Mười, Tổng Bí-

thư đảng CSVN, trong lúc trả lời phỏng-vấn đài Truyền-hình NDN Nhật-bản (7) tuyên-bố rằng "xây-dựng xã-hội chủ-nghĩa là mục-tiêu tiến-bộ nhất của loài người" và "nhân-dân VN đã lựa-chọn mục-tiêu xã-hội chủ-nghĩa từ 60 năm nay, con đường đó đúng, dù tình-hình thế-giới thay-đổi thế nào, VN vẫn kiên-trì tiếp-tục đi theo con đường đã chọn".

Trả lời về những cải-cách chính-trị, cụ-thể là chế-độ đa đảng, Đỗ Mười xác-nhận: "VN không có chế-độ đa đảng, vì đảng CSVN đã được nhân-dân VN công-nhận là đảng duy-nhất lãnh-đạo sự-nghiệp giải-phóng dân-tộc, xây-dựng chủ-nghĩa xã-hội và tiến-hành công-cuộc đổi mới hiện nay."

CSVN VẪN TIẾP-TỤC GIAM CẦM VĂN NGHỆ SĨ

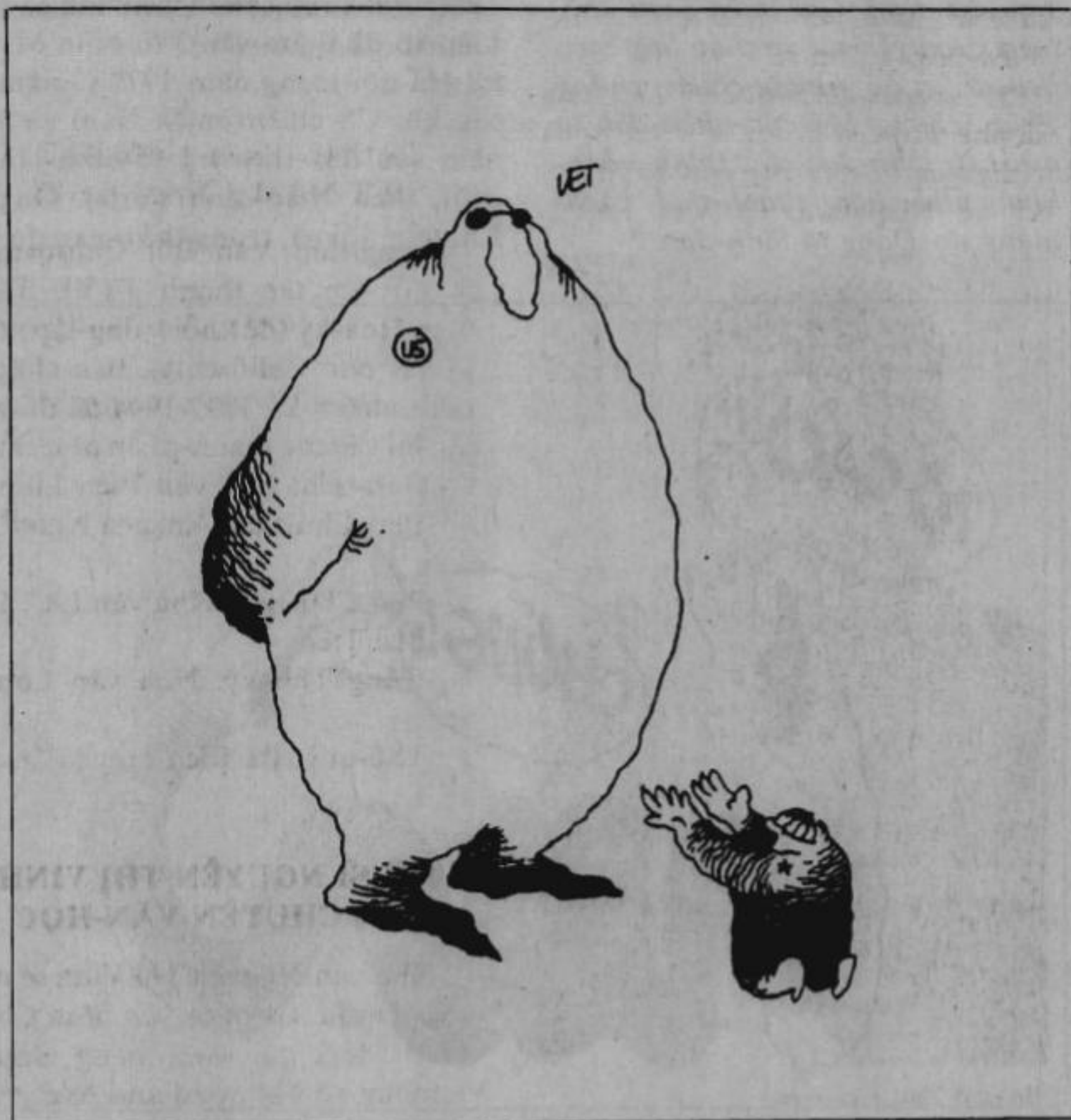
Theo danh-sách của Văn Bút quốc-tế, CSVN vẫn tiếp-tục giam-

giữ các nhà văn, nhà thơ và biên-khảo-gia Tâm Can (Nguyễn Hữu Tín), Trí Siêu (Lê Mạnh Thát), Đức Nhuận (Đồng Văn Kha), Thái Thủy (Phạm Thái Thủy), Như Phong (Lê Văn Tiến), Hồ Nam, Tuệ Sỹ (Phạm Văn Thương), Thảo Trường (Trần Duy Hình), Tô Thùy Yên (Đinh Thành Tiên), Vương Đức Lệ (Lê Đức Vương), Mai Trung Tĩnh (Nguyễn Thiện Hùng) và Nguyễn Châu (Nguyễn Đan Quế).

DU-LỊCH VIỆT-NAM: CHẾT VÌ CƯỚP CẠN

Ngày 28.12 vừa qua, bà Lê Thị Hoàng Yến, 26 tuổi ngụ tại Los Angeles, Hoa-kỳ bị té xuống đường vỡ sọ chết trong lúc giằng co với một tên cướp nhảy đại lên chiếc xích-lô máy của bà để lột nữ-trang.

Được tin dữ, ông Lê Văn Trị, chồng bà Yến đã xin chiếu-khán khẩn-cấp sang Sài-gòn nhưng cho tới nay vẫn chưa có kết-quả.





Trong Làng

HỌC GIẢ THÁI VĂN KIỂM THUYẾT-TRÌNH TẠI PHÁP

Hôm 20.12 vừa qua, học-giả Thái Văn Kiểm, cây bút biên-khảo quen-thuộc với độc giả *Làng Văn*, đã thuyết-trình trước các vị hàn-lâm của nước Pháp, tại viện Hàn-lâm Khoa-học Hải-ngoại, quận 16, Paris, với đề-tài *Pierre Loti et ses aventures en Extrême-Orient* (*Pierre Loti và cuộc phiêu-lưu Viễn-đông*). Pierre Loti sinh năm 1850, sĩ-quan Hải-quân Pháp, vừa là nhà văn vừa là họa-sĩ, nhạc-sĩ đã từng qua lại và viết nhiều sách du-ký về Nhật-bản, Cao-ly, Trung-



Học-giả Thái Văn Kiểm

hoa, Việt-nam và Cao-miên. Ông được bầu vào viện Hàn-lâm Pháp năm 41 tuổi.

Nhân buổi thuyết-trình, viện Hàn-lâm nước Pháp đã trao huy-chương Hàn-lâm-viện cho học-giả Thái Văn Kiểm và nhận ông làm hội-viên chính-thức của Viện.

Học-giả Thái Văn Kiểm, tiến-sĩ Văn-chương Pháp, năm nay vừa đúng 70 tuổi, quê ở làng Bao-la, Quảng-diên, Thừa-thiên. Trước năm 1975, ông từng làm tỉnh-trưởng Khánh-hòa và Ninh-thuận, giám-đốc đài phát-thanh Sài-gòn, chủ-bút *Văn-hóa nguyệt-san*, tác-giả nhiều sách biên-khảo về văn-hóa Việt-nam. Tại hải-ngoại, ông được Pháp trao bằng Tiến-sĩ Đông-phương học năm 1981, tiến sĩ Văn-chương năm 1990 và bầu vào viện Hàn-lâm Khoa-học Hải-ngoại.

Buổi thuyết-trình của học-giả Thái Văn Kiểm còn có nhạc-sĩ Quỳnh Hạnh trình diễn ca-nhạc dân-tộc Việt-nam bằng đàn tranh, đàn bầu và ca Huế, được khán-giả tán thưởng nhiệt-liệt.

TRUNG-TÂM VĂN BÚT VIỆT NAM / NAM CALI

Trung-tâm Văn Bút California đã đổi tên thành TTVB Tây Nam Hoa-kỳ (để khỏi trùng-lập với TTVB Bắc California), ban chấp-hành nhiệm kỳ 1992-1994 đã được bầu lại với các thành-phần như sau:

- Chủ-tịch: Nhà văn Viên Linh
- Phó Chủ-tịch: Nhạc-sĩ Nguyễn Hiền
- Phó Chủ-tịch: Nhà văn Lê Văn Vũ Bắc Tiến
- Tổng Thư-ký: Nhà văn Long Ân
- Thủ-quỹ: Bà Bích Huyền.

NỮ-SĨ NGUYỄN THỊ VINH NÓI CHUYỆN VĂN-HỌC

Nhà văn Nguyễn Thị Vinh sẽ nói chuyện tại Toronto vào hôm Chủ-nhật, 16.2 tại Nhà hàng South Vietnam, số 444 Spadiana Ave., từ

1 giờ tới 3 giờ trưa, mở cửa cho tất cả các văn-ngệ-sĩ, thân-hữu, độc-giả và đồng-bào yêu-chuộng văn-ngệ, chú-trọng các sinh-hoạt văn-hóa, văn-học Việt-nam.

Buổi sinh-hoạt do Trung-Tâm Văn Bút Việt-Nam / Ontario tổ-chức, gồm câu chuyện văn-chương với nhà văn Nguyễn Thị Vinh, giới-thiệu thơ *Hoa sen* của Nguyễn Hữu Nhật và văn-ngệ bỏ túi.

Nhà văn Nguyễn Thị Vinh năm nay 68 tuổi, người Hà-đông, là người nối-tiếp văn-nghệ của Tự-lực văn-đoàn. Bà có tác-phẩm in từ đầu thập-niên 50, như *Hai chị em*, *Thương-yêu* và hàng chục tác-phẩm khác sau này.

Tại hải-ngoại, Nguyễn Thị Vinh cộng-tác với các báo *Làng Văn*, *Văn-ngệ tiền-phong*, *Tiểu-thuyết nguyệt-san*; góp mặt trong tuyển tập *Trăng đất khách* (18 cây bút nữ-giới hải-ngoại, Làng Văn xuất-bản).

Về Văn Bút Việt-Nam / Ontario, trung-tâm này vẫn mở các buổi sinh-hoạt thường-xuyên tại Nhà hàng South Vietnam, một cơ-sở rộng-rãi, thanh-lịch của cựu dân-biểu Nguyễn Văn Tiết, nơi đã được cho mượn làm hội-trường sinh-hoạt cho các sinh-hoạt văn-học, chính-trị, hội-thảo của cộng-đồng.

VĂN-CHƯƠNG VIỆT-NAM ĐƯỢC TRÍCH-DẪN TRONG SÁCH GIÁO-KHOA MỸ

Một phần tác-phẩm của nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn trong cuốn *The Will of Heaven* đã được chọn trích-dẫn trong cuốn *Visions, Across the Americas* (*Short Essays for Composition*), công-trình chung của J. Sterling Warner, Judith Hilliard và Vincent Piro, đều là giáo-sư văn-chương của Đại-học Hoa-kỳ.

Đoạn văn được trích-dẫn mô-tả quang-cảnh hỗn-độn của Sài-gòn và sự cuống-quýt lo-âu của người dân miền Nam lúc cộng-sản Bắc Việt sắp tiến quân vào thành-phố.

Ngòai Ngõ



HỘI-ĐỒNG VIỆT-NAM RA MẮT TẠI ÚC

Sau khi thành-lập xong Hội-đồng Việt-nam cho một nước Việt-nam tự-do tại Hoa-kỳ, Gia-nã-đại và Âu-châu, GS Lê Phước Sang đã chủ-tọa lễ ra mắt Hội-đồng VN cho VNTD tại Úc-đại-lợi hôm 1.1 vừa qua.

Hội-đồng VNTD tại Úc qui-tụ nhiều nhân-vật uy-tín trong cộng-đồng, do Dược-sĩ Đoàn Thế Khiêm làm chủ-tịch. Hội-đồng cũng đang xúc-tiến thành-lập Hội-đồng Úc-đại-lợi cho một nước VNTD, với 7 dân-biểu nghị-sĩ Úc đầu-tiên đã ghi danh tham-gia.

Ngoài ra, Hội-đồng đang thành-lập Liên-đoàn Cử-tri người Úc gốc VN và Á-châu để hoạt-động trong chính-trường Úc, yểm-trợ Việt-nam tự-do.

TỔNG HỘI CỰU QUÂN NHÂN VNCH TẠI ÚC-ĐẠI-LỢI

Tổng hội Cựu Quân-nhân Quân-lực VNCH tại Úc, với 6 hội thành-viên tại lãnh-thổ liên-bang (thủ-đô Caberra) 5 tiểu-bang toàn quốc: Victoria, New South Wales, Queensland, South Australia và West Australia đã bầu xong ban chấp-hành nhiệm-kỳ 92—94, với liên-danh Phạm Quang Ngọc (chủ-tịch) và Nguyễn Minh Triền (tổng thư-ký) đắc-cử với 24/24 phiếu đại-biểu.

Ông Phạm Quang Ngọc, 50 tuổi, cựu thiếu-tá, quê Phú-nhi, Sơn-tây, còn là một nhà văn, nhà thơ, nhạc-sĩ với nhiều tác-phẩm đã xuất-bản. Ông là Trưởng đoàn Hưng ca Việt-nam tại Sydney và Đại-diện *Làng Văn* tại Úc-châu.

TÂM THƯ SỐ 2 CỦA ĐT VÕ ĐẠI TÔN

Từ Úc, đại-tá Võ Đại Tôn đã gửi tâm thư số 2 cho đồn-bào:

- Kháng-định lập-trường chính-trị tranh-đấu cho tự-do và giải-phóng dân-tộc

- Nguyên cùng đồng bào liên tục chiến-đấu giải-phóng đất nước.

- Nguyên hòa mình vào cuộc chiến-đấu chung cùng các tổ-chức tranh-đấu, chính-trị và văn-hóa trong mục-tiêu tranh-thủ tự-do, dân-chủ và quyền sống con người.

Đại-tá Võ Đại Tôn Đồng-thời kêu-gọi đảng CSVN hãy chấp-nhận sự thật, từ bỏ tham-vọng quyền-lực độc-tôn để đồng-bào sớm hạnh-phúc ấm-no.

Ông chủ-trương không trả thù đối với các cấp CSVN đã trao trả chủ-quyền cho toàn dân.

Mặt khác, đại-tá Võ Đại Tôn không chấp-nhận tổng tuyển-cử do CSVN tổ-chức, dù dưới danh-nghĩa tự-do nhưng không có sự kiểm-soát nghiêm-chỉnh và hữu-hiệu của Liên-hiệp-quốc.

NGƯỜI VIỆT-NAM TỊ-NẠN TẠI PHÁP

Trong khi vấn-đề di-dân đang là đề-tài nóng hổi trong các cuộc tranh-luận chính-trị tại Pháp, tuần-báo *Le Point* hôm 14.12 vừa qua đã đưa ra nhiều nhận-định tốt-đẹp về cộng-đồng Việt-nam.

Theo báo *Le Point*, hiện có khoảng 250.000 người Việt sống trên đất Pháp (hơn 4/1000 dân-số), là những người có nền tảng gia-đình theo truyền-thống dân-tộc và giáo-lý Khổng Mạnh. Tờ báo nhận-xét, người Việt-nam biết hi-sinh cho con cái, biết thương yêu anh em, biết đùm bọc đồng bào, lòng hiếu-học, hiếu-thảo, đức kính

trên nhường dưới được hun-đúc từ thuở nhỏ. Người VN không hay đua-đòi, không tập-trung tại các khu đông-đúc ở quận 13, 19 Paris, mà sống rải-rác tại các thị-trấn phía đông Paris như Nogent sur Marne, Noisiel, Torcy, quanh thành-phố Lyon, Marseille, Bordeaux, v.v. Người Việt ít kêu ca, phản-đối ồn-ào, biểu-tình đòi quyền-lợi này nọ.

Theo báo *Le Point*, bí-quyết dẫn đến thành-công của người Việt là nền tảng gia-đình. Nền tảng gia-đình vững-mạnh, con cái hội-nhập đi lên; nền tảng gia-đình lỏng-lẻo, việc hội-nhập rẽ sang những bước sa-đọa.

HỘI XUÂN MISSISSAUGA

Cộng đồng Việt nam Mississauga tổ-chức hội Xuân Nhâm Thân vào lúc 5 giờ chiều ngày 1.2.1992 tại thính-đường trường Trung-học Glenforest, số 3575 Fieldgate Dr., Mississauga.

Chương-trình gồm các gian hàng chợ Tết, trò vui, văn-nghệ mừng Xuân, bắt thăm trao quà cho áo dài Việt-nam cho quý bà quý cô và các em nhỏ mặc áo dài. Vé vào cửa: người lớn 3\$, trẻ em 2\$.

HỘI XUÂN TORONTO

Hội Xuân Nhâm Thân 1992 năm nay do các hội-đoàn người Việt quốc-gia chung sức với hội Người Việt Toronto tổ-chức, trong sự phối-hợp của Hội-Đoàn Đại-Diện Người Việt Quốc-Gia vùng Toronto và Phụ-Cận.

Hội Xuân kéo dài từ 11 giờ sáng tới 7 giờ tối, tổ-chức tại chợ St. Laurent, số 92 Front. St. East, Toronto. Chương-trình gồm có văn-nghệ, triển-lãm, trò vui và thưởng-thức các món ăn dân-tộc. Vào cửa, người lớn: 3\$, trẻ em 2\$.

HỘI TẾT TẠI KNOXVILLE, HOA-KỲ

Hội Người Việt và Bạn tại Knoxville, tiểu-bang Tennessee, Hoa-kỳ tổ-chức Tết vào lúc 5 giờ chiều Thứ Bảy, 1.2 tại hội-trường Nhà thờ Broadway Baptist.

DANH-SÁCH 32 SĨ-QUAN QUÂN-LỰC VNCH BỊ BÁC QUYỀN TỊ-NẠN

Tòa-soạn *Làng Văn* vừa nhận được bản danh-sách cập-nhật 32 sĩ-quan quân-lực Việt-nam Cộng-hoà bị Liên-hiệp-quốc và chính-phủ Phi-luật-tân tước quyền tị-nạn qua các cuộc thanh-lọc bất công, gồm:

- Trung-tá Phạm Nha (PS#2033), Thiếu-tá Huỳnh Văn Giai (PS#1459), Đại-úy Đào Minh Hoa (PS#0494), Đại-úy Lê Ngọc Đình (PS#0307), Đại-úy Phạm Đình Chân (PS#2077), Đại-úy Trần Như Ban (PS#1703), Đại-úy Lý Văn Sự (PS#0352, bị bác lần thứ hai), Trung-úy Phan Bá Quý, (PS#1691), Trung-úy Ngô Liệp (PS#1571), Trung-úy Hồ Tấn Hưng (PS#2928), Trung-úy Phan Cự Linh (PS#2339), Trung-úy Nguyễn Văn Lâm (PS#2218), Trung-úy Nguyễn Văn Tường (PS#0842), Trung-úy Lê Hữu Duyệt (PS#2268), Trung-úy Nguyễn Đình Phùng ((PS#3001), Trung-úy Nguyễn Văn Kho (PS#3077), Trung-úy Cảnh-sát Quốc-gia Trần Cầu (PS#2873), Thiếu-úy Dương Như Hà (PS#1609), Thiếu-úy Đỗ Văn Quá (PS#1606), Thiếu-úy Nguyễn Sanh (PS#1656), Thiếu-úy Lương Ngô (PS#1308), Thiếu-úy Nguyễn Phú (PS#28651, Chuẩn-úy Nguyễn Ngọc Định (PS#1653), Chuẩn-úy Nguyễn Đăng Quang (PS#1238), Chuẩn-úy Tô Tấn Tài (PS#0274, bị bác lần thứ hai), Chuẩn-úy Cao Kha (PS#1343), Chuẩn-úy Lê Thúc Yên (PS#1856), Chuẩn-úy Nguyễn Văn Tâm (PS#3493), Chuẩn-úy Đào Tấn Diêu (PS#2925), Chuẩn-úy Phạm Văn Thanh (PS#2485), Chuẩn-úy Nguyễn Tú (PS#2759).

Tổng cộng 32 sĩ-quan, gồm 1 trung-tá, 1 thiếu-tá, 6 đại-úy, 9 trung-úy, 5 thiếu-úy và 9 chuẩn-úy, đã ký chung một bức thỉnh nguyện thư, gửi các giới chức thẩm-quyền và xin các tổ-chức ở hải-ngoại tích-cực giúp-đỡ cứu họ thoát khỏi nguy-cơ bị giải giao cho CSVN.

tin tị nạn

Trong cơn hung-hiểm, các anh em cựu sĩ-quan nói trên trông-đợi từng giờ mọi hình-thức vận-động, can-thiệp của đồng đội cũ và đồng-bào khắp nơi.

Địa-chỉ chung: tên họ, số PS# và Philippines First Asylum Camp, Princessa P.F.A.C., Palawan, Philippines.

324 THUYỀN-NHÂN VN BỊ GIAM VỀ TỘI HÌNH

Tính cho tới cuối năm 1991, có tất cả 324 thuyền-nhân Việt-nam bị chính-quyền Hương-cảng tổng giam về tội hình: giết người, cướp của, hiếp dâm và đả thương bằng vũ-khí trong các trại tị-nạn.

Chính-phủ Hương-cảng tuyên-bố sẽ trục-xuất về Việt-nam những người nào bị tòa kêu án từ 6 tháng tù trở lên. Quyết-định này phù-hợp với nguyện-vọng của thuyền-nhân Việt-nam.

ĐỒNG-BẢO TỊ-NẠN TẠI PHI-LUẬT-TÂN BIỂU-TÌNH

Đồng-bào tị-nạn Việt-nam tại trại Palawan, Phi-luật-tân đã biểu-



tình trước Văn-phòng Cao-ủy Liên-hiệp-quốc đặt trong nội-vi trại, chống quyết-định cưỡng-bách hồi hương người tị-nạn.

Đây là lần đầu-tiên đồng-bào tại Palawan bày-tỏ thái-độ để đòi hỏi quyền làm người căn-bản của mình.

Cuộc biểu-tình xảy ra ngày 29.11.91, với khoảng 2000 người tham-gia.

ĐỊNH-CU

Tính số cuối năm, trong 30 tháng, Anh-quốc đã nhận định-cư 900 thuyền-nhân, chưa tới phân nửa con số họ hứa nhận trong một năm.

Hoa-kỳ nhận đủ số 3.300 người đã hứa cho năm 1990, và 650 người cho năm 1991.

Úc-đại-lợi nhận đủ 750 người.

Gia-nã-đại đã nhận quá con số 4.000 đã hứa.



Đồng-bào tị-nạn tại Palawan biểu-tình trước văn-phòng Cao-ủy LHQ.

LẠNH!

Thời-tiết Hương-cảng đã trở lạnh vào đầu năm dương-lịch khiến đồng-bào tại các trại hết sức khổ-đốn. Vào ban đêm, trời lạnh tới 5°C, trong khi nhà cửa tại các trại trống trải, hoàn-toàn không có sưởi, và quần-áo của thuyền-nhân rất mỏng-manh.

Có đêm hàn-độ tại Tai Mo Shan xuống tới - 3°C.

HỒI-HƯƠNG

Tính cho tới cuối năm 1991, số thuyền-nhân đã hồi-hương lên tới 14.000 người, trong đó có 3.792 người (trong số 24.330 người) bị từ-chối tình-trạng tị-nạn.

Hiện nay tại Hương-cảng có 60.000 thuyền-nhân, trong đó có 4.400 người được công-nhận tình-trạng tị-nạn.

Chương-trình gửi báo cho đồng-bào tị-nạn độc

Trong thời-gian gần đây, hầu hết các quốc-gia có người tị-nạn Việt-nam tạm dung đều từ-chối chuyển gói vào các trại. Tòa-soạn phải gửi báo từng phong-bì riêng, đề tên từng người nên cước-phí rất nặng, không đủ sức cung-ứng cho nhu-cầu đọc của hàng trăm ngàn đồng-bào. Chương-trình *Gửi báo cho đồng-bào tị-nạn độc* được thực-hiện vào mỗi dịp đầu năm, nhằm giúp điều-hòa việc gửi báo sang các trại. Kính mong quý tổ-chức Việt-nam, người làng và độc-giả ấm-áp hưởng-ứng, bằng cách quyên góp tiền cước gửi báo.

Mỗi đơn-vị tem thư 15 mỹ-kim (hoặc 12 gia-kim), đủ trang trải tiền cước gửi một năm (12 kỳ) báo đường thủy cho một địa-chỉ tị-nạn.

Nếu quý vị muốn tặng danh cho một hay nhiều thân-nhân, bằng-hữu bên trại, xin gửi 15 mỹ-kim kèm địa-chỉ người nhận về tòa-soạn. Tòa-soạn sẽ lo chu-tất phần tặng báo và gửi báo; trên nhãn địa-chỉ người nhận sẽ ghi rõ tên người tặng báo.

Nếu quý vị không có thân-nhân nào bên trại, tòa-soạn sẽ chọn gửi, ưu-tiên cho các thư-viện, tổ-chức tôn-giáo, hội-đoàn, lớp học và các cá-nhân hoạt-động xã-hội tại các trại; tên ân-nhân tặng tiền tem gửi báo sẽ in trên nhãn địa-chỉ người nhận, và trong cột này mỗi kỳ báo cho đến cuối năm.

Chi-phiếu xin đề: Làng Văn (donation/tem tị-nạn), gửi về tòa-soạn theo địa-chỉ ở trang 1.



Em bé tị-nạn Việt-nam tại Hương-cảng ngo-ngác đi giữa hàng rào người trong lần bị dẫn độ về giao cho CSVN

Phê-Bình Bản Dự-Thảo Sửa Đổi Hiến-Pháp của Cộng-Sản Việt-Nam

Nguyễn Hữu Nghĩa

Sau 30 năm cai-trị Bắc Việt 47 năm khổng-chế cả hai miền, CSVN đã nhiều lần phải đương-đầu với những biến-cố chính-trị có khả-năng làm sụp-đổ chế-độ. Mỗi lần như vậy, Hà-nội lại sửa-đổi hiến-pháp để linh-động ứng-biến với tình-thế mới, không phải để cho dân bớt khổ, mà chỉ cốt để giải-tỏa bớt áp-lực âm-ĩ từ phía quần-chúng, tránh một cuộc nổi dậy toàn diện.

Kể từ khi ban-hành Hiến-pháp năm 1946, cho tới nay, CSVN đã phải sửa-đổi hai lần, và bây giờ là lần thứ ba.

Lần sửa-đổi thứ nhất xảy ra năm 1959, sau khi phong-trào cải-cách ruộng-đất đã bức tử ít nhất 50.000 dân lành khiến cả miền Bắc sôi-sục vùng lên. Hồ Chí Minh đã qui-trách cho Trường Chinh, cách chức y, rồi rơm-rớm nước mắt đọc diễn-văn xin lỗi quốc-dân và ra lệnh sửa-đổi hiến-pháp để xoa dịu tình-hình.

Tấn kịch thợ săn khóc thỏ thành-công. Ngôi vị của Hồ được củng-cố vững-vàng cho tới ngày y trở về với cát-bụi, những người thừa-kế tiếp-tục con đường của y xâm-chiếm nốt miền Nam, đưa nửa nước còn lại xuống đáy địa-ngục.

Hiến-pháp 1959 đưa ra lời xoa-dịu giới nông-dân, coi như chính

nông-dân đã nắm phần chủ-động vụ cướp đất đầm máu trước đó: *"nhân-dân ta đã tiến-hành giảm tô và cải-cách ruộng đất nhằm đánh đổ giai-cấp địa-chủ, đem lại ruộng-đất cho dân cày"*(1). Bên cạnh đó, Hồ còn cho nói rộng dân-chủ, cho bổ-sung nhiều điều tốt-đẹp thuộc phạm-vi dân-sinh, dân-quyền.

Sau khi nắm lại được tình-hình, lượng giá các phong-trào vùng dậy đã lắng xuống, việc áp-dụng những điều hứa-hẹn trong Hiến-pháp trở nên không cần thiết nữa. Mớ chữ nghĩa khô khan vẫn nằm yên trên mặt giấy. Tự do dân chủ chỉ là những chiếc bánh vẽ.

Trong khi điều 25 của bản Hiến-pháp 1959 viết rằng *"công-dân nước VNDCCH có các quyền tự-do ngôn-luận, báo-chí, hội-hợp, lập hội và biểu-tình; Nhà nước bảo-đảm những điều-kiện vật-chất cần-thiết để công-dân được hưởng các quyền đó"* thì các nhà văn nhà thơ cộng-tác với các tờ *Nhân-văn* và *Giai-phẩm* vẫn bị cầm tù, quản-chế, tước bút cho mãi đến gần 30 năm sau, khi Nhà nước đưa ra chiêu-bài "đổi mới", họ mới được nhắc tới một cách nhạt-nhẽo cho phải đạo, bên cạnh những tên tuổi cán-bộ văn-ngệ mồm non đang lên, một loại "thép đã tôi" của chế-độ, với

những bài viết với nội-dung "phản-kháng" tương-tự, được bộ máy tuyên-truyền của Nhà nước đánh bóng sáng chói.

Trong khi điều 26 Hiến-pháp 1959 ghi rằng *"công-dân nước Việt-nam Dân-chủ Cộng-hòa có quyền tự-do tín-ngưỡng"* thì phần lớn chùa chiền, tu-viện bị phá bỏ hay sửa làm "cung thiếu-nhi", và thậm-chí, chuồng nhốt trâu bò...

Lần sửa-đổi thứ hai xảy ra năm 1980, sau khi CSVN đánh chiếm Cao-miên nên bị Trung Cộng mang quân đe-doạ ở biên-giới miền Bắc. Lúc ấy tình-hình chính-trị nội-bộ Hà-nội trở nên khẩn-trương tột độ. Phe cánh, gián-điệp Trung Cộng tại Việt-nam còn mạnh, cuộc nội-chiến giữa hai phe cùng một đảng có thể bùng nổ bất cứ lúc nào. Trước tình-thế nguy-hiểm đó, phe thân Nga đã thanh-trừng hàng loạt phe thân Tàu và cho sửa-đổi hiến-pháp để vừa vuốt-ve vừa trấn-áp dân-chúng. Bên cạnh những lời kể công và đe-doạ, hàng loạt mỹ-từ lại được nhắc tới, ca-tụng, trầm-trở khen-ngợi và đưa thêm vào hiến-pháp, nhưng không bao giờ được áp-dụng.

Bản hiến-pháp sửa-đổi năm 1980 kể công Đảng đã đánh Pháp, đuổi Nhật, diệt Mỹ, *"thực-hiện thống-nhất tổ-quốc"* và lên án *"bọn bá-quyền Trung-quốc và bè lũ tay sai của chúng ở Cam-pu-chia"* (2)

Để an-ủi, lần đầu-tiên vấn-đề dân-quyền được nhắc tới, nhưng tất cả các quyền công-dân bị cột chặt vào nghĩa-vụ công-dân: *"quyền công-dân không tách-rời khỏi nghĩa-vụ công-dân."* (3) và CSVN nhấn mạnh: *"nghĩa-vụ"* đó phải *"nhất-trí với lợi-ích của Nhà nước."*

Mặt khác, trong khi điều 69 bản Hiến-pháp 1980 qui-định rằng *"không ai có thể bị bắt, nếu không có quyết-định của Tòa án nhân-dân"* nhưng thực-tế, hàng trăm ngàn người dân miền Nam đã vào tù mà không hề được xét-xử. Nhiều người vẫn tiếp-tục bị giam-cầm cho đến nay, 12 năm sau, khi bản Hiến-

pháp cũ lại được mang ra sửa-đổi một lần nữa, với những lời hứa-hẹn có phần rôm-rả hơn trước.

Năm 1992, đứng trước phong-trào quần-chúng rục-rịch nổi dậy đòi tự-do dân-chủ, dân-sinh và dân-quyền trong nước, do ảnh-hưởng sự thành công rực rỡ của trào-lưu dân-chủ tại các nước xã-hội chủ-nghĩa; để cứu vãn tình-trạng kinh-tế kiệt quệ hoàn-toàn, và để duy-trì quyền lãnh-đạo độc-tôn của đảng Cộng-sản, CSVN đã đưa ra bản dự-thảo sửa-đổi hiến-pháp lần thứ ba. Bản sửa-đổi này sẽ giao cho Quốc-hội khóa VIII lưu-nhiệm thông-quá trong mùa xuân năm nay 1992.

NHỮNG ĐIỂM SỬA-ĐỔI

Việt-nam đã đưa ra bản dự-thảo sửa-đổi hiến-pháp 1980, với những điểm đề-nghị tu-chính đáng chú ý kể sau:

Điều 4 quan-trọng nhất, xác-định căn-bản cấu-trúc của toàn bộ cơ-cấu quốc-gia, là linh-hồn của bản Hiến-pháp, xác-định vị thế độc-tôn lãnh-đạo của đảng CSVN, về nội-dung không thay-đổi.

Trong "lời nói đầu" bỏ câu "*đi con đường cách-mạng tháng 10 Nga*", thay bằng câu bằng "*làm cách-mạng Tháng Tám*".

Bỏ câu "*nhân-dân ta đã lần-lượt chiến-thắng bọn đế-quốc Nhật, Pháp, Mỹ và bè-lũ tay sai của chúng*."

Bỏ đoạn "*Năm 1945, sau khi quân-đội Liên-xô đánh thắng chủ-nghĩa phát-xít...*"

Bỏ tất cả các đoạn lên án "thực-dân Pháp", "đế-quốc Mỹ" và "bọn bá quyền Trung-quốc".

Đặt thêm câu "*tư-tưởng Hồ Chí Minh*" vào các đoạn ca-tụng chủ-nghĩa Marx Lenine: "*Dưới ánh sáng của chủ-nghĩa Mác-Lê-nin và tư-tưởng Hồ Chí Minh, theo Cương-linh xây dựng đất nước trong thời-kỳ quá độ lên chủ-nghĩa xã-hội, nhân-dân ta quyết-tâm thực-hiện Di-chức của Chủ-tịch Hồ Chí Minh...*"

Ngoài ra, trong 147 điều trong bản Hiến-pháp, có 14 điều giữ nguyên không sửa đổi là điều 55 (mọi công-dân bình-đẳng trước pháp-luật), điều 74 (sửa số thành 76: công-dân phải trung-thành với tổ-quốc), điều 75 (sửa số thành 77: bảo-vệ Tổ-quốc xã-hội chủ-nghĩa là quyền cao-quý của công-dân), điều 81 (cho phép người nước ngoài tị-nạn chính-trị tại VN), điều 88 (ban thẩm-tra tư-cách đại-biểu Quốc-hội), điều 131 (Thẩm-phán và Hội-thẩm nhân-dân), điều 134 (người thiếu-số được nói tiếng và dùng chữ của họ trước tòa), điều 136 (Tòa-án nhân-dân tối-cao), điều 142 (quốc-kỳ), điều 143 (quốc-huy), điều 145 (thủ-đô là Hà-nội), 146 (hiệu-lực của Hiến-pháp) và 147 (việc sửa-đổi Hiến-pháp).

Bỏ hẳn 11 điều, trong đó có 9 điều ở chương Chế-độ Kinh-tế và 2 điều ở chương Văn-hóa, Giáo-dục, Khoa-học, Công-nghệ.

Những điều bị bỏ trong chương Chế-độ Kinh-tế là: điều 15 (xác-định CSVN theo đường lối kinh-tế tiến thẳng lên chủ-nghĩa xã-hội, bỏ qua giai-đoạn phát-triển tư-bản chủ-nghĩa), điều 16 (đặt trọng-tâm vào việc công-nghiệp-hóa xã-hội), điều 17 (Nhà nước quy-định chế-độ quản-lý kinh-tế), điều 18 (cải-tạo các thành-phần kinh-tế phi xã-hội chủ-nghĩa), điều 22 (các cơ-sở kinh-tế quốc-doanh hoạt-động theo phương-hướng của Nhà nước), điều 23 (hợp-tác-xã), điều 25 (quốc-hữu-hóa kinh-tế địa-chủ phong-kiến và tư-sản mại-bản), điều 26 (cải-tạo kinh-tế tư-bản chủ-nghĩa), điều 27 (bảo-hộ quyền sở-hữu của công-dân), điều 29 (Nhà nước phân-bố lao-động), điều 31 (áp-dụng nguyên-tắc làm theo năng-lực, hưởng theo lao-động), điều 32 (kỷ-luật lao-động), điều 33 (huy-động tài-nguyên), điều 34 (áp-dụng nguyên-tắc tập-trung dân-chủ và kết-hợp quản-lý).

Những điều bị bỏ trong chương Văn-hóa Giáo-dục, Khoa-học, Công-nghệ là: điều 39 (Nhà nước quy-định chế-độ văn-hóa, giáo-

dục, khoa-học kỹ-thuật) và điều 42 (vận-dụng các hoạt-động và thành-tựu văn-hóa, giáo-dục, khoa-học kỹ-thuật).

Thêm vào 19 điều mới.

Những điều mới trong chương Chế-độ kinh-tế là: điều 15 (phát triển kinh-tế hàng-hóa nhiều thành-phần), điều 16 (phát-huy kinh-tế quốc-doanh, tập-thể, cá-thể, tư-bản tư-nhân và tư-bản Nhà nước), điều 19 (cơ-sở kinh-tế quốc-doanh được tự-chủ hoạt-động), điều 20 (cho lao-động tư-nhân được hùn vốn, chấp-nhận kinh-tế cá-thể, khuyến-khích kinh-tế gia-đình), điều 22 (Nhà nước bảo-hộ các doanh-nghiệp kinh-tế cá-thể liên-quan với cá-nhân và tổ-chức kinh-tế nước ngoài), điều 25 (khuyến-khích đầu-tư ngoại-quốc) và điều 26 (Nhà nước quản-lý kinh-tế quốc-dân).

Thêm 1 điều mới trong chương Bảo-vệ tổ-chức xã-hội chủ-nghĩa, là điều 45 (xây-dựng công-an nhân-dân chính-quy).

Các điều mới trong chương Quyền và nghĩa-vụ cơ-bản của công-dân, là: điều 48 (tôn-trọng quyền con người), điều 55 (quyền sở-hữu của công-dân), điều 69 (không ai bị kết tội khi chưa có bản án), điều 79 (kế-hoạch-hóa gia-đình) và điều 80 (bảo-hộ ngoại-kiều).

Những điều mới trong chương Hội-đồng Nhà nước và chủ-tịch Hội-đồng Nhà nước, là: điều 101 (trách-nhiệm chủ-tịch Hội-đồng Nhà nước), điều 102 (Quốc-hội bầu chủ-tịch Hội-đồng Nhà nước), điều 103 (qui-định nhiệm-vụ và quyền-hạn chủ-tịch Hội-đồng Nhà nước), 104 (Chủ-tịch Hội-đồng Nhà nước ban lệnh để thực-hiện nhiệm-vụ và quyền-hạn của mình), điều 105 (việc thay-thế chủ-tịch Hội-đồng Nhà nước).

Thêm điều 126 trong chương Hội-đồng Nhân-dân và ủy-ban hành-chính (Ủy ban Mặt trận tổ-quốc).

Thêm điều 141 trong chương Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát

nhân-dân (trách-nhiệm của viện-trưởng Viện kiểm-sát nhân-dân địa-phương).

Ngoài các điều hủy bỏ, các điều thêm vào, còn có 112 điều bị sửa-đổi, hầu hết chỉ là cách hành văn, dụng-ngữ và văn-phạm.

NHẬN-ĐỊNH VỀ NHỮNG SỰ THAY ĐỔI TRONG "LỜI NÓI ĐẦU"

Ba điểm đáng chú-ý trong sự thay-đổi ở lời mở đầu bản dự-thảo sửa-đổi Hiến-pháp, là:

- CSVN không còn hùng-hổ lên án "thực-dân Pháp, phát-xít Nhật, đế-quốc Mỹ và bọn bá-quyền Trung-quốc"; cũng không còn mạnh miệng ca-ngợi chủ-nghĩa anh-hùng cách-mạng Liên-sô như trước.

- CSVN không nhờ tới ánh-sáng soi đường của Cách-mạng tháng 10 Nga (đã tắt), mà tự soi lấy đường đi bằng hào-quang Cách-mạng tháng 8, ngày Việt Minh cướp chính-quyền.

- Đưa ra "tư-tướng Hồ Chí

Minh", gắn liền với chủ-nghĩa Marx-Lenine để chuẩn-bị thay-thế lý-thuyết này một khi nó hoàn-toàn phá-sản.

Lời nói đầu của bản Hiến-pháp Việt-nam dân-chủ cộng-hòa năm 1946 rất ngắn. Tất cả chỉ vồn-vẹn vài đoạn đề-cao 80 năm tranh-đấu chống thực-dân (thực ra là công-lao của toàn dân) và thành-tựu của Cách-mạng tháng 8 (CS cướp công chung).

Lời nói đầu của Hiến-pháp 1959 dài gấp bốn lần lời nói đầu bản Hiến-pháp 1946. Sau khi bắt tay với Pháp chia đôi lãnh-thổ Việt-nam, Hồ Chí Minh vẫn ôm-áp giấc mộng chiếm nốt miền Nam.

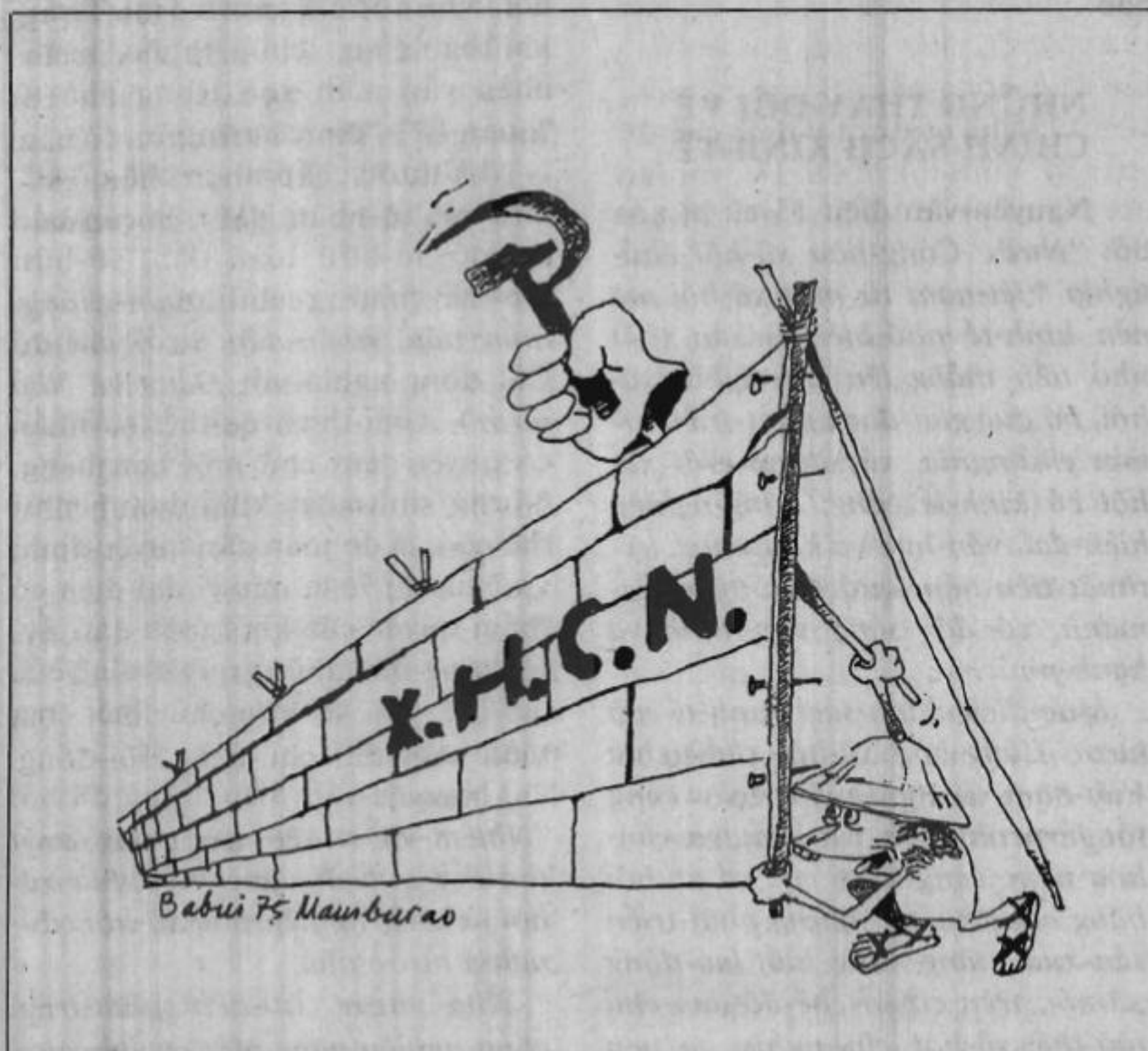
Dĩ-tâm đó lộ rõ ngay trong câu đầu-tiên trong lời nói đầu bản Hiến-pháp 1959: "Nước Việt-nam ta là một nước thống-nhất từ Lạng-son đến Cà-mau." Nền nhớ, đó là bản hiến-pháp của nước Việt-nam Dân-chủ Cộng-hòa, mà cương-giới của quốc-gia này được giới-hạn rõ-ràng là từ Lạng-son cho tới sông Bến hải. Dĩ-tâm thôn-tính miền

Nam lại được xác-định một lần nữa ở đoạn-kết của lời nói đầu: "Dưới sự lãnh-đạo sáng-suốt của Đảng Lao-động Việt-nam, Chính-phủ nước Việt-nam dân-chủ cộng-hòa và Chủ-tịch Hồ Chí Minh, toàn dân ta đoàn-kết rộng-rãi trong Mặt trận dân-tộc thống-nhất, nhất-định sẽ giành được thắng-lợi vẻ-vang trong sự-nghiệp xây-dựng xã-hội chủ-nghĩa ở miền Bắc và thực-hiện thống-nhất nước nhà."

Lời nói đầu của Hiến-pháp 1980 dài hơn cả, hùng-hăng hơn cả, khoe-khoang nhiều hơn cả. CSVN khoe thắng Pháp, thắng Nhật, thắng Mỹ, thắng Tàu, khoe là nước đầu-tiên xây-dựng nhà nước công nông tại Á-châu, giương cao lá cờ bách chiến bách thắng của đảng Cộng-sản Việt-nam (lúc này đã ra mặt, không còn núp dưới danh-nghĩa "đảng Lao-động" nữa). CSVN lập đi lập lại, nhấn mạnh rằng đạt được thành-quả to-lớn đó là nhờ "đi con đường của cách-mạng tháng 10 Nga", là do "vận-dụng chủ-nghĩa Mác-Lênin".

Điểm đáng chú-ý là suốt trong ba bản hiến-pháp 1946, 1959 và 1980, CSVN tuyệt-nhiên không hề đề-động tới "tư-tướng Hồ Chí Minh", ngay cả lúc Hồ còn sống (1946, 1959) hay đã chết (1980). Không phải đợi Hồ nằm phoi thây ở Ba-đinh hơn hai mươi năm sau rồi mấy triệu đảng-viên CSVN mới khám-phá rằng "Bác vô-vân kính-yêu" của họ... có tư-tướng. Cái gọi là "tư-tướng Hồ Chí Minh" chỉ vừa mới được nặn ra và ghép nối vào phía sau chủ-nghĩa Marx-Lenin trong lời nói đầu Hiến-pháp 1992, vào lúc mà mớ lý-thuyết tai-hại này bị coi như một thứ vi-khuẩn độc-khoét, khổng-chế làm hư-hại căn-não con người.

Cách-mạng tháng 10 Nga, chủ-nghĩa anh-hùng cách-mạng Liên-sô đã lui vào quá-khứ và bị chính người Nga chế-giễu, phỉ-nhổ. CSVN không phải là không biết điều đó; nhưng họ không còn có thứ gì khác để bám-víu, đành gượng-gạo mang Cách-mạng tháng



8 què-quặt của Việt-minh ra thay Cách-mạng tháng 10, và bịa ra "tư-tướng Hồ Chí Minh" để vá-vú vào chủ-nghĩa Marx-Lenine.

Tư-tướng Hồ Chí Minh là cái gì?

Hồ chết, để lại một bản di-chức đầu cua tai nheo nửa duy tâm nửa duy vật, lại có rất nhiều dị bản. Ngoài ra, chỉ lèo-tèo vài cuốn sách mỏng teo, kể cả những cuốn sách của người khác viết về Hồ, những cuốn gom-góp các bài nói chuyện, diễn-văn của Hồ, những tác-phẩm Hồ ăn cắp của người, nhận vợ là của mình (4) và sách do Hồ viết, ký tên người khác để tự ca-tụng mình (5), v.v. Càng đọc, càng thấy Hồ chỉ là một kẻ tiểu trí, cơ-xảo và cả đời "tư-duy", viết-lách ông ta không hề đưa ra một điều gì mới lạ cả; ngay như một vài câu danh ngôn cũng phải mượn ý, có khi ăn cắp nguyên-văn của người khác, (6) chưa kể thơ về tuyên-truyền hầu như bài nào cũng có một vài câu chép lại thơ của các nhà thơ nổi tiếng (7).

Như thế, cái mà CSVN gọi là "tư-tướng Hồ Chí Minh" chỉ là một sản-phẩm của sự dối-trá thô-bỉ. Trong cơn đăm-đuối giữa dòng, CSVN đã bám vào một thân gỗ mục thấm nước, gọi nó là "phao" để tự lừa-dối mình, lừa dối cả nhân-dân.

Lời nói đầu bản dự-thảo sửa-đổi Hiến-pháp 1992 cũng đã cắt-xén gọn-ghẽ, chỉ gồm 6 đoạn ngắn, ngưng đả-kích Pháp, Nhật, Mỹ, Trung-Cộng. CSVN cũng hé lộ cho thấy, việc sửa-đổi Hiến-pháp kỳ này là "để đáp-ứng yêu-cầu của giai-đoạn cách-mạng mới", đồng-thời "thực-hiện đường lối đối-ngoại hòa-bình, hữu-nghị, hợp-tác."

Đối với cộng-sản, họ chỉ hợp-tác, hữu-nghị khi lâm vào thế quá yếu, phải xuôi chiều để tồn-tại. "Khi cần thì cờ tam tài cũng treo", đó cũng là một câu danh-ngôn khác của Hồ Chí Minh trong thời chiến-tranh chống Pháp. Câu này, diễn rộng ra, là nếu cần phải bán nước cho Pháp, cho Nga, cho Tàu, cho Mỹ hay cho bất cứ nước nào, miễn

là giữ được quyền-lợi của Đảng, thì cứ bán.

Phải chăng đó là "tư-tướng Hồ Chí Minh"? Thực ra, cũng không phải! Đó là tư-tướng Lenine, Hồ Chí Minh chỉ là một môn-đệ trung-thành và biết "áp-dụng một cách có sáng-tạo." Trong tập 2 và 3, cuốn VI, Lenine nói rõ: "đối với kẻ thù, khi cần phải hợp-tác thì cứ hợp-tác" và "người cộng-sản không được tỏ ra ngại-ngùng trước chuyện phản-bội; kẻ nào chống lại sự phản-bội, hẳn ta đã theo quan-điểm tư-sản chứ không phải quan-điểm vô-sản."

Cho nên, áp-dụng chính-sách đối-ngoại hòa-bình, hữu-nghị và hợp-tác, đối với CSVN, không hề đi ngược đường lối chủ-nghĩa xã-hội và "tư-tướng Hồ Chí Minh." Đó chỉ là kẻ nín thở qua sông. Bọn-bè quốc-tế ai không tin, xin cứ kiên-nhẫn chờ xem lúc cộng-sản dùng đồng tiền của "bọn thực-dân, phát-xít, đế-quốc và bá quyền" để củng-cố chế-độ vững-mạnh trở lại xong, nghĩa là lúc đã "qua sông" họ sẽ quay lại "đắm b. vào sông" như thế nào.

NHỮNG THAY-ĐỔI VỀ CHÍNH-SÁCH KINH-TẾ

Nguyên-văn điều 15 cũ bị xóa bỏ: "Nước Cộng-hòa xã-hội chủ-nghĩa Việt-nam từ một xã-hội mà nền kinh-tế phổ-biến là sản-xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ-nghĩa xã-hội, bỏ qua giai-đoạn phát-triển tư-bản chủ-nghĩa, xây-dựng một xã-hội có kinh-tế công, nông-nghiệp hiện-đại, văn-hóa và khoa-học, kỹ-thuật tiên tiến, quốc-phòng vững-mạnh, có đời sống văn-minh và hạnh-phúc."

Mục-đích chính-sách kinh-tế của nước Cộng-hòa xã-hội chủ-nghĩa Việt-nam là thỏa-mãn ngày càng tốt hơn nhu-cầu vật-chất và văn-hóa ngày càng tăng của cả xã-hội bằng cách không ngừng phát-triển sản-xuất, tăng năng-suất lao-động xã-hội, trên cơ-sở chế-độ làm chủ tập-thể xã-hội chủ-nghĩa và nền

khoa-học, kỹ-thuật hiện-đại."

Bản sửa-đổi thay bằng điều 15 mới: "Nhà nước phát-triển nền kinh-tế hàng-hóa nhiều thành-phần theo cơ-chế thị-trường có sự quản-lý của Nhà nước, theo định-hướng xã-hội chủ-nghĩa. Cơ-cấu kinh-tế nhiều thành-phần tồn-tại lâu dài dựa trên chế-độ sở-hữu của toàn dân, sở-hữu tập-thể, sở-hữu tư-nhân, trong đó sở-hữu toàn dân và sở-hữu tập-thể làm nền tảng."

Điều dễ nhận thấy, là CSVN chấp-nhận giữ lại, thay vì bỏ qua, giai-đoạn phát-triển tư-bản chủ-nghĩa — hay giai-đoạn quá độ.

Nhà nước chấp-nhận "phát-triển nền kinh-tế hàng-hóa nhiều thành-phần", nhưng theo "cơ-chế thị-trường có sự quản-lý của Nhà nước, theo định-hướng của xã-hội chủ-nghĩa."

Nói cách khác, CSVN mở cùm tháo xích cho nền kinh-tế, và cho phép nó tự-do ruỗi chân tay, tự-do đi, đứng, nằm, ngồi trong... xà-lim.

Con bệnh kinh-tế đang dẫy chết, Cộng-sản buộc phải tạm tháo cùm, chữa thuốc. Bao giờ kinh-tế phục-hồi, Nhà nước sẽ cùm trở lại. Trong khi tháo cùm, chữa thuốc, bệnh-nhân vẫn nằm gọn trong nhà tù "quản-lý", "định hướng."

Nhà nước chấp-nhận chế-độ sở-hữu của tư-nhân, đặt trên căn-bản chế-độ sở-hữu toàn dân, sở-hữu tập-thể (những chữ *quần-chúng, toàn dân, nhân-dân* dưới chế-độ CS, đồng-nghĩa với Đảng và Nhà nước). Giải-thích cụ-thể: tư-nhân có quyền làm chủ một cửa hàng, nhưng sinh-hoạt kinh-doanh như thế nào, là do toàn dân quyết-định; và Nhà nước là người đại-diện có thẩm-quyền của khối toàn dân ấy, sẽ thông-báo những quyết-định của tập-thể để sở-hữu-chủ biết mà tuân-hành.

Nguyên-văn điều 16 cũ đã bỏ: "Nhiệm-vụ trung-tâm trong suốt thời-kỳ quá độ lên chủ-nghĩa xã-hội là công-nghiệp-hóa xã-hội chủ-nghĩa nước nhà."

Nhà nước ưu-tiên phát-triển công-nghiệp nặng một cách hợp-lý

trên cơ-sở phát-triển nông-nghiệp và công-nghiệp nhẹ, kết-hợp công-nghiệp với nông-nghiệp trong cả nước thành một cơ-cấu công, nông-nghiệp; vừa xây-dựng kinh-tế trung-ương, vừa phát-triển kinh-tế địa-phương, kết-hợp kinh-tế trung-ương với kinh-tế địa-phương trong một cơ-cấu kinh-tế quốc dân thống-nhất; kết-hợp phát-triển lực-lượng sản-xuất với thiết-lập và hoàn thiện quan-hệ sản-xuất xã-hội chủ-nghĩa; kết-hợp kinh-tế với quốc phòng; tăng-cường quan-hệ hợp-tác, tương-trợ với các nước anh em trong Cộng-đồng xã-hội chủ-nghĩa theo tinh-thần chủ-nghĩa quốc-tế xã-hội chủ-nghĩa, đồng-thời phát-triển quan-hệ kinh-tế với các nước khác trên cơ-sở tôn-trọng độc-lập, chủ-quyền của nhau, bình-đẳng và các bên cùng có lợi."

Điều 16 mới trong bản dự-thảo sửa-đổi: "Mục-đích chính-sách kinh-tế của Nhà nước là đáp-ứng ngày càng tốt hơn nhu-cầu vật-chất và tinh-thần của nhân-dân trên cơ-sở giải-phóng mọi năng-lực sản-xuất, phát-huy mọi tiềm-năng của các thành-phần kinh-tế quốc-doanh, kinh-tế tập-thể, kinh-tế cá-thể, kinh-tế tư-bản Nhà nước dưới nhiều hình-thức, thúc-đẩy xây-dựng cơ-sở vật-chất kỹ-thuật, mở rộng hợp-tác kinh-tế, khoa-học kỹ-thuật và giao-lưu với thị-trường thế-giới."

Những chữ then-chốt trong điều 16 cũ là "công-nghiệp-hóa" và "hoàn-thiện quan-hệ sản-xuất." Hai điều này trói buộc lẫn nhau. Muốn công-nghiệp-hóa, phải cởi bỏ mối "quan-hệ sản-xuất xã-hội chủ-nghĩa", nghĩa là giải-phóng (thay vì kết-hợp phát-triển) mọi năng-lực sản-xuất. Cởi bỏ "quan-hệ sản-xuất xã-hội chủ-nghĩa" cũng đồng-nghĩa với "mở cửa giao-thương với thế-giới."

Lý-thuyết thì như thế, còn việc thực-hành chắc-chắn gặp nhiều vướng-mắc vì CSVN vẫn muốn nắm vai-trò chủ đạo kinh-tế, thay vì trung-gian vận-hành. Không có

chuyện "giải-phóng" mà ôm cứng vai-trò chủ-đạo. Chủ-nhân và công-nhân, chỉ có thể là một người trong hình-thức kinh-doanh cá-thể, kinh-tế gia-đình. Phương-thức này không thể áp-dụng vào các công-ty, và hoàn-toàn vô-nghĩa đối với kinh-tế quốc-gia.

Nguyên-văn điều 17 cũ bị xóa bỏ: "Nhà nước quy-định chế-độ và thi-hành những biện-pháp cần-thiết bảo-đảm cho nhân-dân lao-động sử-dụng đầy-đủ quyền làm chủ tập-thể về tư-liệu sản-xuất và lực-lượng lao-động, về sản-xuất và phân-phối, về khoa-học kỹ-thuật, làm cho sự-nghiệp phát-triển kinh-tế thật sự là sự-nghiệp của toàn dân."

CSVN thay điều trên đây bằng điều 19 cũ, sửa-đổi vài chữ không quan-trọng. Nhà nước không đòi qui-định chế-độ và biện-pháp làm chủ tập-thể, mà để cho "toàn dân" quyết-định lấy. Tất cả tài-nguyên thiên-nguyên cũng thuộc tài-sản của "toàn dân". Như trên đã nói, căn-cứ vào điều 4 then-chốt, người lãnh-đạo toàn-dân, tức là Nhà nước và xã-hội, không ai khác ngoài đảng CSCN.

Nguyên-văn điều 18 cũ bị xóa bỏ: "Nhà nước tiến-hành cách-mạng về quan-hệ sản-xuất, hướng-dẫn, sử-dụng và cải-tạo các thành-phần kinh-tế phi xã-hội chủ-nghĩa, thiết-lập và củng-cố chế-độ sở-hữu xã-hội chủ-nghĩa về tư-liệu sản-xuất nhằm thực-hiện một nền kinh-tế quốc-dân chủ-yếu có hai thành-phần: thành-phần kinh-tế quốc-doanh thuộc sở-hữu toàn dân và thành-phần kinh-tế hợp-tác-xã thuộc sở-hữu tập-thể của nhân-dân lao-động."

Kinh-tế quốc-doanh giữ vai-trò chủ-đạo trong nền kinh-tế quốc dân và được phát-triển ưu-tiên."

Bỏ điều này, coi như CSVN xóa bỏ vai-trò chủ-đạo và ưu-quyền phát-triển của kinh-tế quốc-doanh. Tuy-nhiên, điều 18 mới (vốn là điều 20 cũ sửa-đổi) lại nói rằng "Nhà nước thống-nhất quản-lý đất-đai theo quy-hoạch và pháp-luật, bảo-

đảm sử-dụng đúng mục-đích và có hiệu-quả."

Nắm đất-đai là nắm tất cả, vì không có cơ-sở kinh-doanh nào có thể đặt lơ-lửng giữa trời, dù là dịch-vụ, thương-mại hay ngân-hàng, mà hễ đặt trên mặt đất là thuộc quyền quản-lý của Nhà nước. Nhà nước có quyền yêu-cầu đóng cửa, nếu xét thấy cơ-sở ấy hoạt-động không đúng "mục-đích" hoặc không có "hiệu-quả."

Nguyên-văn điều 22 bị xóa bỏ: "Các cơ-sở kinh-tế quốc-doanh hoạt-động theo phương-hướng, nhiệm-vụ của kế-hoạch Nhà nước; thực-hiện chế-độ hạch-toán kinh-tế, chế-độ thủ-trưởng và chế-độ trách-nhiệm cá-nhân; bảo-đảm việc công-nhân, viên chức tham-gia quản-lý; nâng cao chất lượng sản-phẩm, chất lượng phục-vụ và hiệu-quả kinh-tế; thực-hành tiết-kiệm; bảo-đảm tích-lũy cho Nhà nước và xí-nghiệp; bảo-vệ nghiêm-nhật tài-sản Nhà nước; chăm-lo cải-thiện điều-kiện làm việc và đời sống của công-nhân, viên chức."

Nhà nước trao nhiều quyền hơn cho cơ-sở quốc-doanh, cánh tay nối dài của Nhà nước. Điều 19 mới giải-thích rõ: "Kinh-tế quốc-doanh được củng-cố và phát-triển trong những ngành và lĩnh-vực then-chốt, đủ sức thực-hiện vai-trò chủ-đạo trong nền kinh-tế quốc dân."

Cơ-sở kinh-tế quốc-doanh được quyền tự-chủ trong hoạt-động sản-xuất kinh-doanh, chịu trách-nhiệm về kết-quả hoạt-động của mình, bảo-toàn và phát-triển vốn, tài-sản được giao, được huy-động vốn để mở rộng sản-xuất kinh-doanh, thực-hiện liên-doanh liên-kết với các thành-phần kinh-tế khác, bảo-đảm sản-xuất kinh-doanh có hiệu-quả và hoàn-thành nghĩa-vụ đối với Nhà nước."

Từ nay, Nhà nước không trực-tiếp hoạch-định phương-hướng và kế-hoạch cho các cơ-sở quốc-doanh nữa mà giao công-tác ấy cho các cán-bộ phụ-trách, và những người này chịu trách-nhiệm với Nhà nước.

. Nguyên-văn điều 25 bị xóa bỏ: "Ở nước Cộng-hòa xã-hội chủ-nghĩa Việt-nam, những cơ-sở kinh-tế của địa-chủ phong-kiến và tư-sản mại-bản đều bị quốc-hữu-hóa và không bồi-thường."

Điều này không cần-thiết phải giữ lại trong Hiến-pháp mới. Sau 17 năm miền Nam bị giải-phóng nốt, VN làm gì còn có "địa-chủ phong-kiến" hay "tư-sản mại bản" nào sống-sót! Ngay cả "tư-sản dân-tộc" cũng không còn của-cái gì để Nhà nước quốc-hữu-hóa không bồi-thường (cướp cạn). Bỏ điều này là phải, vừa đỡ tốn giấy mực, có khi còn lừa được các anh nhà báo ngoại-quốc ngây-thơ.

Điều 20 mới: "Trên cơ-sở tự-nguyện dân-chủ và cùng có lợi, người lao động có thể góp vốn, góp sức hợp tác sản xuất hoặc kinh doanh trong các tổ chức kinh tế tập thể dưới nhiều hình thức với quy mô và mức độ tập thể hoá thích hợp. Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ việc củng cố và mở rộng các tổ chức kinh tế tập thể hoạt động có hiệu quả."

Kinh tế cá thể được hoạt động trong các ngành, nghề theo quy định của pháp luật. Kinh tế gia đình được khuyến khích phát triển."

Nhóm chữ "tự-nguyện dân-chủ... góp vốn, góp sức" khiến người dân trong chế-độ xã-hội chủ-nghĩa Việt-nam không khỏi liên-tưởng tới nhóm chữ nghe quen trước đây: "tự nguyện hiến dâng", và nhớ ra rằng, trong 17 năm làm chủ miền Nam, tuy Hiến-pháp cho phép Nhà nước quốc-hữu-hóa tài-sản của nhân-dân, nhưng trên giấy tờ, các vụ quốc-hữu-hóa chỉ xảy ra cho các cơ-sở ngoại-quốc tại Việt-nam (như đồn-diền cao-su Arnaud của Pháp). Riêng "tư-sản mại-bản" và "địa-chủ phong-kiến" bản xứ hầu như không có ai có tài-sản bị "quốc-hữu-hóa" mà chính họ hồ-hởi làm đơn xin "tự nguyện hiến dâng" của-cái cho Nhà nước cách-mạng, dù rằng sau khi hiến-dâng xong, nhiều người vẫn bị bắt đi cải-tạo cho tới chết.

Kinh-doanh cá-thể và kinh-tế gia-đình cũng không phải là những từ-ngữ mới lạ dưới chế-độ xã-hội chủ-nghĩa Việt-nam. Trong quá-trình mở ra, thất lại của chế-độ chính-trị CSVN, các ngành nghề kinh-doanh cá-thể và kinh-tế gia-đình vẫn tiếp-tục sống thấp-thỏm, âu-lo từng ngày như cá nằm trên thớt.

. Nguyên-văn điều 26 bị xóa-bỏ: "Nhà nước tiến-hành cải-tạo xã-hội chủ-nghĩa đối với thành-phần kinh-tế tư-bản chủ-nghĩa ở thành-thị và nông-thôn bằng hình-thức thích-hợp."

Cũng như trên, thành-phần kinh-tế tư-bản chủ-nghĩa hầu hết đều đã trở thành xương trắng trong lòng đất, hoặc đã trở thành lưu dân trên đất khách, Nhà nước không còn đối-tượng nào để "cải-tạo bằng những hình-thức thích-hợp" nữa. Điều này cũng bỏ luôn là phải.

. Nguyên-văn điều 27 cũ bị xóa bỏ: "Nhà nước bảo-hộ quyền sở-hữu của công-dân về thu-nhập hợp pháp, của-cải để dành, nhà ở, tư-liệu sinh-hoạt, những công-cụ sản-xuất dùng trong những trường-hợp được phép lao-động riêng lẻ."

Pháp-luật bảo-hộ quyền thừa-kế tài-sản của công-dân."

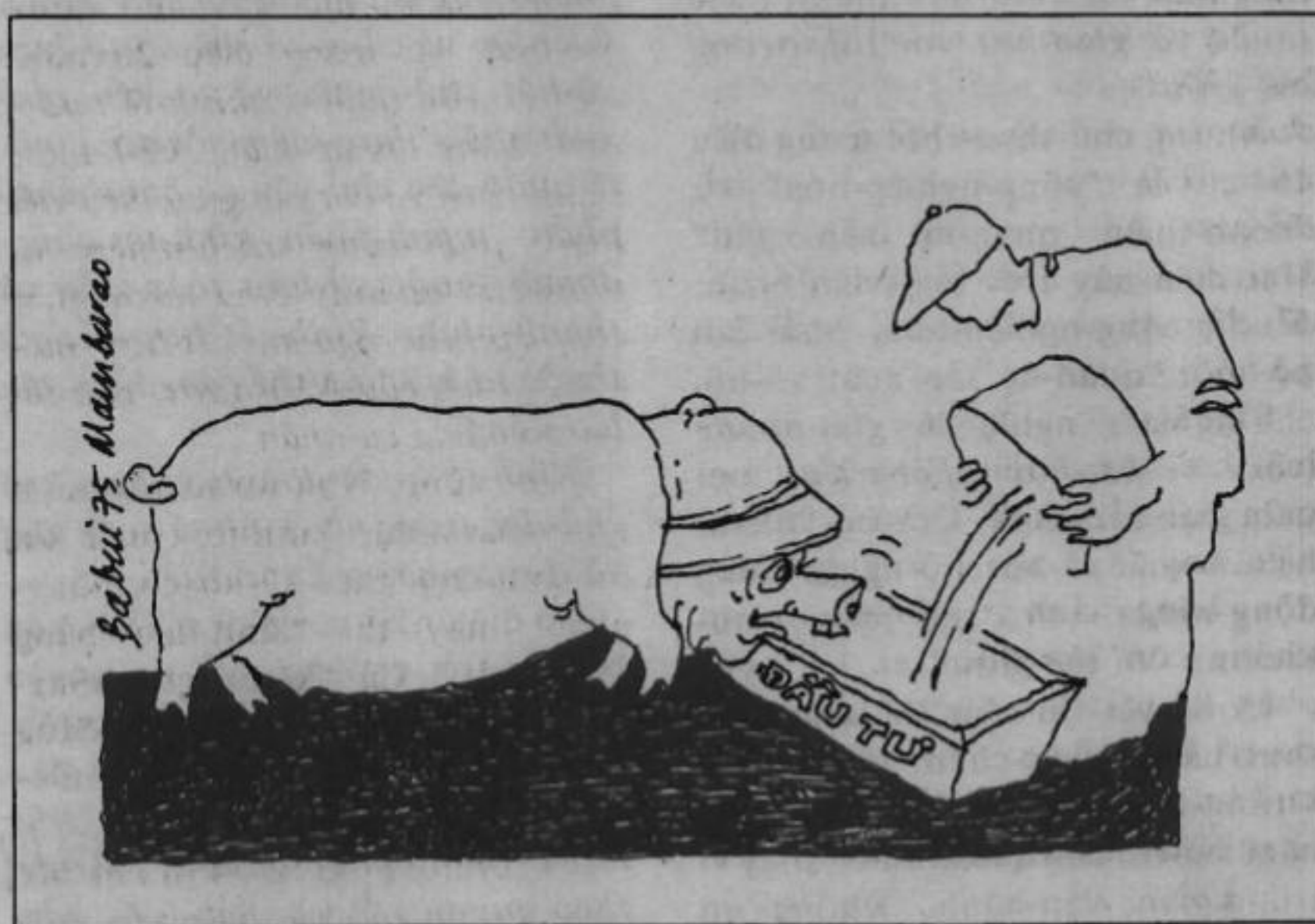
Bản dự-thảo bỏ điều này thì hơi

lạ. Lúc Nhà nước chưa chấp-nhận quyền sở-hữu tư-nhân thì Hiến-pháp cũ qui-định trách-nhiệm bảo-hộ quyền sở-hữu; nay Hiến-pháp mới chấp-nhận quyền sở-hữu, Nhà nước lại không bảo-hộ quyền này nữa, ai muốn tranh-đoạt của ai, mặc-kệ!

. Nguyên-văn điều 29 bị xóa bỏ: "Nhà nước căn-cứ vào yêu-cầu phát-triển kinh-tế, văn-hóa và củng-cố quốc-phòng mà phân-bố và sử-dụng hợp-lý lực-lượng lao-động xã-hội trong cả nước, ở từng địa-phương và cơ-sở."

Bỏ điều này, không có nghĩa là CSVN ngưng bắt lính, cưỡng-bách trai gái gia-nhập lực-lượng "Thanh-niên xung-phong", cưỡng-bách thủy-lợi hay kinh-tế mới. Nhà nước không đòi "phân-bố hợp-lý lực-lượng lao-động" nữa mà tính riêng chỉ-tiêu của tỉnh Hà-nam-ninh trong năm 1992 này phải đẩy cho bằng được 5500 người nữa đi kinh-tế-mới; Nhà nước không chiều nhu-cầu quốc-phòng nữa mà tỉnh Minh-hải vẫn ráo-riết "tuyển-mộ" thêm 3000 quân nữa để nộp cho Trung-ương.

. Điều 22 mới: "Doanh-nghiệp thuộc các thành-phần kinh-tế có thể liên-doanh với cá-nhân, tổ-chức kinh-tế nước ngoài theo quy-



định của pháp-luật. Tài-sản hợp-pháp của doanh-nghiệp được Nhà nước bảo-hộ. Các doanh-nghiệp thuộc mọi thành-phần kinh-tế đều bình-đẳng trước pháp-luật".

Từ-ngữ "liên-doanh" sử-dụng trên đây có nghĩa là "hợp-doanh". Các công-ty từ quốc-doanh cho tới kinh-tế gia-đình tại Việt-nam đều có thể hợp-doanh với các công-ty ngoại-quốc đầu-tư tại Việt-nam, và tài-sản của các công-ty hợp-doanh này vì có phần hùn của công-ty bản-xứ nên Nhà nước có quyền bảo-hộ toàn-bộ.

Điều 31 cũ bị xóa bỏ: "Nhà nước và các tổ-chức kinh-tế tập-thể áp-dụng nguyên-tắc làm theo năng-lực, hưởng theo lao-động, đồng-thời tăng phần phúc-lợi xã-hội theo trình-độ phát-triển của Nền kinh-tế quốc-dân."

"Làm theo năng-lực, hưởng theo lao-động" (làm nhiều ăn nhiều, làm ít ăn ít, không làm thì chết đói) là công-thức căn-bản của giai-đoạn xã-hội chủ-nghĩa. Cộng-sản tuyên-truyền rằng, khi lên tới trình-độ cộng-sản, sẽ áp-dụng nguyên-tắc làm theo năng-lực, hưởng theo nhu-cầu (nghĩa là người già cả, bệnh-tật, không có sức lao-động vẫn được hưởng trợ-cấp theo nhu-cầu). Bản-dự-thảo bỏ nguyên-tắc cũ và cũng không đưa ra nguyên-tắc thay-thế.

Nguyên-văn điều 32 cũ đã bị xóa bỏ: "Nhà nước phối-hợp với công-đoàn và các đoàn-thể nhân-dân khác, kết-hợp giáo-dục chính-trị, đề-cao kỷ-luật lao-động với khuyến-khích bằng lợi-ích vật-chất để đẩy mạnh phong-trào thi-đua xã-hội chủ-nghĩa."

Việc khuyến-khích thi-đua và kỷ-luật lao-động không còn giá-trị gì giữa giai-đoạn nghi-kỵ và khinh-thị hiện nay. Trò bịp lường gạt lao-động bằng mảnh giấy tuyên-dương không còn lừa được ai, và biện-pháp kỷ-luật lao-động không còn giá-trị, khi mà người đi làm còn đói khổ hơn những người thất-nghiệp chạy hàng xách ngoài chợ.

Điều 25 mới: "Nhà nước

khuyến-khích các tổ-chức, cá-nhân nước ngoài đầu-tư vốn, kỹ-thuật vào Việt-Nam phù-hợp với pháp-luật Việt-Nam, pháp-luật và thông-lệ quốc-tế; bảo-đảm quyền sở-hữu hợp-pháp với vốn, tài-sản và các quyền-lợi khác của các tổ-chức, cá-nhân nước ngoài. Xí-nghiệp có vốn đầu-tư nước ngoài không bị quốc-hữu-hóa."

Có lẽ chỉ có Cộng-hòa xã-hội chủ-nghĩa Việt-nam có bản hiến-pháp hứa sẽ không quốc-hữu-hóa tài-sản đầu-tư nước ngoài. Phải hứa, vì trong quá-khứ Nhà nước đã từng cướp-đoạt tài-sản của các tổ-chức và cá-nhân kinh-doanh ngoại-quốc, và không có gì bảo-đảm rằng CSVN sẽ không sửa hiến-pháp và cướp-đoạt nhiều lần nữa.

Nguyên-văn điều 33 bị xóa-bỏ: "Nhà nước lãnh-đạo nền kinh-tế quốc dân theo kế-hoạch thống-nhất, đề-cao tinh-thần trách-nhiệm, phát-huy tính chủ-động và tính sáng-tạo các cấp, các ngành, các đơn-vị cơ-sở và cá-nhân, để xây-dựng và thực-hiện kế-hoạch Nhà nước; huy-động mọi lực-lượng lao-động, tài-nguyên thiên-nhiên và cơ-sở vật-chất, kỹ-thuật của đất nước, bảo-đảm cho nền kinh-tế quốc dân phát-triển toàn diện, cân-đối, vững-chắc, với nhịp độ nhanh và hiệu-quả cao."

Việc "lãnh-đạo kinh-tế" được qui-định lại trong điều 26 mới: "Nhà nước quản-lý kinh-tế quốc-dân bằng pháp-luật, kế-hoạch, chính-sách và các công-cụ điều-tiết khác; phân-công trách-nhiệm và phân-cấp quản-lý Nhà nước giữa các cấp, các ngành; kết-hợp hài-hòa lợi-ích của Nhà nước, của tổ-chức và của cá-nhân".

Cuối cùng, Nhà nước vẫn nắm quyền lãnh-đạo kinh-tế, trước kia thì lãnh-đạo "theo kế-hoạch thống-nhất", nay thì "lãnh-đạo bằng pháp-luật." Cả "kế-hoạch thống-nhất" lẫn "pháp-luật" đều do đảng CSVN đặt ra và toàn quyền sửa-đổi, giải-thích, áp-dụng.

Nguyên-văn điều 34 bị xóa bỏ: "Nhà nước tổ-chức nền sản-xuất

xã-hội theo hướng sản-xuất lớn xã-hội chủ-nghĩa; xây-dựng và hoàn-thiện không ngừng hệ-thống quản-lý kinh-tế; vận-dụng đúng-đắn các quy-luật kinh-tế của chủ-nghĩa xã-hội; áp-dụng nguyên-tắc tập-trung dân-chủ và nguyên-tắc kết-hợp quản-lý theo ngành với quản-lý theo địa-phương và vùng lãnh-thổ; kết-hợp lợi-ích của Nhà nước, của tập-thể và của người lao-động; xây-dựng và bảo-đảm tôn-trọng pháp-luật kinh-tế."

CSVN bỏ điều 35 trên đây, sửa điều 35 và 36 cũ thành điều 28 và 29 mới, cảnh-cáo sẽ "nghiêm-trị" các vụ đầu-cơ, buôn lậu, lừa-đảo, hàng giả, kinh-doanh bất-hợp-pháp, làm rối-loạn thị-trường, phá-hoại nền kinh-tế quốc-dân, tham-ô, trộm-cắp, hối-lộ, lãng-phí, vô trách-nhiệm, gây thiệt-hại nghiêm-trọng đến lợi-ích của Nhà nước, v.v. Hầu hết các tội-trạng trên đây CSVN đều mắc phải, và tiếp-tục tái-diễn ngày này qua ngày khác. Thỉnh-thoảng vì ăn không đều chia không đủ, Nhà nước khai ra một vụ thì các chánh-phạm (cán-bộ cao-cấp) chỉ bị kỷ-luật, chuyển-chuyển hay cho về hưu sớm, còn tông-phạm (dân-chúng) bị lên án hàng chục năm tù. "Chính-sách bảo-hộ quyền-lợi người tiêu-dùng" đã được thể-hiện cụ-thể.

Trong điều 29, CSVN kêu-gọi bảo-vệ môi-sinh, phát-triển tài-nguyên thiên-nhiên, "nghiêm-cấm mọi hành-động huỷ-hoại làm suy-kiệt môi-trường."

Hiện nay, hàng ngày CSVN vẫn tiếp-tục đốn phá rừng (8), gây lũ-lụt trầm-trọng các tỉnh đồng-bằng. Hai năm trước đây, CSVN còn ký hiệp-ước cho phép Thái-lan dùng lưới vét đánh cá trong hải-phận Việt-nam. Hoạt-động của một đoàn tàu lưới vét trong 30 ngày có khả-năng hủy-diệt mọi sinh-vật ở vùng biển ấy trong 15 năm. Nay chính những kẻ thò tay ký hiệp-ước ấy đang kêu gào bảo-vệ môi-sinh!

Trong chương Văn-hóa, Giáo-dục, Khoa-học, Kỹ-thuật, CSVN

huỷ bỏ hai điều 39 và 42.

Điều 39: "Nhà nước chăm-lo tăng-cường cơ-sở vật-chất, quy-định chế-độ và thi-hành những biện-pháp cần-thiết nhằm bảo-đảm quyền làm chủ tập-thể của nhân-dân lao-động về văn-hóa, giáo-dục, khoa-học, kỹ-thuật; phát-huy tích-cực và tính sáng-tạo của nhân-dân; làm cho sự-nghiệp xây-dựng nền văn-hóa mới và con người mới thật sự là của toàn dân và tạo điều-kiện để toàn dân được hưởng những thành-tựu tốt-đẹp của văn-hóa dân-tộc và văn-hóa thế-giới."

Điều 42 bị huỷ-bỏ, nguyên-văn: "Nhà nước đẩy mạnh cách-mạng khoa-học, kỹ-thuật nhằm phát-triển lực-lượng sản-xuất, tăng năng-suất lao-động, thúc-đẩy sự-nghiệp công-nghiệp-hóa xã-hội chủ-nghĩa, nâng cao đời sống nhân-dân và củng-cố quốc-phòng, xây-dựng nền khoa-học, kỹ-thuật tiên-tiến của nước ta."

Trong chương Bảo-vệ tổ-quốc xã-hội chủ-nghĩa, bản dự-thảo đặt ra điều 45 mới: "Xây dựng công an nhân dân chính quy, từng bước hiện đại, tinh nhuệ, dựa vào nhân dân và làm nòng cốt cho phong trào quần chúng để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm sự ổn định chính trị và phát triển của đất nước, bảo vệ quyền làm chủ, tính mạng và tài sản của nhân dân, tài sản xã hội chủ nghĩa, phòng ngừa và đấu tranh chống các loại tội phạm".

Công-an cảnh-sát từ nay có cả ngành "chính-quì", trang-bị và được huấn-luyện tác-chiến y như quân-đội. CSVN đã bắt đầu khiếp-sợ bộ-đội, vì chính thành-phần này cũng là những nạn-nhân của chế-độ, là những kẻ bị áp-bức, sẵn sàng đứng lên như ở Hung-gia-lợi và nước Cộng-hòa Georgia. Khi chủ-trương chính-quì-hóa công-an, CSVN đã để lộ sự nghi-kỵ tập-thể bộ-đội, và nhận ra những dấu-hiệu chứng-tỏ trong bộ-phận này đã có những sự chuyển-động bất thường.

Trong chương Quyền và nghĩa-

vụ cơ-bản của công-dân, bản dự-thảo đưa ra điều 48 mới: "Ở nước Cộng-hòa xã-hội chủ-nghĩa Việt-nam các quyền con người được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ".

Các "quyền của con người" là nhân-quyền. Lần đầu-tiên CSVN tuyên-bố tôn-trọng nhân-quyền, và trong khi tuyên-bố như vậy, họ vẫn tiếp-tục giam-giữ không xét-xử hàng trăm văn-nghệ-sĩ, tu-sĩ và thường dân vô-tội, bất-chấp sự can-thiệp của các tổ-chức nhân-đạo quốc-tế.

Điều 55 mới: "Công-dân có quyền tự-do kinh-doanh theo quy-định của pháp-luật".

Điều 69 mới: "Không ai có thể bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Toà án đã có hiệu lực pháp luật".

Người bị bắt, bị giam giữ, bị truy tố, xét xử sai pháp luật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất và phục hồi danh dự. Người làm trái pháp luật gây thiệt hại cho người khác phải bị xử lý theo pháp luật".

Cho tới nay vẫn còn có nhiều người bị giam trên 10 năm mà không hề được xét xử. CSVN không coi việc làm ấy có tính-cách vi-hiến. Việc giam-giữ đó không phải hình-phạt, mà là một đặc-ân, giống như đặc ân cho sinh-viên đi du-học ngoại-quốc, những người này được may-mắn học-tập ngay trên đất nước mình. Học gì và bao giờ tốt-nghiệp, có thể phải chờ tới đợt tu-chính hiến-pháp lần tới mới được qui-định.

Điều 79: "Công-dân có nghĩa-vụ thực-hiện các quy-định của Nhà nước về kế-hoạch-hoá gia-đình".

Cai để dĩ-nhiên là vấn-đề đáng quan-tâm và hưởng-ứng, nhưng cai để theo lệnh và ghi rõ trong Hiến-pháp, chắc chỉ ở CSVN và Trung Cộng mới có. Mặc dù "các quyền làm người được tôn-trọng" nhưng nhân-dân có nghĩa-vụ phải cai-để theo qui-định của Nhà nước. Trong nước Cộng-hòa xã-hội chủ-nghĩa Việt-nam, hai chữ "nghĩa-vụ" to-tát lắm: nghĩa-vụ quân-sự,

nghĩa-vụ lương-thực, nghĩa-vụ lao-động,... Ai không làm tốt nghĩa-vụ, sẽ bị cưỡng-bách học-tập cải-tạo.

Điều 80: "Người nước ngoài, người không có quốc tịch cư trú hợp pháp ở Việt Nam phải tuân theo Hiến pháp và pháp luật của Việt Nam, được Nhà nước bảo hộ tính mạng, tài sản và các quyền lợi chính đáng theo pháp luật Việt Nam."

Thêm điều này, tức là chính-sách xua-đuổi ngoại-kiểu cáo-chung. Trong giai-đoạn cần thu-hút ngoại-tệ, sự hiện-diện của ngoại-kiểu quí lắm, được Nhà nước bảo-hộ ngoại-kiểu là đúng. Ngoại-kiểu ra vào Việt-nam tất-nhiên phải mang tiền theo để tiêu. Nhà nước cho xây thêm và tu-bổ hàng ngàn khách-sạn trên toàn quốc, chính cũng vì mục-đích vơ-vét ngoại-tệ.

Chương nói về Quốc-hội không có thay-đổi quan-trọng.

Chương nói về Hội-đồng Nhà nước thêm điều các điều mới:

Điều 101 mới: "Chủ-tịch Hội-đồng Nhà nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng-hòa xã-hội chủ-nghĩa Việt-nam về đối nội và đối ngoại".

Điều 102 mới: "Chủ-tịch Hội-đồng Nhà nước do Quốc-hội bầu ra trong số đại-biểu Quốc-hội bằng cách bỏ phiếu kín."

Chủ-tịch Hội-đồng Nhà nước chịu trách-nhiệm và báo-cáo công-tác trước Quốc-hội.

Nhiệm-kỳ của Chủ-tịch Hội-đồng Nhà nước theo nhiệm-kỳ của Quốc-hội".

Điều 103 đặt thêm nhiều quyền-hạn cho chủ-tịch Hội-đồng Nhà nước.

Tuy-nhiên, trong tương-lai, CSVN nên cắt cử và giao cho "Quốc-hội" bỏ phiếu bầu những người trẻ tuổi hơn vào các ghế chủ-tịch và phó chủ-tịch Hội-đồng Nhà nước. Hiện nay chức-vụ này vẫn có tính-cách dưỡng già (như Võ Chí Công), hoặc giao cho những người bị đảo chánh êm-thắm (như Nguyễn Văn Linh) hay phế-thải

(Nguyễn Thị Định) nắm giữ.

Điều 104 và 105 mới chỉ có tính cách hành-chánh, không quan-trọng.

Chương nói về Chính-phủ không có thay-đổi quan-trọng.

Chương Hội-đồng nhân-dân và ủy-ban hành-chính thêm điều 126 mới, giao quyền giám-sát cho Hội-đồng nhân-dân địa-phương cho Ủy ban Mặt trận Tổ-quốc.

Chương Tòa-án Nhân-dân và viện Kiểm-sát Nhân-dân thêm điều 141 mới: "Viện trưởng các Viện kiểm-sát nhân-dân địa-phương chịu trách-nhiệm báo-cáo trước hội-đồng nhân-dân và trả lời chất-

vấn của đại-biểu Hội-đồng nhân-dân về tình-hình thi-hành pháp-luật ở địa-phương."

Chương Quốc-kỳ, quốc-huy, quốc-ca, thủ-đô không thay-đổi. Riêng bài quốc-ca VC, Hiến-pháp 1980 ghi "do Quốc-hội thông qua" nay ghi rõ là bài "Tiến quân ca."

Chương Hiệu-lực của Hiến-pháp và việc sửa-đổi Hiến-pháp giữ nguyên.

TỔNG LUẬN:

Nếu chỉ nhìn vào chương Kinh-tế, không để ý tới lời nói đầu và chương I nói về Chế-độ chính-trị, người ta có thể tưởng lầm rằng

Cộng-sản Việt-nam đã cải-cách sâu rộng, giúp dân-chúng trong nước dễ sống hơn, và từ đó dần dần sẽ tiến tới tự-do dân-chủ.

Thực tế không đơn giản như vậy. Muốn thực-tâm cải-cách kinh-tế để cứu dân, bước khởi đầu nhất-định phải đi là cải-cách chính-trị. Quốc có thái, dân mới an. Chính-thể quốc-gia là nền tảng, là gốc rễ của mọi cấu-trúc chính-trị, chi-phối mạnh-mẽ toàn bộ các ngành khác. Không cải-tổ chính-trị thì những thay-đổi về kinh-tế, cho dù xóa hẳn kinh-tế cộng-sản để chuyển sang kinh-tế tư-bản, cũng chẳng khác nào dùng thuốc cao dán để trị ung-thư.

Với quyền-lực độc-tôn và tình-trạng tham-nhũng toàn bộ từ cấp trung-ương cho tới hạ-tầng cơ-sở hiện nay, càng cải-cách kinh-tế càng làm giàu cho giai-cấp cán-bộ. Về phía dân-chúng, tầng-lớp khốn-cùng vốn đã khổ lại càng thêm khổ vì nạn một cổ nhiều trùng, một con trâu nhiều thợ cày, vừa bị Nhà nước khống-chế, vừa bị gian-thương bóc-lột. Với tiền-bạc tư-bản, CSVN sẽ có thêm phương-tiện để xây thêm nhà tù, mua thêm súng-đạn cùm xích, chính-qui-hóa công-an cảnh-sát để bóp chết từ trong trứng nước mọi mầm-mống đấu-tranh. Nhà nước vô-sản từ đó sẽ bành-trướng quyền-lực, trở thành Nhà nước mafia thực-sự, không còn một thế-lực nào có thể tiêu-diệt được nữa ngoại-trừ chiến-tranh. Về kinh-tế, đời sống dân nghèo còn bị gian-thương bóc-lột thê-thảm bằng mọi cách đầu cơ tích trữ, lũng đoạn thị-trường dưới sự bao che của Nhà nước.

Nếu cải-cách kinh-tế mà vẫn duy-trì chế-độ hiện-tại, rốt cục ngoài giai-cấp cán-bộ, chỉ có thiểu-số chính-khách thân chính, thương-gia và Việt-kiều cùng gia-đình là thành-phần hưởng lợi. Bọn này chỉ mong có thể, và sẽ nỗ-lực chuyển hướng đấu-tranh của đại-chúng bằng cách đưa ra lý-thuyết không-tưởng, cho rằng "sự thay-đổi kinh-tế sẽ dẫn tới thay đổi về chính trị"



và “không nên dồn cộng-sản vào bước đường cùng.”

CSVN cũng không mong gì hơn là ổn-định chính-trị, nghĩa là xoa dịu quần-chúng để họ cảm thấy thỏa-mãn trước những biện-pháp kinh-tế vá-víu tạm-thời.

Hà-nội nắm vững một điều căn-bản: chỉ cần đạt được ổn-định chính-trị, dù có phải thay-đổi về văn-hóa, giáo-dục, khoa-học, kỹ-thuật, quốc-phòng, hành-chánh, tư-pháp, và kể cả kinh-tế, chế-độ vẫn tồn-tại.

Vì thế, không bao giờ đảng Cộng sản Việt Nam chịu từ bỏ hay chia-sẻ quyền-lực cho các thành-phần khác. Họ chỉ làm cho thế-giới tin rằng họ có thiện-chí hợp-tác, tinh-thần hữu-nghị và lòng yêu-chuộng hòa-bình.

Hà-nội nhắc đi nhắc lại rằng họ đang sẽ đổi mới chế-độ. Đổi mới như thế nào?

Điều 4 Hiến-pháp 1980 ghi: “Đảng cộng-sản Việt-nam, đội tiên-phong và bộ tham-mưu chiến-đấu của giai-cấp công-nhân Việt-nam, được vũ-trang bằng học-thuyết Mác — Lênin, là lực-lượng duy-nhất lãnh-đạo Nhà nước, lãnh-đạo xã-hội, là nhân-tố chủ-yếu quyết-định mọi thắng-lợi của cách-mạng Việt-nam.

Đảng tồn-tại và phấn-đấu vì lợi-ích của giai-cấp công-nhân và nhân-dân Việt-nam.

Các tổ-chức của Đảng hoạt-động trong khuôn-khổ Hiến-pháp.”

Điều 4 dự-thảo sửa-đổi như sau: “Đảng Cộng-sản Việt-nam, đội tiên-phong của giai-cấp công-nhân Việt-nam, đại-biểu trung-thành quyền-lợi của giai-cấp công-nhân, nhân-dân lao-động và của cả dân-tộc, theo chủ-nghĩa Mác — Lênin và tư-tưởng Hồ Chí Minh, là lực-lượng lãnh-đạo Nhà nước và xã-hội.

Mọi tổ-chức của Đảng hoạt-động trong khuôn-khổ Hiến-pháp và pháp-luật.”

Bỏ qua những hàng chữ giải-thích dài-dòng về đảng Cộng-sản Việt-nam (đội tiên-phong...), chúng

ta sẽ thấy rõ hai câu:

- Cũ: “Đảng CSVN là lực-lượng duy-nhất lãnh-đạo Nhà nước, lãnh-đạo xã-hội.”

- Mới: “Đảng CSVN là lực-lượng lãnh-đạo Nhà nước, xã-hội.”

Cải-cách lớn nhất của CSVN là bỏ hai chữ “duy nhất” trong câu “là lực-lượng duy-nhất lãnh-đạo Nhà nước, lãnh-đạo xã-hội.”

Những người lạc-quan và những hăng tin tuyên-truyền của CSVN tại hải-ngoại có thể giải-thích rằng, bỏ đi hai chữ “duy nhất”, CSVN hàm ý là Việt-nam đã có đa nguyên, đa đảng hoặc ít nhất, đa nguyên trong một đảng.

Thực ra, “đảng CSVN là lực-lượng duy-nhất lãnh-đạo Nhà nước”, hay “đảng CSVN là lực-lượng lãnh-đạo Nhà nước”, không có gì khác nhau. Hai chữ “duy nhất” chỉ để nhấn mạnh, làm rõ sự độc-tôn của đảng Cộng-sản; nay

tuy vẫn độc-tôn nhưng không cần nhấn mạnh nữa thì bỏ đi, đảng Cộng-sản vẫn là “lực-lượng lãnh-đạo”, không có ai khác ngoài đảng có quyền ngồi ghé vào chính-quyền. Sự việc rất rõ-ràng. Mọi sự giải-thích quanh-co nhằm che-đậy cho Cộng-sản chỉ nói lên hai điều: tố-cáo sự bất-lương trí-thức của người viết và đồng-thời khinh-miệt trình-độ thẩm-định của người đọc.

Trong điều 2, CSVN nói rằng “Nhà nước Cộng-hòa xã-hội chủ-nghĩa Việt-nam là Nhà nước của Nhân-dân, do nhân-dân, vì nhân-dân. Tất cả quyền-lực Nhà nước thuộc về nhân-dân, mà nền tảng là liên-minh giai-cấp công-nhân với giai-cấp nông-dân và tầng-lớp trí-thức.”

Điều này hoàn-toàn không nói lên được ý-nghĩa nào, ngoài xảo-thuật chơi chữ của CSVN. Điểm khác trước, là CS cho ghi thêm các



chữ “tầng-lớp trí-thức” vào phía sau hai giai-cấp công-nhân và nông-dân. Tất cả quyền-lực Nhà nước thuộc về nhân-dân, mà nền-tảng là *liên-minh* giai-cấp nông-dân (liềm) với giai-cấp công-nhân (búa) và tầng-lớp trí-thức.

Trước kia, người cộng-sản vẫn quan-niệm “giá-trị của trí-thức không bằng một cục phân” (9), phải chăng ngày nay CS đã hết khinh-miệt, căm-thù và nghi-kỵ tầng-lớp này?

Thực ra, không phải CS hết nghi-kỵ, mà vì tầng-lớp trí-thức ngày nay và tầng-lớp trí-thức thời 1945—1946 đã đối khác. Trí-thức thời Cách-mạng mùa Thu, ngoài một số rất nhỏ sống-sót nhờ theo CS từ đầu, phần lớn đã di-cư vào Nam, bỏ mình trong vụ Cải-cách ruộng đất, hay bị lưu-đày trong những năm 50. Trí-thức miền Nam, phần lớn di-tản và vượt biên ra ngoại-quốc, số còn lại nếu không hợp-tác với CS thì cũng đã đổi nghề, trở thành giai-cấp lao-động. “Tầng-lớp trí-thức” mà bản dự-thảo sửa-đổi Hiến-pháp nhắc tới, phần lớn là các thế-hệ con, cháu cán-bộ.

Trước kia đại-đa-số thành-phần lãnh-đạo cộng-sản đều thuộc giới công-nông, bản-cùng. Sau khi cướp được chính-quyền, họ lột xác bước lên giai-cấp thống-trị, nắm trong tay quyền-hành, đặc-lợi, con cái được lên đại-học hay ra ngoại-quốc du-học. Chính đám trẻ này về sau trở thành cái mà CSVN gọi là “tầng-lớp trí-thức”, được thế-hệ lãnh-đạo nâng lên ngang hàng và được quyền chia-sẻ quyền-lực với giai-cấp công, nông, gọi chung là “nền-tảng nhân-dân.”

Điều 6 sửa-đổi viết: “*nhân-dân sử-dụng quyền-lực Nhà nước thông qua Quốc-hội và Hội-đồng nhân-dân...*” Nghe thì hợp-lý và có màu sắc dân-chủ lắm, nhưng thông qua Quốc-hội bằng cách nào? Trước hết, muốn ứng-cử đại-biểu Quốc-hội, ứng-cử-viên phải được đảng CSVN hoặc Mặt trận Tổ-quốc giới-thiệu. Hai tổ-chức này

tuyển-chọn kỹ rồi mới giới-thiệu, và chỉ giới-thiệu một số ứng-cử-viên vừa cao hơn số đại-biểu của mỗi địa-phương một chút thôi cho dân dễ bầu (thí-dụ cần 5 đại-biểu thì giới-thiệu tổng-cộng 6 ứng-cử-viên). Cử-tri trước khi cầm phiếu đi bầu, lại được chính-quyền cơ-sở họp lại sinh-hoạt, khuyên nên bầu ai, bỏ ai. Khi lọt vào Quốc-hội rồi, các đại-biểu thay vì nghe-ngóng đạo-đặt nguyện-vọng của dân, thì lại có trách-nhiệm đôn-đốc, chỉ-đẫn dân-chúng thi-hành các pháp-lệnh của Nhà nước.

“Nhân-dân sử-dụng quyền-lực Nhà nước thông qua Quốc-hội” nhưng Quốc-hội, “cơ-quan đại-biểu cao nhất của nhân-dân” lại toàn là người của Đảng.

Cái vòng lẩn-quẩn này chỉ chấm-dứt khi nào tách được đảng CSVN ra khỏi chính-quyền mà thôi. Trong khi chưa làm được việc đó, mọi chiêu-bài dân-chủ do Hà-nội đưa ra, kể cả bản Hiến-pháp sửa-đổi, cũng chỉ có giá-trị ngang với những tờ giấy lộn...

* * *

Mặc dù chế-độ cộng-sản tại Liên-sô và Đông Âu đã kết-thúc, mặc cho nhiều nước ở thế-giới thứ ba đã tự mở cho mình một con đường bước ra ánh-sáng, theo nấc thang tự-do dân-chủ để tiến dần tới chỗ no-ấm, phồn-vinh, CSVN vẫn cố bám cứng vào lý-thuyết Marx-Lenine, nay lại vẽ con số không to lớn là “*tư-tưởng Hồ Chí Minh*”, và bản Hiến-pháp sửa-đổi, mang vãi mục ra vá áo, mong che mắt thế-gian.

Nhân-dân Việt-nam không yêu-cầu thay-đổi hay hủy-bỏ điều 4 Hiến-pháp, mà đòi-hỏi xóa bỏ cả 147 điều, viết lại toàn bộ.

Toàn bộ chế-độ lỗi-thời, lạc-hậu, tàn-bạo và thiếu trí-năng — thủ-phạm đã đẩy cả nước đi ngược lại lịch-sử văn-minh của nhân-loại — phải rút-lui và trao chính-quyền cho một Quốc-hội thực-sự do dân bầu ra, trong một cuộc tổng tuyển-cử có quốc-tế giám-sát.

Muốn tiến tới dân-chủ thực-sự, Đảng Cộng-sản phải ngưng hoạt-động trong khi chờ đợi quyết định chung của toàn dân, thông qua quốc hội và bản hiến pháp mới. □

(1) Đoạn 6, lời nói đầu, Hiến-pháp năm 1959 của nước Việt-nam Dân-chủ Cộng-hòa, thông-quá ngày 31.12.1959, ban-hành ngày 1.1.1960.

(2) Đoạn 9 và 10, lời nói đầu, Hiến-pháp năm 1980, thông quá ngày 18.12.1980, ban-hành ngày 19.12.1980.

(3) Hiến-pháp 1980, đoạn 2, điều 54.

(4) Trường-hợp *Ngục trung nhật-ký*, xem *Hồ Chí Minh không phải là tác-giả Ngục trung nhật-ký* của Lê Hữu Mục, Làng Văn ấn-hành.

(5) Cuốn *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, ký tên “Th. Lan” và cuốn *Những mẩu chuyện về đời hoạt-động của Hồ chủ-tịch*, ký tên “Trần Dân Tiên.”

(6) Thí-dụ: câu “*vì lợi-ích trăm năm, trồng người*” của Quán Trọng, Hồ Chí Minh nhận vợ là ý-tưởng của mình.

(7) - Trong câu thơ *Trên vì nước, dưới vì nhà, Ấy là sự-nghiệp, ấy là công-danh* (Hồ Chí Minh, bài *Mười chính-sách của Việt-minh* trong cuốn *Thơ Hồ Chí Minh*, nhà xuất-bản văn-học Hà-nội in năm 1970) thì sáu chữ đầu, Hồ chép của Nguyễn Du: “*Trên vì nước, dưới vì nhà, Một là đặc hiều, hai là đặc trung.*”

- Trong câu: *Mạnh gì sợi chỉ con con, Khuông thiên biết có vương tròn hay không* (HCM, bài *Ca sợi chỉ*, sách đã dẫn) thì tám chữ sau ảnh-hưởng Nguyễn Du: “*Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn, Khuôn xanh biết có vương tròn mà hay.*”

- Trong câu: *Đàn bà dễ có mấy tay, Đời xưa mấy mặt đời này mấy gan* (HCM, bài *Về đấu-tranh vũ-trang*, sđd), Hồ chép trọn cả 14 chữ của Tiên-diễn!

(8) Vụ tham-những gỗ xuất-cảng của bộ Lâm-nghiệp Thân Trung Hiếu, vì ăn không đều chia không đủ vớ lờ ra, Hiếu liền đâm-mổm Trần Quyết và viện Kiểm-sát Nhân-dân Tối-cao thu-hồi ngay quyết-định điều-tra.

(9) *Hồng kinh*, Mao Trạch-đông, trang 267.

Câu Chuyện Con Cà-Cuống

Lê Văn Lân

Nơi vùng tôi ở, bỗng nhiên hôm nay trời trở rét. Cái rét không dữ dằn ác liệt do tuyết giá mà hơi giống cái rét nhẹ nhẹ tê tái vừa đủ sần da của quê ta. Không đến nỗi như con ngựa Hồ hí lồng lộn trước làn gió bắc, nhưng lòng tôi cũng trở nên ray rứt, hồn tôi bàng hoàng và... lưỡi tôi bỗng nổi loạn với một nỗi thèm, một ước muốn tục lụy về những cảm giác ngọt ngào mơn trớn kèm lẫn với chút ít chua cay, điểm xuyết với một mùi hương như một thoáng nghi ngờ... Tôi thêm một bát bún thang nóng hổi điểm chút hương cà cuống.

Bát bún thang phải chính hiệu Bắc kỳ, nước dùng phải thật trong, thật ngọt, nấu công phu với thịt một con gà mái dầu, vài con mực khô, một vốc tôm khô, mười củ hành ta, mắm muối vừa miệng. Khi ăn, nước dùng thật nóng chan lên bát bún đã trần nước sôi để ráo, trên mặt bún là giò lụa, trứng trắng mỏng thái chỉ, lườn gà xé nhỏ, tôm tươi giã bông và rất nhiều rau răm thái nhỏ.

Dân Bắc kỳ quê ta vốn cho cái chuyện "mùa rét ăn bún thang" là cái thú sơn cùng thủy tận. Nhưng một bát bún thang nấu khéo phải điểm chút dầu cà cuống mới thật là hoàn hảo.

Con cà cuống chính là cái mấu chốt cho câu chuyện của tôi trên mặt giấy này. Nó đã nằm trong ngôn ngữ Việt Nam hơn hai ngàn

năm có lẽ nếu ta tin vào truyền thuyết dân gian rằng nó là con sâu quế (quế đố) mà vua Triệu Đà của đất Nam Việt (258-173 tr. TC) đã triều cống Trung Hoa. Từ đó có thuyết cho rằng cái tên "cà cuống" chính thực phải là "Đà cống". Nhưng theo một thuyết khác thì Triệu Đà đã nói phét, cà cuống không phải là con sâu, con mọt ăn gỗ quế nên có mùi thơm nồng như hương quế. Cà cuống thực sự là "loài bọ xít nước, có mùi cay như quế" (*Đại Nam quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Paulus Của). Thành ra để chỉ sự nói phét có bảo chứng của vua Triệu Đà, con bọ xít nước ấy được mệnh danh một cách khôi hài là *Đà cuống* (cuống 𧈧 là nói dối).

Chuyện Triệu Đà dâng cống phẩm "bọ xít nước" cho vua Trung Hoa ở phương bắc lạnh lẽo không biết đã ghi trong sử liệu ra sao, chứ cái môi trường sinh sống của cà cuống chính thực là ở các vùng có ruộng đồng, sông lạch dưới khí trời tương đối ẩm. Đồng bằng của đất Nam Việt ngày xưa, gồm Lưỡng Quảng lan rộng đến đất Lạc Việt, là đất trồng lúa trên ruộng nước, khác hẳn với lối trồng lúa mì ở Hoa Bắc hay lối trồng lúa rẫy (hoả mễ) đốt rừng làm phân rồi gieo hạt của miền sơn cước cao nguyên. Ngày nay, chẳng phải chỉ riêng dân Hoa Nam và Việt Nam thích ăn cà cuống, mà các dân láng giềng cùng địa bàn môi cảnh như Lào, Thái

Lan cũng rất chuộng cà cuống. Ở Mỹ châu, vùng Arizona là nơi có nhiều cà cuống và rất lớn. Cà cuống ở quê ta chỉ dài bằng chiều dài của ngón tay giữa, cà cuống ở Nam Mỹ dài to bằng bàn tay, chiều ngang của hai cánh đuôi ra có khi hơn hai tấc!

Việc ăn cà cuống của dân ta là một thói tục ăn sâu bọ trong khung cảnh chung của dân các xứ chủ nông từ ngàn xưa. Người ta ăn châu chấu, dế, ve, rươi, cà cuống, tằm nhộng... như là một nhu cầu tận dụng tất yếu, một sự thăng bằng hoá môi cảnh sinh sống. Con người cần phải giải quyết sự sinh sôi của sâu bọ bằng cách nhét chúng vào dạ dày. Ban đầu ta ăn để đỡ đói, nhưng loài sâu nào cũng có cái hương vị độc đáo của nó, đặc biệt có thứ trở thành quyến rũ và đắt giá mà cà cuống là một ví dụ điển hình.

Dầu cà cuống quý và đắt hơn vàng nếu kể theo trọng lượng. Một con cà cuống được có bọng dầu bằng hạt gạo ở sau đất, lấy kim nhể ra chỉ cho một giọt dầu tí ti nhỉnh hơn một cái tăm nước xui. Sau hiệp định Genève năm 1954, vài dân di cư Bắc Việt khôn lanh thay vì mang vàng lặn lưng chạy cộng sản lại mang một chai cà cuống vô Sài Gòn bán lại khảm tiền, lời vô số kể! (theo giáo sư Nguyễn Đình Cát).

Dân Việt nam dùng dầu cà cuống làm gia vị cho những món ăn sau: bún thang, bánh cuốn, ốc hấp, chả cá.v.v.. Đặc biệt bún thang không có cà cuống thì khó mà nổi vị, do đó có câu: "*Ăn bún thang, cả làng đòi cà cuống*".

Con cà cuống đã đi vào nghệ thuật ẩm thực Việt Nam một cách trịnh trọng và thiêng liêng. Dân Pháp uống một hớp rượu quý thì gọi là thưởng thức "một thoáng nghi ngờ" (un soupçon). Dân Việt Nam dùng một món gì quá ít mà quý thì gọi là "chạy thoáng qua" hay "ăn lấy hương lấy hoa". Đối với chất dầu cà cuống đủ thấm ướt một đầu tăm tí hon thì số lượng dùng chỉ có thể nói là "chạy thoáng qua... vài phân tử". Vài phân tử dầu quý báu

này cũng đủ kích thích toàn bộ khứu giác, vị giác của thực khách đến mức sượng... kêu trời:

Ôi Thượng đế! Linh hồn tôi ớn lạnh

*Ngon như trời rét được ăn thang,
Thơm như hương cuống bốc thiên
đàng...*

Dân Việt làm món chả cá ướp vàng lươm với nghệ đem nướng, ăn kèm với thìa là, hành tây, các thứ rau thơm, lạc rang, bánh đa nướng... chấm dấm mắm tôm vắt chanh đánh xủi bọt, gia thêm ớt và cuối cùng là "một chút nghi ngờ" dầu cà cuống. Toàn là những thứ "chết người" với hương vị hăng nồng. Vào thế kỷ 19, các khảo cứu gia tên tuổi tin rằng sự nhận định hương vị tương tự như sự nhận định màu: nhiều hương vị pha lẫn nhau thì sẽ tạo ra một hương vị mới như trộn vàng và xanh ra lục. Kỳ thực, hoàn toàn khác hẳn. Các hương vị trộn với nhau không tạo ra hương vị mới mà lại gây hiện

tượng hoặc làm gia tăng hoặc làm giảm thiểu lẫn nhau. Như chè ngọt bỏ muối ăn ngọt đậm; khế, cóc, xoài xanh chấm muối ăn bớt chua... Món chả cá Việt Nam có thể nói không ngoa là hương vị các thành phần chẳng những không diệt nhau mà còn gây hiện tượng "kỳ duyên phối ngẫu".

Hương vị vừa do mũi vừa do lưỡi cảm nhận mà thành. Chỗ nhận định hương vị bên nhạy tế nhị là ở hốc mũi gần khẩu xoang. Lưỡi có thể nhận định vị ngọt với một độ loãng 1/200, vị mặn 1/400, vị chua 1/130.000, vị đắng 1/200.000, còn mùi hương có thể nhận định với một độ loãng 1/1.000.000.000!

Mùi mắm tôm "cười" mùi cà cuống thì thật là một rung cảm vô cùng vi tế với một phân số của con số lũy thừa bậc tỉ triệu. Đến mức này, không còn là vấn đề của lưỡi và mũi mà là vấn đề "nghe" chuyển đến từng tế bào của châu thân. Ai ơi hãy "ngậm mà nghe" có đúng không?

Ăn dầu cà cuống thì ai cũng biết,

nhưng con cà cuống là gì, sinh sống ra sao, thì cả bàn dân thiên hạ hầu như không mấy ai rõ. Ca dao Việt Nam ít nhiều cũng tỏ ra là cái túi khôn kiến thức qua những nhận xét: "*Cà cuống lội ngược*", "*cà cuống chết đến đất còn cay*".

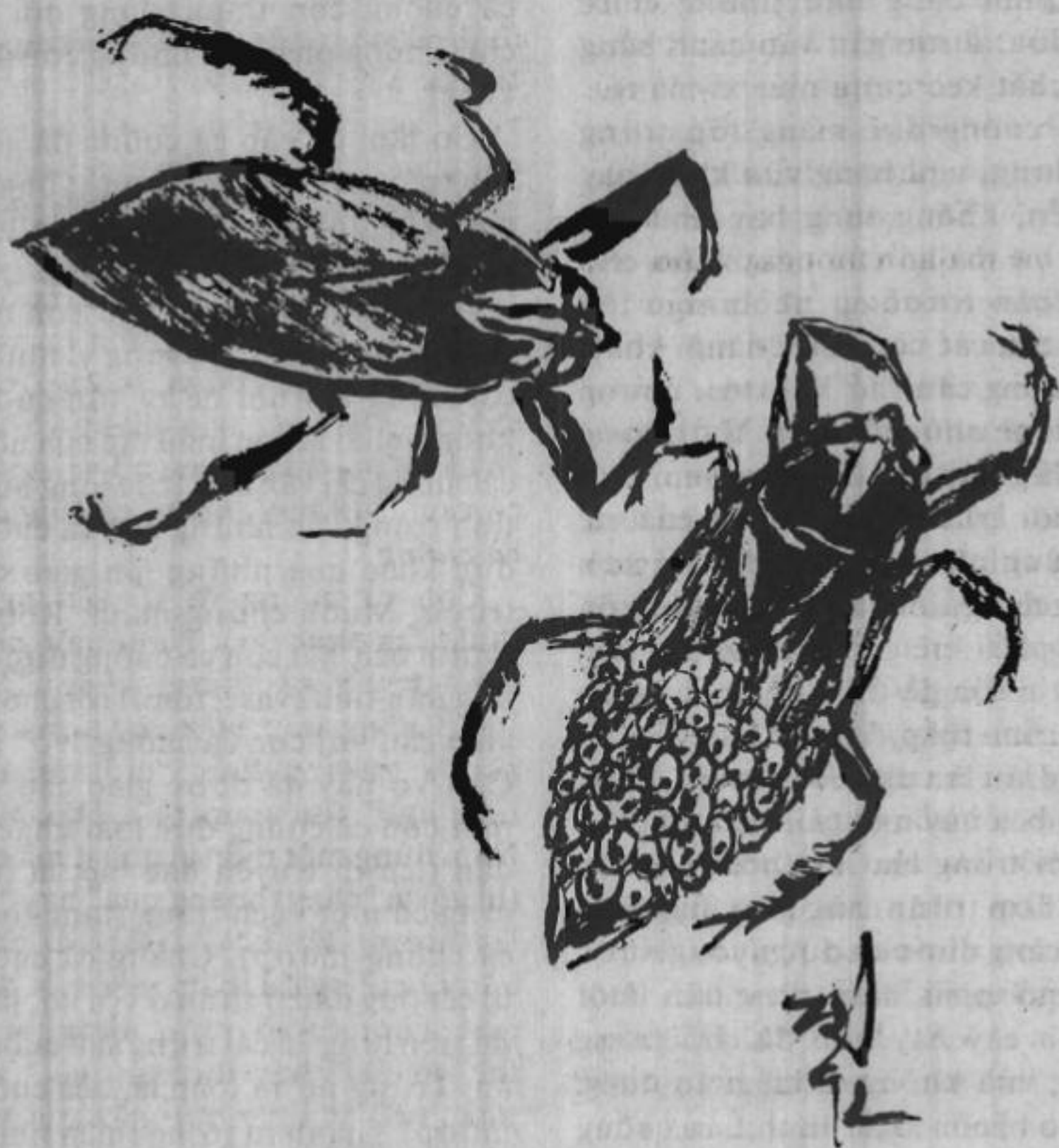
Với nhận xét thông thường, Toan Ánh, nhà học giả về phong tục Việt Nam đã ghi chép: "Cà cuống có hai loại: cà cuống bọng có chất nước thơm được trích ra làm gia vị nhỏ vào nước mắm để chấm thức ăn và cà cuống thịt người ta dùng để ăn. Cà cuống bọng sau khi lấy hết chất nước thơm cũng đem dùng để ăn. Cà cuống thịt được đem luộc và trong khi luộc có chút muối bỏ vào cho thịt đậm" (*Phong tục Việt Nam*, trang 56).

Giáo sư Nguyễn Đình Cát trong cuốn *Cái ăn cái uống Việt Nam qua văn chương bình dân* bằng Pháp ngữ (*Le Manger et le Boire vietnamiens à travail la littérature populaire*) thì lại viết: "Chính cà cuống đực (cà cuống cay) có một bọc tiếp giáp với ống tiêu hoá gần hậu môn, chứa đựng một chất dầu cay tựa mùi quế xông lên như mùi xạ hương. Chất bài tiết này rất dễ bay hơi, có năng lực lan toả phi thường, trong suốt như giọt sương, cà cuống xịt ra như một khí giới tự vệ: *Cà cuống chết đến đất còn cay*".

Thành ra "cà cuống bọng" chính là con cà cuống đực, còn "cà cuống thịt" là con cái!

Qua sự tra cứu của giáo sư Cát, cà cuống có tên khoa học là *Belostoma indica vitalis*: Cà cuống, "đúng ra đó là con sâu to cỡ một con gián lớn, sinh sôi nảy nở nhiều trên những cánh đồng ngập nước ngoài Bắc Việt vào độ cuối xuân. Miền Nam cũng có cà cuống vào lúc giáp mùa mưa. Cách đây vài năm, người ta có thể lượm bắt khá nhiều cà cuống ngoài đường hay bãi cỏ ở Sài Gòn khi trời sắp tối vì cà cuống bu về theo ánh điện..."

Về tên khoa học, cà cuống được gọi bằng tên khác trong sách *Good to eat* của Marvin Harris: *Lethocerus Indicus* mà tiếng Mỹ



thông thường gọi là “con bọ nước khổng lồ” (giant water bug). Để tìm hiểu về sự khác biệt của tên gọi, tra cứu cuốn *A Field Guide to Insects of America North of Mexico* của Donald J. Borror và Richard E. White, tôi thấy chữ *Belostoma* chỉ con cá cuống nhỏ dài cỡ 1 inch (như ở Việt Nam), con cái đẻ trứng để con đực cõng trứng trên lưng cho đến khi nở ra con. Còn những loại cá cuống khổng lồ, lớn hơn thì lại thuộc nòi *Lethocerus*, đẻ trứng trên các cây mọc dưới nước. Như vậy, *Belostoma* hay *Lethocerus* cũng đều là cá cuống nằm chung trong họ *Belostomatidae*.

Cá cuống được mô tả là một con sâu màu nâu nhạt, hình thuôn, mình dẹp, dài cỡ 1 đến 2 inch, hai chân trước ngoặc về trước, thích hợp để nắm bắt mồi, các chân ở phía giữa và sau hơi dẹt thích hợp cho việc bơi. Phần phụ tùng ở đít ngắn và thun rút lại được.

Cá cuống thường rất sẵn ở vùng ao hồ, sinh sống bằng cách bắt đủ các thứ mồi sâu bọ hay thú vật có xương sống nhỏ. Cá cuống ở Á Đông cỡ nhỏ thường bắt ăn các con bọ gậy, lăng quăng. Còn cá cuống khổng lồ ở Nam Mỹ, dài cỡ bàn tay, kiếm ăn bằng cách chụp những con cá lòng tong, có con sục luôn cả ếch nhái. Miệng của loài cá cuống khổng lồ này rất ghê gớm. Ngoài hai hàm rắn chắc để cắn nghiền con mồi, miệng cá cuống còn dùng để rúc vào mồi rồi... hút mạnh. Có người thấy cá cuống hút ăn một con ếch đến nỗi khô teo lại như một cái bong bóng xẹp. Cá cuống là một loại săn mồi ngồi chực (sit and wait predator). Chúng ngấm mình dưới nước, yên lặng trong đám cỏ cây ven bờ ruộng hồ, chờ những con mồi bất hạnh trôi gần lại để đưa hai càng trước ra vồ lấy. Dưới nước, cá cuống trông giống như những chiếc lá khô ngụy trang, tránh sự tấn công của các loài chim thú bắt mồi khác.

Cách sinh hoạt săn mồi của cá cuống đã lạ, nhưng chuyện “thâm cung bí sử”, tình ái riêng tư của loài

bọ xít nước này còn ly kì hơn nữa.

Thói thường, với con người và đa số súc vật trong chuyện tình dục, con đực đóng vai chủ động và ít lãnh nhận trọng trách cưu mang con cái. Bạc tình là thói của đàn ông, vui xuân nào biết xuân chẳng tá, cộc nhối đi rồi lỗ bỏ không. Trái lại, thua thì thua cố giữ lấy con, mang thai và nuôi con là phần của đàn bà. Nhưng đối với loài cá cuống, sự tình hoàn toàn trái ngược. Cá cuống cái là kẻ “lơi lả hoan chào” và tấn công trước, cá cuống đực là kẻ thụ động hầu như hoàn toàn, thận trọng rụt rè trước chuyện lứa đôi. Sở dĩ thận trọng rụt rè vì sau khi bị con cái “ép liễu nại hoa”, cá cuống đực sẽ phải mang trọng trách đeo gánh nặng trên lưng trên cánh. Và cuộc sống làm chồng, than ôi, là một sự hy sinh! Sau mỗi lần giao hoan, cá cuống cái nhận lãnh tinh khí của cá cuống đực vào buồng trứng, nhưng nó không mang trong bụng mà lại đẻ ra trên lưng, trên cánh của con đực. Trứng này được xếp từng hàng gọn ghẽ, hình dạng như những chiếc gáo dừa, được gắn vào cánh bằng một chất keo cứng như xi-măng.

Cá cuống đực mang lớp trứng trên lưng, vừa nặng vừa khó xoay chuyển, không tung bay như hồi chưa vợ mà lại vừa nguy hiểm cho bản thân trước sự nhòm ngó tấn công của các con vật săn mồi khác. Cá cuống cần thở khí trời, nhưng chỉ dám nhô mình ra khỏi nước một lát mà thôi vì sợ bị chim trời mổ bắt. Lũ trứng bào thai trên lưng nó cũng cần khí trời để thở nên lưng con cá cuống đực luôn luôn phải phơi trên mặt nước. Trứng ngấm nước dễ thối, dễ ủng vì meo mốc, ẩm thấp, do đó ông bố cá cuống lâu lâu phải leo lên cạn để lác mình bên này một cái, vẩy lưng bên kia một cái cho lớp trứng được khô. Lớp trứng càng lớn càng nặng trĩu, càng dìm con đực xuống nước nên nó phải nằm dựa trên một nhánh cây hay hòn đá. Đã mang nặng, vừa không đi kiếm ăn được vừa lo bị con khác ăn thịt, cá cuống

đực còn bị con cái khát tình, lâu lâu trở về bắt chàng “phục vụ” để rồi để thêm trên lưng dăm ba chục cái trứng mới nữa!

Cả cuống cái rảnh tay thành thói đi kiếm ăn thêm để lấy sức mà đẻ thêm trứng, đồng thời kiếm thêm nhiều chàng đực khác. Một lần giao hoan không đủ đem lại tinh khí cho số lượng trứng cần thụ tinh nên gặp con đực nào, cá cuống cái cũng nài ép.

Robert Smith, chuyên gia về côn trùng và môi sinh ở Arizona, đã khảo cứu về thái độ tình dục của loài cá cuống *Abedus Herbetii*. Con đực của loài này cần thận và mắc cỡ đến mức tối đa. Bị nài ép, nó chỉ để con cái đẻ hai ba trứng trên lưng trước khi chịu giao cấu. Cái trò này gọi là “giao cấu bảo đảm” (insurance copulations) vì loài cá cuống cũng quan tâm đến vấn đề bảo đảm phụ quyền. Vì con cái có thể tích trữ tinh khí từ nhiều lần giao cấu trước, nên con đực phải... liên tu bất tận giao hoan để tăng phần bảo đảm sẽ sản sinh ra nhiều cá cuống con thuộc dòng dõi nó chứ không phải của những con đực khác!

Có lần, có cặp cá cuống đã giao cấu trên một trăm lần trong vòng 36 giờ, kết quả đẻ ra 144 trứng trên lưng con đực. Những tưởng rằng như thế là chắc ăn, ai ngờ con đực vẫn bị con cái... cạm sừng vì những cá cuống hài nhi đẻ ra vẫn có thể không phải là con máu mủ của nó vì cá cuống cái vẫn tích trữ trong bụng tinh trùng của những con cá cuống đực khác qua những lần giao cấu trước. Muốn chứng minh, Robert Smith bèn bắt con cá cuống đực cắt ống dẫn tinh (vasectomi) rồi cho nó giao cấu với con cá cuống “vợ” nó. Con vợ này đã được giao cấu với một con cá cuống đực loài khác có dấu tích di truyền đặc biệt là trên lưng có một vạch trắng (tạm gọi là cá cuống mướp). Chàng cá cuống bị cắt ống dẫn tinh ăn ở với vợ, lãnh đủ trên lưng 75 cái trứng sau cuộc ái ân. Trứng nở ra toàn là... cá cuống mướp! Thành ra trong thiên nhiên,

cái cảnh cà cuống đực có vợ đi “bổ lễ” hay “thả cỗ” là chuyện thường, bởi vậy kẻ viết này bèn có vài câu thơ vịnh rằng:

Chàng chiều thiếp, trứng mang con cống

Thiếp phụ chàng, đuổi mộng tìm mơ

Một mai con nở ấu thơ

Con chàng con thiếp... đổ ngờ chạ lang

Thật đúng như ca dao Giao Chỉ:

Có chồng càng dễ chơi ngang

Đẻ ra con thiếp, con chàng, con ai!

Loài sâu bọ thú vật thường hành động theo bản năng. Nói theo kiểu điện tử thì thái độ của chúng đã được thảo chương (programmed). Tuy nhiên đôi lúc vẫn có trường hợp học hỏi thêm qua điều kiện môi trường để rồi di truyền cho con cháu.

Trong thiên nhiên, con cái thường dụ dỗ rù quên nhiều con đực giao hoan, nhưng sự việc độc thê ở vài loài sâu bọ không phải là không có. Điều đó do sự tạo ra, đóng góp của con đực. Tỉ dụ như giống bướm Heliconiid, con đực trong khi giao hoan, phun ra một chất dầu rất dễ bay hơi làm ướt con cái. Chất dầu này làm những con đực khác tránh xa, đồng thời khiến con cái hết khả năng quyến rũ kẻ khác. Lawrence E. Gilbert của đại học Texas gọi chất này là chất “cụt hứng” (hay “phản kích dâm, antiaphrodisiac). Ông ngờ rằng chất này có ích trong việc giúp tiết kiệm thì giờ và năng lực của hai bên đực cái trong vấn đề sinh sản. Chất “cụt hứng” này có mùi nồng hăng của hạt dẻ đại đực con đực chế ra bằng các hạch ngoại tiết và chứa trong một cặp túi dầu rất khéo ở dưới bụng để khi con cái cùng giao hoan phải thọc một cặp chân của nó vào đó. Thành ra, khi cặp chân này đã “trót nhúng chàm” rồi thì các con đực khác đều biết mà tránh xa. Mùi này bền hàng tuần, có khi hàng tháng. (*Insect worlds* của Lorus J. Milne và Margery Milne).

Thornhill, nhà côn trùng học, đã mô tả đại loại có ba phương pháp

phù hoa

*Thùy nhân quy cố viên,
Kiến hoa lạc đình tiền.
Thương hoa như cố nhân
Phù hoa kỷ độ tàn?*

thúy sơn

翠
山

誰人掃故園
見花落庭芳
傷花以故人
笑花无度殘

翠
山

常旂王少新氏
今日他鄉新臺立
同心光復錦江山

hoa phù dung

*Ai về nhặt những cánh hoa rơi
Kết lại thành thơ nhớ một người
Đừng để hoa trôi, thuyền lạc bến.
Phù dung rã cánh mấy lần rồi?*

thúy sơn

笑
花

常
旂

lau kỳ

*Vạn Thắng Vương tiền vị cứu dân,
Lau kỳ thiết lập trận hành quân.
Kim nhật tha hương kỳ đài lập,
Đồng tâm quang phục cầm giang sơn*

thúy sơn

cờ lau

*Xưa kia Vạn Thắng Vương
Dựng cờ lau cứu nước,
Ngày nay dân Việt ta
Dựng lại ngọn cờ vàng
Nơi vùng trời hải ngoại,
Trên dưới cùng một lòng
Quân dân đều nhất trí,
Quyết quang phục non sông.*

thúy sơn

mà các con sâu đực thường sử dụng để đạt đến việc giao cấu với con cái:

Cách thứ nhất, khi con đực (như loài Scorpionflies) kiếm được một chỗ rất nhiều thực phẩm, nó cấm các con đực khác lai vãng. Con nào ngoan cố mò đến là nó dùng chính cái “ngọc hành” to của nó để phang

địch thủ bề sọ (*using their large genital bulb as a club*). Nó cũng tiết ra một mùi hương đặc biệt để rù quên con cái lại ăn (*Pheronome*, xin tạm dịch là “chiều tình hương”). Những mối trên được coi như quà cưới. Nàng ăn uống no say rồi cùng chàng giao hợp.

Cách thứ hai: con đực cũng dùng chiêu tình hương rồi nhả ra một số lượng nước bọt khổng lồ để nâng cái đến ăn. (chén quỳnh tương nốc cạn cuộc mây mưa!)

Cách thứ ba: chẳng cần tiệc cưới lời thề, nàng vừa mò đến là chàng kẹp ngay lấy, vùi hoa dập liễu ngay.

Giống sâu bọ đôi lúc cũng ghen tuông, tìm cách tránh cảnh “mẹ gà con vịt”. Jonathan Waage của Brown University thấy rằng dương vật của vài giống chuồn chuồn có hai công dụng: với một đầu móc ngoéo hình dạng như cái muỗng múc kem, nó múc sạch tinh khí chứa trong đường âm đạo của con cái rồi mới trôn trọng đầu tư giọt nước ân ái của nó vào (*Insect biology* của H. Evans tr. 197).

“Chiều tình hương” (pheromone) là chất mà một con vật tiết ra lan trong không khí để dụ con khác lại. Chữ pheromone được hai tác giả P. Karlson và M. Luscher dùng đầu tiên vào năm 1958 trong cuốn *Nature*, dựa theo ý của Aristote qua cái tên “Zephyria” (gửi hương cho gió). Chính nhà thiên nhiên học Pháp Jean Henri Fabre là người khám phá ra năng lực phi thường của chiều tình hương khi ông giam một con ngài cái lớn trong phòng thí nghiệm. Sáng hôm ấy, nhà cửa ông bị tràn ngập vì đàn bướm ngài đực bay tứ phía lại, lọt vào tất cả các cửa sổ bỏ ngỏ. Sau khi con ngài chết, nó còn dụ thêm được 150 con đực trong tám buổi tối liên tiếp. Lũ ngài đực ấy chắc phải ở thật xa, đến 2, 3 cây số vì trong vùng ông Fabre, trứng ngài loại này rất hiếm do rất ít cây hạnh nhân cổ thụ để các con bọ ngài sinh sống.

Côn trùng còn trang bị một loại dầu khác để tự vệ. Chất dầu này được các nhà khảo cứu mệnh danh là Defensive allomones, tôi xin tạm dịch là “khu dị chất” (chất đuổi kẻ lạ). Chất này có mùi vị hăng nồng khiến địch thủ phải tránh xa hoặc phải nhả ra khi ăn phải, chẳng hạn như con sâu ban miêu (Spanish fly). Ở các loại kiến, bọ hung, sâu róm, khu dị chất có công thức tựa như

formic và acetic acids. Ở loài gián hôi, chất này có thể là một thứ aldehyde. Nơi vài loài cánh cam, cánh quít, bọ hung và rít, chất này là những chất benzoquinones. Ở loại sâu “địt lửa” (bombardier beetles), chất này xít ra như một luồng khí nóng lên đến 100 độ bách phân. Nguyên do là ở đất giống sâu này có hai bọ chứa: bọ trong chứa hydro quinones (diphenols) trộn chung với hydrogen peroxide, khi bị tấn công, chất này bắn ra bọ ngoài chứa nhiều chất xúc tác tạo ra một phản ứng hoá học nổ. Người ta có thể nghe con sâu “địt” một tiếng lớn kèm một sức nóng cao.

Qua câu “cà cuống chết đến đất còn cay” của dân Việt, tôi nghĩ rằng dầu cà cuống là một thứ khí giới tự

vệ mà cà cuống xít ra khi bị lâm nguy. Nó có thể là một chất hoá học loại aliphatic mà con vật khác rất sợ. Tuy nhiên vì ở vùng tôi ở không có thư viện lớn đủ tài liệu để tra cứu tường tận về vai trò của chất dầu cà cuống nên tôi vẫn chưa dám đoán chắc về công dụng của nó. Nếu bạn nào hiểu rõ, xin cho tôi biết với.

Trở lại lịch sử, Lê Quý Đôn trong cuốn *Vân Đài loại ngữ*, khi tra cứu về con cà cuống qua vài cuốn sách Tàu biên khảo về đủ các vật loại trong thiên hạ mang tên *Tạp trở*, thì con cà cuống có cái tên rất ngộ là... rận rông (long sát). Theo sách này, rận rông sống ở các ruộng nước nam phương, mình giống như con bọ hung, màu đen nhạt, mỏng, có mùi thơm như quế.

Cái mùi thơm như quế của con



rận rỗng một gỗ quả là hấp dẫn với lỗ mũi của các chú con trời, thậm chí cuốn tự điển khoa học danh tiếng của họ là *Động vật học đại từ điển*, xuất bản năm 1924 ở Thượng Hải vẫn gọi con cà cuống bằng cái tên khoa học: *Pandemis cinnamomeana* (cinnamon: quế) và một cái tên La-tinh khác là *Xylotrechus rufilius* (xylo: gỗ)!

Con cà cuống lần đầu đi vào lịch sử ẩm thực của nhân loại với cái tên Đà cống qua cuốn *Hán thư*. Sách này chép rằng Triệu úy vương Triệu Đà ở đất Nam Việt đã dâng cho Hán triều hai đĩa sâu quế làm cống phẩm.

Cũng nhắc đến con “sâu quế” danh tiếng này là một cuốn sách Tàu tên *Ta yeh shih yi lu* (Đời Đường). Sách này nói rằng vào đời Tùy, dân ở đất Quảng Tây có dâng bốn chai cà cuống đựng trong mật ong.

Đến đời Minh, trong cuốn dược điển danh tiếng *Bản thảo cương mục*, Lý Thời Trân đã xếp cà cuống vào các loại sâu bắt trên các thứ cây để làm thuốc như liễu (liều đồ trùng), đào (đào đồ trùng). Cà cuống (quế đồ trùng) theo Lý Thời Trân, có dược tính sau: vị cay, tính ấm, không độc và có công dụng làm giảm phế đàm, trị đau bao tử.

Ngoài ra, theo Ch'en Tsang Ch'i, dầu cà cuống dùng trị sự ớn lạnh (có lẽ do tính ấm của quế!) truyền cho cà cuống.

Từ chuyện cà cuống, tôi nhớ lại một kỷ niệm về món ăn và hương vị mà trong thời gian đi cải tạo, một anh bạn đã luận bàn rất thú vị. Ngày ấy, tôi gặp một anh bạn đồng tù lịch lãm. Anh là một kỹ sư hoá học rất sành chuyện ăn nhậu. Theo anh thì dân Việt Nam mình biết thưởng thức món ăn hơn các giống dân khác. Này nhé, ta có món se se mía ở Mỹ Tho. Chim sẽ ăn mía nên thịt nó ngọt lừ. Ta có mật ong nhẩn nuôi trong rừng nhẩn thơm lừng mùi nhẩn. Ta có cách nuôi ếch dứa: ếch bỏ trong quả dứa nuôi lớn, thịt mềm béo như cùi dứa. Và một món vô cùng độc đáo là món thịt bò kiến

chanh. Anh kể, ở vùng anh, dân nhậu rất ưa món này:

— Thịt bò xắt từng lát mỏng và dài rồi treo lên cây chanh. Phải chọn cây chanh nào có tổ kiến bự và đang mùa hoa. Kiến này ăn lá chanh, hút hương mật của hoa chanh. Thấy thịt tươi, kiến bu lại từng đàn để ăn, đồng thời đái vào thịt khiến màu thịt đỏ trở nên tái lại. Sau đó dân nhậu gỡ những lát thịt bò đỏ xuống, vắt chanh vô... nhậu sống một cách dã dượi sau khi ‘đánh trót’ vài tợp rượu đậu nành...

Thịt bò kiến chanh có một hương vị đặc biệt. Ngoài cái ngọt của thịt bò, cộng thêm cái chua của nước chanh, dân nhậu tụi tôi còn thưởng thức được một cách tinh vi cái vị vừa chua vừa cay vừa tê của nước đái kiến vốn chứa các thành phần hoá học như acetic và formic acids cùng aldehyde, cái thơm của tinh dầu từ lá chanh, của nhụy và mật từ hoa chanh... Món thịt bò kiến chanh này chỉ có thể ăn ở vùng tôi vì có nhiều vườn chanh vườn cam. Kiến ở vùng khác, nước đái chỉ nồng hoặc hôi cay. Khi ra nào tù, tôi mời anh xuống vùng tôi nhậu một lần cho biết...

Thoáng thấy vẻ nghi ngờ trong ánh mắt tôi, anh bạn kỹ sư hăng hái giải thích:

— Dân Bắc khoái ăn dầu cà cuống là một tiết chất của con bọ xít ruộng. Nước đái kiến chanh cũng là tiết chất của một loại côn trùng ăn lá chanh và nhụy mật hoa chanh. Người ta ăn mật ong và mề. Mật ong là công trình chế tạo của loài ong, còn mề là dòi cơm, dòi cháo được lên men lactic acid... toàn là những chất thiên nhiên, quả của thượng đế tặng cho nhân loại...

Ngừng một lát để lấy hơi và vận dụng kiến thức thông kim bác cổ của anh, anh hỏi tôi:

— Anh đọc Kinh Thánh, chắc có đọc đoạn nói về món ăn Manna mà lưu dân Do Thái được ăn khi đói lòng lúc đi lạc trong sa mạc dưới sự hướng dẫn của Moise rồi chứ? Manna là của tự trời ban xuống đó, họ đã tin như vậy. Đoạn này ở

trong chương Exodus. Theo sự khảo cứu sau này, Manna là tiết chất của một loài sâu có vẩy trên những bụi cây, hình như có tên là Tamarisk, một loại cây mọc nhiều ở vùng Á Âu. Món Manna vị lạt lẽo nên lưu dân Do Thái sau khi đói đói dạ đã trở nên chán, cơ hồ muốn nổi loạn, bắt Moise phải nhọc lòng trấn an.

Còn món chả cá Lã Vọng hay Thăng Long mà người Bắc mấy anh ưa ăn đó, ngon quá trời phải không? Anh biết nó ngon là nhờ... ướp mề đó. Vấn đề là phải biết tận dụng và biết nghệ thuật sử dụng của trời cho. Con người sau khi giải quyết vấn đề bồi dưỡng cơ thể, thường đi đến việc trau dồi nghệ thuật thưởng thức mùi vị qua cách ẩm thực. Cái mũi và cái lưỡi của con người đã biết thẩm định, phân biệt một cách vô cùng tinh tế. Đừng tưởng tất cả các mùi thơm đều có công dụng giống nhau. Một chút nước hoa dính vào đĩa thức ăn sẽ làm hỏng bữa ăn đó vì nước hoa chỉ để ngửi bằng mũi. Một chút nước mắm nhĩ hay mắm nêm mà dính vào ngực áo nàng sẽ giết chết tính mộng mơ của lần hò hẹn. Mắm nêm hay nước mắm nhĩ chỉ thơm khi tiếp nhận ở vùng đốc giọng, biên giới giữa mũi và lưỡi mà thôi...

Câu chuyện cà cuống của tôi kéo dài đến đây, thiết tưởng đã tạm đủ. Hẹn tái ngộ quý vị trong một bài khác cũng về nghệ thuật ẩm thực của quê hương.



Tài liệu tham khảo:

- *Phong tục Việt Nam*, Toan Ánh.
- *Văn Đại loại ngữ*, Lê Quý Đôn.
- *Insect Biology*, Howard E. Evan.
- *Insect World*, L.J. Milne và M. Milne.
- *A Field Guide to the Insects of America*, Donald J. Borror và Richard E. White.
- *A Natural History of Sex*, Adrian Forsyth.
- *Le Manger et le Boire Vietnamiens à travers le Littérature Populaire*, Dr. Nguyễn Đình Cát.

Một cô bạn trẻ đã có lần than thở với kẻ viết bài này rằng cô rất ân hận vì dù sinh trưởng ở Việt Nam nhưng cô chưa hề được thấy một ngôi đình làng nào ở quê nhà. Lý do khiến cô bứt rứt là bài thuyết trình cuối năm cô phải soạn cho môn xã hội học, có liên hệ ít nhiều tới ngôi đình làng và tục thờ thành hoàng nơi cổ quận. Cô còn cho biết có đọc tài liệu đâu đó nói rằng muốn chiêm ngưỡng một mái đình thì ít nhất phải bỏ ra miền Trung nước Việt, hoặc hách hơn nữa thì vượt sông Bến Hải ra xứ Bắc mới hòng tìm ra hình ảnh đặc thù ấy của quê hương. Xứ Nam Hà mới khai phá của cô thì làm gì có đình! Cô bạn cười khi, thú thực là từ thuở cha sinh mẹ đẻ cho đến ngày biệt xứ, cô chưa hề bước chân khỏi chốn Sài thành hoa lệ, vì vậy vấn đề đất Nam kỳ không có ngôi đình nào xét lại thì cũng chẳng quan hệ gì.

Nhưng cô đã lầm to. Có anh bạn từng nghiên cứu về thôn quê Việt Nam, từ Paris sang chơi, đã đem qua một mớ sách báo cho thấy ngay ở xứ Sài gòn xã hội chủ nghĩa hiện nay cũng còn dăm ba cái đình. Tiêu biểu là đình Nhơn Hoà ở Cầu Muối, Cầu Ông Lãnh, Cầu Cháy đứng ra quản lý, tổ chức các buổi hội hè tế lễ, có cả hát bội giúp vui.

Cô bạn lại hỏi tôi có biết gì, nhớ gì về ngôi đình không. Bạn ơi, có chứ! Làm sao tôi quên được ngôi đình mái cong rêu phong nơi sinh quán ở ngoại vi thành Huế! Sân gạch óng vàng những chiều nắng quái. Dăm ba cụ tuổi hạc mình mai sừng sững trong tấm áo thụng xanh vào những ngày đại lễ. Nhớ và... nhớ rất nhiều! Còn biết gì về ngôi đình theo nghĩa khoa học xã hội thì, dù chỉ biết lơ mơ, tôi cũng xin chịu khó lục lạo, nghiên cứu trong đồng sách vở để cống hiến bạn đọc vài nét về ngôi đình Việt Nam.

Nói tới đình, thiết tưởng cần bàn qua về cá tính của làng xã Việt Nam.

Làng xã là biểu tượng cho đơn vị nhỏ nhất trong bộ máy hành chính



Vài Nét về Ngôi Đình và Tín Ngưỡng Thành Hoàng

Cao Xuân Tú

quốc gia, nhưng mỗi làng tự nó lại là một xã hội riêng lẻ, có tính độc lập, thể hiện qua câu tục ngữ "Phép vua thua lệ làng" hoặc "Chợ có lệ, quê có thói"... Sinh hoạt làng xã còn mang tính dân chủ, các chức sắc không do triều đình chỉ định mà được dân làng bầu ra. Về mặt tình cảm, mối ràng buộc của người dân với làng xã có khi rất quyết liệt, khẳng định:

*Ăn chanh ngồi gốc cây chanh
Lấy anh thì lấy, về Thanh không về*

Và dân làng dù phải làm ăn xa, vẫn không quên về thăm quê vào dịp hội hè, đình đám:

*Dù ai buôn đâu bán đâu
Mồng mười tháng tám chơi trâu
thì về*

Ngay cả đám sĩ phu rời quê hương theo đường khoa hoạn, đến lúc hưu trí cũng lại quay về làng cũ an hưởng tuổi già. Cái tâm lý gắn bó với đất tổ, với đồng ruộng ấy có lúc khiến kẻ hàn sinh đắn đo ngẫm nghĩ:

*Công danh theo đuổi mà chi
Sao bằng chăm chỉ giữ nghề canh
nông!*

Nói đến tính độc lập của làng xã, ta phải nhắc tới công trình kiến trúc có tính cách tín ngưỡng của mỗi làng. Đền, miếu phát hiện từ

khoảng đời Lý (1010-1225). Chùa đã có từ đời Đinh (968-980), nhưng mãi đến khi Lý Công Uẩn lên ngôi, đưa đạo Phật lên hàng quốc giáo thì việc xây dựng chùa chiền mới đến kỳ cực thịnh với kỹ thuật điêu khắc tinh xảo.

Khảo sát cổ sử, ta thấy từ *đình* phát hiện sớm nhất là vào đời Trần, do chữ *đình iрам* mà ra, được ghi trong một tờ chiếu của Thượng hoàng Trần Thái Tông năm 1231, để chỉ các kiểu nhà vách quét vôi trắng dùng làm chỗ nghỉ chân cho khách bộ hành vào mùa nắng. Những ngôi đình theo nghĩa là nơi thờ thần hoàng của làng chỉ mới có khoảng đầu đời Hậu Lê (thế kỷ 15), đồng thời với sự hưng thịnh của Nho giáo. Tờ sắc sớm nhất còn lưu lại là do triều đình nhà Mạc cấp cho thành hoàng đình Tư Dương (nay thuộc tỉnh Hà Sơn Bình) vào năm 1574. Cũng từ thời điểm này, ngoài chức năng tín ngưỡng, đình còn là nơi qui họp các sinh hoạt chính trị, văn hoá của làng xã. Nhưng phải nói đình chỉ bắt đầu phát triển mạnh kể từ thế kỷ 17 trở đi.

Nói chung, đời sống tâm linh của người dân trong một làng được biểu hiện qua tín ngưỡng thành hoàng. Dưới chế độ phong kiến, nếu vua là chủ thể của toàn dân trong nước, thì thành hoàng được xem như vị "vua" đối với dân một làng. Và nếu sự thờ cúng tổ tiên tượng trưng cho đời sống gia đình và việc nối dõi, thì việc thờ phụng thành hoàng biểu tượng cho sự trường tồn của làng xã.

Thành hoàng thường là vị tiền nhân có công sáng lập làng hoặc là phúc thần có công với dân làng. Ngoài trừ các tà thần được thờ ở một số làng, phần lớn các thành hoàng đều được phong làm đại vương theo chiếu sắc vua ban, cao thấp có ba hạng: đệ nhất, đệ nhị, đệ tam. Thành hoàng có thể là người, vật, hay một hiện tượng thiên nhiên nào đó. Thành hoàng được xem có chức năng tối cao, gia công bảo trợ và có quyền thưởng phạt cho mỗi thành viên trong cộng đồng làng xã.

Thành hoàng còn tác dụng như sợi dây vô hình gắn bó dân làng thành một đoàn thể liên đới có tổ chức chặt chẽ. Qua việc khảo sát tín ngưỡng thành hoàng, ta có thể mô phỏng quá trình phát triển cùng khảo sát đời sống xã hội, kinh tế, chính trị và văn hoá của một làng. Tính cách độc đáo của tín ngưỡng thành hoàng nổi bật ở điểm thành hoàng chỉ có giá trị thiêng liêng đối với dân trong địa phận *một* làng mà thôi, ngoại trừ trường hợp nhiều làng khác nhau cùng thờ một thành hoàng. Ra ngoài lũy tre xanh, thành hoàng của một làng không có giá trị thần linh đối với làng khác. Thành hoàng linh thiêng của làng này có thể là mục tiêu chế nhạo của làng bên.

Trong số các nhân vật được phong làm thành hoàng, không thiếu các bậc minh quân, anh hùng liệt nữ như Bồ Cái Đại Vương, Đinh Tiên Hoàng, Lý Thái Tổ, Lý Thường Kiệt, Hưng Đạo Vương, Hai Bà Trưng, Bà Triệu... Thành hoàng còn là các vị thần được sùng bái theo dã sử, huyền thoại dân gian như Phù Đổng Thiên Vương, thần Tản Viên, Chử Đồng Tử... Thành hoàng cũng có thể là thần nhân địa phương, một ví dụ là làng Đào Xá (tỉnh Vĩnh Phú bây giờ) thờ Hùng Hải Công và ba người con được vua Hùng sai đến giữ làng để chống lại Thủy Tinh dâng nước làm ngập lụt. Cái tên Đào Xá còn dính líu ít nhiều tới lịch sử qua thời Lý, Trần. Theo thần tích còn ghi lại ở bia làng, khi Lý Thường Kiệt kéo quân đi đánh Tống sang xâm phạm nước ta năm Bính Thìn (1076), vào tháng bảy có ghé lại đền Đào Xá và được thần nhân hiện lên báo mộng quân Nam sẽ thắng. Sau khi thắng trận, vua Lý Nhân Tông (ở ngôi 1072-1127) ban sắc phong cho Hùng Hải Công và ba người con. Vào cuối đời Trần, vua Nghệ Tông (Trần Phủ) khi còn là Cung Định Vương tránh nạn Dương Nhật Lễ lánh ra Đào Xá có đến cầu khẩn thần rồi sau đó hợp quân kéo về Thăng Long lấy lại ngôi báu. Khi

cuộc chinh lý thành công, Nghệ Tông lên ngôi cũng lại phong sắc cho các thần làng Đào Xá một lần nữa.

Tại những làng có nghề thủ công cổ truyền, thành hoàng thường là vị thủy tổ các ngành này. Thành hoàng làng Chuyên Mỹ (tục gọi làng Ngọ, Hà Sơn Bình ngày nay) là Trương Công Thành, tướng của Lý Thường Kiệt, được xem là thủy tổ ngành khảm. Suốt chiều dài lịch sử Việt Nam, nhiều nghề thủ công được du nhập từ Trung Hoa do các vị sứ thần nước ta học hỏi được trong những dịp vâng mệnh vua đi cống sứ thiên triều. Trong số này phải kể Lương Nhữ Hộc (1420-1499), người làng Liễu Chàng, tổ nghề in; Nguyễn Thời Trung, tiến sĩ đầu triều Mạc (thế kỷ 16) người làng Trúc Lâm, tổ nghề thuộc da đóng giày dép; Phùng Khắc Khoan (1528-1613), trạng nguyên làng Bùng, tổ nghề dệt. Ngoài ra còn nhiều vị thánh sư khác như Phạm Đôn tổ nghề dệt chiếu (thế kỷ 5); hoà thượng Không Lộ tổ nghề đúc đồ đồng (thế kỷ 11); ba anh em Trần Hoà, Trần Điền, Trần Điện đời Lý Nam Đế (thế kỷ 6) tổ ngành kim hoàn... Tuy nhiên cũng có trường hợp ngoại lệ, tỉ dụ như làng Châu Khê (tỉnh Hải Hưng) chuyên nghề đúc bạc từ nhiều thế kỷ, đã không thờ Lê Xuân Tín, vị thượng thư có công gây dựng ngành đúc bạc dưới thời Lê Thánh Tông, mà lại thờ Hoàng đế Hiến Viên, một nhân vật thần thoại Trung Hoa, làm tổ bách nghệ.

Nhưng việc tôn thờ thần nhân không phải lúc nào cũng trôi chảy dễ dàng. Các vương triều ngày trước theo quan niệm Tống Nho dĩ nhiên không muốn các tập tục tín ngưỡng địa phương xâm lấn uy quyền trung ương mà nhà vua là chủ thể. Phạm Đình Hổ, tế tửu Quốc Tử Giám đời Minh Mệnh, trong cuốn *Vũ trung tùy bút*, đã lên án tệ nạn "thần nhân tạp nạp, cường hào đua nhau mũ cao áo dài, cúng tế xa xỉ", thậm chí "đút lót để cầu sắc phong cho thần"! Lời phê phán này

có lẽ Tùng Niên tiên sinh dùng để chỉ trích tình trạng xã hội thối nát đưa tới tệ nạn phong sắc bừa bãi cuối đời Lê Trịnh, nhưng cũng có thể ám chỉ việc một số quan chức giả mạo sắc phong dưới thời Nguyễn sơ.

Chính vua Gia Long sau khi lên ngôi không lâu đã xuống dụ cho các quan phải sửa sai việc xã dân Bắc Hà "siểm nịnh thần kỳ... tiếng là thờ thần, thực ra là thoả lòng dục...".

Quả vậy, vào năm 1811 đã nổ ra vụ tai tiếng dính líu tới Đặng Trần Thường, binh bộ thượng thư, trong việc dấu nhậm việc phong cho tướng Trịnh là Hoàng Ngũ Phúc làm phúc thần với danh xưng rất kêu: Thanh Danh Văn Võ Thánh Thần Đại Vương. Hoàng Ngũ Phúc vốn bị xem là kẻ thù của nhà Nguyễn bởi vì trước đó, vào năm 1774, theo lệnh chúa Trịnh Sâm, họ Hoàng đã đem quân vượt sông Gianh đánh chiếm Phú Xuân làm cho chúa Nguyễn là Định Vương Nguyễn Phúc Thuần phải chạy vào Gia Định cùng với đám tông vong, trong đó có cậu bé Nguyễn Phúc Ánh sau này là vua Gia Long, người sáng lập Nguyễn triều. Cùng bị tội với Đặng Trần Thường có Nguyễn Gia Cát và Vũ Quý Đĩnh, đã giả mạo 560 đạo sắc, kể cả sắc phong cho ông cha và bố mẹ vợ của mình!

Trở lại câu chuyện ngôi đình. Nếu một số lớn các gia đình ở Việt Nam thường lập bàn thờ tổ tiên trong nhà và các tộc lớn có nhà thờ họ, thì dân một làng cũng dựng lên khuôn ốc với kiến trúc đặc biệt để thờ phụng thành hoàng: đó là ngôi đình. Đình được xem như tài sản chung của làng, dựng lên bởi sự đóng góp của toàn thể dân làng và là niềm hãnh diện chung vì nó biểu trưng cho sự trường tồn của làng xóm qua bao lớp sóng phẩy hưng. Một số bia còn lại ở các đình miền Bắc đã ghi công đức của dân làng trong việc xây đình, như bia đình Thọ Hà (tỉnh Hà Bắc, xây năm 1685) đã ghi tên hàng trăm người

đóng góp tiền của. Cũng có đình không dựng bia nhưng trên mỗi bộ phận chính của đình có ghi tên người và số tiền đóng góp.

Đình thường được lập ở nơi khang trang, quanh khuôn viên rợp bóng cây lớn, nhưng cũng phải thuận tiện cho dân làng đi lại trong những dịp hội hè, tế lễ. Dựng đình phải chọn ngày lành tháng tốt. Hướng đình phải là nơi có vị thế rộng chầu hổ phục mới mang phúc lành cho dân làng. Ngô Thì Nhậm, nhà chính trị kiêm nhà thơ lớn cuối thế kỷ 18 còn để lại một bài ký ghi việc xây đình Thủy Nhất ở núi Dục Thúy, tỉnh Ninh Bình. Bài thơ *Sơn Đình* ông cảm tác khi ngắm một ngôi đình chơ vơ giữa núi, đã có những câu thanh thoát:

*Thực thực cô đình ý bích không
Thanh quang biệt chiếm nhất hồ trung*

Thiên tình cảm chúc thiên chương thụ

Địa viễn hương phiêu tứ tự phong...

Tạm dịch:

Sừng sững ngôi đình dựa trời xanh

*Một bầu sáng trong giữ một mình
Tánh ngày gấm dệt cây muôn vẻ
Xa đất bốn mùa gió thoảng hương...*

(theo Khương Hữu Dụng)

Thoạt đầu cấu trúc ngôi đình khá đơn giản, làm theo hình chữ nhất 一, sau khai triển theo hình chữ đinh 丵 viết ngược, hoặc chữ công 工, thêm vào phần hậu cung kín đáo uy nghi để thờ riêng thành hoàng, nhà tiền tế bề thế rộng rãi là nơi cử hành tế lễ. Nhà tiền tế, hay đình ngoài, còn chia làm trung đình, nơi quan viên cử hành tế lễ, cùng với tả gian và hữu gian hai bên một cái sân khá rộng. Hai gian này dành cho dân làng tùy theo thứ bậc ngồi vào. Một đặc điểm là đình ở miền Bắc có làm sân, trong khi đó phần lớn đình ở miền Trung thường không có sân. Mặt sân thường có hai, ba bậc mục đích để phân định chỗ ngồi cao thấp cho các hào lý, quan viên vào những dịp

tế tự, bàn cãi việc làng.

Đình được xây to nhỏ khác nhau tùy theo mức dân số, khả năng kinh tế của mỗi làng. Nhiều ngôi đình rộng đến bảy, tám gian, cột đình rất lớn, đường kính có khi lên tới 70cm. Gỗ dùng làm đình phải là thứ tốt như mít, lim... Có đình tất phải có thợ chuyên môn làm đình, nhờ sự góp sức của nhiều hiệp thợ các ngành nề, mộc, chạm, khảm, sơn... Làm một ngôi đình phải có sự phối hợp thường xuyên giữa các hiệp thợ vì công trình xây dựng thường kéo dài hàng năm. Nhưng phải nói trong các ngành này, môn mộc giữ vai trò trọng yếu về xây dựng hạ tầng kiến trúc cũng như về mặt mỹ thuật. Không phải một tay mộc giỏi nào cũng có thể chuyển ngay sang làm đình, mà phải qua một thời gian học hỏi, thực tập. Truyền thống đặc chuyên làm đình đã có từ lâu đời ở một số làng miền Bắc. Một tỉ dụ là làng Cúc Bồ từ bao thế kỷ nay đã cung cấp hàng loạt nghệ nhân ngành mộc chuyên xây đình cho các địa phương khắp xứ. Cúc Bồ còn là quê hương của Khúc Thừa Dụ, vị hào trưởng cuối thời

hương mùa

*Vũ trụ truyền tin rộn ý khôi
Giọt sương hạt móc giục hoa cười
Giục bao màu trổ, cây đơm lộc
Bao vẻ xuân thì rạng rỡ tươi.*

*Nắng lụa bùng reo trải thức lành
Duyên hoa gửi lại trái non xanh
Vội gom hơi ấm về nuôi dưỡng
Cho mộng vàng tươi quả châu cành.*

*Heo may vừa nhuộm cánh mây chiều
Lá đã thay màu sắc áo thêu
Chấm phá vàng nâu chen đậm nhạt
Xạc xào theo gió rụng đều hiu.*

*Tuyết phủ ôm tròn mộng trắng tinh
Đắm chìm giấc ngủ đợi hồi sinh
Bao nhiêu sức sống trong trời đất
Lặng tiếng thời gian lại chuyển mình.*

vân nương

Bắc thuộc vào năm 905 đã cầm đầu cuộc khởi nghĩa chống lại nhà Đường.

Về mặt nghệ thuật, qua việc khảo sát những bộ phận cấu thành ngôi đình như xà, kẻ, bẩy, đầu... các nhà mỹ học đã phải công nhận mức độ tinh xảo cũng như khả năng sáng tạo cá nhân thật độc đáo trong kỹ thuật chạm khắc của các nghệ nhân tiền bối chúng ta. Những nghệ sĩ khuyết danh đã rất thành công trong việc sáng tác *những nụ cười của gỗ*, nói như họa sĩ Nguyễn Đồng, trong cái *bước từ ngôn ngữ đời sống sang ngôn ngữ nghệ thuật*. Ngoài những đề tài cổ điển như tứ linh (long, ly, quy, phượng), tứ quý (xuân, hạ, thu, đông), cá hoá rồng... ta còn tìm thấy nhiều hình ảnh đậm nét sinh hoạt dân gian như đánh cờ, đồ vật, thổi sáo, chơi đàn, săn còp, chọi gà, chọi trâu, đua thuyền, gieo mạ, gặt lúa... Một điểm đáng chú ý là tinh thần tự do phóng khoáng của dân quê được thể hiện qua những hình ảnh sống động như phụ nữ tắm khoả thân (đình Đông Viên, Hà Sơn Bình), trai gái ôm nhau tình tự (đình Hồi Quan, Hà Bắc;



đình Tây Đẳng, Hà Sơn Bình), và táo bạo hơn cả là cảnh nam nữ giao hợp (đình Ngô Hội, Hà Bắc). Những cảnh như thế dĩ nhiên đi ngược lại thuần phong mỹ tục đương thời, trái với đạo lý Khổng Mạnh, nhưng tự chúng đã phản ánh truyền thống văn hoá dân gian mà tôn giáo, đạo đức ước lệ khó xoá nhoà. Dụng ý của những hình ảnh đó có thể là để nhắc lại một sự kiện trong quá trình thành lập làng, ghi lại một câu chuyện kỳ thú dân gian, hoặc làm sống dậy một khía cạnh cá biệt liên hệ đến đời sống của nhân vật được tôn làm thành hoàng.

Chúng ta vẫn biết tục thờ thành hoàng rất phức tạp, đa dạng. Nếu một nhà văn hoá lớn như Hoàng giáp Ngô Thì Sĩ (1726-1780), thân phụ Ngô Thì Nhậm, được vua Quang Trung phong làm đại vương và được thờ ở làng, thì một số nhân vật tôn làm thành hoàng lúc sinh thời đã là kẻ dâm dăng, cặp trai gái đang tình tự chết nhằm "giở thiêng", hoặc kẻ trộm cướp bị giết khi đang hành nghề. Trong ý niệm thần thánh hoá của dân làng, các ác thần, dâm thần này đã hiển linh và có quyền năng gây hoạ ban phúc cho họ.

Chính Ngô Thì Nhậm trong một bài thơ, từng nhắc đến tục thờ dâm thần ở làng Hội Khê (tục gọi là làng La) huyện Vũ Tiên, trái hẳn với phong tục thuần hoá ở huyện Chân Định kể bên:

*Văn đạo hội La quang cảnh hảo
Khả năng đồng địa bất đồng phong.*

Tạm dịch:

*Nghe rằng vui lắm hội La
Đầu chung vùng đất tục nhà khác nhau.*

Phạm Đình Hổ, trên cương vị nhà nho, đã công kích việc thờ cúng "ngụy thần" và có lần đề nghị bộ Lễ cấm triệt tệt đoan đó. *Vũ trung tùy bút* của ông ghi lại một vài trường hợp hi hữu như tục thờ Bà Chúa Ngựa ở vùng hai huyện Cẩm Giang và Gia Phúc. Bà chúa này vốn là một phụ nữ cực kỳ đa dâm, hễ gặp

đàn ông là đòi làm tình ngay, nhưng không một ai thoả mãn nổi bà. Quan nghe biết chuyện, bèn sai đan một cái giỏ hình con ngựa, nhốt bà ta vào và bắt làm tình với ngựa đực. Sau khi chết, bà ta thường hiển linh ban phúc mỗi khi có cầu đảo. Những người đến cầu xin Bà Chúa Ngựa thường lấy lõi mít làm hình dương vật để cúng bà! Tục này phải kể là ly kỳ, nhưng rùng rợn thì không bằng tục giết người đem tế thần hổ tại làng Ngọc Cúc, huyện Đường An. Dân làng này có lệ hằng năm phải bắt cho được một kẻ bộ hành vô tình đi qua làng, giam dưới hầm đất, lại lấy dao mài mỏng gót chân để phòng việc trốn chạy. Đến ngày tế thần, kẻ xấu số bị đem giết, thịt cắt nhỏ ra trộn với thịt trâu bò đem lễ thần. Lúc ngồi ăn đồ cúng, kẻ nào gấp nhảm thịt người được xem như gặp điềm hên lớn, sẽ được thần hổ ban phúc trong năm tới. Tục giết người tế thần này mãi đến năm Canh Thân (1800) mới bỏ.

□

Tài liệu tham khảo:

- *Đại Nam thực lục* tập 4, (Quốc Sử Quán triều Nguyễn), bản dịch Viện Sử Học, Hà Nội (1963).
- *Đại Việt sử ký toàn thư*, (Ngô Sĩ Liên & các sử quan triều Lê), bản dịch Khoa Học Xã Hội, Hà Nội (1983).
- *Làng xóm Việt Nam*, (Toan Ánh), Khai Trí, Sài gòn (1968).
- *Nông thôn Việt Nam trong lịch sử I & II*, NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội (1978).
- *Nghề cổ truyền* tập II, Sở Văn Hoá Thông Tin Hải Hưng (1986).
- *Thơ văn Ngô Thì Nhậm* tập I, (chủ biên: Cao Xuân Huy & Thạch Can), NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội (1977).
- *Vũ trung tùy bút* (Phạm Đình Hổ), bản dịch Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến, NXB Trẻ, Sài gòn (1989).
- *Tìm hiểu quang cảnh đồng bằng*, viện Đông Nam Á, Hà Nội (1983).
- *Tạp chí Thế kỷ 21*, số 23 tháng 3.1991, California.
- *Tạp chí Tuổi trẻ chủ nhật*, số 17/91, 5.5.1991, Sài gòn.

Câu Đối Làng Văn



Để nhớ lại một thú vui tao nhã, trên trang 1 báo xuân *Làng Văn*, tòa-soạn đưa ra về đối Nôm như sau:

— Có là bao, ba vạn sáu ngàn ngày được trăm lần Tết.

因難包三萬六千得特喜高辭

Trong vòng hai tuần sau khi phát-hành báo, tòa-soạn đã nhận được một số về đối. Sớm nhất là về đối BS Lê Văn Lân từ tiểu-bang New Jersey, Hoa-kỳ gọi điện-thoại về tòa-soạn:

— Không hề chi, trăm ngàn muôn ức phút là vạn niềm vui. (1)
空兮之累新聞億萬萬念五

Về đối của độc-giả Đại Ngu (Đại Ngu là quốc-hiệu Việt-nam đời Hồ Quý Ly, 19400—1947) ở Ottawa, Gia-nã-đại:

— Chơi cho thỏa, một ngàn hai trăm tháng nào mấy độ xuân. (2)
制朱安又新之蘇蘭蘭夏度春

Về đối của thi-sĩ Kinh Tân ở Kingston, Gia-nã-đại:

— Không mấy chốc, một trăm hăm bốn tháng hay chục vụ xuân. (3)
空余視又幾載年福慶迎務春

Về đối của Nam Hoa đạo nhân:

— Ước chi nhĩ, một năm mười hai tháng, cả bốn mùa Xuân.

初之運沒解遊仁胸舒張務春 (4)

Xét trong số các về đối nhận được, về của ông Nam Hoatrong-đối chỉnh nhất, vì đối được thành-ngữ “ba vạn sáu ngàn ngày” bằng thành-ngữ “một năm mười hai tháng”. Chữ “năm” trong “một năm mười hai tháng” đồng âm với

năm là số 5, nên xét từng chữ, vẫn đối với “vạn” trong câu ba vạn sáu ngàn ngày.

Tòa-soạn sẽ gửi biểu mỗi vị một món quà văn-ngệ nhỏ để lưu-niệm.

CÂU ĐỐI QUỐC-NỘI

Sống dưới chế-độ bạo-tàn, người dân bao giờ cũng có tư-tưởng chống-đối, khi công-khai, lúc ngấm-ngấm. Sự phản-kháng có khi thể-hiện qua chuyện cười dân gian, bài vè, bài hát đối lời, và một số thơ văn. Khác với tác-phẩm “phản-kháng” có chỉ-thị của cán-bộ văn-ngệ đảng CS, thơ văn phản-kháng của những người bị tước bút chỉ được truyền miệng, hay bạo lắm mới dám chép tay chuyền nhau đọc, phổ-biến rất hạn-chế. Tòa-soạn đã sưu-tập được một số các tài-liệu này, sẽ lần-lượt phổ-biến trên mặt báo hải-ngoại và gửi ngược trở vào quốc-nội cho đồng-bào đọc.

Dưới đây là một trong những tiếng nói bị đè-nén ấy, kỳ này là một câu đối Tết, đặc-biệt là Tết con khỉ, Nhâm Thân. Câu đối này được gửi từ quốc-nội sang Úc-đại-lợi, và bạn thơ Lê Thụy Vi chép gửi về tòa-soạn. Xin thay mặt tác-giả, kính mời quý bạn đọc và thân-hữu cùng tham-gia:

— Thân vô-sản hoá khỉ, khỉ vô-sản hóa-thân, bản-cùng-hóa nhân-dân, thân hóa khỉ.

Gợi ý: cái hay, và cũng là cái khó của về đối này ở nhiều điểm:

- Thân là năm con khỉ, mà thân cũng là tám thân, là con người. Thân vô-sản hóa khỉ, còn có nghĩa là con người, sau khi bị lột sạch, sống cực-nhục neho-nhóc như khỉ. Ý này cũng đã thể hiện qua thơ Nguyễn Chí Thiệu: *từ người xuống vượn chỉ có ba năm!*

- Khỉ vô-sản hóa-thân: đồng-bào miền Nam vẫn mắng xéo cán-bộ cộng-sản là “lũ khỉ trên rừng.” Câu “khỉ vô-sản hóa-thân” hàm nghĩa lũ “khỉ vô sản” đã dùng bạo-lực cướp-bóc của cải dân-chúng, lấy vải lụa đắp vào người, “hóa-thân” thành giai-cấp thống-trị.

- Bản-cùng hóa-nhân-dân, thân hóa khỉ: câu này diễn lại ý câu đầu.

Vì là về đối khó, tòa-soạn xin đưa ra về gợi ý, như sau:

— Mẹo cải-cách hoàn mèo, mèo cải-cách mưu-mèo, canh-tân-hóa đất nước, mèo hoàn mèo.

Diễn ý: để giải nguy, CSVN đưa ra kế “cải-cách” để bịp dân, bịp quốc-tế, bịp cộng-đồng Việt-nam hải-ngoại, nhưng kế không thành, mèo lại hoàn mèo (dùng tục-ngữ mèo lại hoàn mèo).

- Câu đầu: Mẹo cải-cách hoàn mèo, “mèo” là năm “mão”, đối với “thân”; “mèo” đối với “khỉ”; “cải-cách” đối với “vô-sản”, đều là những chiêu-bài do cộng-sản đưa ra.

Về đối của tòa-soạn đưa ra chưa thật chỉnh, vì “canh-tân-hóa” so với “bản-cùng-hóa”, không đối về thanh; “mưu-mèo” không chỉnh đối với “hoá-thân”, chữ nhà Phật.

Rất mong được cả làng cùng góp sức!

Chú-thích:

(1) Bản chữ Nôm do tòa-soạn chú-thích.

(2) Hai về của các ông Đại Ngu và Kinh Tân không phiên ra chữ quốc-ngữ. Vì chữ Nôm chưa thống-nhất về cách viết, cách đọc, ngay cả các tự-điển cũng không đồng ý với nhau, nên bản phiên-âm chữ quốc-ngữ (của bạn Đỗ Thông Minh) có thể không hợp ý tác-giả. Trong trường-hợp này, xin vui lòng phủ chính.

Chữ 夏 bạn Đỗ Thông Minh đọc là mãi, tòa-soạn lại đọc là mấy.

(3) Chữ 幾 trong câu này đọc theo Đỗ Thông Minh, lại viết khác với chữ 幾 mà tòa-soạn đọc trong về đối của ông Đại Ngu.

(4) Về của Nam Hoa đạo nhân không có bản Nôm; bản Nôm do tòa-soạn chú-thích.

Khi đến thăm bệnh viện nhi đồng ở Dussendorf, bác sĩ Breneman thấy một người đàn bà trung niên bế một em bé đi qua đi lại trước khu điều trị dành cho những bệnh nguy kịch (Intensive Care). Người đàn bà này không phải y tá và cũng không phải thân nhân của em bé kia vì cứ đi một lúc, bà lại trao em bé đó cho y tá rồi bế một em bé khác đi ra đi vào trong hành lang. Tò mò, ông hỏi bác sĩ viện trưởng thì ông này đáp:

— Đó là bà Ann. Cứ mỗi lần chúng tôi gặp trường hợp nào tuyệt vọng, khi các phương pháp điều trị đều thất bại thì chúng tôi phải nhờ đến bà Anna và bà luôn luôn thành công.

— Ông nói rằng bà ta có thể chữa lành được bệnh hay sao?

— Không hẳn như thế! Anna chỉ bế các em nhỏ một lúc rồi trao lại cho chúng tôi điều trị.

— Vậy thôi ư?

— Vâng, chỉ vậy thôi nhưng lần nào cũng thế, chỉ cần được bà Anna ôm vào lòng ít lâu là các em bé được coi như đã lành bệnh rồi.

Bác sĩ Breneman lưu lại bệnh viện Dussendorf một thời gian để nghiên cứu hồ sơ bệnh lý. Quả thế, gần như hầu hết bệnh nhân khi được đưa vào khu dành cho bệnh nguy kịch này, chẳng mấy ai sống sót. Đa số đều bị các bệnh viện khác từ chối, hoặc khi bác sĩ điều trị đã bó tay thì họ đành đưa bệnh nhân vào khu này như một nơi chốn cuối cùng. Điều này không có gì lạ vì hầu hết các bệnh nhân được đưa vào đây đều mắc các chứng nan y như ung thư, hoại huyết, có bثور trong óc.v.v.. những bệnh rất khó điều trị, nhất là đối với trẻ nhỏ, cơ thể chưa đủ mạnh để chống chọi với căn bệnh hiểm nghèo. Vì chưa đủ sức khỏe để chịu đựng các cuộc giải phẫu kéo dài mấy giờ đồng hồ nên đa số đều chết trên bàn mổ. Nhưng bà Anna, một người làm việc với tính cách tự nguyện đã xuất hiện. Từ khi bà có mặt, một chuyện lạ xảy ra: số bệnh nhân mắc bệnh trầm trọng được điều trị bằng

thuyền giảm thấy rõ. Một em bé yếu ớt được đưa lên phòng mổ. Bác sĩ bảo rằng em quá yếu, không thể chịu đựng cuộc giải phẫu gay go này, cơ hội sống sót của em chỉ vào khoảng 15% là cùng. Nhưng vì được bà Anna bế ít lâu nên dường như em gia tăng sức mạnh, chịu đựng được cuộc giải phẫu kéo dài 6 giờ đồng hồ và sau đó bình phục. Một em bé khác trải qua ba lần mổ tim, lần nào cũng gặp khó khăn, về sau vì em quá yếu, người ta không dám mổ nữa, nhưng bà Anna đã thuyết phục các bác sĩ giúp em một lần chót. Lần giải phẫu thứ tư thành công bất ngờ. Chỉ vài tuần lễ sau em đã bình phục hoàn toàn. Sự hiện diện của bà Ann được coi như một phép lạ, một sự may mắn đặc biệt. Một số bác sĩ không chịu giải phẫu nếu bệnh nhân không được bà Anna ôm ấp một lúc trước khi mổ.

Khi bác sĩ Breneman phỏng vấn, bà Anna khiêm tốn trả lời: "Tôi đâu có làm gì. Tôi chỉ ôm ấp các em vào lòng rồi trao trọn vẹn tất cả tình thương lên các em bé đó mà thôi".

Bác sĩ Breneman đặt câu hỏi: "Phải chăng chính vì thiếu thốn tình thương, thiếu sự nâng niu ấp ủ của các bà mẹ mà đứa trẻ phát sinh các bệnh kỳ lạ như vậy?". Trở về Hoa kỳ, ông đặt ra một luật mới cho bệnh viện của ông tại Chicago: Mỗi ngày các em bé trong bệnh viện phải được ôm ấp, đùa giỡn và âu yếm nhiều lần.

Mãnh-Lực của Tình Thương

Nguyễn Phong

Mặc dù sống trong thời đại văn minh kỹ thuật như hiện nay, hầu hết các nhà bác học đều lui bước hay né tránh không dám khảo cứu về tình thương. Những dữ kiện mới nhất về khoa Phân Tâm Học, Tâm Lý Học cho thấy rằng hầu hết nguyên nhân chính của các bệnh thần kinh đều phát xuất từ những cảm giác thiếu thốn tình thương. Chính nhu cầu tình cảm từ khi còn nhỏ đã quyết định tính tình, hành động của đứa trẻ khi nó khôn lớn, và không gì cần thiết bằng, để một người có thể phát triển bình thường, là sự thương yêu.

Đối với đứa bé sơ sinh, sự dinh dưỡng, thỏa mãn nhu cầu vật chất không đủ vì tình thương là một thức ăn quan trọng, không thể thiếu cho bất kỳ một đứa trẻ nào. Nói một cách khác, được thương yêu là điều kiện tất yếu cho sự trưởng thành, cho sự phát triển bình thường trên phương diện tâm lý và sinh lý. Thiếu tình thương, dù được ăn uống dinh dưỡng đầy đủ, chúng vẫn mắc bệnh và dễ chết bất đắc kỳ tử.

Hai bác sĩ Ralph Field và M.F. Mayer tại cô nhi viện Do Thái Tel Aviv cũng nhận xét: "Sự thiếu tình thương của người mẹ có thể làm ngưng sự phát triển của hài nhi. Những đứa trẻ bị cha mẹ bỏ rơi thường eo uột, không lớn được mặc dù dinh dưỡng đầy đủ. Không những thế, đa số những đứa trẻ bất bình thường đều là những đứa

không được nâng niu trù mến khi còn nhỏ”.

Kinh Talmud viết: “Vì không thể hiện diện khắp mọi nơi nên Thượng Đế mới tạo ra các bà mẹ”. Hiển nhiên ai cũng đồng ý rằng không có sự mất mát nào lớn lao hơn sự thiếu tình thương của người mẹ. Nhưng trong thời buổi văn minh ngày nay, các bà mẹ đều bận lo sinh kế, đầu tắt mặt tối, mấy ai có thì giờ săn sóc con cái! Thời gian được phép nghỉ hộ sản chỉ kéo dài vài tuần đến một tháng là cùng. Nếu muốn nghỉ ở nhà để săn sóc con cái lâu hơn, dù nghỉ không lương, cũng là một vấn đề khó khăn đối với sở làm. Không mấy nơi bảo đảm sẽ có việc cho nhân viên nghỉ ở nhà một thời gian. Nói một cách khác, xã hội văn minh ngày nay đã không hề chú trọng đến việc đầu tư vào tương lai con trẻ.

Bác sĩ René Spitz tại New York đã đưa ra một so sánh hùng hồn về mức độ tình thương và sự phát triển của trẻ em như sau: Hai nhóm trẻ được nuôi dưỡng y hệt như nhau, chỉ khác biệt ở mức độ tình thương. Nhóm thứ nhất gồm 60 đứa trẻ được mẹ ruột của chúng săn sóc. Nhóm thứ hai 60 đứa trẻ khác được giao cho các người giữ trẻ, mỗi người trông từ 6 đến 12 em. Tất cả đồ ăn thức uống đều được kiểm soát cẩn thận và áp dụng cùng một công thức đo lường như nhau.

Hai điều kiện khác biệt đem lại hai kết quả hoàn toàn trái ngược biểu lộ qua “thương số phát triển”. (Thương số này là mức độ phát triển của cảm giác, điều kiện sinh lý như trọng lượng, chiều cao, trí nhớ, năng khiếu bắt chước, sự

khéo tay, trí thông minh, khả năng giao thiệp.v.v...). Những đứa trẻ được mẹ ruột săn sóc bắt đầu bằng thương số 105 trong năm đầu rồi gia tăng lên 124 ở năm sau. Trong khi đó những đứa trẻ không được mẹ săn sóc khởi đầu bằng thương số 75 rồi tụt xuống 45. Bác sĩ Spitz ghi nhận thêm rằng nhóm trẻ thứ hai này chậm nói, chậm đi, biếng ăn, dễ mắc bệnh và đặc biệt tính tình cáu kỉnh, hung dữ. Trong số 60 đứa trẻ, có 15 đứa đã chết vì những nguyên nhân rất tầm thường (cảm mạo, sung phổi.v.v...).

Mặc dù cuộc thí nghiệm chấm dứt ở cuối năm thứ hai, bác sĩ Spitz tiếp tục theo dõi những đứa trẻ này trong vòng 25 năm. Dữ kiện ghi nhận cho thấy khi đến tuổi thành niên, đa số các trẻ em thuộc nhóm thứ nhất phát triển bình thường, 85% tốt nghiệp trung học và 34% em hoàn tất bậc đại học. Trong khi đó, hầu hết những đứa trẻ thuộc nhóm thứ hai đều học hành kém cỏi, chỉ có 27% tốt nghiệp trung học và 2 em hoàn tất bậc đại học. Không những thế, một số lớn đã vi phạm luật pháp ngay từ khi còn nhỏ, 65% đã phải vào trại giáo huấn trẻ vị thành niên, 8 em can án sát nhân, trong đó có một em lãnh án khổ sai chung thân.

Trong cuốn *The Unwanted Child*, bác sĩ Vander thu tập rất nhiều dữ kiện về hậu quả của sự thiếu thốn tình thương và các bệnh tinh thần. Ông phỏng vấn những kẻ phạm tội sát nhân, kẻ giết người không gươm tay (serial killers), kẻ bệnh hoạn tâm trí, không thích hợp với lối sống hợp quần, thì thấy 98% đều là nạn nhân của sự thiếu thốn

tình thương từ nhỏ. Ông quy tội cho các bà mẹ đã bỏ rơi con cái hoặc bỏ bê không săn sóc chúng trên phương diện tinh thần.

Các dữ kiện trên chứng minh rõ rệt rằng trẻ em hình dung cuộc đời theo lối cư xử của mẹ nó đối với nó. Tùy theo nó được thương yêu hay ghét bỏ mà cuộc đời hiện ra đáng ghét hay đáng yêu. Từ lúc sơ sinh, trẻ em đã có tiềm lực thương yêu rất mạnh và khả năng học hỏi rất sớm. Khi nó được thương yêu thì nó tập thương yêu, trái lại nếu nó không nhận được tình thương, làm sao nó có thể ban rải tình thương cho kẻ khác? Nếu suy xét cho kỹ, tánh hung hăng ở trẻ em chẳng qua chỉ là kết quả của một thứ tình thương bị hất hủi, nó là cách ép buộc kẻ khác phải quy phục mình, phải sợ hãi mình, là cách trả thù xã hội hay gia đình đã bất công, ruồng bỏ nó. Do đó đối với những đứa trẻ hung hăng, thái độ tốt nhất là không nên gắt gỏng hay trừng phạt mà phải dịu dàng đối xử với chúng một cách khôn khéo hơn. Đối với đứa trẻ lớn hơn, những thiếu niên mà sự liên hệ với mọi người có phần nông nổi thì cũng chẳng qua là hậu quả của sự thiếu tình thương, hoặc đã thương nhưng không được đáp lại. Vì chúng đâu hiểu gì về tình thương mà có thể yêu thương cho được, do đó chúng tìm cách chống trả sự thiếu thốn đó bằng những cử chỉ hay thái độ bất thường.

Tình thương thật ra là một năng lực sáng tạo, khiến người thương và kẻ được thương đều trở nên phong phú. Trên thế gian này, tình thương là thứ mà người ta có thể ban rải luôn tay mà không sợ phung phí. Một tình thương chân thật có năng lực và giá trị giáo hoá rất lớn, không gì có thể thay thế được. Tình thương không bao giờ gây hư hại mà chỉ có ảnh hưởng tốt lành, không những thế nó còn đáp ứng một nhu cầu bẩm sinh của bản thể con người. Phải chăng quan niệm sống đúng đắn nhất hiện nay là sống để thương yêu? □

lãng nhăng

gieo tôi
cái hạt lãng nhăng
mọc lên cây trái đa đoan giữa đời
chiều
em vương vãi nụ cười

mùa tôi gặt hái vạn lời vô minh
gieo tôi
cái hạt linh tinh
nở trong em
cái chuyện tình éo le.

hoàng chính

Người bạn sống chung với tôi thật lắm chuyện, lúc nào cũng có “vấn đề” bắt tôi phải tranh luận cho bằng được. Đêm qua coi chương trình *Cái chết của đại dương* trên truyền hình, nàng ứa nước mắt, mặt mày dầu dàu cả buổi. “Có gì đâu...”, tôi chưa nói hết câu, nàng đã ngắt lời:

— Chuyện thương tâm như vậy mà anh còn nói “có gì đâu” nữa hả? Hải sản dưới biển sâu, khoáng chất trong lòng đất, thổ sản trên mặt đất đang bị loài người tiêu diệt, tận dụng lẫn mòn, mà chỉ nói được ba chữ “có gì đâu” thôi sao? Em không hiểu anh rồi đa!

Gương mặt nàng đỏ hồng, hai mắt rục lên. Điều gì đã khiến nàng giận dữ bất chợt vậy? Tôi chưa nói xong ý mình mà! Tôi bỗng nảy ý muốn chọc ghẹo nàng, không nói thêm lời nào nữa, rùn vai thờ ơ nhìn nét mặt nàng dữ tợn lạ lùng. Tôi có cảm tưởng nàng là con gà mái đang dang cánh, há mỏ, trợn mắt bảo vệ đàn con chiu chít trước bóng quạ hung bạo.

— Tối qua anh coi truyền hình chung với em mà không cảm thấy gì sao? Người Nhật, người Đại Hàn, người Đài Loan đang hủy diệt Thái Bình Dương. Người Ý, người Pháp, người Anh đang tàn phá Địa

Trung Hải và Đại Tây Dương. Người Na Uy, người Đức đang tiêu diệt Bắc Hải. Người Nga, người Mỹ đang hủy hoại Bắc và Nam băng dương...

Tôi lắc đầu nhẹ, ý nói thế giới này còn biết bao vấn đề quan trọng khác, dính liền tới số mệnh con người thì sá gì cái chết của một vài giống thú. Cũng may, tôi chưa nói ra...

— Anh coi mà không thấy gì hết sao? Người Nhật đánh cá ngoài hải phận quốc tế, phăng lưới dài cả sáu mươi cây số làm chết các loài thủy tộc khác, không biết bao nhiêu mà kể. Họ còn bắt cá mập, chỉ cắt lấy vi rồi thả xuống biển trở lại. Một hành động thô bạo, man rợ, lạc hậu không thể tưởng tượng nổi.

Tôi muốn chọc giận bạn tôi, thêm vào:

— Nếu em và mọi người bỏ được ý thích ăn cá biển, vô nhà hàng Tàu không gọi món súp vi cá hay bào ngư xào nấm đông cô thì chắc... cũng không đến nỗi nào. Nếu quý bà đừng ham mặc áo lông thú, xách bóp đầm, mang giày da trần, da cá sấu thì giống chồn, cáo, beo gấm đã không đến nỗi sắp bị tuyệt chủng; người ta không cần lặn lội lên Bắc cực để đập đầu hải cẩu con. Nếu chúng ta không dùng ngà để làm đồ trang sức, không thích kim loại quý, trân châu ngọc thạch thì bây giờ người ta không cần ra đạo luật cấm săn giết voi ở Phi châu, đã không có cảnh mọi người đổ xô phá rừng, xúc đất tìm vàng ở Ba Tây, đào hầm khoan đá tìm ngọc ở Úc châu, đào đất tìm kim cương ở Phi châu.

Bạn tôi chau mày, cặp môi đẹp cong lên:

— Anh lại sắp sửa đổ lỗi cho bọn đàn bà chúng em rồi! Nếu quý ông đừng mê muội tin vào thần lực của sâm nhung, mật gấu thì người ta đã không ban hành sắc luật bảo vệ gấu, nai, tê giác. Nếu các ông đừng có những tham vọng điên rồ, chiếm đoạt đất đai, chinh phục không gian, chế ngự thiên nhiên thì chiến tranh đã không xảy ra, môi sinh đã

Chuyện Bên Bàn Điểm-Tâm

Ngô Nguyên Dũng



không bị ô nhiễm.

Tôi giờ tay trở vào trán bạn tôi:

— Đúng, đúng vô cùng. Nếu chúng ta từ bỏ được những tham vọng thì trái đất đẹp để biết chừng nào và vũ trụ vẫn nguyên vẹn như thuở khai sinh.

Cặp mắt bạn tôi long lanh. Nàng gật gù ra điều đồng ý:

— Ủ, người ta không cần tìm coi tầng ô-zôn bị thủng mấy lỗ, tiên đoán nhiệt độ địa cầu thường niên vào năm 2020 mà lo ngại vãn vơ. Thôi, mình không nên... lấy nhau, sinh con để cái nữa anh à!

Kết luận của bạn tôi thật bất ngờ làm tôi choáng váng, không phải vì sợ nàng bỏ tôi, mà chỉ vì hai chuyện ấy dường như không dính dáng gì tới nhau. Bạn tôi thường có lối kết luận trật đường rầy như vậy. Nhưng tôi biết mình không nên nói ngược ý nàng, và tôi chỉ có thể thốt lên một tiếng “ừ” yếu xìu.

— Anh còn “ừ” nữa hả?

Phản ứng của nàng kỳ cục hết sức. Tôi cười mếu xẹo, lấp bắp hỏi:

— Ủa, chớ anh phải nói gì bây giờ?

Nàng ôn tồn giải thích:

— Em nói như thế cốt để đo lường lòng anh, chớ thực tâm em nghĩ khác.

Tôi thở dài:

— Thì ra vậy. Anh không ưa cái “giả” tâm của em chút nào, làm anh có cảm tưởng mình bị mắc bẫy.

— Người gì đâu mà khờ quá chừng!

Tôi cảm thấy nhẹ nhõm cả người, vì khi nàng mắng yêu tôi kiểu đó tức là sẽ không có “vấn đề” trọng đại nào xảy ra.

— Mà nghĩ cho cùng, em cảm thấy thương hại cho thế hệ bọn mình, nhất là cho lớp con cháu sinh sau đẻ muộn, vì trái đất bây giờ không phải là trái đất của một trăm năm trước, và trái đất của thế kỷ 21 còn khác lạ hơn nữa. Em sợ lúc đó sẽ không còn điều mà các ông văn sĩ, các vị tu sĩ gọi là “tính hài hoà giữa con người với thiên nhiên và vũ trụ”.

— Em suy nghĩ cao xa quá!

— Anh cho như vậy là cao xa sao? Anh có công nhận là thiên nhiên càng ngày càng tồi tệ, thú vật càng lúc càng bị tiêu diệt dần mòn không?

Những chuyện bạn tôi vừa nói khiến tôi phải... suy tư. Sau mỗi câu, nàng lại ngó chăm chăm vào mắt tôi như để đo lường mức độ ảnh hưởng của lời nói. Thường thì tôi im lặng ngó lại, miệng nhếch cười tỏ ý bất phục và thách thức. Nàng bắt được phản ứng của tôi cái một, im lặng một hồi. Tôi và nàng sống chung với nhau đã vài năm qua, nhiều lúc nàng trích thượng máng mỏ tôi: “Anh nói những chuyện mà anh không hiểu gì ráo!”, hoặc tuyên bố đôi lời quá quắt: “Anh đừng khi dễ em, đôi khi em hiểu anh còn hơn... anh nữa!”. Lộng ngôn như vậy là hết cỡ. Nhưng tôi vẫn tỉnh bơ, coi những “suy tư” của nàng về nhân loại, vũ trụ, quê hương đất nước và những lãnh vực rắc rối khác như không có. Để ý làm gì chuyện đàn bà vật vãnh, tôi vẫn thăm nghĩ thế.

Từ khi bác sĩ khuyên tôi không nên ăn nhiều chất béo, bớt ăn ngọt, giảm lượng muối, kiêng rượu, cà phê và nhiều đam mê khác, nàng chỉ pha trà bạc hà cho tôi vào bữa điểm tâm. Chúng tôi yêu nhất bữa ăn đầu tiên trong ngày, nhất là vào cuối tuần. Sáng thứ bảy thức dậy muộn, trong khi nàng sửa soạn bữa điểm tâm, tôi lo thu xếp chăn nệm bữa bãi. Sau đó chúng tôi ăn bữa sáng-trưa trong “khu vườn mùa đông”. Gọi là “khu vườn” theo ngôn ngữ bản xứ dường như không ổn, phải là “nhà kiếng” mới đúng, vì đó là mái hiên lợp kiếng tứ bề trồng nhiều cây kiếng. Vào hạ mọi khung cửa đều mở rộng, đông sang khép kín. Bạn tôi có những “ngón tay xanh”, trồng loại cây gì cũng rộ nở ngồn ngộn. Nhưng nếu thảo mộc thiên nhiên biết được bí quyết của nàng, chúng sẽ tức tối làm đơn kiện nàng trước đấng tạo hoá mất thôi, vì bạn tôi dùng phương pháp *doping* để chăm bón cây kiếng. Kích thích tố *doping* là những vi

thuốc ngừa thai hết hạn xin của cô bạn làm ở nhà thuốc tây.

Người bạn rót thêm trà vào tách cho tôi. Tôi nhìn làn khói mỏng yếu ngập ngừng vương vài giây trên mặt nước màu mật ong trong vắt, rồi tan thấm vào không gian nặng ảm một sáng đầu đông, lòng tôi vội vã mở hết những cánh cửa. Thành thang vô biên giới. Từ thế giới loài người phức tạp, tôi liền thoáng nhảy qua thế giới loài thú. Từ thế giới loài thú, tôi chỉ cần nhón gót là đã bước vào cõi thiên nhiên ngút ngàn. Tôi theo làn hương trà buổi sáng, bay từ miền vãn hồ đất Phần Lan xuống tận dòng Okavango

vẫn còn em nhé một tình yêu

Không là mộng mị. Chẳng chiêm bao. Lạnh mắt khuya nay ngọn gió nào? Trái đất xoay vẫn chưa quá nửa. Lệ người nguyên hạt cứ xôn xao...

Hồi âm em nói không ra tiếng, bởi chuyện trăm năm khúc ngâm ngùi. Tiếc lắm trời xuân con én liệng. Tiếc hoài! đâu nữa tuổi hai mươi!

Thời gian cứ chảy. Thời gian xưa. Sóng nổi. Bèo tan. Bọt có thừa? Em thấy tình ta trên phiến lụa. Thấy rồi ai đó một thời xưa...

Thời xưa. Em gục xuống vai ta. Đà Lạt — Sài Gòn em nói xa. Những đóa hoa hồng đem giấu hết, để cho trắng sáng một hiên nhà!

Hồi đó, trời ơi mơ ước tan. Ta đi đánh giặc khói hương tàn. Gặp nhau chừ bảo như là mộng. Sao chẳng mùa thu lá cũng vàng?

Hà ơi, em ở nơi trời Bắc. Ta ở trời Tây xa mấy nhiều! Nhớ tối Sài Gòn ta muốn khóc

Vẫn còn em nhé một tình yêu.

trần văn lệ

mắc cạn trong sa mạc Kalahari ở tây nam Phi châu. Tôi lao từ đỉnh Bạch Sơn miền nam Âu sang rừng Hi Mã Lạp Sơn huyền bí. Ý tưởng tôi vút nhanh như ánh sáng. Đôi khi quá nhanh, bỏ rơi ý bạn tôi, bị nàng rầy rà quá chừng.

— Coi kìa, mặt anh lơ đãng như người khùng.

Hoặc:

— Làm gì mà anh ngớ ra, mặt mũi trông ngốc nghếch quá vậy?

Không lẽ tôi thú thật cùng là tôi “đang vượt biên giới”, nghe có vẻ khùng thật, nên thôi. Cũng chính luận điệu cũ rích đó, nàng đem ra nói với tôi sáng nay. Tôi nhún vai, nâng tách trà lên nhấp ngụm nhỏ, giải thích:

— Anh đang nghĩ ngợi về mấy chuyện em nói khi nãy.

Nét mặt bạn tôi lộ vẻ hài lòng.

Nàng nhón một lát bánh mì trộn với nhiều hạt ngũ cốc, hoàn toàn không có chất hoá học, thoa ma-garin có lượng chất béo thấp, đắp lên vài khoanh cà chua, rắc một chút tiêu và rất ít muối, đưa cho tôi như để thưởng công:

— Em đã quyết định rồi.

Giọng nàng cương quyết như ra án lệnh. Tôi là kẻ phạm tội đang chờ nghe ông toà tuyên án với tâm trạng thanh thoi hạnh phúc vì bạn tôi ưa nói chuyện đầu voi đuôi chuột.

— Em sẽ không mua cá hộp về ăn nữa, vào nhà hàng sẽ không gọi súp vi cá hay bào ngư xào nấm đông cô... Còn những thứ khác như kim cương, cẩm thạch, vòng vàng hay áo lông thú, thất lưng da rắn, bóp đầm da cá sấu, có bao giờ anh mua cho em đâu! Mà dù có nhiều tiền,

anh cũng đừng mua tặng em mấy thứ đó.

Án lệnh của bạn tôi được tôi chấp nhận dễ dàng. Tôi sực nhớ tới hoàn cảnh của chúng tôi, không thể gọi là thiếu thốn so với mức sống tại các nước đang phát triển. Chúng tôi có quyền lựa chọn biện pháp chống đói, dân chúng tại các quốc gia nghèo đói không thể làm như vậy. Tại sao có sự chênh lệch này vậy kìa? Bạn tôi vẫn cho rằng tôi có những thắc mắc vô cùng ngớ ngẩn. Nhưng những thắc mắc ngớ ngẩn ấy lại thường không có lời giải đáp. Tôi nói với giọng điệu ung thuận giả bộ:

— Em quyết định như vậy cũng phải thôi!

Bạn tôi được trợn, tíu tít như chim hót:

— Em sẽ không mua thực phẩm hay đồ đựng trong hộp nhựa, vì thứ này không thể tái chế biến được. Em cũng sẽ tẩy chay các loại thuốc giặt, thuốc rửa chén, thuốc lau chùi chứa chất hoá học làm ô nhiễm nước nguồn. Em sẽ không dùng keo xịt tóc, dầu thơm xịt, thuốc xịt nách đựng chất... chất... gì đó làm lũng tảng ô-zôn bao quanh địa cầu. Em sẽ không vứt bừa bãi chai lọ, giấy má, hộp thiếc vô thùng rác nữa, mà gom chúng lại chờ ngày người ta tới lấy đem về tái chế biến. Em sẽ...

Bạn tôi tuyên bố một tràng dài những biện pháp cứu vãn môi sinh mà chúng tôi, những người dân tầm thường, có thể làm được. Tôi gật gù đồng ý với nàng hết thảy. Cùng lúc trong lòng tôi lại dấy lên những nghi vấn cũ. Rốt cuộc cũng vì tham vọng của con người. Tư tưởng tôi chạy loanh quanh, cuối cùng lại trở về điểm khởi đầu. Tất cả chỉ là cái vòng lẩn quẩn. Những nhân quả móc liền nhau như một sợi xích dài, thành chuỗi nhân sinh phức tạp. Dù sao, từ thập niên 50 tới nay, quan niệm của con người về một số vấn đề đã ít nhiều thay đổi. Chính những đổi thay này sẽ thổi giạt những cụm mây âm đạm phủ trùm tương lai con cháu chúng



tôi.

Tôi hớn hờ quá, vội vàng hỏi:

— Em có nhớ không?

Bạn tôi hỏi lại, mặt chưng hửng:

— Nhớ gì?

— Nhớ thời chúng mình còn nhỏ ở quê nhà.

Đôi chân mày trên gương mặt ngẩn ngơ của bạn tôi nhướng lên gần chạm nhau. Nàng cười xoa:

— Anh nói chuyện lạc đề rồi.

Tôi phủi tay:

— Không, không, làm gì có chuyện lạc đề. Anh chỉ muốn nhắc tới... tới...

Tôi muốn dùng một danh từ thật kêu, thật cầu kỳ, thuộc... phạm trù triết học càng tốt, nhưng nghĩ không ra, rốt cuộc đành dùng một nhóm từ rất đơn giản:

— ...tới những... biến đổi ý thức hệ của nhân loại từ thập niên 50 tới nay.

Bạn tôi kêu lên:

— Trời, khó hiểu quá.

Tiếng kêu “trời” của nàng như lời cảnh cáo, khuyên tôi đừng nói chuyện “đầu voi đuôi chuột”. Nếu quả thật vậy thì tôi đã học tính này của nàng một cách vô ý thức. Người đi trước nói không sai chút nào, vợ chồng hoặc tình nhân sống chung với nhau lâu ngày sẽ giống như...anh em hay chị em trong nhà.

Tôi phân bua:

— Không có gì khó hiểu hết! Nghe đây, hồi xưa lúc tụi mình đi coi chớp bóng còn phải ngồi trong lòng ba hay má, nhằm phim cao-bồi đánh nhau với mọi da đỏ, mình chỉ muốn cho bọn cao-bồi thắng thôi. Chẳng hạn lúc vai chính và lính da trắng cỡi ngựa tới giải vây cho đồng bọn bị mọi da đỏ bắt, lũ con nít đã chẳng nhảy cẫng vỗ tay hò hét, kêu rần trời: “Phe ta tới” là gì? Còn khi coi phim săn cá voi, giết sư tử, cọp, beo, tụi mình chỉ cảm phục lòng can đảm của người thợ săn, chứ đâu có thương tiếc gì mấy con thú đó. Bây giờ thì khác, nếu phim ảnh có chiếu cảnh lính da trắng tàn sát dân da đỏ là chỉ để chỉ trích tính tàn bạo của người da trắng thuở đó mà thôi. Hoa kỳ hiện nay đang xét

lại việc tổ chức ăn mừng ngay Kha Luân Bố khám phá Mỹ châu vì tài liệu lịch sử cho thấy chính ông ta là kẻ chủ trương chính sách tiêu diệt dân da đỏ. Còn mỗi khi truyền hình chiếu cảnh người Na Uy chờ ngày cá heo về hội hàng năm, lại rủ nhau chèo thuyền ra biển xô cá vô bờ rồi người lớn cũng như trẻ con, tay dao tay mác, ủa xuống chém giết, máu loang đỏ cả eo biển rộng, là em lại ứa nước mắt, chếp miệng thương xót. Ấy là chưa nói tới chuyện người Nga, người Nhật săn cá voi bằng máy phóng lao đuôi én, thấy mà thương cho kiếp súc vật quá chừng!

—Ừ, tội nghiệp thật, làm sao mấy con thú không có khả năng tự vệ thoát khỏi bàn tay man rợ của loài người khi kỹ thuật săn bắn, đánh lưới càng ngày càng tinh vi.

— Em có nhớ cuốn phim chiếu cảnh mấy con rùa biển bị dân bản xứ bắt quăng chổng gọng, xô chân cột dây, đầu ngúc ngắc, mắt lơ đờ thoi thóp không?

— Nhớ.

— Không phải chỉ mình em mũi lòng khóc thút thít đâu mà cả người nữ phóng viên quay cuốn phim về giống rùa biển sắp tuyệt chủng đó nữa. Cô ta có đọc đoạn nhật ký ghi lại những xúc động trước cảnh dã man đó, em nhớ không? Thổ dân nơi ấy đâu có tha thiết gì tới món thịt rùa. Họ bắt rùa, mổ bụng moi thịt để bán cho người Tây phương nấu súp đó chứ.

— Em tuyên bố tẩy chay món súp rùa.

— Có bao giờ mình ăn thứ quái quỷ đó đâu!

Bạn tôi chột sa sầm nét mặt, đặt tách trà xuống đĩa, giọng trầm ngâm:

— Mà anh nè!

— Gì?

— Anh có nghĩ rằng tụi mình ủy mị quá đáng không?

Tôi ngó mặt ra:

— Hử?

— Thí dụ như người trong nước biết được chuyện hai đứa mình tranh luận bên bàn điểm tâm ề ề

trà bánh, bơ mút, trái cây này, chắc chán sẽ ngấy dài, mắng mỏ: “No cơm rồi nói chuyện rủng mỡ. Sáu mươi triệu người đang đói nhần rằng kia kia. Mạng người mới quý, để ý làm gì tới mấy con thú chết. Khéo dư nước mắt!”.

Tôi ngưng ngưng ngó mặt bàn bày thức ăn điểm tâm cho hai đứa. Một bình trà bạc hà. Ổ bánh mì cắt lát trên thớt gỗ. Hai lọ mút bơ và anh đào. Một lọ mật ong hút nhụy hoa mè diệt. Thầu đường thô óng ánh màu hổ phách. Hộp đựng ma-garin chỉ mới khuyết một mảng. Chai nước cam không có đường hoá học. Một rổ mây đựng chuối, bôm, nho xanh và nửa trái dưa mật. Bạn tôi có lý, đời sống chúng tôi tại đây chỉ có dư chứ không thiếu. Nhưng thâm tâm tôi cảm thấy ý kiến nàng vẫn chưa suôn sẻ. Không lẽ chỉ vì thiếu ăn mà người ta có quyền giết tất cả thú vật để xẻ thịt hay sao? Trong khi nguyên nhân đói kém lại do loài người gây ra. Tôi vừa buồn bực vừa tức cười khi nghĩ tới những phố xá quê hương không còn bóng dáng một con chó, con mèo nào. Đêm trăng đồng quê sẽ không còn tiếng chó sủa ma thê lương mơ mộng. Đêm thành phố sẽ không còn tiếng mèo gọi tình đắm đuối trên mái tôn. Tự nhiên tôi thấy đời sống chay tịnh của các nhà sư có lý quá. Nhưng tôi thừa khôn ngoan để giữ kín trong lòng ý nghĩ này, vì nếu bạn tôi biết được, nàng dám đem tôi ra thử nghiệm lắm à! Tôi sực nhớ tới mấy con chó, con khỉ, con thỏ, con bọ, con chuột bị đem ra thử nghiệm cho các loại mỹ phẩm dành cho quý bà. Thật dã man. Nguyên nhân đem tới cuộc tàn sát đẫm máu rất vô bổ này là để chiều lòng và chinh phục quý ông. Nhưng quan trọng hơn hết, là để thoả mãn tính đua đòi và lòng kiêu hãnh của các bà. Tôi tưởng tượng ra bộ mặt nhần nhó của bạn tôi, như vừa bị tôi buông một mũi tên trúng hồng tâm, khi nghe tôi đưa ra “vấn đề” này. Tôi nhoen cười tùm tùm, thấy đời sống ề ề phê phong ba mà thú vị hết sức. □

Sang Sông

Ngô Du Trung

Luân đi dọc theo hành lang trường đại học, xuống mấy bậc tam cấp, ra ngồi nơi bậc thành xi-măng xây chung quanh hồ nước. Giữa hồ, một cái vòi phun liên tục những dòng nước lấp lánh dưới ánh nắng vàng sẫm buổi chiều. Luân ngồi nhìn lơ đãng ra khoảng sân cỏ trước mặt. Bầy chim sẻ từ một ngọn cây gần đó túa ra, lượn một vòng rồi đậu xuống thảm cỏ xanh mướt. Chúng ríu rít, tung tăng như một bầy trẻ con đang đùa giỡn. Luân yêu lũ chim bé nhỏ mà hiểu động đó. Chúng nhắc chàng nhớ đến những buổi trưa ở quê nhà, đến ngôi trường trống huếch trống hoác, ngồi giữa lớp có thể dõi theo từng đàn chim nhỏ bay lung tung, rượt đuổi nhau trên nóc nhà đối diện. Tiếng chim kêu ríu rít vui tai, gió hiu hiu thổi nên mát cứ chực khép lại vì buồn ngủ, mặc kệ những lời thầy đang giảng trên bục gỗ. Những buổi trưa hè ấy, Luân ngồi mơ màng nhìn ra ngoài cửa sổ, bầu trời trong xanh, vài cụm mây bay chậm chạp, lười biếng, thật khác xa với ở đây, tường vách ngăn kín bưng.

Một cặp trai gái đi nhau đi qua chỗ Luân ngồi, nói cười tự nhiên, vui vẻ. Cô gái, một tay ôm chông sách; tay kia vòng qua ôm ngang lưng cậu trai. Họ đến ngồi trên một băng đá kê dưới gốc cây. Cô gái quăng tập sách xuống đất rồi vòng tay níu đầu chàng trai xuống. Họ hôn nhau. Say sưa đắm đuối. Luân ngồi nhìn cảnh tượng đó, nghĩ đến một điều rồi bật cười. Ở đây cái gì

*Ai đem con sáo sang sông,
Để cho con sáo xõ lông bay xa.
Ca dao*

cũng khác, cũng ngược với quê nhà. Học trò trai gái vừa ra khỏi cửa lớp là ôm nhau khít rít, hôn hít mê mẩn, cứ y như xa nhau hàng thế kỷ vừa gặp lại, bất kể trời đất thiên hạ. Lạ hơn nữa, các cậu cứ thông dong, chẳng phải đón đưa dìu dắt gì cả. Các cô làm hết, ôm hết. Rồi Luân bật cười tự giễu mình lắm lắm. Đã dám hôn nhau giữa ba quân thiên hạ thì sợ gì một vòng tay ôm mà không dám. Thế mà người ta cứ bảo làm đàn ông con trai xứ này khổ lắm, kém thế lắm!

Luân chợt nghĩ đến Thục, đến lá thư nhận được tuần trước. Chàng cho tay vào túi áo. Lá thư vẫn nằm đó, suốt cả tuần nay và chàng đã đọc đi đọc lại không biết bao nhiêu lần. Luân chậm rãi lôi tờ thư ra khỏi túi áo. Mùi nước hoa thoang thoảng. Chàng mỉm cười tự nhủ: Các cô bao giờ cũng điệu.

Anh Luân,

Em đang ngồi trong lớp viết thư cho anh đây. Gớm, anh làm gì mà trách móc, giận hờn dữ quá vậy! Không phải tại em lười hay không muốn viết cho anh, nhưng nhà đầy người, như anh đã thấy lần lên chơi trước đó. Suốt ngày từ sáng đến tối lúc nào cũng ồn ào náo nhiệt. Mỗi chiều đi học về, em phải phụ chị Ba



nấu cơm, dọn dẹp nhà cửa rồi sẵn sóc mấy cháu nhỏ. Em phải giúp chị ấy một tay chứ ngồi không chơi coi sao được. Chị ấy đi làm cả ngày mệt phờ người, về đến nhà thì cơm nước, con cái; lại còn phải lo cho anh Ba... nhậu nữa. Gớm cái ông ấy! Làm cũng dữ mà nhậu cũng dữ. Em không hiểu làm sao các ông ấy nhậu nhẹt đến khuya mà sáng sớm vẫn có thể mò dậy đi làm được! Mà đâu phải lâu lâu một lần. Hầu như ngày nào cũng vậy. Cho nên xong việc nhà là em mệt ngất ngư, chỉ muốn đi ngủ.

Thành ra em chỉ có thể viết cho anh trong giờ học. Mà trong giờ học thì còn phải... học nữa chứ, cứ viết thư hoài thì còn học hành gì được. Em phải rán học một nghề để mai mốt còn giúp anh. Anh thấy đó, ở đây ai cũng phải đi làm, cả hai vợ

chồng đều phải đi làm mới sống nổi. Em không muốn mai một về làm vợ... kiếng của anh đâu.

Anh Luân,

Nói chơi vậy thôi, đừng giận. Thực ra em cũng muốn viết cho anh lắm. Nhưng biết làm sao! Nhiều lúc nghĩ lại, em thấy tiếc khoảng thời gian mình sống ở Việt Nam, ở đảo. Thuở đó tuy có cực nhưng chúng ta lúc nào cũng được gần gũi nhau. Em nhớ những ngày ở đảo, chiều chiều chúng ta thường đi dọc theo bờ biển, nghịch phá, rượt đuổi những con còng gió. Cái loại còng đó trông ốm yếu, lêu khêu vậy mà chạy nhanh khiếp anh nhì. Chẳng mấy khi chúng ta bắt được chúng. Hay những đêm chúng ta nằm bên nhau trên cát ướt, nhìn lên bầu trời đêm lấp lánh ánh sao mà vẽ vời mơ tưởng về một tương lai êm ấm, hạnh phúc ở một chân trời xa lạ. Những ngày tháng đó thật êm đềm, thú vị.

Vậy mà bây giờ chúng ta phải xa nhau. Thời gian qua nhanh quá Luân nhì. Mới chớp mắt đã gần hai năm. Nhưng Luân đừng buồn. Rán vài năm nữa rồi chúng ta sẽ mãi mãi bên nhau. Mãi mãi. Em hứa với anh như thế.

Hôn anh,

Thực.

TB: Chắc bây giờ Luân nói tiếng Mỹ hết... mỗi tay rồi phải không? Hôm qua trong bữa ăn, anh Ba nhắc lại chuyện hôm anh đi thi bằng lái xe làm cả nhà cười nghiêng ngả. Em cũng hơi quê quê.

Luân gấp lá thư lại bỏ vào túi áo. Chàng ngả người nằm dài trên bờ hồ. Nền xi-măng nóng hăm hấp làm Luân phải nhóm người ngồi dậy. Chàng thò tay khuấy nước. Những đồng tiền nguyên ước lấp lánh dưới đáy hồ. Luân cũng móc túi ném xuống đó một đồng xu với nguyên ước tình yêu của chàng và Thực mãi mãi bền vững, thủy chung. Đồng xu chạm vào mặt nước vang lên một tiếng nhỏ. Nó chao nhẹ rồi nằm im cạnh những đồng xu khác. Luân mơ hồ một cảm giác an tâm, tin tưởng.

Chàng ngược mắt nhìn ra phía trước, bắt gặp cặp trai gái lúc này đang chụm đầu chăm chú đọc một trang sách. Có lẽ họ đang học bài chung. Chàng lại hướng tầm mắt về một phía khác. Mấy cô sinh viên đang đứng nói chuyện với đám con trai chỗ tam cấp. Không biết họ nói gì với nhau mà các cô phá ra cười, tiếng cười giòn tan, thoải mái, hả hê vang đến tận chỗ Luân ngồi khiến chàng thấy vui lây.

Luân lại nhớ đến anh Ba, ông anh rể của Thực. Thực có bà chị và ông anh cả qua Mỹ từ trước. Bà chị là đàn bà... trẻ người non dạ không đáng kể, ông anh cả của Thực tuy ăn to nói lớn nhưng cũng không đáng ngại. Luân ngại nhất là ông anh rể của Thực mới kỳ. Ông ấy tuy không trực tiếp có ý kiến về chuyện của chàng và Thực nhưng Luân biết, bao nhiêu việc lớn nhỏ trong nhà đều do ông ấy quyết định hết.

Luân nhớ hồi mới qua Mỹ, ở tạm nhà anh chị Thực, Luân đã ngỏ ý xin được cưới Thực. Anh chị của Thực tuy ngần ngại nhưng có vẻ xiêu lòng. Nhưng rồi ông anh rể của Thực can thiệp vào và kết quả là một hôm, ông anh cả của Thực kêu Luân ra giảng:

— Anh biết Luân và Thực thương nhau từ lâu, vả lại Luân còn có công đem Thực qua đây nên anh cũng muốn hai đứa lấy nhau. Có điều không nên vội vàng quá. Luân mới qua Mỹ, cuộc sống chưa ổn định, cần phải đi học lấy một nghề cho vững chắc đã. Thực nó cũng cần đi học lấy một nghề. Chuyện “một túp lều tranh hai quả tim vàng” là chuyện ca hát cho vui thôi, thực tế không cặp vợ chồng nào có thể uống nước lã ngồi nhìn nhau mà sống hạnh phúc được. Anh không quan niệm rằng vật chất là mục đích của hôn nhân, nhưng vật chất sẽ bảo đảm hạnh phúc gia đình bền vững lâu dài. Luân tin anh đi. Nếu hai đứa thực sự thương yêu nhau thì không có gì phải sợ. Vài ba năm có lâu la gì!

Thế là chuyện hôn nhân phải gác lại. Luân về Washington ở với bà dì

lo việc dùi mài kinh sử chờ một ngày... xe anh chạy trước, xe nàng theo sau. Hôm chia tay, Luân đã ngậm ngùi nói với anh chị của Thực:

— Em nghe lời anh chị. Chỉ xin anh chị một điều: “giữ” Thực hộ em.

Hôm ấy Thực khóc dữ quá làm Luân nôn nao cả ruột gan. Vậy mà đã gần hai năm rồi. Thực vẫn còn đó, vẫn thư từ cho Luân đều đặn. Luân thấy an tâm phần nào. Chừng hai năm nữa Luân sẽ ra trường, sẽ làm đám cưới với Thực và sẽ sống hạnh phúc. Bất giác Luân mỉm cười nhớ lại ngày mới đến Mỹ, ông anh rể của Thực chở Luân đi lấy bằng lái xe. Đến nơi Luân vào một mình. Cô thư ký Mỹ hỏi câu gì đó Luân không hiểu rõ nhưng đáp bừa “Yes”. Cô thư ký trở mặt ra nhìn. Luân vội vàng chữa lại “No”. Lần này thì cô thư ký trợn mắt lên, sáng giọng: “What?” Luân thấy không xong, bèn bỏ ra ngoài tìm ông anh rể của Thực đang đứng hút thuốc lá ngắm ông đi qua bà đi lại. Thấy Luân ông hỏi:

— Sao rồi?

Luân ngượng ngập:

— Nó nói cái gì đó em không hiểu rõ. Trả lời “yes” nó trợn mắt lên mà “no” cũng không được nên em chạy ra cầu cứu anh đây.

Chuyện này sau trở thành một đề tài cho cả nhà chọc quê Luân. Thỉnh thoảng Thực vẫn nhắc lại trong thư. Quê thật!

Mà cái chuyện bất đồng ngôn ngữ đó cũng đã gây lăm chuyện dở khóc dở cười cho nhiều người Việt. Luân nhớ đến vợ chồng ông hàng xóm của bà dì: anh chị Phúc. Hai vợ chồng có đứa con trai thật kháu khỉnh dễ thương. Cả hai nâng như nâng trứng. Những lúc rảnh rỗi Luân vẫn thường sang nhà anh chị Phúc đấu láo, mang theo cho thằng bé lúc thì gói kẹo lúc thì một món đồ chơi. Cả hai vợ chồng đều còn trẻ, hiền lành và vui tính, lại rất quý Luân. Một hôm, nhân lúc ngồi đùa giỡn với thằng bé, Luân buột miệng:

— Sao anh chị không kiếm thêm một đứa nữa cho vui nhà vui cửa?

Chị Phúc đang nói cười vui vẻ, bỗng sầm nét mặt, nguýt ông chồng:

— Hồi tôi sanh thằng này, bác sĩ hỏi ông cái gì đó, ông dết dết nô nô làm sao mà họ cắt mất... của tôi, bây giờ đâu còn chứa để gì được nữa!

Hôm ấy nhìn nét mặt bẽn lẽn, ngượng ngùng của anh Phúc, Luân thấy thật tức cười. Rồi nghĩ đến mình, Luân không kềm được nữa, cười phá ra. Luân kể cho vợ chồng anh nghe chuyện hôm Luân đi thi bằng lái xe. Mọi người được một trận cười nghiêng ngả.

Luân đưa tay nhìn đồng hồ. Sắp đến giờ vào lớp. Chàng với tay cầm tập sách đứng dậy, đảo mắt nhìn quanh. Tầm mắt chàng dừng lại nơi cặp trai gái vẫn ngồi dưới gốc cây. Họ không còn chụm đầu vào học nữa mà đang hôn nhau. Lại hôn nhau. Cuốn sách rơi xuống đất mở toang, tênh hênh dưới chân họ. Gió lùa những trang sách bay phất phơ, sột soạt.

*
* *

Súng nổ. Tiếng quát sắc lạnh vang lên giữa đêm:

— Đứng lại! Tất cả đứng lại!

Luân kéo Thục, hét nhỏ: “Chạy!”. Chàng lôi Thục chạy bừa trong đêm tối. Toán người vượt biên cũng bỏ chạy tán loạn. Mấy đứa con nít khóc ré lên. Súng lại nổ. Tiếng đạn xé gió kêu chúi chúi trong không khí. Bất chấp! Luân cứ kéo Thục cầm đầu chạy. Chàng vấp phải một vật gì đó chúi mũi suýt té. Dừng lại một chút, Luân nghe hơi thở hổn hển của Thục phía sau: “Mệt quá!” Luân thì thầm: “Chưa được! Rán chút nữa!” Luân lại nắm tay Thục kéo chạy tiếp. Một lát Luân vấp phải gốc cây té nhào. Thục cũng chúi mũi té chổng lên người Luân. Hai người nằm im nghe ngóng. Một số người bị bắt, phần đông là những gia đình có con nhỏ. Ánh đèn pin loé lên, kéo những vệt sáng ngang dọc trong

mẹ đã về

*Con tuổi nhỏ bên sông gằm tai họa
Mẹ ngồi thương sông bên lở bên bồi
Trắng cơ nghiệp là lưu đày xa lạ
Bóng cò chiều bằng lăng bóng sông trôi.*

*Như đời mẹ chung thân cùng sông núi
Giữa địa cầu sao nhẹ hẫng hai vai
Năm châu đó ngọn đèn mù tăm tối
Mạch đất ngấm cày xé cả tương lai*

*Còn gió buốt một đời cha nặng nợ
Quê nghèo trôi theo chú bác phiêu bồng
Đầy cay nghiệt trong lòng cha người thợ
Suốt bao thời quày quả mãi không xong*

*Con khuất lấp cùng dặm mòn dâu bể
Mẹ theo cha - về với đất nghìn năm
Còn di huấn là nụ cười ngạo nghễ
Cho đời con càn lướt giữa xa xăm.*

nguyễn đức bạt ngàn



đêm tối.

Luân và Thục cứ nằm im như thế cho đến khi bọn công an lừa hết số người bị bắt đi khá xa. Thục cựa mình toan ngồi dậy. Luân đưa tay kéo ghì Thục xuống, ép sát vào người chàng. Đôi nhũ hoa Thục săn cứng dán sát vào ngực Luân êm ái. Luân thấy rạo rực thêm muốn. Hơi thở Thục dồn dập gấp rút phả lên mặt Luân. Họ tìm mãi nhau, hôn say đắm...

Tiếng sấm sét bên ngoài làm Luân giật mình thức giấc. Nụ hôn bị cắt đứt giữa chừng. Luân ném cái gối chàng đang ôm cứng trong lòng sang một bên. Trời đang mưa. Những tia chớp loé lên, vạch những đường sáng ngoằn ngoèo trên bầu trời đen đặc. Chàng nhớ Thục. Không biết nàng đang làm gì giờ này bên ấy? Đang ngủ? Đang mơ? Có mơ môi hôn thấm thiết như chàng vừa mơ thấy? Luân mơ hồ nghe âm vang một lời ca quen thuộc trong đầu: *Ngày rời Cali anh đã để quên con tim...* Luân gọi thầm: Thục ơi, Thục ơi, anh thật đã

để quên con tim bên ấy.

Mưa vẫn rơi đều, sầm sập trên mái nhà. Luân loay hoay cố dỗ giấc. Chàng trăn trở mãi không làm sao ngủ lại được. Chàng nghĩ đến giấc mơ hồi nãy rồi liên tưởng đến những ngày chạy đôn chạy đáo tìm mối vượt biên. Tuy chưa bị công an rượt bắt lần nào nhưng Luân cũng đã hụt mấy chuyến vì tổ chức trục trặc. Cuối cùng rồi cũng đi được. Mấy ngày trên tàu, Thục say sóng ói mưa tùm lum, nằm bẹp dí ở một góc tàu không biết trời đất gì nữa cả. Luân đã săn sóc chăm lo cho Thục từng ly từng tí y như người chồng săn sóc cho vợ. May mắn tàu đến đảo bình yên, không cướp bóc, không hải tặc.

Rồi những ngày ở đảo thật êm đềm nhàn nhã. Thuở đó người tị nạn còn được đối xử tử tế, không bị bạc đãi, cấm cố như tình trạng hiện nay. Đời sống vật chất cả hai lại tương đối thoải mái vì cả chàng và Thục đều có thân nhân ở Mỹ gửi tiền cho.

Luân nhớ những đêm trăng sáng,

hai đứa đi dạo dọc theo bờ biển. Gió biển lùa vào tóc Thục, thổi bay loà xoà lên mặt mũi chàng. Luân đã hít thở mùi biển mặn trộn với hương thơm dịu dịu của tóc Thục ngầy ngất, mơ màng nhìn ánh đèn tàu lấp lánh ngoài khơi mà mơ tưởng về một vùng đất xa lạ sẽ đặt chân đến, rồi về một tương lai thật huy hoàng xán lạn, có đám cưới linh đình, có rượu nồng pháo đỏ, có mái nhà xinh và những đứa con ngoan ngoãn, kháu khỉnh.

Luân lại nhớ đến hôm đi dạo với Thục trên một ngọn đồi. Hôm ấy chàng rủ Thục ra biển tắm. Cả hai chuẩn bị mọi thứ rồi kéo nhau ra biển. Nửa đường, không hiểu sao Thục đổi ý đòi đi dạo núi. Luân chiều Thục, hai người đổi hướng đi về ngọn đồi gần đó.

Con đường dẫn lên đồi đầy hoa cúc dại. Nắng sớm rực rỡ và bướm bay lượn dập dờn. Luân tinh nghịch ngắt một đoá hoa cài lên tóc Thục. Chàng đứng lùi lại ngắm:

— Cả hoa và người đều đẹp nhưng anh thích người hơn vì hoa không biết yêu, và nhất là không biết hôn...

Thục đỏ mặt, chạy đến véo vào hông chàng. Luân làm bộ đau, la lên rồi bỏ chạy. Thục rượt theo. Luân chạy nhẩn nha, ngoái cổ lại nhìn. Tóc Thục bay phất phơ trong gió trông thật đáng yêu. Lúc Thục gần bắt kịp, Luân bắt thần dừng hẳn lại. Thục không kịp phản ứng, đâm sầm vào người Luân. Chàng dang tay ôm lấy nàng, siết chặt và đặt lên môi Thục một nụ hôn. Hơi bất ngờ nhưng Thục vẫn nhận cái hôn của Luân thật nồng nhiệt. Một lát họ rời nhau ra. Luân lại trêu:

— Thấy chưa? Người vẫn hơn hoa vì biết hôn mà hôn rất... điệu.

Thục ngượng quá, đâm vào lưng Luân thùm thụp, hét lên:

— Anh nói xấu Thục đó phải không?

Cứ thế họ vừa đi vừa đùa giỡn chẳng mấy chốc đã đến chân đồi. Ngọn đồi khá cao, rậm rạp. Những tán lá rộng đan vào nhau che kín một vùng trời. Nắng không lọt vào

đây được và chim chóc bay nháy, ca hát véo von. Luân và Thục theo đường mòn leo lên đỉnh đồi. Càng lên gần đỉnh cây cối càng thưa. Ra khỏi lùm cây cuối cùng và đến đỉnh đồi, một vùng biển bao la mênh mông hiện ra trước mắt hai người. Thục reo lên mừng rỡ:

— Đẹp quá Luân nhỉ!

Luân cũng thấy lòng phơi phới. Chàng đứng kề vai Thục nhìn ra xa. Những đợt sóng nhấp nhô loé sáng dưới ánh nắng. Vài chiếc thuyền đánh cá đang giương buồm ra khơi. Thôn xóm thấp thoáng sau những thân dừa cao vút. Bãi biển từ trên cao nhìn xuống như một con đường cát trắng chạy dài rồi đâm thẳng vào những gốc dừa. Gió thổi mát rượi. Lăn trong gió, mùi biển mặn, mùi hoa dại, cỏ cây khiến Luân ngầy ngất. Chàng quay sang nhìn người yêu. Thục cũng đang say đắm nhìn ngắm phong cảnh bao la bát ngát chung quanh. Tóc nàng lộng gió bay phất phơ. Bộ quần áo mỏng dán sát vào người nàng làm nổi rõ những đồi trũng của một thân thể con gái thanh xuân, quyến rũ. Môi má nàng đỏ hồng và đôi mắt thì rạo rực, long lanh. Bất chợt Thục quay lại, bắt gặp Luân đang đắm đuối nhìn mình, nàng ngượng ngùng quay lưng chạy xuống đồi, cười khúc khích.

Luân ngăn người một chút rồi đuổi theo. Đến lưng chừng đồi thì chàng bắt kịp Thục. Từ phía sau, Luân vòng tay ôm ngang hông Thục giữ lại. Chàng cọ má mình vào một bên má Thục đang lấm tấm mồ hôi, thì thầm:

— Bắt được rồi nhé!

Thục cười khúc khích, ngoẻo đầu nhìn Luân:

— Anh xấu lắm!

Luân không nói gì, cắn nhẹ vào vành tai Thục. Nàng hơi ưỡn người kêu lên:

— Anh...

Luân bảo:

— Mình kiếm chỗ nào ngồi nghỉ một lát.

Họ đến một gốc cây. Luân bẻ mấy cành lá lót chỗ cho Thục rồi

ngồi xuống bên cạnh. Trước mắt họ, chéch bên trái có một bụi hoa rừng. Những cánh hoa màu tím mong manh như cánh bướm, dập dờn rung rung theo làn gió. Một con ong từ đâu bay lại, đậu lên cánh hoa. Nó chúi đầu xuống, những cái chân nhỏ xíu quơ quơ làm rơi mấy nhụy hoa. Thục chăm chú nhìn những nhụy hoa bay lả tả trong gió. Nàng bảo Luân:

— Anh xem, con ong làm rớt những nhụy hoa.

Luân cười:

— Nhưng nhờ nó hoa sẽ kết trái. Con ong bay từ hoa này sang hoa khác hút mật, vô tình mang những nhụy đực sang cho nhụy cái...

Rồi Luân nhìn sang Thục, bắt gặp ánh mắt long lanh, gò má đỏ hồng của nàng, lém lỉnh:

— Em cũng là một nụ hoa đang chờ kết trái, chỉ cần một con ong...

Thục ngượng, mặt đỏ bừng. Nàng luồn tay véo vào hông Luân. Vừa nghiêng người né tránh, Luân tiện đà kéo Thục ngã dài trên mặt đất. Luân xoay người ôm lấy Thục. Họ quấn lấy nhau, hôn nhau, lăn trở trên mặt đất đầy lá khô và những cành cây mục. Hơi thở cả hai gấp rút, dồn dập. Những ham muốn như thủy triều xô đến cuốn lấy họ, nhận chìm họ vào biển hoan lạc, mê đắm. Thục rên lên nho nhỏ. Luân luồn tay cởi dần những hạt nút áo, ve vuốt khoảng ngực trần sần cứng, êm ái của Thục. Mắt Thục nhắm nghiền, đôi môi hé mở kêu gọi, mời mọc. Bàn tay Luân mơn trớn, mò mẫm sục sạo trên da thịt Thục láng lẩy, mát rượi. Nàng oằn người, run rẩy. Bàn tay Luân lặn mò xuống, xuống thấp...

Tiếng một con chim đập cánh kêu oang oác trên cây làm Thục giật mình. Nàng xô Luân ra rồi ngồi bật dậy, cài vội những hạt nút áo và liếc nhìn Luân. Luân cũng ngồi dậy. Chàng nói nhỏ:

— Xin lỗi Thục.

Thục không nói gì, nhìn ra phía trước. Con ong đã bay mất. Nụ hoa tím vẫn đọng đóa trong gió. Nàng đứng lên, bước lặn xuống đồi.

Luân hấp tấp chạy theo...

Trong đêm tối, Luân mơ màng nhớ lại rồi ngủ thiếp đi. Mưa vẫn rơi đều bên ngoài cửa sổ.

*
* *

Thục chăm chú thái mỏng từng lát thịt để làm món bò tái chanh. Bên cạnh, chị Ba của Thục đang o bế nồi cà ri dê. Từ căn phòng kế cận, tiếng mấy người đàn ông cười nói ồn ào vọng sang. Thục nghe loáng thoáng ai đó nhắc đến tên nàng. Thục dừng tay chú ý lắng nghe. Hình như họ đang trêu chọc một anh chàng nào đó. Tiếng cười âm ỉ huyền ảo, tiếng lon bĩa bị bóp dẹp kêu răng rắc, tiếng ly dần xuống mặt bàn mạnh bạo. Rồi giọng ông anh cả của Thục oang oang:

— Uống đi em. Ha ha, nhà này toàn bợm. Muốn lảng tránh tới đây phải uống hết một két bia làm lễ nhập gia rồi chuyện gì tính sau.

Một giọng ồ ồ cất lên:

— Ấy, tửu bất khả ép.

Nhiều giọng khác nhao nhao:

gởi làng văn

*Một năm ngồi viết những bài thơ
gởi tới Làng Văn rồi đợi chờ
đợi đến bạc đầu trên xứ lạ
lạnh lùng trang báo vẫn làm ngơ*

*Vẫn biết thơ tôi chẳng đáng gì
chỉ là một mớ chữ ngu si
chở toàn ý tưởng ngô nghê quá
trị giá không hơn khúc bánh mì.*

*Nhưng vất tâm can góp với làng
góp nòng góp lạnh nghĩa lân bang
góp tình viễn xứ, hồn vong quốc
sao nỡ làng ơi để võ vàng?*

*Chỉ mong Âu Lạc tay chung tay
mẹ gọi trăm con xới luống cày
đón gió văn minh toàn thế giới
về vun hoa nở tính xuân bay*

*Bây giờ đứng giữa trời Bắc Âu
nghe ngóng tinh hoa khắp địa cầu
mới biết tiếng Làng Văn nổi sóng
lại xin chung góp một đôi câu.*

lê đã sử

— Ép bất khả từ, ha ha, không từ thì từ.

Rồi họ cười âm lên, những tiếng “dồ, đồ” đồn dập. Thục mỉm cười. Thì ra họ đang trêu anh chàng kỹ sư điện tử vẫn thường đến nhà theo đuổi Thục. Tội nghiệp anh chàng. Đến lần nào cũng bị ông anh cả và ông anh rể của nàng đổ bia đổ rượu mà chẳng đỡ trò gì được. Thục lắc đầu rồi tiếp tục thái thịt. Một lát nàng nghe tiếng ông anh rể gọi:

— Em ơi, thịt thầy xong chưa?

Có tiếng cười sau câu hỏi. Chị Ba trả lời:

— Gần xong rồi.

Thục tò mò:

— Thịt thầy là thịt gì vậy chị?

Bà chị cười cười:

— Là thịt dê đó.

— Tại sao thịt dê lại gọi là thịt thầy?

Chị Ba lấp lửng:

— Ồi, hơi đâu để ý cho mệt. Mấy ông ấy uống say rồi suy diễn lung tung, ai mà biết!

Rồi chị nhắc:

— Em làm cho xong món bò tái chanh đem lên cho mấy ông ấy nhậu trước đi.

Thục không hỏi nữa, chăm chú thái nốt khúc thịt rồi đứng dậy mở tủ lạnh lấy mấy trái chanh, củ hành tây, mấy bó rau răm, rau om và ớt. Nàng lột củ hành cắt thành từng khoanh mỏng, trụng sơ mớ thịt bò sắp vào đĩa rồi vắt chanh, trộn đều với hành tây, rau răm, ngò om. Nàng bày những lát ớt đỏ tươi lên mặt đĩa thịt xong mở tủ lấy chai mắm nêm đã pha sẵn rót vào chén, cho thêm muống đường, khuấy đều.

Thục bê đĩa thịt sang phòng bên cạnh. Nàng hơi nhăn mặt vì căn phòng ngập đầy khói thuốc. Thục đặt đĩa thịt xuống bàn, kín đáo liếc nhìn chàng kỹ sư, bất gặp anh chàng cũng đang nhìn trộm nàng. Thục quay lưng, môi thoáng một nụ cười tinh quái. Ông anh rể của Thục nhắc:

— Còn thiếu mắm nêm, Thục.

Thục chưa kịp trả lời, anh chàng kỹ sư đã vội vã lên tiếng:

— Để em giúp Thục một tay.

Vừa nói anh chàng vừa kéo ghế đứng dậy đi theo Thục. Ra khỏi căn phòng ồn ào, anh chàng gọi chuyện:

— Cuối tuần Thục không đi chơi đâu à?

Thục nhủ thầm: “Lo hầu hạ mấy ông đây, còn đi đâu?”. Nàng đáp gọn:

— Dạ không.

— Hình như Thục ít đi ra ngoài. Hôm nào rảnh tôi mời Thục đi dạo một vòng.

Thục cười khúc khích:

— Đi... một vòng là đi đâu anh?

Họ dừng ngay trước cửa nhà bếp:

— À, thiếu gì chỗ. Ở đây có rất nhiều thắng cảnh. Bây giờ đang mùa xuân, nhiều cảnh đẹp lắm. Nhé?

Thục cúi đầu, mân mê vạt áo:

— Dạ...

Anh chàng nhìn Thục chờ đợi. Một lát không thấy Thục nói gì thêm, nhắc:

— Được chứ?

Thục ngược mắt nhìn nét mặt bồn chồn chờ đợi của anh chàng, đáp lửng lơ:

— Thục chưa biết được. Để coi có rảnh không.

Anh chàng nhìn thẳng vào mắt Thục, giọng tỉnh bơ:

— Tuần tới tôi đến đón Thục.

Thục nhủ thầm: Chà, tự tin dữ! Từ phòng bên, tiếng ông anh rể của nàng vang vang:

— Em nó đâu rồi? Chắc phải xuống phố mua mắm hay sao mà lâu dữ vậy cà?

Có tiếng ông anh cả phụ họa:

— Chưa uống hết két bia làm lễ nhập gia thì chưa nói chuyện gì khác được đâu nhé!

Thục liếc nhìn anh chàng bên lên rồi bước hẳn vào nhà bếp.

Đêm đó tuy mệt nhưng Thục trần trọc không ngủ được. Nhớ lại chuyện hồi chiều nàng thấy lòng gọn lên một niềm vui êm ả. Anh chàng trông cũng... được, mà lại bạo nữa. Thục nhớ lúc trao chén nước mắm, anh chàng đã lợi dụng

cầm tay Thục. Lúc đó Thục muốn rút tay về nhưng sợ đổ chén nước mắm thành ra cứ để yên. Thục nhớ bàn tay ấy, ấm áp và tinh nghịch.

Nàng lại nghĩ đến cái hẹn tuần tới, hơi ngạc nhiên về chính mình. Nàng đã nhận lời rồi sao? Không phải. Thục có hứa hẹn gì chắc chắn đâu! Mà sao lúc đó nàng không từ chối: “Bạn lắm, không đi được” mà lại nói: “Để coi có rảnh không”. Vậy ra nếu rảnh thì đi được chứ gì? Vậy là hứa rồi chứ còn gì nữa. Thảo nào mà anh chàng đã chẳng nói một cách ngon lành: “Tuần tới tôi đến đón Thục”. Thục thấy bối rối. Nàng chớp chớp mắt trong đêm tối.

Thục nằm suy nghĩ miên man. Cái đèn nhỏ trong dụng cụ báo hoả treo trên trần thỉnh thoảng chớp lên rồi tắt ngấm. Tiếng kim đồng hồ treo tường kêu tích tắc đều đặn. Đêm im vắng. Bên ngoài, thỉnh thoảng một chiếc xe vụt qua, tiếng động cơ ồn lên một chút rồi mất hút vào cuối đường. Thục chợt nhớ đến Luân, cảm thấy hơi hối hận. Rồi nàng cảm thấy lo sợ, một nỗi lo sợ mơ hồ mà chắc chắn, lẫn quất đầu đây, tấn công nàng, bào mòn, gặm nhấm nàng từng chút, từng chút.

Thục nhồm dậy, bật ngọn đèn ngủ đặt trên chiếc tủ nhỏ cạnh đầu giường. Nàng mở hộp tủ lòi tập giấy viết thư. Vừa viết được hai chữ “anh Luân” trên đầu trang giấy, nàng ngồi thừ người suy nghĩ, chẳng biết viết tiếp điều gì. Một lát nàng vò tờ giấy, tắt đèn rồi nằm xuống. Thục tự nhủ: “Không nên viết cho anh ấy khi lòng mình đang xao động” Thục gọi thầm: “Luân ơi, Luân ơi, em sợ lắm...” rồi một mình ngủ thiếp đi.

*
* *

Luân mở cửa bước vào nhà. Chàng đặt sách vở lên bàn rồi mở tủ lạnh rót ly nước uống một hơi. Bà dì của Luân đang nấu nướng ở bếp, lên tiếng:

— Cháu về rồi đó à? Hồi nãy có thằng nào ở Cali gọi cháu đó.

Luân hỏi, giọng lơ đãng:

— Nó có nói tên không di?
— Thằng Thiên thằng Thiện gì đó.

Luân trở lại bàn cầm sách vở lên, hỏi tiếp:

— Nó có nhắn gì không, di?
— Dì có hỏi mà nó không nói, bảo tối sẽ gọi lại.

Luân vừa xoay lưng đi vừa nói:
— Để cháu gọi nó.

Bà dì của Luân nói với theo:
— Nói gì thì nói lẽ lẽ rồi ra ăn cơm.

Ngang qua chỗ để điện thoại, Luân với tay cầm chiếc điện thoại không dây đi về phòng mình. Chàng mở cửa phòng, ném tập sách lên bàn rồi để nguyên quần áo nằm dài ra giường. Chàng bấm số gọi. Bên kia đường dây, giọng người bạn là nhè:

— Hê...lô...
— Thiện đó hả? Luân đây.
— Ờ, con trai. Đi học về rồi à?
Luân cười:

— Bộ say hay sao mà lẽ nhè vậy? Hồi chiều mày gọi tao có chuyện gì không?

— Ờ đang say, say giùm thiên hạ đây. Mày ăn cơm chưa?

— Chưa, mới vừa về tới nhà.
— Tắm rửa chưa?

Luân lăm lăm chửi thề:

— Có gì thì nói mẹ nó đi. Sao hôm nay mày vòng vo tam quốc thế?

— Ấy, cái này quan trọng lắm. Nếu mày chưa ăn cơm, chưa tắm rửa thì tốt hơn hết là đi ăn đi tắm đi, rồi chút nữa gọi lại.

Luân bực mình thực sự:

— Sư mày, không nói thì thôi, tao cúp.

Người bạn Luân cười hề hề bên kia đầu dây:

— Đừng có nóng, con trai. Để dành chút nữa rồi hãy nóng. Mày muốn nghe thì tao cho nghe: Người đẹp của mày lấy chồng rồi đó.

Luân nghe như tim mình đập hụt một nhịp. Chàng khựng lại một chút rồi cười bảo:

— Mày giỡn hoài! Tao mới nhận thư hồi tháng trước đây mà chồng con gì!

Giọng Thiện oang oang:

— Trời ơi, ông ơi là ông ơi, cả đời ông cứ u mê lú lẫn như vậy hoài thì tới bao giờ ông mới khôn ra được? Tháng trước là cả thế kỷ trước rồi. Mà viết thư thì viết thư, có ăn nhậu gì tới chuyện lấy chồng?

Luân hoảng hốt thực sự. Chàng hỏi một câu ngớ ngẩn:

— Mày nói thật?

— Không lẽ lại giả! Nó lấy thằng kỹ sư điện tử, đám hỏi cách đây ba ngày. Ờ thì nó chưa lấy chồng, chỉ mới... sắp lấy chồng thôi. Chịu chưa?

Luân nghe như cả bầu trời sụp đổ. Cổ họng chàng nghẹn lại. Bên kia đầu dây, Thiện vẫn lải nhải:

— Bởi vậy mà tao bảo mày ăn cơm tắm rửa đi rồi hãy nghe tao nói. Lỡ có... đau lòng quá, uống năm ba chai thuốc chuột tự tử thì cũng khỏi phải làm con ma vừa dơ vừa đói...

Luân hét lên:

— Câm cha cái miệng mày lại...

Chàng quăng mạnh cái điện thoại xuống sàn nhà, nằm úp mặt vào gối. Không thể được! Không thể như thế được! Nhất định, nhất định là thằng bạn chàng đùa dai. Những tờ thư còn đó. Những lời hẹn trăm năm còn đó. Những “mãi mãi”, những “đời đời”. Ôi chao, Thục ơi, em lấy chồng thật sao? Con sáo đã xố lỏng thật rồi sao? Chàng muốn hét lên thật to, muốn la lên. Chàng muốn khóc, muốn đập phá, muốn làm một cái gì đó cho lòng dịu lại nhưng vẫn nằm bất động trên giường. Chàng nhớ đến lời thằng bạn bảo chàng hôm nghe Luân kể chuyện tình của mình:

— Đàn bà như chim... bồ câu, hiền lành lắm nhưng hễ thấy cái lồng nào đẹp là... chun vô. Hà hà, mày rần mà o bế cái lồng...

Ờ, phải rồi, chàng đang lo o bế cái lồng. Không phải. Chàng đã có lồng đâu mà o bế. Chàng đang lo đan một cái lồng thì đúng hơn. Chàng đang đan một cái lồng, ha ha, một cái lồng tưởng tượng, ha ha... Luân bật cười sặc sụa. Chàng cười mãi, cười mãi... □

Làm Ăn

Nguyễn Mạnh An Dân

Mạnh tìm chỗ dựng chiếc xe đạp sát vào tường, cúi xuống kéo chiếc khoá ngàm, cẩn thận cầm ống khoá giật giật mấy cái trước khi rút chìa bỏ vào túi.

Quán cà phê buổi sáng đầy đặc người. Mạnh tần ngần đứng ở cửa ngược mắt tìm kiếm. Từ một chiếc bàn tận cùng bên trong, Trọng chồm người khỏi ghế, vừa ngoác vừa gọi. Mạnh gật đầu. Chàng ra đầu là đã nhìn thấy và len lỏi giữa các hàng ghế để đi về phía bạn. Tồn cũng đã có mặt. Anh vừa gom mớ giấy tờ bỏ bừa bãi trên bàn xếp vào một cái bìa cứng màu xanh vừa nói gì đó với Trọng. Cả hai cùng cười. Mạnh thoáng thấy những khuôn đầu xanh đỏ và những chữ ký đậm nét trên xấp giấy tờ.

Trọng đứng dậy xoay ngang cái bàn, kéo thêm một chiếc ghế cho Mạnh. Anh nhìn đồng hồ, nhìn Tồn rồi nói với Mạnh một hơi dài nửa đùa nửa thật:

— Cà phê đen nghe ông? Sợ ông nhà văn lè phè quá rồi, làm ăn kiểu ông chắc có ngày uống nước lã quá! Biết chúng tôi chờ ông bao lâu rồi không?

Mạnh ngồi xuống ghế, chàng không trả lời cũng không buồn phiền gì về lời trách móc của bạn. Chơi với nhau từ ngày còn trung học, Mạnh biết Trọng là người xuề xòa, thẳng thắn, hay đùa cợt và hết lòng với bạn bè. Trong anh em, Trọng là người rời ghế nhà trường sớm nhất. Anh theo học Võ bị Đà Lạt ngay khi đậu tú tài, ra trường đi tác chiến, lăn lộn lên đến tiểu đoàn phó rất sớm. Không biết ở đơn vị

Trọng chỉ huy thế nào nhưng mỗi lần có dịp gặp bạn bè cũ, anh vẫn ồn ào xốc nổi, ruột để ngoài da như ngày còn đi học. Có lần Mạnh đã đùa với Trọng:

— Sao chính phủ lại làm lẫn đến mức cho ông mang đến chức quan ba nhỉ! Tôi mà có quyền thì ông phải xuống cấp mới đúng.

Trọng tỉnh bơ cười ha hả. Anh lý sự:

— Lầm, có thể, nhưng là một sự lầm lẫn đáng yêu và hợp lý.

Và anh kết luận chắc nịch, tự tin:

— Tao sẽ lên tới tướng. Phải đợi đến lớp bọn tao, cả đời trầy vì tróc vảy ngoài chiến trường trước khi lên tướng thì quân đội mình mới khá ra được.

Mạnh trêu tiếp:

— Gớm, cứ làm như mình ông là lính! Thế bọn tôi là cái gì?

Trọng cười giấu cợt nhưng lời nói lại rất nghiêm chỉnh:

— Mấy ông là lính bất đắc dĩ, lính chân trong chân ngoài, yên yên một chút là mấy ông biến. Tôi mới là lính thứ thiệt, lính sống chết.

Ngày mất nước, Trọng biến đi đâu mất ba bốn ngày. Nhiều bạn bè cùng đơn vị cho biết là có gặp Trọng ở Hậu Nghĩa vào những giờ phút cuối cùng và quả quyết Trọng vẫn bình yên sau khi ngưng súng. Bà mẹ và mấy cô em khóc lóc, chạy



đôn chạy đáo tìm kiếm, hỏi thăm nhiều nơi mà vẫn không được tin gì về Trọng. Đùng một cái, Trọng về nhà, ủ rũ và chán chường. Anh nằm luôn trong phòng nhiều ngày không nói năng gì với ai. Mạnh đến thăm, mẹ Trọng gọi chàng ra một chỗ, vừa khóc vừa bảo: “Con khuyên nó giùm bác một tiếng. Bác biết Trọng nó không chịu được nhục, nó bảo nó không thua, không đầu hàng, bác sợ nó liều lĩnh”.

Mạnh đã phải mất nhiều ngày giờ nói chuyện với Trọng. Trước sau Trọng vẫn chỉ nói một câu: “Tổ quốc, danh dự, trách nhiệm, cùng một lúc mất cả ba thứ thì sống làm gì cho chặt đất”. Mạnh đem chuyện Hàn Tín luồn trôn, Câu Tiễn nằm gai nếm mật nói với Trọng. Trọng găm gù như hét vào mặt Mạnh:

— Ông đem mấy người háo danh, tham vọng đó ra nói với tôi

làm gì! Tôi đểch theo gương đưa nào hết, tôi có cách của tôi.

Mạnh không nản chí, chàng biết Trọng yêu đời sống quân ngũ, hãnh diện về ngôi trường đã đào tạo ra mình, chàng nói với Trọng:

— Trường Đà lạt dạy ông cấp chỉ huy phải biết tiên liệu. Ông nghĩ coi, một chế độ phi nhân, lừa mị thế này làm sao tồn tại được! Phải biết kiên trì và hy vọng chứ!

Trọng có vẻ hơi xiêu lòng. Mạnh bồi thêm:

— Phải tự thắng để chỉ huy.

Mắt Trọng long lanh, anh thay đổi nhanh không ngờ, chồm người lên ôm lấy Mạnh vừa vỗ vỗ vào vai bạn vừa cười:

— Tiên sư mày thằng nhà văn bẻm mép! Có lý, tao nghe mày.

Mạnh thật ra không phải là nhà văn nhà báo gì cả, chàng học vài năm ở Văn khoa, viết lách được dăm ba bài thơ đăng báo, bạn bè gọi đùa là nhà văn riết thành quen, chàng bị động viên sau tết Mậu Thân.

Trong số ba người bạn, chỉ có Tồn là học xong đại học, anh tập sự luật sư và làm ngân hàng một thời gian trước khi bị động viên. Thời gian Tồn làm việc không dài nhưng cũng đủ để bạn bè có lý do gọi anh là nhà kinh tế. Sau biến cố 1975, cả ba đều vào tù, tản lạc mỗi người một nơi, biết loáng thoáng tin tức của nhau qua gia đình. Tồn được về trước tiên sau ba năm trong tù. Mãi hơn ba năm sau, Mạnh và Trọng mới lần lượt trở về cách nhau không xa lắm. Tồn đến thăm, anh kéo Mạnh và Trọng đi uống rượu, gọi ề hề thức ăn và nồng nhiệt nói với các bạn:

— Các ông về tôi mừng lắm. Cứ nghỉ ngơi ít bữa cho khoẻ rồi theo tôi làm ăn. Đời bây giờ kỳ cục lắm, bon chen, chụp giựt... rồi các ông sẽ biết. Lương thiện là chết mà lừa đảo thì mình không làm được; phải dùng cái đầu, phải luồn lách lợi dụng cơ hội.

Tồn vừa nói vừa đưa tay sửa lại cặp mắt kiếng, một thói quen mỗi khi anh lý luận một điều gì quan

trọng, đặc ý. Bề ngoài Tồn trông không thay đổi gì nhiều, anh có hơi ốm so với lúc trước nhưng vẫn giữ được nước da trắng trẻo và dáng vẻ thư sinh, trí thức. Gần suốt phần đầu buổi tối hôm đó, Mạnh và Trọng chỉ im lặng nghe Tồn nói chuyện. Điều gì cũng mới mẻ đối với những người vừa rời khỏi trại giam. Càng nghe Mạnh càng thấy buồn, chàng không nói năng gì. Trọng cũng vậy, mãi rất lâu anh mới chêm vào một câu vừa khen ngợi, vừa chua chát:

— Ông ra đời có mấy năm mà rành dữ! Thôi tùy ông, bọn tôi chịu thua!

Tồn vẫn sôi nổi:

— Tôi đã tính cả rồi, nghe tin các ông về là tôi đã lo trước hết, kể như xong xuôi cả, cứ yên chí. Thôi, dẹp hết mọi chuyện lại, uống đi đã!

Mạnh để ý thấy trong sinh hoạt hàng ngày, Tồn khác đi rất nhiều. Anh uống liên tục hết ly này đến ly khác, khề khà như một bọm nhậu. Ngày trước Tồn là một người rất mẫu mực và nguyên tắc, không bao giờ anh uống quá hai chai bia và cũng chỉ uống vào những dịp rất đặc biệt. Thấy Mạnh và Trọng uống nhiều rượu, Tồn vẫn thường tỏ vẻ bất bình, nhiều lúc anh đã không ngần ngại tỏ hân thái độ, lớn tiếng trách các bạn: "Quân đội làm mấy ông hư cha nó hết rồi! Làm chó gì được với những cái đầu lù lùng bùng hơi men!". Bây giờ thì Tồn uống như hũ chìm. Mạnh biết bạn không vui. Chưa bao giờ Mạnh thấy bạn than thở, phiền hà điều gì. Đó là bản tính của Tồn, anh bình tĩnh và biết đè nén những cảm giác thật, nhất là tâm trạng buồn bã, chán chường. Tồn luôn luôn là chỗ dựa của bạn bè những lúc xuống tinh thần. Lúc này cũng vậy, nhưng Mạnh biết Tồn đang sống bằng một bộ mặt giả, một đời sống giả. Anh cười nói luôn miệng như ánh mắt lại chứa đầy vẻ xa xôi, u uẩn.

Trọng thì hoàn toàn khác hẳn. Uống được vài ly anh bắt đầu im lặng, trầm ngâm, càng uống càng ít nói, nhưng đến một lúc nào đó anh

sẽ bật ra những điều sâu kín nhất, thật nhất, không đắn đo, tính toán gì hết. Bữa rượu hôm đó Trọng đã nói một điều làm cả Mạnh và Tồn đều đau nhói:

— Tôi nói điều này chắc làm mấy ông buồn. Tôi không say sưa gì đâu, nhưng tôi thấy bọn mình sao thảm quá! Tôi nói thật đó. Bao nhiêu ước mơ, bao nhiêu hoài bão bỗng tan biến như mây khói. Giờ ngồi đây nói chuyện lán ăn, tính toán từng đồng từng cắc nó chua cay không chịu được.

Mạnh nhìn nhanh về phía Tồn, chàng sợ bạn buồn. Chàng biết mọi điều Tồn làm đều vì lòng tốt với bạn bè, câu nói của Trọng vô tình có thể xúc phạm đến tấm lòng của anh. Mạnh ngạc nhiên thấy Tồn rơm rớm nước mắt. Anh nhìn Trọng đăm đăm và nói như khóc:

— Tôi hiểu ông lắm, ông tưởng tôi vui sao? Tôi cũng đau như ông vậy chứ. Ngày mới ra tù tôi đã bỏ gần cả năm để tìm kiếm, chờ đợi. Tôi cũng muốn làm một cái gì cho xứng đáng nhưng tôi không làm được gì cả. Tôi chỉ học được một kinh nghiệm: Phải tạo một cái thể để sống ở đời. Tôi đã nói từ từ rồi các ông sẽ hiểu mà. Không thể làm quân tử Tàu, thanh bạch áo rách mà được tiếng là hiền, là tiết tháo. Đời này nó như vậy, phải thực tế, không cần giàu có nhưng phải sống vững vàng. Trước hết, để đừng phải hèn vì đói. Đói quá, khổ quá có thể hèn lắm chứ! Thực đó, trong trại các ông quá biết điều này rồi chứ gì! Thiếu gì thằng bán cả bạn bè anh em chỉ vì một nắm cơm nguội. Ra được bên ngoài phải nghĩ đến chuyện đó. Rồi có tiền sẽ ra sao các ông biết không? Mua được hết, sai được tuốt hết, khu vực, bí thư lớn nhỏ gì cũng anh anh em em ngọt xớt với ông hết... Để làm chi vậy? Thì để sống, để mưu cầu toan tính đời non lạp biển gì thì tùy, nhưng trước hết phải bỏ cho được bộ mặt đưa đám đi, phải rùng rinh hào sảng như một đàn anh thứ thiệt. Chuyện tâm phào vậy mà sẽ khởi đầu cho mọi chuyện. Rồi các ông sẽ

thấy. Các ông biết vì sao bây giờ thầy giáo nói học trò không được không? Tại đói quá, mỗi tháng cái cọ, giành giật nhau chia chác chút thịt cá tiêu chuẩn ngay trong sân trường, còn thể thống gì nữa. Mọi sinh hoạt khác cũng vậy thôi. Tôi học lâu lắm mới tìm ra được cái chân lý đau lòng này, các ông tin tôi đi.

Tồn nói một hơi dài vừa cảm động vừa chua cay. Mạnh nhìn Tồn rồi nhìn Trọng, vô tình ánh mắt ba người bạn gặp nhau, im lặng, mỗi người một ý nghĩ. Mãi một lúc lâu Trọng mới lên tiếng, buồn buồn:

— Tôi bậy quá, tự nhiên làm các ông mất vui.

Anh nắm lấy tay Tồn, lắc lắc:

— Ông thông cảm cho tôi, ông có lý. Tôi chưa bình thường lại được, người tôi nó saosao ấy, khó nói lắm.

Tồn cười ha hả, anh là người đầu tiên lấy lại được bình tĩnh, chủ động:

— Khách sáo làm chi! Không hiểu ông thì hiểu ai, tôi còn lạ gì cảm giác của ông lúc này nhưng tôi ra trại trước ông mấy năm. Tôi không nói ngoa đâu nhưng mà như ra đời trước mấy ông vậy. Thôi, không nói on-đor gì nữa, tôi chỉ huy, các ông nghỉ tiếp một tuần nữa rồi gặp lại tôi. Mọi việc để tôi lo.

Tồn ngừng một chút rồi nói nhỏ:

— Bạn cũ của các ông hứa mà, tôi biết việc phải làm.

Mạnh ngồi im từ đầu câu chuyện, chàng như lơ lửng giữa thực và hư. Trong ba người, Mạnh là người nhiều tình cảm nhất, không có lời lẽ nào có sức thuyết phục chàng hơn hai tiếng “bạn cũ”. Mạnh suy nghĩ nhiều lắm, chàng có nhiều điều để thu xếp, nhiều việc để làm và nhiều bốn phận phải chu toàn nhưng chàng vẫn lắng nghe và ghi nhớ ngày giờ, địa điểm Tồn hẹn gặp, Mạnh nghĩ chàng sẽ đến và sáng nay Mạnh có mặt ở quán cà phê vì cái hẹn đó.

*
* *

Tồn ngồi thẳng người lại. Anh

với tay lấy bao thuốc trên bàn, rút một điếu châm lửa hút và đẩy bao thuốc về phía Mạnh và Trọng. Hai người hút thuốc, im lặng nhìn Tồn chờ đợi. Tồn nhấp một ngụm cà phê. Anh đưa tay sửa lại cặp mắt kính, có vẻ suy nghĩ lung lăm trước khi bắt đầu nói, mặt lộ vẻ nghiêm trọng:

— Tôi đã ký hợp đồng với hợp tác xã tiêu thụ phường 26 Bình Thạnh, chúng ta sẽ mở cửa hàng bán chất đốt.

Mạnh và Trọng nhìn nhau, hai người chưa ai hình dung ra được công việc và những danh từ mới mẻ mà Tồn vừa nói, cả hai chăm chú theo dõi. Tồn chậm rãi tiếp:

— Tôi đã nghĩ kỹ rồi, bọn mình chỉ mượn danh nghĩa hợp tác xã thôi, sự thật là bọn mình làm tư, tự do và chủ động hoàn toàn. Mình sẽ đóng tiền cho hợp tác xã và họ có nhiệm vụ hoàn tất mọi thủ tục pháp lý cho mình. Trên nguyên tắc, mình là một bộ phận kinh doanh của hợp tác xã, nhưng thực tế mình chỉ hợp đồng với họ theo một thoả thuận riêng. Tôi biết các ông không muốn dính dáng gì đến cái nhà nước quang vinh này nên chọn giải pháp như vậy, các ông thấy ổn không?

Mạnh và Trọng phân vân chưa biết trả lời thế nào. Tồn chờ một chút rồi nói tiếp, càng lúc càng sôi nổi:

— Làm việc này trước nhất tôi sẽ lấy được cho các ông mỗi người một giấy chứng nhận nhân viên. Các ông mới ra, cần lắm. Bọn ngố ở địa phương theo dõi thấy mình làm việc cho hợp tác xã, có vẻ chân chỉ hạt bột, giác ngộ cách mạng lắm, đáng tin cậy được một nửa rồi, có tí cà phê vào nữa sẽ thành đàn anh vĩ đại ngay thôi. Hợp tác xã sẽ cấp cho chúng ta một khu đất trống trước bến xe Bình Triệu để làm cơ sở. Tôi đã ngủ dưới đó cả tuần nay để theo dõi sinh hoạt ở đó rồi. Xe đi xe về, người tới người lui tấp nập suốt ngày không ai biết ai là ai cả, tiện lợi lắm. Chúng ta sẽ tự cất lấy lều trại, cực một chút nhưng khi hoàn thành sẽ có chỗ đi về, bạn bè anh em

đưa nào kẹt thì tấp vào đó mà tá túc, lánh nạn. Bảo đảm an toàn, tôi đã tính kỹ rồi!

Mạnh nhìn bạn mỉm cười, không biết Tồn học đâu cái câu “tôi đã nghĩ kỹ rồi” mà cứ lập đi lập lại trong suốt câu chuyện. Phần Trọng thì có vẻ bằng lòng lắm, anh chồm hẳn về phía trước, hỏi Tồn một câu thừa thãi, ngây ngô:

— Tôi ở đó được chứ? Chỗ tôi công an khu vực nó cứ đến hoài, mời đi tập chữa cháy, dân phòng. Mẹ nó, không đi thì bắt trình diện mà bày đặt mời với thỉnh. Ông từng thủ quốc quân kỳ diễn hành quốc khánh mà nó bắt vác gậy ác ề ngoài đường, đánh đàng xa như bà già đi chợ chắc có ngày khủng lên mất!

Tồn cười cười, mặt rạng rỡ. Anh có vẻ vui vì thấy bắt đầu lôi kéo được sự chú ý của bạn. Anh nói với Trọng, trôi chảy như đã sắp xếp từ trước:

— Được chứ sao ông. Này nhé, tôi sẽ là cửa hàng trưởng, ông là phó hành chánh, ông Mạnh là phó kỹ thuật. Mình còn cần kế toán trưởng, thủ kho, bốc xếp, bảo vệ, có thể nhét cả chục anh em chứ ít đâu. Tôi đã nghĩ kỹ rồi mà. Công việc của chúng ta là buôn bán mà không hoàn toàn là buôn bán. Tôi biết tính các ông nên phải nghĩ nát óc ra. Mình không phải đơn đả mời chào, miệng lưỡi thêm thắt gì hết. Than củi có nhiều loại, thị trường đã có giá nhất định cho từng loại một, cứ thế mà làm. Giữa giá mua và giá bán có một mức chênh lệch, cái lời của mình ở chỗ đó. Không mua rẻ bán đắt gì hết, mình có nhiều hàng thì lời nhiều, có ít lời ít, rõ ràng, sòng phẳng, không phải mệ với lương tâm gì cả.

Tồn mỗi lúc một đi sâu vào chi tiết, hợp lý, khả thi. Mạnh thực sự ngạc nhiên và cảm động. Chàng không ngờ bạn lại cẩn thận, nghiên cứu kỹ lưỡng và cố gắng tạo cho chàng và Trọng một sự khởi đầu thuận lợi như thế. Mấy hôm nay nghe Tồn bảo sẽ hướng dẫn làm ăn, Mạnh chỉ ậm ừ cho qua chuyện, sợ

phụ tấm lòng nhiệt tình của bạn. Trong thâm tâm, Mạnh không thấy có chút hứng thú nào. Chàng sợ nói chuyện buôn bán, chàng tự biết mình ngay thật, thẳng thắn, không thêm thắt, bày vẽ được. Nhiều lúc nhìn những người buôn bán nói ngược nói xuôi, thật thật giả giả chàng đã phải đỏ mặt xấu hổ. Mạnh nghĩ nếu đã làm thì không lẽ để lỗ lã, thất bại, mà nỗ lực để thành công theo kiểu lừa lọc thì chàng không muốn, không thể. Nghe Tồn nói buôn bán mà không hẳn buôn bán và theo dõi cách giải thích của bạn, Mạnh rất hài lòng và thầm phục sự tinh tế của Tồn.

Tồn cầm tách cà phê đã cạn xoay xoay trong tay. Anh rót nước trà, uống một ngụm nhỏ, suy nghĩ một chút trước khi nói:

— Nguồn hàng thì chúng ta không lo. Bến xe miền Đông có xe từ Bình Long, Sông Bé về; xe từ Phương Lâm, Định Quán xuống; xe từ Bình Tuy, Phan Thiết vào. Tuyến đường nào cũng đầy than với củi hết. Tôi đã nghiên cứu rồi, toàn bến xe hiện có một trăm xe chạy than — Giọng Tồn bỗng trở nên chua chát — Cuộc cách mạng vĩ đại của nhà nước — Rồi anh trở lại bình thường — Các ông thấy xe nào cũng đóng cái hộp cao cả thóc trên mui, lại thêm cái “trang thờ” trên cabin, rồi trong sàn xe, dưới ghế ngồi, toàn than với củi. Vấn đề là mình phải bảo đảm an ninh được cho họ. Các ông biết xe nào cũng chở nhiều loại hàng, họ cần xuống hàng và phân phối an toàn cho các mối lái. Bãi đậu nào giúp họ được điều này, họ sẽ tìm đến. Mình núp bóng hợp tác xã, dù sao cũng có vẻ bảo đảm hơn các bãi chui, cứ yên chí là mình sẽ tràn ngập than củi.

Tồn ngừng lại uống trà. Trọng bực trực bày tỏ:

— Ông học được ở đâu mà rành rẽ vậy? Ông có buôn bán bao giờ đâu mà nói cứ như một tay buôn thứ thiệt.

Tồn cười. Anh trả lời chậm rãi, chân thành, thoáng chút kiêu hãnh:

— Cần biết thì phải biết chứ ông.

Có gì đâu, mình học hành bao nhiêu năm mà. Có phong trần thì cũng phải phong trần theo kiểu có cái đầu một chút. Chưa hết đâu, điều tôi nói chỉ là nguồn hàng cố định. Tuyến đường Bình Phước - Hàng Xanh có hàng ngàn xe nhà nước đi về: xe vận tải, xe xúc đất, xe du lịch, xe bồn xăng... than củi tuốt lốt hết. Các thủ trưởng cần cải thiện mà. Buôn bán với đám này khoẻ lắm, bọn nó sợ quan trên trông xuống người ta trông vào, vội vàng vàng, nhăm chùng bán mảo. Bất chệt bọn này một chút cũng chả tội vạ gì. Toàn ăn cắp không à, lấy được tiền của bọn này càng thích chứ sao!

Tồn cười rạng rỡ, Mạnh nhìn thẳng vào mặt bạn. Càng nghe Tồn nói Mạnh càng thấy lạ lùng. Ở Tồn dường như có hai con người: Lúc nói về cơ cấu tổ chức, các sinh hoạt kinh tế, Tồn dùng những danh từ mới, chính xác, rành rẽ như người trong cuộc; nhưng trong những lúc dẫn giải, nhận xét, anh cay chua và đôi lúc căm phẫn, tức tối. Rõ ràng trong Tồn đã có một lựa chọn, một thái độ cụ thể: Tạm đi với nhau một

đoạn đường, nương theo cơ hội chứ không nhập cuộc, vẫn có những khoảng cách, những cái riêng, vẫn tìm kiếm và chờ đợi. Mạnh thấy dường như đa phần người Nam đều có thái độ như thế và Mạnh nghĩ chàng còn phải tự chế nhiều, nhẫn nhịn nhiều mới làm được như vậy.

Trọng thì không suy nghĩ gì mấy, tâm hồn anh đơn giản và trong sáng. Trọng không phân tích, lý luận gì cả. Với anh, ngoại trừ một số hèn mạt, phản bội, Tồn cũng như anh, như mọi người miền Nam cùng chung số phận, cùng đứng về một phía có thể tin cậy và sống chết với nhau. Phía bên kia là phía bên kia, không thể lẫn lộn. Đơn giản chỉ có vậy.

Tồn lui cui lục trong sổ giấy tờ mang theo, lấy ra hai tờ giấy đánh máy đầy chữ, có đóng khuôn dấu hột xoài màu xanh. Anh cẩn thận trải các tờ giấy lên bàn và ngược nhìn các bạn:

— Cái này mới là quan trọng. Điều tôi vừa nói chỉ là chuyện lẻ tẻ, cò con; nỗ lực chính ở chỗ này. Đây

giữa lộ ngơ ngơ

*Buổi chiều dăng xám, hàng cây xa
Gió rít từng cơn, kẻ lạc nhà
Ngơ ngác về đâu, hồn chết lặng
Nhìn hoài tượng đá, tưởng là ma.*

*Lang thang lối nhỏ, cảnh buồn thõng
Lát phát mưa bay, nghĩa địa nhoà
Dáng ảnh hình ai chân mộ chí
Chạnh lòng thương xót, lệ buồn sà!*

*Chim giục về đi. Đi về đâu?
Nhà xa, hướng lạc, suối ngăn cầu.
Hồn ta nghìn mảnh về trăm hướng
Giữa lộ ngơ ngơ, bóng phủ đầu...*

phạm quang ngọc



là hai giấy giới thiệu đến công ty cung ứng lâm sản Trung ương III và xí nghiệp khai thác lâm sản Thủ Đức. Tôi đã nghiên cứu kỹ rồi, mình sẽ đi củi bi.

Tồn ngừng lại đột ngột như để đo lường, thăm dò phản ứng của các bạn. Mạnh và Trọng nhìn nhau, lạ lùng trước kế hoạch của Tồn, không ai có chút hiểu biết chuyên môn nào để có thể bàn luận, góp ý. Tồn nhận ra sự bối ngỡ của các bạn, anh xếp hai tờ giấy giới thiệu bỏ lại vào cặp và giải thích:

— Đi củi bi có nghĩa là mình sẽ hợp đồng lên tận rừng lấy loại củi tròn dài một thước về làm ra củi chẻ. Đơn vị buôn bán là *site*, tức là một khối củi sắp ngang một thước, cao một thước và dài ngắn tùy loại. Dĩ nhiên đây mới chỉ là dự trù nhưng tôi chắc chắn là làm được. Tại sao tôi quả quyết như vậy các ông biết không? Tiền. Chứ chi là xong hết. Bọn lâm sản này có tiền là cái gì nó cũng OK. Nó phá hết núi rừng mà, của trời đất chứ mất gì của nó! Để tôi nói sơ các ông nghe nhé: Một *site* củi bi một thước cưa thành ba *site* củi bi bốn tấc. Đừng ngạc nhiên, thị trường gọi loại một thước cưa ba là bốn tấc. Rồi một *site* củi bi bốn tấc chẻ ra thành 1.2 *site* củi chẻ; không có gì lạ đâu, hai tấc dư do những đường chẻ lúc xếp lại không khít khao như cũ đôi ra. Vậy là một *site* củi bi một thước thành 3.6 *site* củi chẻ. Bán hai *site* củi chẻ bốn tấc lấy lại được vốn một *site* củi bi một thước, lời nguyên 1.6 *site*. Mỗi xe Cama chở được 24 *site*, mỗi chuyến mình đi bốn hoặc năm xe, các ông tính mình sẽ lời bao nhiêu?

Trọng trở mặt nhìn, anh không thể tin được vào những lời bạn nói, rụt rè lên tiếng nửa e ngại nghi ngờ, nửa vui mừng háo hức:

— Ông nói nghe sao đơn giản dữ vậy! Bọn nó kiểm soát ghê gớm lắm, trạm xét đầy đường, chở năm ba kí gạo còn bắt lên bắt xuống mà sao ông nói như chuyện giỡn chơi. Làm ăn dễ dàng vậy sao đời rách cả nước thế này! Coi lại đi bạn.

Tồn nhìn Trọng cười, anh vỗ vỗ vào vai bạn, vui vẻ:

— Bình tĩnh đi ông bạn. Ai bảo với ông là dễ dàng, cỡ tôi với ông tới già cũng không chở được một *site* củi. Nghe cho kỹ đây: ông nhà nước cung ứng lâm sản Trung ương III chở hàng cho ông nhà nước hợp tác xã phường, thuộc ông liên hiệp xã quận, có ông này theo hộ tổng — Tồn nheo mắt, xoa xoa hai ngón tay như đang đếm tiền — Làm gì được nhau?

Tồn ngừng lại rồi đưa một tay ra trước như có ý hỏi vừa giải thích tiếp, giọng dí dỏm, châm biếm:

— Bằng lòng chưa bạn? Chưa có gì ghê gớm lắm đâu, tôi nói rõ cho các ông biết chơi vậy thôi chứ chở củi về chẻ thì ăn cái gì. Tôi nghĩ kỹ rồi, mình sẽ đi bao bì. Lại ngạc nhiên nữa phải không? Có gì đâu, các ông thấy bao nhiêu nẹp, bao nhiêu gỗ lớn gỗ nhỏ bán đầy đường đó không? Toàn củi không chứ gì. Khúc củi nào có đường kính hai tấc trở lên sẽ là gỗ bao bì. Chặn hết các xe chở củi lại coi, trăm chiếc như một, cứ thấy mớ củi cong queo chà chồm phía sau xuống, bên trong là gỗ cả người ôm. Đơn giản là mua củi mà bán gỗ, giá sẽ năm, bảy lần hơn, hiểu không?

Trọng thực sự bị lôi cuốn vào câu chuyện, anh chồm tới định hỏi điều gì rồi nghĩ sao lại thôi. Giọng Tồn sôi nổi, lạc quan:

— Nhưng gỗ bao bì chưa phải là số một đâu. Còn nữa: gỗ quý. Các ông biết không: lim, trắc, gụ thiếu gì trên rừng, khai thác trắng mà, chặt hết. Mỗi xe chỉ cần ém vài *site* là có tiền. Như chuyện giỡn chơi vậy phải không? Có thực hết và làm được hết. Không khó lắm đâu, một lần biết điều, năm bảy lần bồi dưỡng là xong. Biết điều với công ty để nó cấp thủ tục. Bồi dưỡng quản đốc lâm trường, thủ kho để nó nhắm mắt lại; Bồi dưỡng tài xế để nó chạy tới chạy lui, điểm này điểm nọ lấy hàng cho mình. Bồi dưỡng bốc xếp để nó lựa chọn, sắp xếp, ngụy trang cho mình. Bồi dưỡng áp tải để nó trình trạm,

ngoại giao cho mình. Xong.

Trọng chen vào, nôn nóng ngắt lời Tồn. Anh có vẻ theo dõi kỹ điều Tồn nói và háo hức muốn tìm hiểu một sinh hoạt lạ lùng, kỳ quặc, ngoài tưởng tượng của anh. Một người tù cải tạo hơn sáu năm trong trại, bao nhiêu biến đổi, bể dâu, bao nhiêu biến cố to lớn tác động đến tận cùng tâm hồn mỗi con người, thay đổi toàn bộ những quan hệ cá nhân và sinh hoạt xã hội, làm sao có thể hiểu được. Tồn lắng nghe chăm chú. Anh thông cảm và chia sẻ những suy nghĩ của bạn, cuối cùng anh nói, chậm rãi như đang giảng bài:

— Ông tưởng chính quyền này ghê gớm lắm à? Chặt chẽ lắm à? Không đâu! Ăn cắp từ trên xuống dưới, tạm bợ, vá víu, mạnh thẳng nào thẳng nấy làm, lệ làng hơn phép nước, không ra thể thống gì hết. Ông hỏi về xe cộ à? Thiếu gì! Hợp đồng ở công ty nào, xí nghiệp nào cũng được. Chính sách mà, xe đi công tác có thể không có nhưng xe để hợp đồng ngoài thì lúc nào cũng được. Kế hoạch hai phục vụ cho ba lợi ích mà. Tôi đã nghĩ kỹ rồi, xe hợp đồng mỗi lần hai mươi bốn tiếng đồng hồ, ký hợp đồng đôi là bốn mươi tám tiếng. Ở đây mình có ba nguồn củi: Lòng Hồ Tây Ninh, Đồng Nơ Sông Bé hoặc Mã Đà Trị Su, tất cả đều không xa lắm. Nếu bốc xếp nhanh mình có thể thoả thuận với tài xế, hai hợp đồng đi ba rờ-tua. Được không một chuyến.

Tồn đang nói ngon trớn bỗng dừng lại, anh thoáng thấy Mạnh nhúu mày. Từ đầu đến cuối Mạnh không nói lời nào, chàng im lặng nghe và càng lúc càng thấy buồn. Những điều Tồn nói đều hợp lý, ăn khớp và có vẻ thuận lợi cho việc làm ăn nhưng Mạnh vẫn thấy có nhiều điều không ổn, không vui. Tồn do dự một chút rồi anh quả quyết nhìn thẳng vào mặt Mạnh:

— Sao, ông nhà văn, lương tâm cắn rứt phải không? Ông thấy tôi có vẻ hoạt đầu, bon chen quá phải không? Cảm ơn ông còn thương tôi

mà không chịu. Ngày tôi mới ra tù mà nghe đứa nào nói như kiểu tôi bây giờ thì tôi nhõ vào mặt chứ không hiền như ông vậy đâu, nhưng bình tĩnh lại đi bạn. Tôi nghĩ kỹ rồi. Đồng ý là việc chúng ta làm không ích quốc lợi dân gì hết, không đưa cả nước tiến nhanh tiến mạnh đến đâu hết, nhưng bắt lương thì không. Đời nó đưa đẩy ép buộc người ta đến như thế mà! Ông nghĩ coi, từ giám đốc đến cu li, rồi kỹ sư, bác sĩ gì lương cũng chỉ đủ mua mười ngày gạo, vậy mà người ta vẫn cứ phải sống. Lấy chó gì mà sống, cho nên mọi người điều phải có cái cách của mình, cách nào thì cũng phải thương tội nghiệp cả nhưng không phải tất cả đều xấu.

Tồn hơi cúi đầu xuống, mắt long lanh. Anh nói nhỏ lại, vừa cảm động vừa chia sẻ:

— Ông tưởng tôi bênh bọn ăn cắp à? Không đâu! Tôi ghê tởm, căm gan tím ruột vì bọn đó, nhưng tôi nghĩ kỹ rồi, ngồi không để nhìn thì không được, mà lăn xả vào để sống, để toan tính thì phải chấp nhận có những mất mát tinh thần. Tôi khổ tâm lắm và cuối cùng chỉ biết nghĩ nôm na thế này để tự an ủi mình: Làm tốt cho kẻ xấu là không tốt. Chỉ vậy thôi, ông hiểu giùm tôi.

Mạnh bàng hoàng, chàng không ngờ Tồn lại hiểu quá rõ tâm trạng chàng và đã bày tỏ một cách minh bạch, thẳng thắn đến mức làm chàng bối rối. Mạnh chưa biết nói gì thì Trọng đã chen vào. Anh cười hiền lành và phát biểu đơn giản kiểu nhà binh:

— Thôi, suy nghĩ gì nhiều cho mệt, giao cho ông kinh tế điều khiển, không xong thì a-lê, dẹp.

Mạnh cũng cười, chàng thấy dễ chịu vì Trọng đã giúp cho một lối thoát nên đáp dễ dãi, gọn lỏn:

— O.K.

Tồn nhìn các bạn. Anh hiểu rõ từng người và thương cả hai nhưng không muốn để lộ tình cảm quá nhiều, anh trở lại chuyện công việc, giọng đầy tự tin và có vẻ quyết định:

— Bây giờ cái cần là vốn. Tiền đâu? Công việc cần tối thiểu là 5

lượng vàng. Tôi đã nghĩ kỹ rồi, tôi sẽ đổi cái vespa lấy cái honda. Không thể bán hẳn được, phải có cái xẻ nhỏ đi lại mới có uy tín làm việc. Người ta sẽ bù cho mình một cây rưỡi, có thể hơn một chút. Rồi, được một phần.

Tồn quay sang Mạnh, anh hỏi rồi lại tự trả lời:

— Bà cụ có dành cho ông một số vốn cưới vợ phải không? Hồi ông chưa về tôi tới thăm, cụ có nói và cho tôi coi sổ đỏ đó. Ông giữ lại hai cái nhẫn còn đưa hết cho tôi. Được một phần nữa.

Mạnh ngẩng đầu lên. Chàng bắt đầu thấy bối rối, sự bối rối không phải vì quyết định vừa rồi của Tồn. Điều Tồn nói rất tự nhiên vì từ hồi nào đến giờ giữa ba người bạn chuyện tiền bạc không quan trọng lắm, không riêng tư lắm, chia sẻ nhau là chuyện thường. Mạnh chỉ sợ theo đà này Tồn sẽ nhắc đến phần đóng góp của Trọng. Mạnh biết gia đình Trọng đang khó khăn lắm. Ông cụ còn kẹt trong tù, nhà bị tịch thu từ năm 76, bà cụ và mấy cô em phải vất vả và nhiều nghị lực lắm mới giữ được vũng vàng cho đến ngày nay, không đồ như nhiều gia đình khác. Nhắc chuyện tiền bạc lúc này sẽ là một khổ tâm lớn cho Trọng. Mạnh nhìn Tồn, chàng muốn tìm cách lái câu chuyện sang hướng khác nhưng chưa kịp nói gì thì Tồn đã bình thản nói tiếp:

— Phần còn lại của ông Trọng.

Mạnh nhăn mặt, chàng nói vội một điều không hề suy nghĩ, tính toán trước, cố thuyết phục để Tồn đồng ý:

— Ông cho bà chị tôi hùn được không? Tôi đại diện cho bà ấy không phiền hà rắc rối gì cho chúng ta đâu. Ông Trọng phát phờ chơi giúp chúng ta thôi chứ ông ấy còn bao nhiêu là việc, tôi biết mà.

Tồn nhìn Mạnh, anh lắc đầu:

— Không được. Lúc này hãy biết chúng ta cái đã, từ từ sẽ mở rộng hợp tác kinh doanh. Với lại ông Trọng để tiền làm gì, phải cụ thể sống chết với anh em chứ.

Tồn vừa nói vừa quay lại phía

Trọng, giọng anh trầm lại cố dấu xúc động:

— Tôi có việc muốn nói với ông. Tôi có viết thư cho bé Hằng, thế nào nó cũng có thư cho ông và tôi định sẽ để nó nói chuyện với ông. Nhưng thôi, chuyện cần, tôi với ông có gì mà e dè, tôi sẽ nói với ông một số điều.

Trọng chồm hẳn người tới trước, nét mặt hân hoan và nghiêm trọng. Tồn đã nhắc đúng cái điều mà anh ưu tư, định hỏi nhưng chưa có dịp. Sự hồi hộp và háo hức làm Trọng luống cuống, một trạng thái ít có ở một người lính thích bông đùa như anh. Tồn nhận thấy sự hồi hộp của bạn. Anh chớp mắt, giọng dịu dàng:

— Ông có tặng con bé cái nhẫn phải không? Nó đưa cho tôi trước lúc đi và nhờ nói với ông: đó là món quà quý nhất trong đời nó, nó đã nhận rồi, nó trân trọng lắm nhưng hoàn cảnh không cho phép mơ mộng, nó biết ông còn nhiều khó khăn và nhiều việc phải làm nên gửi lại cho ông, nó xin giữ cái tinh thần. Tôi thấy con bé có lý nên đã nhận cho ông.

Tồn định nói nhiều nhưng thấy Trọng có vẻ quá xúc động nên anh dừng lại. Mạnh cũng chăm chú theo dõi câu chuyện. Hơn ai hết, chàng biết rõ tình cảm Trọng dành cho Hằng và vẫn thầm mong hai người đến với nhau. Mạnh biết tin Hằng đi từ lúc còn trong trại. Chàng nghĩ nhiều đến Trọng và rất buồn. Ra ngoài, nhiều lúc chàng muốn hỏi Trọng như thấy bạn không vui nên thôi. Không ngờ hôm nay chính Tồn lại nói ra chuyện này. Tồn nói tiếp sau khi vỗ vỗ vào vai Trọng ngỏ ý an ủi:

— Hằng nó đi với Dũng babilac, ông biết tên đó do chính con bé đặt mà, bao giờ con bé cũng chỉ coi thằng đó như một thứ công tử bột, một thứ mặt sữa bỏ đi, nhưng gia đình nó giàu, nó mua nguyên một chiếc tàu lớn tổ chức đi bán chính thức và đến mời, năn nỉ thì đúng hơn, con bé đi với nó. Hằng nó đã đắn đo lắm, con bé không muốn lợi



dụng, tính nó ông biết mà. Nó bằng lòng đi nhưng nói với thằng kia, rất sòng phẳng là nó không yêu anh ta, nó có thể sống với anh ta nhưng đừng đòi hỏi gì hơn ở nó, nó yêu một người khác. Chuyện có vẻ rắc rối và bất thường phải không? Nhưng ông biết những năm đầu mất nước, ở trong trại vậy mà an thân; bên ngoài bao nhiêu là đau khổ. Bao nhiêu chuyện bất thường không thể dùng cái lẽ thường mà suy xét, ông hiểu?

Trọng ngồi im thần thờ, anh không nói lời nào. Tồn không muốn gọi thêm mối thương tâm của bạn, anh lấy lại giọng bình thường, linh hoạt sắp xếp công việc:

— Thôi, tôi nghĩ ông cũng không cần giữ cái nhần làm gì, coi như chúng ta đủ vốn làm ăn.

Quay sang Mạnh, Tồn nói tiếp, cố làm cho không khí vui vẻ trở lại:

— Mai chúng ta có thể bắt đầu được rồi. Ông nhà văn, ông văn hay chữ tốt viết cho cái bảng hiệu.

— Có mẫu không?

Mạnh hỏi vì biết tính cẩn trọng của bạn. Tồn cười nhẹ:

— Mẫu gì, ông “sáng tác” đi, nghề của ông mà.

Tồn nói thế nhưng vẫn lục trong cặp ra một tờ giấy nhỏ trao cho Mạnh. Mạnh liếc qua, thấy tờ giấy có vẽ một hình chữ nhật nằm ghi 1m x 4m, tận cùng góc trái có hai hàng chữ nhỏ: “Phường... Hợp tác xã...”, chính giữa là hai hàng chữ lớn viết mực đỏ: “Cửa hàng chất đốt trung tâm — Tổng thu mua và phân phối than củi”.

*
* *

Công việc chuẩn bị để khai trương cửa hàng chất đốt trung tâm được tiến hành mau chóng và suôn sẻ. Tồn đưa ra một bản vẽ hai dãy nhà lá: một dãy nằm sát tận cùng phía trong bãi đất hướng ra đường, từ đó có thể nhìn bao quát khắp bãi củi dùng làm văn phòng và chỗ ngủ; dãy thứ hai cất dọc theo hông trái, chia làm nhiều ô nhỏ, ngăn bởi tấm cột bằng tre cất để

nhớ

*Chao ôi là nhớ! Sao mà nhớ!
Nhớ cả không gian lẫn cuộc đời
Quê hương đã nghìn trùng cách trở
Chỉ còn là kỷ niệm mà thôi!*

minh đạo

chứa than; củi dự định sẽ sắp thành dãy ngoài bãi trống.

Trọng và Mạnh nhận lãnh công việc xây dựng. Cả hai viện lý do mới ra tù, còn nhớ nghề, hai người có thể làm được và yêu cầu Tồn nghỉ ngơi, dành thì giờ làm việc khác nhưng Tồn nhất định không chịu, anh muốn phụ các bạn một tay. Ba người đến cửa hàng vật liệu xây dựng chọn những cây cừ và tấm vông già, thẳng để làm cột, kèo và tính toán kỹ lưỡng số lượng lá, phen cần dùng mua về chất sẵn, đầy đủ trong khu vực “xây cất”.

Ngày khởi công, Tồn dẫn đầu về hơn hai chục em thiếu niên cỡ mười đến mười lăm tuổi. Anh mượn một xô nhựa mua về một xô đá lạnh và mấy bao thuốc để giữa sân. Tồn giới thiệu đây là anh em bốc xếp lưu động. Anh giải thích riêng với Mạnh và Trọng là những người này túc trực thường xuyên ở khu vực bến xe, bất cứ lúc nào có hàng về họ sẽ tự động tập trung, bốc dỡ hàng hoá, cân đo, sắp xếp và hướng công theo từng dịch vụ, giá cả đã có sẵn; cái tiện là các chủ cơ sở không cần thuê mướn nhân công riêng, khỏi trách nhiệm lo việc ăn uống mà công việc không trở ngại.

Buổi chiều Tồn tà tà đi bộ sang bãi xe ba gác nằm xéo trước cổng cửa hàng. Anh nói chuyện khá lâu với anh em chạy xe và sau đó cả bọn kéo nhau vào một quán nhậu bên lề đường. Từ bên này, Mạnh thấy Tồn ngồi gác cả hai chân lên ghế, uống ừng ừng từng ly rượu đầy, lớn tiếng cười nói, mời ép người

này người kia, cả bàn rượu rôm rả, vui nhộn. Từ xa Mạnh nghe rõ những lời nói lẽ nhè vì rượu nhưng mộc mạc, chí tình:

— Ông thầy cứ yên chí, bọn này đã nói là làm mà, chịu chơi hết mình với ông thầy mà. Tình nghĩa là quý chứ tiền bạc nghĩa lý gì ông thầy! Thôi, yên chí, vô nũa đi ông thầy.

Tồn lại nâng ly, anh uống liên tục và xuề xoà góp chuyện trên trời dưới đất, không đầu không đuôi với anh em chạy xe, rất lâu mới trở về. Tồn không say nhưng mặt hơi đỏ, anh vội vàng cho biết có hẹn với mấy tài xế trong bến xe và vừa dắt xe đi vừa tóm tắt cho các bạn biết:

— Xong được một việc. Mình đã có một số ba gác cơ hữu của cửa hàng. Anh em này có sẵn một số khách hàng trong thành phố cho mình: thuận lợi thứ nhất. Mình có sẵn xe chở hàng cho khách theo giá phải chăng: thuận lợi thứ hai. Sau này mình sẽ có những mối cố định, đến hẹn tự động chở hàng đến cho họ, khách khỏi tốn công đến lấy: thuận lợi thứ ba. Làm ăn “văn minh” như vậy mấy ông thầy ổn không?

Tồn vừa nói vừa cười và không đợi nghe trả lời, anh chạy xe ra cổng. Trọng và Mạnh cũng thấy vui vui, cả hai hoàn toàn tin cậy vào những việc Tồn làm, lúi húi thu dọn dụng cụ về nghỉ để sáng hôm sau tiếp tục công việc.

Tồn liên tiếp ra vào bến xe, nhiều lúc trở về say khướt nhưng bao giờ anh cũng có những tin tức mới mẻ,

tốt đẹp. Hôm thì vài ba xe, hôm thì năm bảy xe đồng ý làm ăn với cửa hàng. Mấy ngày trước hôm khai trương chính thức, than củi đã đầy áp trong ngoài.

Ngày khai trương, Tồn quyết định làm một bữa tiệc lớn. Anh nói với các bạn:

— Có ăn vào đĩa nào cũng vui vẻ, dễ dãi cả, để rồi các ông coi.

Bữa tiệc gồm có cá lóc nướng cuốn chấm mắm nêm, nai xào lăn, lẩu lươn bún tươi, bia xuất khẩu và thuốc thơm không giới hạn. Cửa hàng ăn uống cho mượn bàn ghế chèn đĩa gọi là yếm trợ đơn vị bạn và cử năm đại diện tham gia dự tiệc để tỏ tình đoàn kết. Bí thư, phó bí thư, đại diện Mặt trận Tổ quốc, đại diện Liên hiệp xã, 5 đại diện Ủy ban, 5 đại diện Công an, đại diện Thuế vụ và quản lý thị trường cùng một số đại diện các cơ quan, đoàn thể bạn đến dự. Chủ nhiệm Hợp tác xã vui vẻ ra mặt, gã lẳng xăng chạy tới chạy lui đón khách và đọc diễn văn.

Quan khách đều tươi cười, phấn khởi. Mọi người rít thuốc vèo vèo và rôm rả chuyện trò, ít ai chú ý đến chủ nhiệm đang nói thao thao bất tuyệt, đao to búa lớn về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của hợp tác xã, về thành tích quản lý nguồn hàng, về sự phân phối công bình hợp lý, ổn định giá cả thị trường. Cuối cùng gã cũng phải cảm ơn và dứt lời, lạc lõng giữa những tiếng cười nói ồn ào. Không khí chỉ thực sự sôi động và lời nói của chủ nhiệm hợp tác xã chỉ thực sự có tác dụng khi gã xoa xoa hai tay vào nhau, hồ hởi nói lớn:

— Nào, xin mời các đồng chí, ta bắt đầu liên hoan.

Bữa tiệc kéo dài khá lâu. Tồn đi từng bàn xã giao, tiếp khách. Càng uống mọi người càng muốn chùng tỏ sự dễ dãi, chịu chơi, biết điều. Đại diện Ủy ban, Công an, Thuế vụ đều đứng lên chúc mừng. Đại diện Liên hiệp xã hứa sẽ báo cáo tốt hoạt động của cửa hàng lên trên, gã ân cần mời Tồn đến cơ quan chơi và cho biết thẩm quyền của hợp tác xã

rất giới hạn, Liên hiệp xã sẽ trực tiếp yểm trợ cửa hàng. Bí thư càng tỏ ra cởi mở hơn, gã thân mật ôm chầm lấy Tồn, vỗ vỗ vào lưng tỏ tình thân ái kiểu xã hội chủ nghĩa, tí mắt nói lớn: "Chúc các đồng chí thắng lợi". Đại diện Thông tin Văn hoá cũng muốn tỏ ra hiểu biết, gã bảo phải ghi lại bằng hình ảnh một dịp quan trọng mà gã gọi là "bước ngoặt lớn trong tiến trình kiện toàn hệ thống kinh doanh xã hội chủ nghĩa" của địa phương nhà và đề nghị mọi người đứng dưới tấm bảng hiệu của cửa hàng để chụp hình. Tất cả vỗ tay tán thưởng và lục đục kéo ra sắp hàng.

Bức hình đó, ngoại trừ Tồn bị bí thư và chủ nhiệm kéo vào đứng giữa, anh hơi cúi đầu nhưng cũng

nhìn thấy rõ, cả Mạnh và Trọng đều lẩn ra phía sau và quay đi chỗ khác.

*
*
*

Những sắp xếp của Tồn đã tỏ ra có hiệu quả. Tuần lễ đầu tiên khai trương, mọi việc đều tốt đẹp. Nguồn hàng đổ về đều đặn và dồi dào. Một số hợp đồng nhỏ đã được thoả thuận, nhiều chủ cơ sở nước đá chạy than, chủ lò bún, lò bánh mì, chủ vựa than củi lẻ ở các quận xa trong nội thành đến đặt những số hàng lớn, cố định. Số khách tiêu dùng tấp nập, những lái than, lái củi bó tìm đến nghiền cứu, khảo giá. Sinh hoạt ở cửa hàng nhộn nhịp suốt ngày.

Trọng và Mạnh luôn phiên ngủ lại nơi làm việc. Tồn đã đổi vespa



lấy chiếc honda cũ nhưng còn khá tốt, anh có mặt từ sáng sớm, chạy tới chạy lui cả ngày và ở lại đến khuya để tính toán, giải quyết mọi việc. Tình hình thuận lợi đến mức Trọng đã lạc quan nói với Tồn:

— Ông coi bộ làm xi thầu được, cảm ơn cách mạng không chừng nhờ ăn than củi mà ông có chút bụng cho oai với người ta. Tôi với ông Mạnh cũng nhờ hồng phúc của ông mà thở được.

Tồn cười, anh có vẻ dè dặt nhưng vẫn trả lời bạn bằng một thái độ vui vẻ và tự tin của một người nắm vững vấn đề:

— Tôi đã nghiên cứu kỹ rồi, mình đúng về nguyên tắc nhưng công việc tôi thấy có nhiều phức tạp lắm, không đơn giản đâu, mình còn phải mệt óc nhiều, các bạn bớt chú quan đi.

Điều tiên đoán của Tồn vậy mà đúng. Suốt một tháng sau đó, cửa hàng liên tiếp gặp nhiều tai nạn lớn. Đầu tiên là cái bãi đậu xe. Đất Bình Triệu là loại đất không chân, trên mặt trông khô cứng mà bên dưới là một bãi sình, không chịu nổi sức đè của những trọng lượng lớn. Hôm chiếc xe của công ty nông sản chở gạo về thành phố tranh thủ vào đổ củi cải thiện, tài xế vừa chạy vào bãi, de tới de lui để đậu cho ngay thì hai bánh sau bắt đầu lún. Tài xế lên ga để cố chạy ra nhưng hai bánh sau không bám được vào đâu để di chuyển, quay tròn bần bần đất tung toé. Tồn phải cho người dùng những đòn cây dài lót phía dưới xe cho khỏi lún thêm và chạy thuê xe câu kéo lên để giải toả bãi đậu và giữ uy tín cho cửa hàng. Sau đó lại còn phải tốn thêm trên mười xe đá để lót bãi sình. Chi phí xây dựng cơ bản vì thế đã tăng rất nhiều so với dự trù.

Công việc vừa tạm ổn thì cả Trọng và Mạnh mỗi người mua làm một chuyến hàng. Trọng mua mảo nguyên một xe củi bộ đội, củi không cưa theo kích thước, dài ngắn lớn nhỏ đủ cỡ chất đầy cứng một xe GMC cao lều nghêu. Gã bộ đội loắt choắt nhưng lắm lời, anh

em ngọt xớt. Gã rút thuốc mời Trọng, thân thiện đưa tận miệng, đơn đả:

— Anh hút với em điều Điện Biên, quả thủ đô đấy. Chả giấu gì anh, cả đơn vị em tranh thủ cả ngày chủ nhật mới lấy được chừng này củi, toàn thứ tuyển. Anh xem, xe nhóc, đến gần ba mươi site chứ không ít đâu nhưng tính anh hai mươi thôi. Anh em mà, công tác tuyển này thường, hợp đồng với các anh luôn thôi, bán làm quen.

Trọng do dự, anh không muốn tiếp xúc nhiều với đám bộ đội, lại cũng không biết phải nói gì nhưng công việc là công việc. Anh leo lên xe, ước lượng. Xe GMC bằng hai phần ba xe Cama, chất tối đa là mười sáu site. Anh quyết định và trả lời, giọng ra vẻ thành thạo:

— Làm gì đến hai mươi, tôi mua cả trăm chuyến rồi, hết cỡ là mười bốn, đồng ý thì cho xuống.

Trọng vừa nói vừa dợm bỏ đi. Gã tài xế kéo tay anh lại, ngọt ngào:

— Làm ăn mau mắn như anh thích thật, thiệt một chút em cũng chịu, nhưng xin anh thêm chút đỉnh, em bảo đảm mà, chặt cứng xe, bao nhiêu là củi.

Trọng không trả lời. Gã tài xế kiên nhẫn thuyết phục, lải nhải, mồm mép. Cuối cùng Trọng đồng ý trả mười lăm site. Chuyến xe đó cưa ra, sắp vào dãy được gần mười site. Trọng đã quên một điều sơ đẳng là cây dài sắp lên xe sẽ chồi chống với nhau, kèn càng mà không bao nhiêu củi. Bài học đầu tiên cho cả nhóm.

Sau việc này không bao lâu đến phiên Mạnh. Chàng được Tồn giao nhiệm vụ nghiên cứu để nhận mặt than. Tồn nói:

— Than phức tạp hơn củi nhiều, phải có nhận xét bén nhạy và tinh tế mới không bị lừa, ông nhà văn chắc làm việc này được.

Mạnh vừa buồn cười vừa chua chát trước câu nói của bạn, nhưng chàng cũng cố gắng tìm hiểu, học hỏi. Thật ra công việc cũng không có gì rắc rối lắm. Nguồn hàng ở miền Đông chỉ cần biết than cây,

đây là loại đặc biệt có giá gần gấp đôi bình thường, các loại khác đều là than tạp, đồng hạng với nhau hết. Than cây cũng rất dễ nhận biết, nó nặng vừa phải, nhìn ngay mặt than sẽ thấy láng, nổi những hạt lấm tấm như cát mịn, ánh bóng. Điều cần biết thứ hai là than nổ, đây là thứ bỏ đi, đốt lên sẽ nổ lách tách, bắn tung toé những vụn lửa nhỏ không ai dùng. Loại này cũng dễ biết, nhìn trên mặt than sẽ thấy những đường rạn nứt từ tâm chia ra chung quanh. Cái khó nhất là phân biệt giữa than cây rạn và than nổ, hai loại có hình dáng hơi giống nhau mà giá trị lại ở hai cực của mức giá.

Mạnh đã nghiên cứu rất kỹ điều này nhưng chàng lại bị vấp ngay ở lần mua nhiều đầu tiên. Không phải Mạnh lầm, chàng bị lừa!. Trong số mười bảy tấn than nhập kho hôm đó, chỉ có hơn một tấn là than cây rạn, số còn lại là than nổ. Khuyết điểm chính của Mạnh là quá tin người, không tưởng tượng ra được là có sự mờ ám trong việc làm ăn với nhau, không kiểm soát lần cuối trước khi giao tiền.

Chuyến hàng đó Tồn đã phải cho người lựa cả ngày mới được non một tấn than tốt, số than nổ phải đập ra, dạt bỏ phần nổ, giữ lại nửa ngoài tạm xài được, bán dưới dạng than vụn để chạy lò. Toàn bộ số tiền bán được chưa bằng nửa số vốn. Mạnh không buồn gì nhiều về việc thua lỗ, nhưng chàng mất ngủ mấy đêm vì sự lường gạt. Người bán than Mạnh không quen nhưng chàng biết tiếng ông ta, có thời ông ta là một giáo sư nổi tiếng.

*
* *

Đến giữa tháng thứ hai, những sự việc mới lại xảy ra. Đầu tiên là gã công an khu vực đến. Anh ta hỏi han công việc làm ăn, tỏ vẻ quan tâm bằng cách trình bày những tệ trạng, những phức tạp ở khu vực bến xe và thân thiện nói:

— Có gì khó khăn anh cứ cho em biết, em đã dặn bọn nó rồi nhưng tin sao được bọn hình sự, em phải

ghé các anh mới an tâm được.

Gã còn nói nhiều điều ơn nghĩa khác và cuối cùng làm ra vẻ ơ hờ, không mấy cần thiết nhưng sẵn dịp hỏi lấy luôn một thước củi. Gã đã lã:

— Sợ trở lại làm mất thì giờ các anh, em tranh thủ chở luôn. Em sẽ gởi tiền trên hợp tác xã, mấy anh trên ấy còn giữ tiền tiết kiệm của em.

Mấy ngày sau lại đến băng quán lý thị trường. Cả tổ ba người, phần thăm hỏi xã giao giống như nhau, đến phần dẫn chuyện thì theo đúng chức năng quyền hạn, trưởng toán nghiêm trọng xuống giọng nói nhỏ với Tồn:

— Bọn em khó xử quá, quần chúng phản ánh hàng về đây quá nhiều: trà, cà phê, tiêu... đủ thứ cả, toàn là hàng chiến lược của nhà nước. Bọn em nể các anh lắm nhưng nhờ anh bảo các chủ xe khéo khéo một chút, kéo tai vách mạch dừng!...

Gã ngừng nói, mặt dầu dầu đầy vẻ chân tình. Tồn cười, anh nhờ người đi mua mấy ly cà phê và gói thuốc lá. Tồn nhìn thẳng vào những người đối diện, phong thái kẻ cả:

— Được, được, có gì đâu! Uống nước đi! Tôi vẫn nhắc luôn đấy chứ. Tôi chỉ lấy than củi chứ có cần gì những thứ kia nhưng cũng phải thông cảm cho người ta kiếm thêm chút chi phí xăng nhớt. Mấy chú làm việc lớn chứ để ý chi mấy chuyện vặt vãnh này.

Cả ba gã cán bộ chuyện nhau bao

thuốc, vừa nhâm nhi cà phê vừa trầm trồ khen ngợi hàng hoá đầy đủ, sắp xếp "hiện đại". Gã trưởng toán đứng dậy đi vòng vòng tham quan rồi làm như tình cờ, dừng lại trước dãy củi gáo vàng, loại củi đắt giá nhất. Anh ta cầm một miếng, hỏi như một người thành phố chính cống chưa bao giờ biết gì về than củi:

— Loại gì vàng đẹp vậy anh? Chạm được à?

Tồn trả lời cộc lốc:

— Gáo vàng.

Cả ba gã cùng ồ một tiếng lớn. Gã trưởng toán nhanh nhẩu, cố lấy giọng tự nhiên, thân tình:

— Em nghe nói loại này hoai mà không biết. Nhà em bảo gáo vàng đốt không khói, cháy đượm và nhiều than. Bà ấy bảo tìm mà em có biết đâu, ai ngờ các anh có, hoá ra của trong nhà mà tìm ngoài đường. Em lấy một site anh nhé, nhà em mừng phải biết. Các anh chu đáo thật, có đủ cả.

Hai gã đàn em cũng không chịu kém, xun xoe lật qua lật lại miếng củi rồi một gã tỏ vẻ buồn buồn, tiếc rẻ:

— Sẵn củi tốt mà bọn em không sẵn tiền. Thanh niên bọn em đoảng lắm các anh ạ, có bao nhiêu trong túi nhả ngay, đâu dám mang nhiều!

Tồn nghiêm mặt, anh nói chậm rãi, ra vẻ dễ dãi nhưng giọng lạnh tanh:

— Mấy chú cứ lấy một ít về xài, đừng ngại, tôi sẽ gặp các chú sau.

Cả ba gã cán bộ gần như nói cùng

một lúc:

— Ấy chết, ai lại làm thế, phiền các anh quá.

Tồn không nói gì nữa, anh đứng dậy đi gọi người chuẩn bị đo củi, lúc quay lại anh đã thấy ba xe ba gác chờ sẵn trong sân.

Mạnh và Trọng theo dõi câu chuyện. Trọng lộ vẻ bức tức, khó chịu. Anh đi ra đi vào, bứt rứt, nóng nảy. Mạnh biết Trọng không hài lòng ngay từ hôm xảy ra chuyện tên công an khu vực nhưng anh đã cố dẫn lòng, đến hôm nay thì anh không thể kìm hãm được nữa. Trọng không tiếc gì mấy thước củi nhưng anh không chịu nổi việc phải đẩy đưa, chiều lụy mấy tên cán bộ. Khi ba tên cán bộ đã đi xa, Trọng gầm gừ với Tồn, lần đầu tiên anh lớn tiếng với bạn:

— Ông chịu như thế được à? Toàn một lũ ăn cướp giả nhân giả nghĩa. Sao ông không chửi vào mặt chúng nó? Sao ông không cự hợp tác xã một trận? Mình đóng tiền đầy đủ, hợp lệ sợ đêch gì bọn nó? Sao lại có chuyện bắt nạt, bòn rút kiểu này được!

Tồn cười, anh đặt một tay lên vai Trọng, vừa ấn vừa vỗ vỗ đẩy Trọng ngồi xuống ghế:

— Bình tĩnh đi quan ba, tôi chịu được chứ sao không. Tôi biết trước việc như thế mà. Chưa hết đâu, còn đồng chí bí thư, đồng chí chủ tịch và chưa chừng còn nhiều đồng chí khác nữa. Bực lắm chứ sao không nhưng không đơn giản đâu! Ông bảo mình hợp lệ à? Ông bảo nó không làm gì mình được à? Không đâu, làm chết. Không có gì hợp lệ hoàn toàn trong xã hội này cả. Muốn tròn sẽ tròn, muốn méo thành méo thôi. Ông biết tiền mình đóng nó đi đâu không? Thì ông chủ nhiệm, ông kế toán trưởng, ông kiểm soát viên, mỗi ông lại có một số ông thầy, hỏi ông còn bao nhiêu cho ông nhà nước, vậy mà mình vẫn hợp lệ. Thuế mình đóng theo doanh thu mà. Ngày nó bán mình đăm ba thước củi, vài trăm ký than, thuế vài trăm bạc là đúng rồi. Nhưng nếu có thằng nào muốn

phù vân

phải đêm là bóng của ngày
từ vô lượng đó đã gầy dấu chân
người đi mang nặng căn phần
để sông nước lại phù vân với đời
tôi ngồi với buổi chiều trôi
trăm năm còn nổi đơn côi lớn dần.

huỳnh liễu ngạn



chơi mình, nó núp đầu đó ghi từng chuyến xe đến, từng chuyến xe đi, so lại với sổ sách, ông hợp lệ được không? Chưa hết đâu, nó mà muốn chơi mình hả! Thiếu gì cách. Cứ cho là ông hợp lệ đi, nó có làm gì ông đâu, nó "ốp" xe. Xe chạy không đúng lộ trình: bắt. Xe đậu không đúng vị trí: bắt. Xe chở trà, cà phê: bắt. Bớ thằng nào còn dám lại đây đồ than củi cho ông. Thấy chưa bạn? Đừng nóng nảy gì cả, mình có mục đích của mình, rán mà đạt cho được. Tôi đã nói là phải chấp nhận những mất mát, ông hiểu chữ mất mát tôi muốn nói mà, đâu phải là một ít than củi!

Trọng nghe lời, anh không biết nói sao trước những lý luận chặt chẽ của Tồn nhưng vẫn thấy ấm ức, không tự chế được:

— Vậy làm làm chó gì cho mệt xác, vừa cực vừa nhục.

Tồn đập mạnh tay xuống bàn, mắt long lên giận dữ, anh nói như thét:

— Tôi đã nói rồi, làm để kiếm cho mấy ông cái giấy, làm để có chỗ cho anh em trú thân, làm để có chút tiền làm việc khác. Đ.M. dẹp cái tự ái hão của ông đi, lúc nào cũng nhục. Mất cả nước không nhục hơn sao? Không nhẫn nhịn được thì làm chó gì được. Tôi nói thật, bỏ cái kiểu nhà binh của ông đi. Tôi với ông còn sống lâu, còn đủ thì giờ để làm nhiều chuyện mà. Rán giữ cái liêm sỉ, khí tiết mà sống sau này. Kể làm gì lúc mặt trận này. Nhục hay không ở cái đích mà mình muốn tới, ông nghĩ lại đi!

Mạnh và Trọng cùng bối rối. Mạnh rất hiểu tâm trạng của Trọng. Chàng cũng biết rõ quan niệm của Tồn. Mỗi người đều có lý do riêng. Mạnh thương Trọng và phục Tồn, chàng phân vân chưa biết nói gì để làm dịu sự căng thẳng giữa hai người bạn. Không ngờ Tồn đã nói trước, anh kìm hãm cảm xúc rất nhanh và ôn tồn nhìn Trọng cười hiền lành:

— Tôi với ông con nít thật, sao lại nổi nóng vô lý vậy. Xin lỗi ông, tôi đã dẫn lòng được với nhiều

người mà lại nổi nóng với ông vì ông là bạn tôi. Đứa nào nghĩ gì, nói gì kệ cha nó mà ông thì không được. Ông phải hiểu tôi.

Tồn vừa nói vừa đứng dậy, anh không muốn Trọng áy náy, cũng không muốn để lộ tình cảm quá nhiều nên trở lại chuyện công việc, bình thần và rõ ràng:

— Tình hình tài chánh không ổn rồi phải không? Phải tính lại. Ngày mai tôi sẽ bắt đầu theo mấy cái hợp đồng củi bi. Phải bung ra thôi, không tơ lơ mơ được nữa.

*
* *
*
* *

Mạnh đi một vòng quanh cửa hàng. Chàng chờ anh em bốc xếp sắp gọn gàng và bãi hết những thước củi cuối cùng rồi mới trở vào rửa sơ mặt mũi và lấy thuốc ra hút. Mạnh thật sự mệt mỏi, công việc ở cửa hàng bận rộn từ mờ sáng đến gần giới nghiêm. Suốt ngày phải tiếp khách, bán hàng, giải quyết những công việc lặt vặt nội bộ. Từ chiều đến khuya là giờ hàng về, xe từ nhiều tuyến đường về bãi gần như cùng một lúc, nhiều bữa trong sân đầy cứng mà ngoài cổng vẫn còn cả dãy xe chờ vào bãi.

Thực ra công việc cũng không có gì nặng nhọc lắm đối với một người đã từng là tù khổ sai nhiều năm như Mạnh. Điều làm chàng khổ sở nhất vẫn là những đau đớn tinh thần thường gặp. Chiều nay Mạnh đã chứng kiến một việc không vui: nhiều em trong toán bốc xếp đã thừa lúc chủ hàng không để ý, thấy vô số củi vào khu vực chứa củi của cửa hàng lúc từ xe đưa xuống thay vì phải thả hết vào một chỗ riêng chờ đo để tính tiền. Mạnh thấy nhưng không thể can thiệp. Nếu chủ hàng biết có sự mờ ám, mặc dù việc ấy do Mạnh phát giác, họ sẽ có ấn tượng không tốt và sẽ gây đồn đãi bất lợi cho cửa hàng. Mạnh dẫn lòng chờ xong việc, chàng gọi anh em lại cho biết chàng không bằng lòng việc họ đã làm và yêu cầu anh em tuyệt đối ngay thẳng và sòng

phẳng trong việc mua bán. Mọi người đã nhìn Mạnh bằng ánh mắt mà chàng không thể quên được: vừa lạ lùng ngạc nhiên vừa giấu cợt thương hại. Một người đã nói với Mạnh:

— Buôn bán phải có mách riêng chứ ông thầy. Không mách mung lấy gì có lời. Chỗ khác mà bọn em không lanh lẹ như vậy chủ sẽ không bằng lòng, có khi còn bị đuối việc không chừng.

Mạnh thấy nhói ở tim. Người nói với chàng câu đó chỉ là một em bé chưa tới mười hai tuổi. Mạnh tự hỏi không biết rồi xã hội sẽ đi đến đâu trong cái thời đại mà mọi giá trị đạo đức đã bị chà đạp đến mức tồi tệ nhất. Mọi người tranh sống bằng mọi mách khoé, thủ đoạn và hãnh diện về điều đó. Mọi việc làm chân chính, ngay thẳng có thể bị coi là lạc hậu, thậm chí ngu khờ. Mạnh cứ loay hoay mãi mà không tìm ra câu trả lời.

Đêm khá khuya, ngoài đường đã vắng hẵn xe cộ và những tiếng động hỗn tạp. Không còn xe nào về thành phố giờ này nữa. Mạnh tắt đèn đi nằm và ngạc nhiên nhận ra rằng chàng đang có cảm giác thất vọng. Mạnh đã có ý chờ một chuyến xe quen về bến mà không có. Xe Phương Lâm 036. Chàng muốn gặp một người đi trên chuyến xe đó, một cô gái mới biết, chưa quen thân nhưng Mạnh thấy có một cái gì rất gần gũi.

Mới tuần trước, đêm Mạnh trực cửa hàng, lúc mọi việc đã xong và Mạnh sắp sửa đi nghỉ thì người thiếu nữ ấy đến. Nàng rụt rè cho biết có một ít than muốn bán. Thực sự Mạnh đã làm việc quá nhiều, đã kiếm nhận gần mười tấn than trong ngày, chàng không muốn trở ra cân đo, khuôn vác gì nữa, nhưng giọng nói của thiếu nữ làm chàng chú ý. Cửa hàng chỉ có một ngọn đèn điện bất giữa sân để cân đo than củi ban đêm, trong phòng đốt một ngọn đèn dầu nhỏ, Mạnh không nhìn rõ mặt cô gái, chàng chỉ lơ mơ nhìn thấy mớ tóc dài và một dáng người mảnh khảnh trong bộ bà ba bình dị,

khác những người buôn hàng chuyển khác.

Giọng cô gái nhỏ nhẹ và ấm, nàng cho biết chỉ có một ít than để đun hàng. Nàng không biết than loại gì nhưng xin được bán bằng giá của loại thấp nhất vì không muốn phiền cửa hàng mất công kiểm soát vào giờ này. Điều trình bày của cô gái làm Mạnh ngạc nhiên, chưa bao giờ chàng gặp một người bán hàng không ca ngợi món hàng mình có và tự nhận một giá tối thiểu. Điều này làm Mạnh thấy vui. Chàng đứng dậy và giải quyết mọi việc mau lẹ.

Cô gái nhận tiền, cảm ơn và vội vàng ra đường đón xe. Bóng dáng nhỏ nhoi, tất bật của người thiếu nữ gợi cho Mạnh một cảm giác xót xa. Chàng muốn biết rõ hơn về nàng. Mạnh nghĩ thầm: "Chắc cũng lại là một nạn nhân trong cuộc đời đời của đất nước".

Mấy ngày sau, Mạnh gặp lại cô gái. Lần này chàng chủ động hơn, để ý từ lúc xe vào bến, vừa làm việc vừa xem chừng, đợi khi nàng giải quyết xong hàng hoá, chàng bước lại và hỏi tự nhiên:

— Cô có than củi gì bán rẻ cho tôi không?

Cô gái cười rất tươi nhưng vẫn trả lời bằng một giọng nghiêm trang:

— Dạ có, cũng như hôm rồi.

Mạnh bước lại gần. Cô gái chuyển vội cái xách nhỏ sang tay trái, cúi xuống dùng tay còn lại kéo một bao than lớn. Mạnh khom người định giúp nàng, vô tình hai bàn tay chạm nhau. Cô gái buông bao than, luống cuống lùi lại làm rớt cái túi xách nhỏ, đổ tung toé những đồ vật chứa trong đó. Mạnh tình cờ nhìn thấy quyển *Gone with the wind*.

Cô gái lí nhí xin lỗi và ngồi xuống thu lượm đồ đạc của mình. Mạnh im lặng một chút, thú vị thấy mình đã đoán đúng phần nào về thành phần của người thiếu nữ này. Chàng hỏi thân mật:

— Cô đọc sách này à? Đúng là một nhà buôn đặc biệt, ngoại hạng.

Cô gái cười, đưa tay vuốt tóc, trả lời vừa hóm hỉnh vừa chua chát:

— Đặc biệt gì đâu ông, ngu ngơ thì có. Tôi như một đứa bé khù khờ phải đọc sách này để lấy tinh thần mà.

— Cô thích Scarlet à?

— Không.

— Vậy cô học được điều gì trong đó?

— Quyết tâm bảo vệ Tara của Scarlet.

— Cô cũng có một Tara để bảo vệ à?

Cô gái không trả lời, nàng cúi đầu tỏ vẻ suy nghĩ một chút rồi ngẩng lên nói nhanh, giọng buồn buồn:

— Tôi không làm được. Tôi không thể trả mọi giá như Scarlett đã làm.

Mạnh hiểu rất rõ và chàng tin lời cô gái. Hai người không nói gì thêm với nhau, thậm chí Mạnh cũng không kịp hỏi tên cô gái. Chàng nghĩ mình sẽ còn gặp lại nàng.

*

* *

Công việc ở cửa hàng có nhiều thay đổi và khó xử. Trước hết Tồn cho biết là sẽ chuyển dần từ việc buôn bán tại chỗ sang hướng hợp đồng đi lấy củi bi. Anh quyết định giới hạn việc mua hàng và dùng những số tiền rất lớn mà anh đã vắn vẽ gọi là "bác một nhịp cầu đến Trị An", nói rõ ra là chạy chốt cái hợp đồng đi rừng Trị An lấy củi. Cả Mạnh và Trọng đều không thắc mắc gì về kế hoạch của Tồn. Có điều là tình hình tài chánh ở cửa hàng đã xuống dốc đến mức đáng lo ngại. Ba người đã tính toán lại số sách và nhận ra có một sự mâu thuẫn buồn cười nhưng đau lòng. Căn cứ vào số lượng hàng xuất nhập mỗi ngày và mức chênh lệch giữa giá mua và giá bán, cửa hàng đã có một mức lời đáng kể. Nhưng thực tế thì vốn liếng ban đầu đã gần như mất hết. Mọi người đều biết lý do của sự thua lỗ này và đều thấy khó xử, gần như bất lực trong việc giải quyết.

Sự sắp xếp của Tồn hoàn toàn

chính xác trên nguyên tắc. Lời nói đùa của bạn bè ngày xưa đã tỏ ra đúng. Tồn xứng đáng là nhà kinh tế, có đầu óc kinh doanh, có khả năng hoạch định những kế hoạch bén nhạy và hợp lý. Tuy nhiên công việc điều hành một cửa hàng trong thời buổi này không đòi hỏi nhiều kiến thức. Nó cần một nhà buôn nhiều đôn phép. Cả ba người đều không làm được việc đó.

Than củi đã được phân loại và có giá cả cho mỗi loại. Điều đó đúng nhưng dưới lý luận của một con buôn, những loại có sẵn đó sẽ được chia thành nhiều loại nhỏ khác. Củi bốn tấc à? Không đủ, ngắn quá. Ngắn đến mức nào thì tùy theo cách nói, cách "đấu tranh" của người buôn thôi, ai công đâu mà đo từng thanh củi. Than cây à? Đúng, nhưng nhiều than sống quá, nhiều than vụn quá. Chứ nhiều là một chữ trừu tượng, đến mức nào thì cũng tùy cái miệng của người lái buôn. Cùng một món hàng, khi cần tốt, nó sẽ tốt hết mức; lúc muốn xấu, nó sẽ xấu đến bỏ đi. Hậu quả trước mắt là cửa hàng đã phải mua tất cả các mặt hàng theo giá tốt nhất và bán ra theo giá xấu nhất. Để bảo vệ món hàng của mình, người chủ có thể nói hàng giờ, nói trăm cách. Ba người bạn thì chỉ nói được một lần, cả lúc mua cũng như lúc bán, cái nhận xét thật của mình. Sau đó người bán hoặc mua hàng sẽ nói để dành phần lợi về họ, càng nói càng đi xa thực tế, miệng lưỡi lươn lẹo, lớn tiếng. Ba người bạn không còn nói gì được nữa, hết ý kiến và gật đầu.

Cân đo là lý do thứ hai "giết" cửa hàng. Cả ba ông chủ đều chỉ biết cân đúng mà không biết cân để có lời. Mua hàng trăm thước củi, đo tất cả, nhanh, đủ. Bán thì người mua bỏ củi ngắn, bỏ củi gốc, sắp ra sắp vào, đổi miếng này thay miếng kia, vỗ tới vỗ lui, khít khao nếm cứng khung đo, xong lại bỏ thêm năm bảy miếng trên cùng, ngoài khung coi như để bù vào cái kẻ hở không xếp sát được. Lấy xuống họ bỏ lên, lấy xuống họ bỏ lên nữa,

cuối cùng họ chịu lấy ra một nửa, mất không số còn lại. Kết quả là mua mười thước củi, bán ra còn sáu, bảy thước.

Than còn khó hơn nữa. Mua một lần nhiều tấn, cân cả tạ, vác một chút là có chuyện với chủ hàng. Bán thì người mua cố tình vô nhiều bao nhỏ, cân hàng chục lần, mỗi lần vác một chút, rồi thêm từng cây than lớn, từng bụm than nhỏ. Nói nhỏ nhẹ thì họ như không có lỗi tai, lớn tiếng cãi cộ thì không làm được, giành giật để lấy lại càng không xong. Chịu thua. Bán hàng tấn than công cốc, không lỗ nhiều thì lỗ ít.

Ba người đã bàn luận nhiều lần

về việc này. Tồn bảo Trọng:

— Ông nhà binh hùng dũng, ông trách nhiệm việc này đi.

Trọng lắc đầu, từ chối:

— Tôi hùng dũng chỉ huy lính đánh giặc chứ cãi sao được mấy bà buôn bán than củi này.

— Hay ông nhà văn, ông nói nhỏ nhẹ với người ta xem, phải công bình, phải biết điều với nhau chứ. Tồn quay sang Mạnh.

— Tôi nói chuyện nhân nghĩa phải quấy thì ăn thua gì. Ông biết luật, ông lý lẽ với họ xem.

Mạnh thoái thác. Tồn cười lớn. Anh nhìn các bạn không có vẻ gì buồn bực, lo âu:

— Tôi lắm cảm thật, sửa chớ gì được cái kiêu của bọn mình, mà sửa làm gì! Thôi, tính kiêu khác, mình sẽ buồn gỗ, làm ăn lớn, giới hạn bớt việc tiếp xúc, giành giật lẽ tẻ này đi. Tôi sẽ lo. Dù sao từ đây cũng phải cứng rắn hơn, cương quyết hơn. Nhân nhượng không đúng chỗ cũng là một khuyết điểm lớn, phải coi lại.

*

* *

Xe Phương Lâm 036 về bến sớm,



Mạnh ngạc nhiên thấy không có Vân Hà đi hàng như mọi ngày. Gã tài xế một mắt có vẻ như bực tức chuyện gì, gã cau có và luôn miệng chửi thề.

Mạnh hơi buồn. Chàng định hôm nay sẽ tìm cách nói chuyện nhiều với Vân Hà. Lần trước, lần thứ ba hai người gặp nhau cũng chỉ mấy phút, câu chuyện lại xoay quanh cuốn *Cuốn theo chiều gió*. Khi biết Mạnh là lính, cô gái đã cười hóm hỉnh:

— Lần trước ông có hỏi tôi học được gì trong quyển sách.

— Đúng, và cô đã trả lời.

— Có nhưng chưa đủ. Tôi học tinh thần chiến đấu và lòng yêu nước của liên quân miền Nam.

Mạnh sượng sùng. Chàng có cảm giác xấu hổ như vừa bị chê trách. Cô gái thoáng thấy vẻ bối rối của Mạnh vội nói chữa, vô tình tiết lộ tên mình:

— Vân Hà không có ý phiên trách gì quân đội mình đâu. Bà Hà cũng có trách nhiệm lớn lắm trong đó, trách nhiệm của một ông tướng.

Mạnh mỉm cười, nàng thật thông minh. Chàng hài lòng thấy mình biết được thêm đôi điều về nàng, một tiểu thư sa cơ. Mạnh thấy cần phải nói rõ để nàng hiểu tâm trạng của những người như chàng:

— Dù sao thì chúng tôi, ít ra một số đông trong chúng tôi vẫn luôn luôn áy náy về trách nhiệm của mình và rất đau lòng.

— Quên đi ông ạ. Nếu nói trách nhiệm thì của tất cả chứ riêng ai! Nếu người dân chúng ta có được một nửa cái tinh thần của các bà trong “hội bảo vệ mồ mả liệt sĩ” thì tình hình đã khác đi nhiều lắm. Quên đi và nếu có thể, làm lại.

Vân Hà đang nói bỗng ngừng lại, dường như nàng nhận thấy đã nói quá nhiều với một người mới quen nên vội chào Mạnh, trở lại cái chùng mực thường lệ:

— Xin lỗi đã làm mất thì giờ của ông.

Mạnh thấy mình bối rối một cách bất thường. Chàng muốn giữ Vân

Hà lại nhưng không biết nói thế nào. Chàng bước vội theo ra đường. Vân Hà leo lên xích lô, quay người lại nói gì đó với người phu xe, chàng chỉ nghe loáng thoáng mấy chữ "cư xá sĩ quan Chí Hoà". Mạnh cố nói với theo, không biết Vân Hà có nghe không: "Tôi muốn nói chuyện với cô".

Mạnh đã chờ cái lần nói chuyện đó nhưng hôm nay không có Vân Hà theo xe, chàng uể oải trở lại công việc. Xong xuôi, làm như vô tình chàng hỏi thằng bé phụ xe:

— Cái cô gì hay chở trà sao không thấy nhỉ? Bộ cô ấy nghỉ rồi à?

Thằng bé nhìn Mạnh, nó láu lỉnh trả lời giọng điệu mỉa mai, giễu cợt:

— Thầy hỏi cô giáo Hà à? Đi xe khác rồi thầy. Cô ấy không chịu quan hệ sâu sát với xếp một nhà ta làm sao đi xe này được. Trăm cô đều phải biết điều với xếp hết. Bộ đội Trường Sơn phục viên mà thầy. Mạnh lắm, quen biết, qua trạm dễ dàng nên có giá lắm. Mấy cô bu như kiến.

Thằng bé vừa nói vừa hất đầu về phía gã tài xế một mắt. Mạnh hiểu. Chàng đã nghe nói nhiều về chuyện những cô gái đi hàng phải chiều chuộng tài xế như thế nào nhưng không ngờ mọi việc lại trắng trợn

như vậy. Lại thêm một xót xa mà Mạnh phải chứng kiến trong sinh hoạt bến xe. Lần này nỗi đau đớn tăng thêm vì có liên quan đến Vân Hà.

Thằng bé nói tiếp:

— Mà không chừng cô giáo nghỉ luôn rồi ông thầy. Buôn bán gì cô ấy! Không biết chữ lộn làm sao đi buôn được! Đi hàng mà cứ nhỏ nhẹ lễ nghĩa như đi dạy học thì có nước chết.

Mạnh không muốn nghe thêm, chàng bỏ vào phòng ngủ. Giá biết Vân Hà ở đâu, chàng sẽ đến, không hẳn vì một tình cảm riêng tư nào, Mạnh chưa xác định được điều đó, nhưng chàng tha thiết muốn được chia sẻ. Ý nghĩ về nỗi truân chuyên của một đoá hoa thanh quý trong cuộc đời hành hạ trái tim chàng. Mạnh thở dài, cũng may mình đã biết tên nàng, chàng lập lại nho nhỏ nhiều lần hai chữ Vân Hà.

*

* *

Cửa hàng trống vắng hơn mọi ngày. Chiều nay Tồn đã dặn phải viện dẫn lý do cửa hàng cần cải tổ, tạm đóng cửa để từ chối một số lớn những xe hàng, chỉ nhận hàng những xe còn dính lúu tiền bạc qua lại để thanh toán. Quyết định này

Tồn đã nói vào phút cuối, cả Trọng và Mạnh đều đồng ý.

Suốt buổi chiều Trọng và Mạnh đều vô cùng bứt rứt, khổ tâm mà không biết nói gì. Sự việc xảy ra sáng nay đã vượt quá mức chịu đựng của mọi người. Gần nửa năm buôn bán, nhiều chuyện bực mình nhỏ cả bọn đã gặp thường xuyên, nhưng bị xúc phạm nghiêm trọng, bị kéo xuống ngang tầm bến xe, chợ cá thì đây là lần đầu tiên.

Sáng nay Tồn bán một mối hàng lớn, đúng ra là không lớn nhưng rắc rối: Người đàn bà lái buôn đã đưa đến gần hai chục xe đạp thồ để chở than, mỗi xe chở tám bao nhỏ, quang cảnh hỗn độn và rối rắm, một số rối rắm cố tình, có hậu ý. Hai mươi người vô than, cân, chất lên xe; số cân rồi lẫn với số chưa cân, nhiều xe chất hàng xong đã ra khỏi cửa hàng. Tồn nhận thấy có một sự lăm lăm lớn: nhiều bao than chưa cân được chất lên xe. Tồn bỏ vào văn phòng, anh bảo một nhân viên bốc xếp đóng cổng lại và mời người lái than vào nói chuyện.

Người đàn bà lồng lên như một con thú điên, bà ta đứng giữa sân dùng đủ những lời tục tĩu nhất, rống lên như một thú vũ khí lợi hại, khả thi. Trong phòng nghe rõ từng lời một:

— Đ.M. bà đ. nói chuyện với thằng nào hết, bà buôn bán đang hoàng đũa nào làm gì được bà. Đũa nào ngon ra đây bà đánh bỏ mẹ.

Ba người nhìn nhau. Lần đầu tiên Mạnh thấy bối rối, cái bối rối của Thúy Kiều lần đầu tiên gặp luận điệu của Tú bà. Làm gì được bây giờ! Tiếng người đàn bà càng lúc càng lớn, lời kéo một số người hiếu kỳ bu đầy trước cổng cửa hàng. Anh em nhân viên ngơ ngác. Người đàn bà cảm thấy thắng thế, tiếp tục tru tréo.

Trọng đứng dậy, anh im lặng nhìn các bạn, suy nghĩ một chút rồi quyết định bước ra ngoài, mắt long lên, anh hét bằng tiếng gầm của con sư tử bị kềm chế:

— Cút!

về đâu cũng vậy mà thôi

Về đâu cũng một chỗ nằm
Cũng ưu tư cũng dăm dăm mắt nhìn
Cũng niềm khắc khoải trong tim
Đọc bài thơ cũ tưởng nghìn thu qua
Về đâu cũng kiếp xa nhà
Nửa đời râu tóc phối pha tháng ngày
Buồn vui cười khóc tỉnh say
Mộng đời như đám mây bay lưng trời
Về đâu cũng một kiếp người
Xót thân từ ngục xót đời lưu vong
Nhìn đâu cũng thấy hư không
Đêm thao thức giấc ngày mong qua ngày
Trời ơi tỉnh ngộ rằng say
Trời ơi tôi khóc như ngày còn thơ.

đông vũ



Người đàn bà ngừng nói, mặt lớn tiếng phủ đầu cốt để lấp liếm mười mấy bao than lấy được và đang chuẩn bị tinh thần để đối phó với việc phải đối co về chuyện này. Thái độ của Trọng làm mặt ngạc nhiên không kịp phản ứng, lơ ngơ chưa biết phải làm gì. Trọng lặp lại, lớn hơn:

— Cút! Cút ngay!

Trọng vừa nói vừa chỉ tay ra cửa, ánh mắt và thái độ của Trọng đủ uy lực để không ai dám coi thường lời nói của anh. Người đàn bà đi thụt lùi về phía cổng, cố nói vớt vát chữa thẹn, giọng đã dịu lại, e dè:

— Từ từ tôi đi chứ làm gì dữ vậy! Bộ tôi muốn ở đây lắm à!

Trọng trở vào văn phòng, anh nói với Tồn, nhẹ nhàng nhưng nghiêm trọng:

— Chắc tôi nghĩ ông à, các ông cũng coi lại đi, có lẽ anh em mình không buôn bán được đâu.

Tồn im lặng rất lâu, anh có vẻ đắn đo suy nghĩ nhiều lắm rồi như đã chọn được một thái độ, anh ngẩng lên, nói gọn và dứt khoát:

— Chưa quyết định gì cả, các ông chờ tôi ở đây, tôi sẽ trở lại. Tạm thời các ông nhận ít hàng thôi, cứ nói với họ mình tạm ngưng để chỉnh đốn lại. Tôi sẽ có nhiều chuyện để nói với các ông.

Tồn lấy xe đi liền sau đó và suốt buổi chiều, đến gần khuya vẫn không thấy trở lại. Trọng có vẻ bình thản, có lẽ anh đã dứt khoát và không bận tâm gì nữa. Mạnh thì bứt rứt đi ra đi vào. Nếu Tồn không hẹn và nếu không nghĩ là bạn có chuyện cần bàn, Mạnh đã bỏ đi từ chập tối. Buổi chiều, gã phụ xe Phương Lâm 036 đã báo cho Mạnh biết một tin buồn: Vân Hà bị bắt giữ ở trạm ngã ba Vũng Tàu. Giọng gã phụ xe trơ tráo, đều cảng:

— Bị xếp Một chơi mà ông thầy. Không chiều xếp thì xếp phá, của ngon kẻ tận miệng không được hưởng cũng ức, phá nát luôn.

Gã cho biết Vân Hà bị "sạc" hàng xuống, bị giữ ở trạm. Mạnh ngây thơ hỏi về cách xử sự trong những trường hợp như vậy. Gã phụ xe trả

lời, giọng dửng dưng không chút cảm xúc như đã quá quen với những cảnh đau lòng như vậy làm Mạnh rùng mình:

— Có cả đêm để thoả thuận mà ông thầy, chưa có biên bản, chưa kết tội và gì đâu, khuya mới nói chuyện mà. Biết điều với nhau là xong thôi, coi như ủng hộ một chuyến hàng, sẽ được tặng lại tiền xe về nhà, lương thiện, hợp pháp.

Gã ngừng lại một chút, rồi làm như chợt nhớ ra điều gì, gã nheo nheo mắt, cười nham hiểm, nói nhỏ như muốn san sẻ với Mạnh một điều bí mật, thú vị:

— Sự thường là như vậy nhưng với cô giáo thì chắc có chuyện đặc biệt. Muốn bỏ hàng cũng không bỏ được. Tiền thì mấy ông ở trạm ngày nào chả có, để gì gặp được một người đẹp và trí thức như cô giáo, chém chết mấy ông cũng đòi vụ kia...

Mạnh hiểu ngay, chàng không dẫn được nữa, nói như thét:

— Đ.M. sao lại có chuyện như vậy được, luật lệ ở đâu?

Gã phụ xe chưng hửng, gã có vẻ bất bình vì không được Mạnh hưởng ứng nên lạnh lùng đáp gọn:

— Luật lệ à? Có chứ. Nhẹ nhất là phạt từ năm đến mười lần trị giá món hàng. Đóng không? Không hả? Không cần biết lý do, lập biên bản: Buôn bán hàng quốc cấm, phá hoại kinh tế xã hội chủ nghĩa. Ra toà.

Mạnh bỏ gã phụ xe, chàng trở vào phòng người run lên vì giận. Mạnh suy nghĩ mông lung, Vân Hà đã nói không thể chấp nhận mọi giá như Scarlet đã làm, điều gì sẽ đến với nàng? Biết nàng có vượt qua được, có may mắn bình yên trước móng vuốt của bầy sói này không? Mạnh nghĩ rất nhiều về Vân Hà, chàng chờ Tồn trong một tâm trạng rối ren, khó xử.

*

* *

Tồn không về tối hôm ấy, sáng hôm sau cũng không, đến trưa thì cả Mạnh và Trọng đều thấy lo, không biết Tồn đi đâu, làm gì trong

từng ấy thời gian. Đến xế chiều Mạnh bàn với Trọng một trong hai người nên đến nhà Tồn để hỏi thăm. Trọng giành làm việc này nhưng anh chưa kịp đi thì Tồn về. Tồn ào vào như một cơn lốc. Anh dựng xe giữa sân, đầu tóc quần áo rối bù, bụi cát nhưng lại hết sức vui vẻ, lạc quan. Tồn thấy lên bàn một túi đầy trái cây, nói trước khi Mạnh và Trọng kịp lên tiếng:

— Đợi lắm phải không? Tôi đi Bà Rịa. Ăn trái cây đi, tôi rửa ráy một chút, mệt quá!

Tồn lấy khăn mặt rồi đi thẳng ra sau. Trọng và Mạnh cùng ngạc nhiên, Tồn đi Bà Rịa làm gì?

Trọng bỏ một trái sầu riêng, Mạnh không ăn được thứ này, chàng ơ hờ bóc vỏ mấy trái chôm chôm, miệng đắng ngắt không thấy mùi vị gì, hình ảnh Vân Hà vẫn lớn vờn trong đầu. Tồn trở vào, anh kéo ghế ngồi xuống cạnh các bạn, gỡ mắt kiếng ra lau rồi đeo vào lại, anh lấy thuốc ra hút và bắt đầu nói, chậm rãi, mạch lạc:

— Công việc phức tạp và tệ hại quá phải không? Tôi đã tính kỹ rồi, chúng ta còn một ít hàng tồn kho, thanh toán hết số này thì cũng chỉ đủ trả số nợ còn thiếu các xe. Chúng ta bỏ ra năm cây như vậy là vừa hết nhưng coi như chúng ta chỉ thua lỗ ở đây hai cây, ba cây còn lại tôi trách nhiệm hợp đồng đi gỗ.

Tồn ngừng lại nhìn các bạn. Mạnh và Trọng đều không nói gì. Tồn cười, anh nói nhỏ lại và tha thiết hơn:

— Chúng ta bị mất khá nhiều, cũng đau thật nhưng tôi nghĩ kỹ rồi, mình đã tính toán đúng, có nghĩa là cái đầu còn dùng được, đó là một điều mừng. Thua lỗ sập tiệm mà chúng ta vẫn tròn vẹn với nhau, đó là điều mừng thứ hai. Còn vì sao chúng ta thua lỗ, tất cả chúng ta đều biết lý do. Tôi không buồn gì chuyện này đâu. Chúng ta mất một ít vàng nhưng chúng ta đã không mất những thứ quý hơn mà chúng ta có. Giả dụ như chúng ta có lời, lời nhiều đi nữa mà các bạn phải sống, phải làm việc theo cái kiểu

chụp giựt để đạt được chắc tôi sẽ buồn lắm. Các bạn hiểu tôi?

Mạnh bàng hoàng trước những lời Tồn nói, chàng vô cùng xúc động và im lặng mân mê cái vỏ chôm chôm trong tay. Trọng cũng có cùng tâm trạng như Mạnh nhưng anh lại cười, đùa giỡn để xóa đi cái không khí có vẻ nghiêm trọng giữa ba người. Anh chấp hai tay lại vái vái và nói với Tồn như đang đóng kịch:

— Lạy ông cho con yên, ông đừng tra khảo trái tim con bằng kiểu nói ứa nước mắt đó nữa, không hiểu ông thì con theo ông làm chi cho sút đầu lỗ trán thế này!

Cả ba đều cười. Tồn có vẻ thích chí vì đã diễn tả được một trạng thái tình cảm tế nhị và nhận được sự chia sẻ của các bạn. Anh trở nên hoạt bát, tự chủ hơn:

— Có một điều tôi chưa định nói với các ông nhưng vì hoàn cảnh bắt buộc tôi phải tiết lộ: Tôi không hợp đồng lấy cây gỗ gì cả, những lúc gần đây tôi đi lại nhiều vì một lý do khác...

Tồn bỏ lửng câu nói, đốt thêm một điếu thuốc, rồi đột ngột nói tiếp:

— Tôi đã làm một việc mà các bạn định làm...

Mạnh và Trọng nhìn nhau rồi cùng nhìn Tồn như dò hỏi. Tồn cười cười, giọng nhỏ lại nhưng rõ ràng:

— Tôi đã hùn mua một chiếc ghe nhỏ, ba chúng ta đang làm chủ một nửa. Tôi có một số bạn bè, anh em chí cốt, các ông cứ an tâm.

Mạnh và Trọng cùng ồ lên một tiếng nhỏ. Cả hai sửa lại thế ngồi, thực sự bị kích động bởi điều Tồn vừa tiết lộ. Trọng không giấu được sự kinh ngạc lẫn vui mừng. Anh trách bạn bằng một giọng hân hoan:

— Chuyện quan trọng vậy sao ông kín bưng vậy?

Tồn nhìn bạn:

— Các ông mới ra, chịu khó làm nhân viên hợp tác xã giúp tôi đi, càng ngây thơ vô tội, càng ừ ừ cạc cạc chừng nào tốt chừng đó. Tôi dù

sao cũng đã ra lâu, bọn nó lơ tôi rồi. Công việc lúc đầu khá nguy hiểm, phải chường mặt ra coi sửa chữa, phải chạy tới chạy lui để lo giấy tờ. Bọn nó còn lạ gì, trăm người mua ghe là cả trăm tính toán chuyện đi, làm ăn khỉ gì, chả qua là giả vờ cút bắt chơi vậy thôi! Tôi sợ nói sớm các ông lại không nỡ để tôi một mình, mà theo tôi thì không an toàn cho các ông.

Tồn đang nói ngon trớn bỗng dừng lại. Anh không muốn ra vẻ kể công với bạn bè nên chuyển đề tài:

— Bây giờ thế này, chúng ta vẫn tiếp tục bám ở đây, công việc có gì thì cũng phải chờ sang năm, mùa gió yên mới tính được. Tôi nghĩ kỹ rồi, từ mai ta sẽ ngừng mọi công việc thường lệ chuyển sang làm củi bó. Tự chúng ta sẽ làm, cần tổ ra lam lũ, chỉ thú làm ăn một chút cho bọn nó không để ý, hơn nữa chúng ta cũng phải tự nuôi sống được mình; có dư chút nào thì còn anh em, công việc nữa.

Chúng ta cần một chỗ an toàn vì tương lai còn phải gặp gỡ, nói chuyện với nhiều anh em lắm. Hai ngày nay tôi đi Bà Rịa, tôi muốn coi lại mọi điều trước khi nói chuyện với các bạn. Tôi đã gặp lại một số anh em đã từng lặn lội, sống chết với tôi trong một số công việc trước đây. Những chuyên viên thương thuyền từ trên bộ đến dưới nước. Tôi muốn đánh chui hoàn toàn, tôi muốn dùng cái đầu của mình để chiến đấu với chúng nó một chuyển và phải thắng. Tay không chơi với súng đạn, với công an, với biên phòng, với tàu tuần... thắng nó một cái cũng thú vị chứ các ông.

Tồn nói một hơi dài, đầy sôi nổi và háo hức, bất ngờ anh quay sang Trọng cười hỏi:

— Nghe được chứ bạn? Ông cụ miết làm tôi cũng sáng.

Rồi như chợt nhớ ra, Tồn nói:

— À, còn vốn liếng làm ăn tôi đã tính rồi, ngày mai tôi sẽ đổi chiếc Honda lấy cái Gobel. Tôi đã thỏa thuận, người ta sẽ bù cho mình năm chỉ, gói ghém trong số đó dư sức làm củi bó. Thông cảm cho tôi,

cũng phải giữ lại chút xế nổ đi lại cho có uy tín nói chuyện với đời.

Mạnh ngẩng lên nhìn Tồn, chàng nói nhanh, cương quyết và chân thành:

— Ông đi lại nhiều, giữ cái xe mà đi, tôi còn hai cái nhẵn.

Tồn trả lời, dứt khoát:

— Không được. Quà bà cụ cho ông chỉ còn chừng đó, cái xe tôi mất không sao, cái nhẵn của ông Trọng mất cũng không sao, nhưng quà bà cụ cho thì không thể mất hết. Tôi nghĩ kỹ rồi.

Tồn đứng dậy, anh không muốn bạn có thì giờ nói thêm, vội vã lấy xe đi. Trọng cũng đứng dậy có lẽ định về nhưng nghĩ sao anh nói với Mạnh:

— Tôi với ông ra trước làm vài xi chơi, rồi ông có việc gì thì đi đi, tôi coi trại cho. Hình như ông có điều gì buồn?

Mạnh gật đầu, chàng không thể nói được gì lúc này cả. Một châu rượu, một cơn say không giải quyết được gì hết nhưng biết làm gì bây giờ? Mạnh nghĩ đến Tồn, giờ này anh còn đang chạy lo bao nhiêu công việc. Mạnh thấy ấm lòng và lấy lại được bình tĩnh, chàng tự trách mình, thấy như có điều gì không phải với Tồn nhưng rồi lại tự an ủi: nếu Tồn biết chuyện chắc anh cũng không trách, không chừng còn an ủi, khuyến khích Mạnh nữa là khác.

Mạnh đứng dậy đi với Trọng, chàng tự nhủ sáng mai sẽ đi tìm Văn Hà, cư xá sĩ quan Chí Hoà, một ông tướng cũ, chi tiết quá thiếu, quá mong manh nhưng Mạnh tin là chàng sẽ tìm được.

Mạnh nghĩ lại lời nói của gã phụ xe và thấy nhói ở tim. Chắc gì Văn Hà đã đủ tiền nộp phạt. Ngày mai, nầy không gặp có nghĩa là Văn Hà đã chấp nhận giải pháp cuối cùng, chịu để lập biên bản, chịu bị bắt. Nếu gặp, phải chăng nàng đã phải trả cái giá đắt nhất! Biết nói gì với nàng, Mạnh tự hỏi và chàng đã tự trả lời: Có lẽ không cần nói gì cả, sự có mặt của chàng đã là một cách nói. Nàng sẽ hiểu. □



Mối Tình Đồng-Tính Luyện Ái Bi-Thảm Ở Côn-Đảo

An Khê

Vào khoảng thập niên 1940-1950, trước khi Việt Nam lấy lại chủ quyền từ tay người Pháp, Côn đảo cũng gọi là Côn Nôn, có khám đường to lớn, dữ dằn để giam nhốt tù phạm và quản thúc các chính trị phạm.

Khi ấy, số công chức và nhân viên khám đường có vào khoảng hai trăm cùng với gia đình họ. Những gia đình ấy chỉ có một thú tiêu khiển chung là vào mỗi chiều chủ nhật đi xem gánh hát bộ diễn xuất tại rạp lá ở sở Chuồng Bò. Gánh hát có tên Bàu Tèo, hát bộ pha lối Hồ Quảng, đệm thêm vài ba bài ca vọng cổ mùi. Diễn viên toàn là tù phạm. Vai đào cũng do tù "đực rựa" đóng. Những tù phạm này rút ra từ các sở gần châu thành Côn Sơn, gồm những ai có chút khiếu đờn ca, diễn kịch. Y quan họ tự chế theo phương tiện eo hẹp của nhà tù. Bài bản do một số cụ bầu gánh ít

học, nhớ đâu ghi chép tới đó rồi đặt thêm ra nên văn chương không được chỉnh. Thỉnh thoảng, vào dịp Tết, các chánh trị phạm *bagne* 3 đặt ra một bản ca kịch có ý nghĩa thời đại, khi trình diễn rất được công chức, lại ngục, thầy chú cùng gia đình hoan nghinh.

Thường lệ, các diễn viên của gánh hát Bàu Tèo, vào những ngày thường vẫn phải đi làm việc trả nợ tù, chỉ được phép nghỉ vào trưa thứ bảy để dượt tuồng cho buổi chiều chủ nhật. Vì không đủ sức khỏe và thời giờ tập luyện nên họ diễn xuất không điều luyện, không phô bày được tài nghệ, nhưng trưa chủ nhật nào, rạp lá Chuồng Bò cũng đông khán giả. Toàn những bà vợ công chức người Việt, vợ lại ngục dân Tây và vợ con thầy chú kéo nhau đến xem. Họ ghiền xem hát cũng có mà mê vai đào lẳng trên sân khấu cũng có. Vai đào lẳng do thằng Bảy bản chế (*camp des métiers*) thủ diễn.

Thằng Bảy năm ấy vào khoảng 19, 20 tuổi, không hiểu bị tội gì mà phải đầy Côn đảo. Nó có vóc dáng nhỏ bé như con gái, mặt trắng, tướng mạo dễ coi. Bình thường nó ăn nói nhỏ nhẹ, lại thêm mắt sáng môi hồng. Đến mùa gió bắc, gò má nó ửng hồng như đôi má gái trông chổng khiến những bậc tu mi nam tử, những tay chọc trời khuấy nước ở hải đảo xa xôi hiềm hoi phụ nữ

cũng được an ủi trong kiếp tù đầy. Khi Bảy bước lên sân gỗ, mặt tô chút phấn chì, môi bôi tí son trộn sáp, má phớt nhẹ nước bông búp thì từ dưới băng gỗ nhìn lên, khán giả thấy ràng ràng là một giai nhân tuyệt sắc. Nó tập tước đi ống ẹo, ngực độn cao, dít lắc xằng xê, giọng ôn thót nũng nịu làm khán giả phải chặc lưỡi suýt xoa khen ngợi. Trong tuồng *Xử án Bàng quí phi*, nó đóng vai thứ phi họ Bàng, vì muốn giúp cha mà mang tội tư thông với ngoại quốc, bị bà Địch Thiên Kim đánh đá ghép tội tam ban triều điển, trước giờ bị thất cổ mà còn ca được mấy câu vọng cổ mùi ời là mùi, thì cả rạp không cầm được nước mắt! Vợ con của giới công chức khám đường có người mê nó hát, cả đến tội phạm cũng không kém phần ái mộ!

Say đắm thằng Bảy nhiều như là anh cặp rần Chuồng Bò lúc bấy giờ: Sáu ma-ni-ven, tay anh chị bến xe đồ Hậu Giang-Sài gòn thuở các hãng xe chuyên chở hành khách như Ứng Ký, Hiệp Thành, Lộc Thạnh... tranh giành mỗi khách, hạ giá, vọt nhanh và thuê mướn dân dao búa bảo vệ quyền lợi cho hãng mình. Sáu ma-ni-ven là tài xế của hãng xe Ứng Ký, nổi danh vì khéo sử dụng cây manivelle quay máy xe chống cự lại bọn du côn anh chị. Anh bị án tù và đầy ra Côn sơn vì đã dùng ma-ni-ven đánh gãy tay

Sáu Nhỏ dao găm ở bến xe Cần Thơ. Sáu ma-ni-ven ra hải đảo, hiền tánh lại, không hay gây sự với ai. Anh chỉ ghiền xem hát cải lương, và vì thế đâm ra mê thằng Bảy như mê gái. Anh bảo thằng Bảy:

— Qua sẽ xin em về sở Chuồng Bò ở với qua, Bảy à. Đừng chê Chuồng Bò hôi. Em về với qua, sướng như tiên, khỏi phải đi đốn củi, chỉ giữ bò cho có lệ, để thằng xếp Mi-xen không rầy rà là ở không. Anh có nuôi bảy gà bốn con, vịt cũng bốn con. Tới Tết bán nhiều tiền lắm, mặc sức cho em cờ bạc. Ở với qua, có thịt cá, cơm trắng, trái cây ăn hoài, hơn sở Bản Chế của em đang ở, tù túng, thiếu không khí, thiếu ánh sáng, không được đi chơi đâu hết! Em bằng lòng thì qua đem cặp vịt mập với năm đồng bạc tới thầy mê-măng-tô Tốt, nói thầy đổi sở cho em liền.

Thằng Bảy biết Sáu ma-ni-ven nói được, làm được. Công việc điều hành khám đường Côn Nôn, trên chóp bu là ông thiếu tá bụng bự người Pháp, quyền chúa đảo quần đảo Côn Nôn và giám đốc khám đường. Trực tiếp cai quản các cơ sở nhà tù là ông *gardien chef* mà tù gọi là ông Xếp Chánh. Dưới quyền Xếp Chánh là các lại ngục người Pháp, các lại ngục da màu và các lại ngục người Việt có Pháp tịch. Sau cùng mới đến các thầy chủ người Việt phụ trách công việc cai tù. Nhưng có một người tù có quyền thế chỉ dưới Xếp Chánh, đấy là anh tù mê-măng-tô. Mê-măng-tô (*memento*) theo tiếng Pháp là quyển sổ ghi chép cho nhớ. Nơi Côn đảo, mê-măng-tô là thư ký riêng của Xếp Chánh. Anh tù này do những tù áo trắng đề cử và được sự đồng ý của ban quản đốc nhà tù. Chỉ có tù thường phạm mới được đề cử và phải có thâm niên tù áo trắng giúp việc văn phòng nhiều năm. Mê-măng-tô Tốt không theo lệ ấy. Anh là con một đốc phủ danh tiếng ở miền Nam, vì ghen tương, đâm vợ 17 lát dao nên bị kêu án và đẩy ra Côn đảo. Anh nhờ quen với

người có thế lực và thân với giám đốc khám đường gởi gắm cho. Anh được Xếp Chánh tin cậy, các lại ngục người Pháp cũng nể vì, hay làm thân để nhờ cậy anh nói tốt với Xếp Chánh. Đến thầy chú, ai muốn đổi sở tốt, cũng phải đến cửa nhà, cầu xin, lo lót. Mê-măng-tô Tốt vui vẻ, dễ thương với mọi người, hay giúp đỡ các anh em tội phạm cùng chung cảnh khổ. Ngoài giờ làm việc ra, Tốt buồn tình đời, buồn thân thế, thường uống rượu li bì. Anh khá mạnh rượu, lại biết phân biệt đại khái các thứ rượu vang của người Pháp, nhờ vào thuở anh ta du học bên Pháp, nên các lại ngục Pháp hay đem các thứ rượu quý mời anh uống.

Mê-măng-tô Tốt có một bạn nhậu là Ba cán búa, cặp rằn sở Ruộng. Ba cán búa hồi còn nhỏ, trong đất liền, ham nghe “nói” truyện Thuyết Đường bên Tàu. Anh ta rất thích nhân vật Trình Giảo Kim đã cướp bạc vua mà còn dám xưng tên, lại sở trường ba búa đầu. Lớn lên, Ba cán búa gặp một ông thầy Tàu xưng rằng đã học võ Thiếu Lâm chánh truyền. Ba cán búa bái ông ta làm sư phụ và chỉ xin truyền nghề đánh búa thôi. Ông thầy dạy cho được hơn tháng thì phải về Tàu. Ba cán búa, với cây búa có hai ngạnh để nhổ đinh, thường giắt bên lưng quần, hiền ngang bước vào chốn giang hồ của giới du côn anh chị vùng Bà Điểm Hóc Môn. Anh ta được nổi tiếng và đi tù vào cái Tết mà con cù Hóc Môn xuống Chợ Lớn tranh tiền lì xì với con lân râu bạc của hội quán Quảng Đông.

Thuở đó con lân râu bạc là chúa tể lân ở Sài Gòn Chợ Lớn. Khi lân râu bạc đi đến đâu, các lân khác phải dẹp cờ, ngưng trống, nhường cho lân râu bạc đi qua. Tên Tiểu Lý Quảng, người Hồng Kông, múa đầu lân, bên trong đầu lân có giắt đôi dao quắm, lợi hại vô cùng. Ba cán búa múa đầu cù, giắt cây búa hai sừng đánh nhau chan chát. Người xem đen nghệt một khúc đường. Một bên hô: “Tả lờ! Tả lờ!” Một

bên la: “Quánh chết mẹ nó đi!”... Rốt cuộc, búa hai sừng đánh vệt đôi dao quắm, bổ vào trán Tiểu Lý Quảng một nhát khiến tên này ngã sải tay giữa đấu trường lênh láng máu. Ba cán búa chưa kịp chạy trốn thì biện Tây đã dẫn lính mã tà đến giải tán đám đông, bắt cù với lân về bót. Cù Hóc Môn vì ở ngoại vi thành phố, lại yếu bạc nên Ba cán búa phải án đầy ra Côn đảo!

Ba cán búa ra Côn đảo, hiền hậu và siêng năng, được làm cặp rằn sở Ruộng, cái sở nổi tiếng nhứt nhì Côn đảo vì ở đó có đôi cát chôn tù mà mỗi trưa hè, mùi hôi thối bay xa hàng ngàn thước. Nhưng cặp rằn sở Ruộng nhân nhả, sung sướng hơn cặp rằn các sở khác. Xếp An-toan ở đấy cũng không ác với tù. Xếp là người Việt có Pháp tịch, vợ cũng là người Việt, rất hiền. Xếp hay uống rượu Tây, nhờ bà đầm già ở hợp tác xã còm-măng ở Sài Gòn cho nhiều thứ rượu tốt. Thỉnh thoảng, xếp cũng thưởng công cho cặp rằn Ba cán búa một chai rượu vang. Ba cán búa đem rượu đến nhậu với mê-măng-tô Tốt, khề khà chén chú chén anh rất tâm đắc. Xếp An-toan biết được, vội vã bảo Ba cán búa mời anh tù mê-măng-tô đến nhà, thết đãi như khách quý để cậy Tốt nói tốt cho mình với Xếp Chánh, và cũng để cho mấy tên lại ngục lai da màu không khi dễ bắt nạt. Do thế, Ba cán búa lại càng được trọng đãi, tha hồ nuôi gà vịt ngỗng, tha hồ cờ bạc.

Nhưng Ba cán búa, no cơm ấm cật, cũng phạm vào tâm lý chung của những người cô độc ở hải đảo xa xôi, hiu quạnh, thiếu tình yêu phụ nữ. Ba cán búa thèm vợ. Nhưng tù thì làm sao cưới vợ? Ba cán búa giàu lắm, nhờ chăn nuôi và cờ bạc. Ở Côn đảo, có một đạo, xảy ra những cuộc ngoại tình của vợ thầy chú, cả vợ công chức. Song Ba cán búa không muốn dính líu vào những chuyện dễ bị đứt đầu ấy. Ba cán búa muốn có một người yêu riêng biệt. Anh mơ ước một người vợ để anh âu yếm, nựng nịu, ôm ấp qua những đêm cô đơn, lạnh lẽo

giữa sở ruộng với đồi ma mà những khi gió lộng, cát bay thì xương trắng bày ra rải rác! Nhưng tù mà cười vợ là chuyện vụn vặt. Huống chi ở Côn đảo, phụ nữ đâu mà cười! Ba cán búa nghĩ ngay đến... thằng Bảy! Cười tù... đực rựa về làm vợ đã chẳng phạm luật, cũng chẳng ai chê cười. Thằng Bảy cải lương, đến các bà các cô còn phải lòng nó, hà huống anh là tù, đồng bệnh đồng thuyền như nó, cùng hạng chim lồng cá chậu như nhau!

Ba cán búa lại có tiền, có thể lực. Chuyện tù nhân khác không thể làm được, thì anh vẫn làm được. Anh nài nỉ xếp An-toan mua lại hai chai rượu cổ nhác Martell đem biếu mê-măng-tô Tốt. Anh ngã một chú "cờ tây", nhờ ông già trông bấp cái ở dinh giám đốc đứng ra làm bảy món theo hương vị miền Nam. Ông Ba bếp là dân Bến Tre, trước từng nấu món nai đồng quê cho các chánh chủ tỉnh người Pháp, các ông tham biện, đốc sự ở Sài gòn hằng tuần thưởng lái xe về xứ dừa thưởng thức các món ngon, vật lạ. Ông Ba bếp có trử nhiều gia vị, món mệc tồn của ông nấu không thua những tay bếp giỏi trong đất liền. Ba cán búa chỉ mời mê-măng-tô Tốt làm người khách danh dự trong buổi tiệc cờ tây ấy thôi.

Ngày hôm sau, thằng Bảy đang ngồi giữa nút áo ốc xa-cừ ở Bàn chế, bèn có lệnh cuốn chiếu đi về sở Ruộng. Nó đi mà rầu trong bụng, vì nghĩ đến lời hứa của Sáu ma-ni-ven, vì ngán sở Ruộng làm lưng vát vả, thân thể mảnh mai không kham nổi công việc lao lực, e sớm ra đồi cát mà nằm!

Chừng nó tới sở, Ba cán búa choàng vai nó, hun vào má và bảo:

— Bậu về ở với ta, giang sơn của ta là giang sơn của bậu. Sở Ruộng này, trên là ông xếp An-toan, dưới là ta, dưới nữa là bậu. Ở đây dư lúa gạo, ề hề thịt cá, các thứ khoai, bắp, trái cây có đủ, tha hồ bậu muốn ăn thứ nào, có người đem đến cho bậu ngay. Bậu chịu hông?

Thằng Bảy ôm cổ Ba cán búa, reo mừng:

thơ bắc mỹ

Ở đây tuyết phủ lên đồi,
Nhìn ra trắng xóa một trời lạnh căm
Tôi nằm, ủ rết trong chăn,
Nghe hơi băng thấm qua làn thịt da.
Chớm đông, ngọn gió xa nhà,
Hoa mai Bắc Mỹ nở hoa đầy trời
Nhớ nhung xé nát hồn tôi,
Tưởng như trong gió có người đợi mong.
Mùa này Huế chắc sang đông,
Quê hương tôi cũng se lòng rét run.
Mùa này cái nóng như hun,
Bên kia xứ Mã ai còn đứng trông,
Những đời tị nạn long đong,
Thương đôi mắt biếc với lòng quạnh hiu.
Tôi còn chút nắng chắt chiu,
Xin dành sưởi ấm những chiều ly hương...

nguyễn huy phước



— Em chịu gấp, anh Ba cung ơi!
Mãi tới hôm ấy, Sáu ma-ni-ven mới khệ nệ mang cặp vịt và tờ giấy bạc con công đến căn nhà khám đường cấp cho mê-măng-tô Tốt ở. Mê-măng-tô Tốt vội kêu lên:

— Mềng ơi, sao anh tới trễ vậy?

— Trễ sao, thầy măng-tô?

Sáu ma-ni-ven hồi hộp hỏi.

— Xếp Chánh cho thằng Bảy đổi sở rồi!

— Ủy trời! Đổi sở đi đâu? Nó có làm lỗi điều gì mà phải đổi sở?

— Nó có lỗi gì đâu! Nó được anh Ba... ủa mà ông xếp An-toan xin về làm bồi.

— Thầy măng-tô Tốt ơi, hôm trước tui có nói với thầy để tui xin thằng Bảy rồi mà...

Mê-măng-tô Tốt chợt nhớ ra Sáu ma-ni-ven có ờn ỉ năn nỉ anh cho lãnh thằng Bảy về sở Chuồng bò, nhưng anh uống rượu say, quên tuốt luốt. Anh vội nói trở:

— Ờ, khi đó anh Sáu có nói với tui, nhưng cũng không... cụ thể lắm. Hồi sáng này, xếp An-toan tới xin với Xếp Chánh, tui hồng lễ dám cãi lệnh ông chủ tui để rồi rút chức mê-măng-tô mà đi đồn củi bên Đất

dốc sao... Anh Sáu đừng buồn tui nghe anh Sáu!

Sáu ma-ni-ven giậm chân đấm ngực, than mình đến trễ. Ồi, có cái hận nào bằng cái hận của Thủy Tinh, vì đem sinh lễ đến muộn, phải mất nàng Mỵ nương! Sáu ma-ni-ven buồn tình, bỏ cặp vịt tại nhà mê-măng-tô Tốt, đi lang thang đến quán bà Bún, bảo đứa con trai duy nhứt của bà mua cho lít rượu đế lậu để đem về sở uống giải phiền.

Thuở đó, Côn đảo là nơi giam nhốt tội phạm, chỉ có công chức từng sự nơi các cơ sở trên đảo, với viên chức cai quản khám đường và một đại đội lính phòng thủ cùng với gia đình họ, là có quyền ở trên đảo. Ngoài ra, còn có một gia đình thường dân duy nhứt được ở là bà Bún và đứa con trai của bà. Bà Bún là vợ một ông cựu hương quản làng An Hải khi xưa. Khi nhà nước Pháp lấy đảo Côn Nôn làm nơi giam tù, đưa hết thường dân sống trên đảo vào đất liền và hoán đổi đất điền ở Vĩnh Long cho họ. Chỉ có bà cựu hương quản nhất định không di cư, bà ở lại giữ mồ ông, đến khi chết thì chôn kề bên chồng.

Đất cát của bà, bà giao hết cho khám đường, chỉ xin giữ lại ngôi nhà xưa với mảnh vườn và nghề nấu bún nước lèo đặc biệt để sanh sống. Công chức, quan viên, thầy chú thường đến ăn để ủng hộ người đàn bà thủ tiết.

Sáu ma-ni-ven thỉnh thoảng cũng đến ăn bún. Bà bún không chê anh là tù mà không bán. Hơn nữa, tù nào bước chân vào quán của bà, thường trả tiền ngọt hơn các chú. Trong danh từ của khám đường, tiếng chú chỉ những chú cai mã-tà coi tù, còn thầy là những thầy đội, lớn chức hơn. Tiếng thầy chú dùng để gọi chung giới chức ấy, giới chức cai trị thấp nhất ở Côn đảo. Trong nhiều cuộc cờ bạc, thầy chú làm cái, tù đặt tiền vun đóng, thầy chú không dám giở bát!

Sáu ma-ni-ven là khách ăn quen của bà Bún, thỉnh thoảng anh còn dạy nghề võ cho con bà, chỉ cho múa vài đường... ma-ni-ven! Hôm ấy, bà Bún thấy anh ngồi chống cằm, nước mắt tuôn lã chã, ngạc nhiên hỏi:

— Ủa thằng Sáu chuồng bò, chuyến tàu ra vừa rồi có tin gì xấu tại quê nhà hả?

— Hồng phải vậy, má à! Tui... tui... bị mất vợ!

— Ủy, mền ơi! Thằng Sáu có vợ ở trồng hồi nào mà hồng nói cho hay. Rồi bây giờ được tin nó chết hèo? Chết vì bệnh gì vậy? Phải dịch tả hông? Nghe nói trong đất liền có dịch tả dữ lắm!

— Hồng phải đâu. Vợ tui ngoài này nè. Vợ tui là... thằng Bảy bản chế, thằng Bảy cái lương đó! Thằng Ba sở Ruộng dành mất thằng Bảy về sở của nó rồi. Tui quyết ăn thua đủ với thằng Ba cán búa quen thói anh chị, chơi theo kiểu cha thiên hạ...

Sáu ma-ni-ven kể lể khúc nôi cho bà Bún nghe và nói:

— Tui phải giết thằng Ba cán búa mới được! Nó cũng biết tui đâu phải là hạng bỏ gì trong đất liền mà nó dám hước tay trên tui!

Bà Bún là người hiền đức, gặp những người tù nào mới ra đảo,

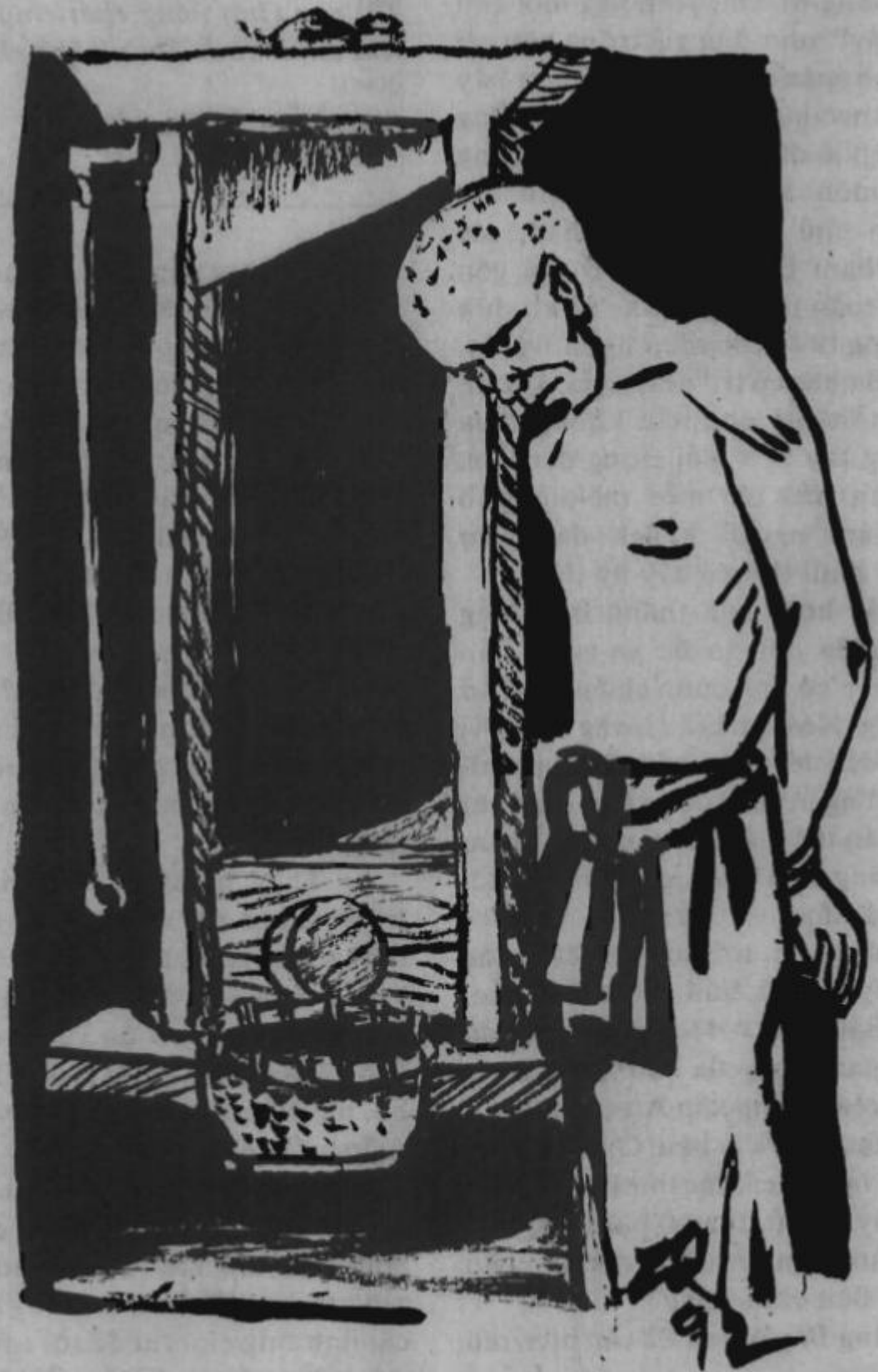
chưa bỏ tánh hung hăng, bà khuyên nhủ cố dần tánh khí, ăn ở hiền lành cho qua khỏi hạn tù. Bà bảo với Sáu ma-ni-ven:

— Thằng Sáu chuồng bò đừng nghĩ vậy. Mày còn có mấy năm nữa mãn án, được trở về đất liền làm ăn lương thiện sanh sống có phải tốt hơn hông! Mày có tiền, cưới con gái thiệt thọ làm vợ chớ ham mê gì cái thằng lại cái đó! Đừng có bày đặt đâm chém nhau ở đảo mà bị chổng án thêm, biết chừng nào mới được về xứ? Hay rồi ra ngoài gò cát sở ruộng nằm!

Sáu ma-ni-ven nghe lời bà Bún, trở về sở, gác tay lên trán trần trọc

suy nghĩ suốt ba đêm. Qua ngày thứ tư, anh gọi Năm kỳ nhông là tay mưu sĩ dưới trướng anh lên bàn định kế hoạch. Năm kỳ nhông có tác cao lông không, mặt dơi tai chuột, tánh nết thay đổi như con kỳ nhông thay đổi màu sắc tùy chốn ở. Trong đất liền, anh ta chuyên đánh cát-tê tráo ba tây hoặc xỏ bài ba lá ở các chợ. Năm kỳ nhông rỉ tai bảo:

— Thằng Ba cán búa tuy ở sở Chuồng bò là cái sở dữ dằn nhưng lại giàu. Trước đó, Tư còm làm cặp rằn, sau hai mươi năm mãn án, đem cái va ly bằng giấy bồi xuống tàu trở về đất liền. Thấy trong va-ly nó chỉ có vài bộ quần áo với mấy xâu



cà rá làm bằng khu ốc tai tượng, ai cũng thương hại. Có ngờ đâu, bên trong lớp giấy bồi là toàn giấy oánh (vingt piastres) không! Nó qua mặt nhà tù cái vù! Dem về làng được năm ngàn đồng bạc, mà lúa thời đó chỉ có ba cắc rưỡi một gia! Thắng Ba cán búa chắc cũng giàu cỡ đó, đại ca tổ chức cờ bạc để tui móc tiền nó mà trả hận cho đại ca.

— Hông! Tao muốn thắng Bảy hê!

— Cũng dễ thôi! Thắng đó có máu cờ bạc, lại hay tỏ vẻ anh hùng, không chịu thua ai. Minh cờ bạc lận cho nó hết tiền rồi thách nó đem thắng Bảy ra đánh cá, nó thua mất thắng Bảy là cái chắc.

Sáu ma-ni-ven mừng quá, ôm chầm lấy tay mưu sĩ:

— Mà mày có chắc ba bó một gia không đó?

— Chắc như báp! Tráo bài là nghề của em mà, đại ca! Em sẽ truyền lại cho đại ca.

Mưu mô sắp đặt xong, Sáu ma-ni-ven chỉ chờ cơ hội. Và dịp may đến ngay tháng sau, vào đúng ngày lễ cát-tô giu-dê (14 Juillet) là ngày quốc khánh của Pháp. Ở Côn đảo, lễ được cử hành trọng đại, công chức, quan viên được dự tiệc ở dinh giám đốc, tù phạm được khẩu phần gấp đôi và các tù sở gần Châu thành được quyền rong chơi đến nửa đêm.

Sáu ma-ni-ven tổ chức một tiệc lớn mời mê-măng-tô Tốt và cặp rằn các sở. Anh ta thảo thơ gửi cho Ba cán búa:

“Kính gửi người anh em Ba cán búa lắm tướng,

“Sáu tui từng nghe danh người anh em Ba cán búa là tay chơi khét tiếng vùng Bà Điểm Hốc Môn, năm nọ đã múa đầu cù xông xáo ở Chợ Lớn khiến bọn Ba Tàu phải nể mặt. Ra ngoài này rồi, người anh em vẫn không giảm uy danh, cho nên mới được em Bảy bản chế yêu mến theo về... nâng khăn, sửa táp, đấm bóp cho. Sáu tui cảm phục bị thua sút. Nhon ngày lễ lớn của Tây, Sáu tui có tổ chức một tiệc mọn mời hết thấy anh em cặp-rằn các sở tới

dùng với Sáu tui một ly rượu lạt. Sáu tui mong người anh em và em Bảy tới chung vui, sau buổi tiệc có cuộc đổ đên thử thời vận cho người dám chịu chơi như bọn giang hồ mình!”

Đây rõ ràng là một tối hậu thư. Sáu ma-ni-ven dùng lối khích tướng chẳng những với Ba cán búa mà cả với thằng Bảy cái lương. Thắng Bảy đang ngồi trong lòng Ba cán búa, nghiêng đầu xem ké bức thư xong, vung nhẩy xuống đất, xằng xái chạy ra cửa. Ba cán búa nắm tay lại, hỏi:

— Bậu đi đâu?

— Tui đi hỏi anh Sáu chuồng bò coi ai đấm bóp ai? Tui như vậy mà... mà... thêm nâng khăn, sửa táp, đấm bóp cho người ta à? Ảnh khi dễ tui quá vậy?

— Để anh đi giải quyết sức một với nó.

— Hông được. Tui phải theo anh vì ảnh chạm danh dự tui.

Ba cán búa không muốn cho thằng Bảy đi theo, nhưng thằng này nằng nặc đòi đi. Từ khi thằng Bảy về với anh, nó muốn gì là phải có nấy, đòi gì anh cũng phải chiều theo. Không thì nó giận, nó khóc nỉ non mãi, anh không đành lòng. Ôi, giọt lệ thuyền quyên, anh hùng khí đoản là thế! Ba cán búa đành phải để cho thằng Bảy đi dự tiệc mà anh ta biết sẽ không hiền.

Sáu ma-ni-ven trịnh trọng đón tiếp Ba cán búa và thằng Bảy cái lương theo hàng khách quý như mê-măng-tô Tốt. Hết thấy các cặp rằn sở, trừ sở Xay lúa ra, đều đến dự tiệc mời. Tất cả đều trầm trồ khen ngợi Ba cán búa tốt số mới được thằng Bảy về làm bầu bạn. Lời khen ấy làm cho Sáu ma-ni-ven như bị đâm, bị giằm trong ruột gan. Anh ta thấy “em Bảy” cười nói vui vẻ với những người mời rượu, lòng thêm uất hận kẻ tình địch Ba cán búa.

Chờ khi thằng Bảy bước chân ra ngoài, Sáu ma-ni-ven vội chạy theo đón hỏi:

— Em Bảy ơi, em dĩa sở Ruộng, có nhớ Chuồng bò hông?

Thằng Bảy hiểu ngay nó phải đóng vai Điều Thuyền trên sàn gỗ. Nó xịu mặt lại, nhú đôi mày xụ, ai oán bảo:

— Nhớ chớ sao hông nhớ! Mà tại anh chớ bộ! Anh chậm, để người ta bắt mất em, em rầu anh hết sức...

— Thắng Ba có đối đãi tốt với em hông? Tốt cách mấy cũng hông bằng qua đâu. Em có muốn về ở với qua hông?

— Sao hông muốn! Xa anh, em... khổ, hông có tiền bạc gì hết trơn!

— Nè, nè... em cầm hai chục bạc Đông dương đây...

Thằng Bảy vung vàng không chịu cầm, nó chê ít:

— Hai mươi đồng hè? Ít vậy? Anh chị bự cho em út gì có tờ giấy oánh vậy thôi!

— Ấy ăy, cầm đờ đi em! Lát nữa qua ăn bạc của thằng bồ em bao nhiêu, qua cho em hết! Mà em biết nó đem theo bao nhiêu tiền hông?

— Thì ảnh đọc thơ anh thách thức, ảnh vét hết tiền nhà có chừng ba chục tờ giấy oánh, hai mươi tám tờ giấy con công với đầu chừng mười lăm tờ bạc một đồng.

— Nó như vậy mà hông có bộ lư (100 đồng bạc Đông dương) nào hết sao?

— Lâu lâu được ông kho bạc tử tế đối cho, nhưng ảnh nói nhờ mấy thầy phạm-nhe đi phép cầm về đất liền cho gia đình ảnh.

Biết rõ nội tình của địch thủ, Sáu ma-ni-ven xoa hai tay, cười hề hề:

— Vậy là qua quánh nó sụm trong đêm nay, và em sẽ thuộc về qua.

— Mà phải nhớ lời hứa cho em hết tiền cờ bạc ngheo? Vậy em mới cứng nhiều!

Vừa khi ấy, Ba cán búa chạy ra tìm thằng Bảy, kéo tay nó đi trở vô bàn tiệc, cần nhần bên tai:

— Bậu cười nói gì với thằng chả?

— Có nói gì đâu? Chả chặn đường, hỏi thăm em mạnh giỏi. Vậy mà anh cũng ghen nữa! Bảy lắm nha! Xấu lắm nha! Em hông ưa chút nào hết!

Thằng Bảy vừa phụng phịu vừa

giậm chân lạch bạch.

Ba cán búa vội vuốt ve, nắn nỉ người đẹp đực rựa:

— Chút xíu vậy cũng giận hờn! Ai mà không ghen khi thấy người yêu của mình trò chuyện với tình địch? Đừng giận, lát nữa ăn bạc, anh chia cho bậu xài.

Cuộc đổ đên sát phạt nhau xảy ra vào giữa khuya, trong khi ai nấy đều say rượu ngà ngà. Ban đầu mọi người chơi bình thường, có bạc chẵn bạc lẻ. Sau cùng, Sáu ma-ni-ven vừa hết xong ván bài ăn có bạc đồng, bạc các qua bên và nói:

— Tàn canh rồi, không đánh tép nhem nữa. Anh chị nào có bánh, chơi bạc lớn với tui!

Anh vừa buông ra câu thách thức vừa nhướng mắt nhìn về Ba cán búa. Mọi người hiểu ra đây là cuộc thư hùng quyết liệt của hai cặp-rắn anh chị vẫn kinh chống nhau, vội hối hả cắt tiền vào lưng. Ba cán búa đưa mắt nhìn qua một vòng, trông thấy mấy mươi cặp mắt đều hướng về mình như muốn hỏi có dám nhận lời thách thức không, anh cười hề hề:

— Tui không ra gì, nhưng cũng có thể bồi tiếp người anh em như thường.

Sáu ma-ni-ven cúi đầu, dang tay mời theo phong độ những tay kiếm sĩ Tây phương:

— Xin mời ngồi vô bàn.

Bên bàn, chỉ còn có hai tay đánh bạc to ấy thôi. Tất cả mọi người đứng bầu chung quanh, háo hức theo dõi cuộc sát phạt có một không hai ở Côn đảo này. Ai sẽ tiêu ma sự nghiệp, thân bại danh liệt đây?

Ba cán búa hất hàm, hỏi đối phương:

— Người anh em muốn chơi lối bài nào? Ba lá, cát-tê hay xì-phê?

— Thứ nào gọn và mau nhất.

Mọi người chung quanh reo lên, tán thành Sáu ma-ni-ven:

— Bài cào ba lá! Đánh nhanh và gọn nhất.

Ba cán búa cũng gật đầu, bảo:

— Cờ bạc đàn anh, không cần kéo dài. Xả láng trong vài ván là đủ.

Mời người anh em bốc bài ra.

Nơi giữa bàn có để chiếc đĩa bài. Trên đĩa là một bộ bài cào mới nguyên trong hộp giấy chưa khai. Sáu ma-ni-ven cầm bộ bài, nhìn qua nhãn niêm, mở nhãn khai bài ra. Anh xoe bài theo điệu nhà nghề, mắt liếc qua một lượt xem nơi mặt trước, sau của con bài có đánh dấu không, và tươi cười bảo:

— Chà, bộ bài mới quá, hén! Chắc mới mua ở tiệm đây. Bà đầm quản lý khó tánh, nhưng ai khéo nịnh thì mua gì cũng được.

Anh thông thả xóc bài, chẻ bài, cố biểu diễn thủ thuật nhà nghề để cướp tình thần đối phương. Quả

anh trông thấy Ba cán búa nhú mày lại, có vẻ e ngại. Anh đưa bài cho Ba cán búa kinh xong, thoăn thoắt chia bài, mỗi bên ba lá. Sáu ma-ni-ven bốc bài lên, che tum hùm nơi lòng bàn tay, rị mọ nắn nót bla bài để xem hai con bài lưng. Cử chỉ ấy càng làm cho Ba cán búa khinh thường:

— May rủi hay bài tốt xấu đã ở trên bàn rồi. Cần gì phải bói? Nặng như vậy, có ra thêm điểm tốt nào không?

Sáu ma-ni-ven được tám điểm, đưa mắt đặc ý nhìn những người đứng sau lưng cũng vừa ghé mắt

xưa và nay

*khi xưa xuống thuyền liễu thân vượt biển
tiếng sóng rì rào ngổ tiếng chửi theo
của Khóm của Phường của Đoàn của Đảng
thôi cũng đành rần chịu phận rong rêu!*

*thứ "phản quốc", Đảng đâu cần lo lắng
tống xuống thuyền hai mươi thước là xong.
ba bốn trăm tên ngồi ba bốn lớp
gấp chục tàu "đế quốc" chỉ dừng dưng.*

*trước khi đi cũng phong văn nghe nói
đâu chịu tin rằng... tư bản bây giờ
đã mất hết chút lương tâm nhân loại
lương tâm thẳng "phản quốc" buồn bơ vơ!*

*giữa cơn bão, tàu Nga dừng lại hỏi:
- muốn trở vô... sẽ kéo đến Hải Phòng.
thôi đã lỡ chạy theo chân "đế quốc",
lòng dạ nào dám nhìn lại cha, ông!*

*nhưng nay khác, có những tên "phản quốc"
rùng rình trở về trên những chuyến bay
cũng Đảng cũng Phường hè nhau ra đón:
thân thiết nào hơn "khúc ruột bên ngoài"!*

*quê hương ơi, lòng ta vẫn nhớ
nhưng không quen thay áo đổi tuồng.
tên "phản quốc" sao bỗng thành yêu nước,
những gông cùm sao bỗng trở yêu thương?*

nguyễn bá dĩnh



xem bài, cùng gặt đầu tỏ vẻ tin tưởng. Trên bàn, tiền đặt cuộc giáo đầu cũng đã trăm đồng mỗi bên. Phe Sáu ma-ni-ven hồi hộp chờ Ba cán búa lật bài lên. Anh chàng nhẹ tay hất ngửa bài lên, cười ha hả:

— Tám điểm thua chín nút, em Sáu ơi!

Bị thua ván đầu, Sáu ma-ni-ven nóng mũi, đưa xấp giấy oanh ra:

— Còn chơi, hết thôi! Mày dám chơi hông, Ba cán búa?

— Chơi thì chơi. Dân này có sợ ai? Bao nhiêu đó?

— Bốn trăm!

Ba cán búa đếm bốn trăm bạc quăng chồng lên xấp bạc của Sáu ma-ni-ven. Mọi người đứng xem đều kêu ồ lên một tiếng. Ai cũng hiểu đây là cuộc sát phạt tay đôi dữ dội hiếm có ở Côn đảo, nhưng không ai dè lên thang nhanh chóng như vậy. Tám trăm bạc gần như một gia tài nho nhỏ, nào ít ỏi gì!

Ván bài Sáu ma-ni-ven có ba tây, tưởng chắc ăn như bấp! Mọi người nín thở. Ba cán búa vẫn giữ thái độ ung dung, không vội xem bài. Anh ta từ từ lật từng con bài lên. Một ách rô!... Một ách bích!... Và một ách chuồn!

Cả phòng vang rần một tiếng sửng sốt:

— Ba ách vật ba tây cái một! Ảnh ba búa là phải mà! Số đỏ không ai hơn!

Sáu ma-ni-ven ngồi chết dí trên ghế, mặt xuống sắc, mồ hôi hột tươm đầy trán, mặt dầu đêm khuya lạnh. Ba cán búa hốt chống bạc về mình, cười ha hả:

— Ăn may! Ăn may!... Em Bảy muốn vài trăm, cứ lấy!

Sáu ma-ni-ven vội đưa tay chặn lại:

— Khoan! Còn ván chót! Ván này xả láng! Tao thua thì kể như mười năm cạp-rần bỏ hết!

Sáu ma-ni-ven lôi dưới gầm giường ra một tráp có khoá. Trong tráp, ngoài quần áo và những thứ sò, ốc quý ra, còn một bó giấy bạc to. Anh lấy bó giấy bạc, hất hàm hỏi Ba cán búa:

— Mày đếm coi có bao nhiêu,

phần mấy?

— Một ngàn một ba chục đồng bạc Đông dương.

— Tao bắt hết! Đánh một cú thôi! Cọp chết để da, người ta chết để tiếng!

Mê-măng-tô Tốt ôm kè chai rượu Martell, gật gù nói:

— Anh chị... chịu chơi mà... Anh hùng tử, khí hùng nào tử!...

— Ừ, anh hùng tử, khí hùng nào tử! Tiền đây, mày có cần đếm lại không, Ba cán búa?

Ba cán búa cười khinh khỉnh, nhìn Sáu ma-ni-ven xĩa tiền ra trên bàn. Sáu ma-ni-ven cầm bộ bài, đưa ra cho Ba cán búa kinh rồi chia mỗi bên ba lá. Trong phòng tuy đông người mà không một tiếng động nhỏ, không cả tiếng thở mạnh. Không khí dường như ngưng đọng. Bao nhiêu cặp mắt đều đổ dồn vào khuôn mặt đỏ hừng hực của Ba cán búa và tái xanh lè của Sáu ma-ni-ven. Anh chàng này lật con bài đầu lên: ách chuồn. Anh đưa tay nén ngực, hất hàm về phía đối phương. Ba cán búa quăng liền xuống bàn ba con già cơ, chuồn, bích. Lại chấm mềm nữa rồi! Trừ ra đối phương có thêm hai con xì.

Mọi người hồi thúc Sáu ma-ni-ven:

— Lật nốt hai lá bài đi!... Số đen, thua là cái chắc!

Sáu ma-ni-ven không dám nhìn bài, che mắt lại quay mặt chỗ khác và lật ngửa hai lá bài ra. Tiếng reo la ầm ĩ:

— Ba ách! Ván bài lạ quá, y hệt như ván vừa rồi, chỉ thay tay.

Ba cán búa bị thua cay, quát lên:

— Đánh ván nữa, mày chịu không, Sáu?

— Mấy ván cũng chịu, miễn là mày có tiền. Bỏ tiền ra đi!

— Tiền... tiền tao... để ở sở. Đánh danh dự! Tao thua, ngày mai chổng đủ số cho mày. Quân tử nhưt ngôn, tứ mã nan truy!

Sáu ma-ni-ven cười khinh:

— Người ta cũng có nói: quân tử nhưt ngôn là quân tử đại, quân tử nói đi nói lại là quân tử khôn...

Ba cán búa đứng dậy, xốc tới:

— Ê, mấy khi dễ tao hả? Ra sân đây, đánh sức một...

— Đây là chỗ cờ bạc. Anh chị đánh bạc thua, cay nóng là vậy! Mày có muốn gỡ, tao cũng chịu, nhưng phải có cái gì bảo đảm... liền ở đây.

— Mày muốn tao đem gì ra bảo đảm?

— Hoặc bộ đồ mày đang mặc trong người... hoặc là thằng Bảy! Đây, tao đưa ra hết số tiền ăn thua khi này. Mày ăn thì mày mặc quần áo vô, dắt thằng Bảy đi về. Còn nếu mày thua, hoặc mày cời truồng đi về, hoặc mày để thằng Bảy lại đây!

Điều kiện của Sáu ma-ni-ven đưa ra rất ngặt. Đem thằng Bảy ra đánh cá là điều Ba cán búa không muốn chút nào. Nhưng cời bộ quần áo ra để đánh bạc, sự nhục nhã ấy cả nước vịnh Côn Nôn không rửa sạch. Ba cán búa muốn bỏ ra về, nhưng về cũng không ổn vì lời thách thức của tình địch. Không thể chịu thua nhục nhã như vậy được! Tay anh chị bụi như anh ta đâu thể chôn vùi danh dự dễ dàng. Ba cán búa vớ lấy chai rượu để kể bên, tu một hơi nửa chai và quăng vào góc nhà:

— Được, tao đánh thằng Bảy!

Thằng Bảy vội kêu lên:

— Anh Ba ơi!

— Qua không thể làm khác. Chưa chắc qua đã thua. Mà qua có thua, em ở tạm với nó ít lâu, rồi qua cũng chuộc em đi...

Ván bài đánh cá thằng Bảy, dĩ nhiên như chúng ta đã biết, Sáu ma-ni-ven nhờ học thủ thuật tráo bài nhanh như chớp của Năm kỳ không truyền cho mà được liền xì ba ách! Ba cán búa bị thua, mất thằng Bảy một cách đau đớn, biết mình thua lặn, đành ngậm bồ hòn mà chịu. Trước mặt mọi người, cuộc sát phạt rất ư sòng phẳng, có ai thấy được kẻ gian tráo lặn bài đâu!

Giây phút anh chia tay với thằng Bảy thật là thấm thiết, như Hạng Võ biệt Ngu Cơ. Thằng Bảy khóc nỉ non:

— Anh đi bên một mình, còn ai

bầu bạn? Còn ai bắt gió, gãi lưng? Ai ôm ai ấp? Ai chiên cá, nấu canh cho anh ăn?

— Qua đũa, qua bán hết những gì qua có để tiền chuộc em. Thằng Sáu mà không chịu, nó sẽ biết tay qua... Anh hùng tử, khí hùng nào tử!

Quả như lời, Ba cán búa trở về sở Ruộng, tìm đủ cách để có tiền chuộc thằng Bảy. Một tháng sau, anh gom được hơn ngàn bạc nhờ mấy gói quà trong đất liền gửi ra cho các tù dưới quyền anh, trong chuyến tàu mới ra. Anh đón mãi Sáu ma-ni-ven ra Châu thành, nhưng gã này lánh mặt, không cho anh gặp. Sở Chuồng bỏ là sở dữ dần, lãnh phần cung cấp nhiều loại củi cho khám đường mà tù khổ sai rất oán hận, nên việc an ninh nơi sở cũng chặt chẽ hơn. Vậy mà Ba cán búa cứ vào, lòng kiếm tình địch.

Trưa nọ, vào giờ cơm, Ba cán búa bắt gặp Sáu ma-ni-ven đang ngồi ăn cơm nơi nhà hội của chuồng bỏ. Món ăn có bí rợ hầm dừa là thứ lễ-ghim chỉ có ở sở Ruộng, anh càng thêm tức càn hòng, vội bảo:

— Ê, Sáu! Tao đem tiền tới chuộc em Bảy, mày tính bao nhiêu?

Sáu ma-ni-ven vẫn ngồi xếp bằng dưới đất, nhip đùi, cười khẩy:

— Hồi đó có ngoéo tay giao hẹn vậy đâu, ta?

— Mà tao muốn chuộc em Bảy! Mày đừng chơi cửa cha! Ai hổng biết mày ăn lận, nhưng tao chịu thua mày việc đó. Còn em Bảy thì mày phải để cho tao chuộc. Mày lời nhiều quá, chưa đủ sao?

— Mày ưa em Bảy, tao cũng ưa em Bảy. Thằng nào dành được, thằng đó giữ. Không có vấn đề nhường lại, hay cho chuộc.

Ba cán búa giận run, mắt như đổ lửa. Anh quát lên:

— Mày cho hòng?

— Hòng! Dứt khoát! Đi chỗ khác chơi, để tụi tao ăn cơm.

Ba cán búa nhảy xổ đến, chụp một con dao quắm của mấy người tù vừa đồn củi về, đem đến nộp cho Sáu ma-ni-ven mà anh chưa kịp cắt vào kho. Sáu ma-ni-ven cũng vội

vàng đứng dậy, với hai tay không. Ba cán búa chỉ đóng dao quắm dưới đất:

— Mày chọn một cây. Tao với mày hôm nay một sống, một chết.

Dao quắm đồn củi chỉ dài khoảng hai tấc, dày và nặng, đầu dao cong lại cho tù không thể dùng làm khí giới bén. Mỗi sáng, vào khoảng năm giờ còn thấp đuốc, cặp-rắn đã điểm tù và phát cho mỗi người một bọc cơm, một con khô sống và mớ xanh lè, một con dao quắm lứt nhách. Đến trưa hay chiều, tù đồn củi trở về, phải nộp dao cắt vào kho. Vì thế, không ai mài dao cho bén, vì mất nhiều công, trễ nải việc đồn củi mà dao lại không được giữ để hôm sau xài. Có dạo, hai anh tù thù nghịch, đê nhau ra, dùng dao cứa cổ, cứa mắt không đứt da! Nhưng con dao quắm lứt ấy vào tay Ba cán búa và Sáu ma-ni-ven lại trở thành hai vũ khí đáng ngại. Không ai dám can, đầu em út Sáu ma-ni-ven có mặt rất đông. Tất cả chỉ trở mắt, há hốc miệng ra nhìn hai cạp tranh mái.

Hai dao đánh đỡ chí chát mấy hiệp, Ba cán búa dùng thế vỗ đánh vệt đôi dao quắm của Tiểu Lý Quảng khi xưa mà đánh vệt dao của Sáu ma-ni-ven và bổ thẳng một nhát vào đầu địch thủ, vỡ sọ.

Sáu ma-ni-ven chỉ thét lên được một câu:

— Chết anh rồi, bậu ơi!

Ba cán búa gây ra án mạng, bị bắt và bị giải trở về Sài Gòn. Tòa đại hình tuyên án tử hình! Sau khi nghe bản án, được tòa cho phát biểu, anh khóc rưng rức:

— Tui xin quan tòa cho được trông thấy mặt thằng Bảy, tui chết mới vui lòng!

Nhưng thằng Bảy bị tù ngoài Côn đảo, sao có thể về Sài Gòn được. Và khi Ba cán búa bước lên máy chém, anh ngược mặt nhìn trời, than thở:

— Tui lỡ tay giết chết thằng Sáu ma-ni-ven mà mang án tử hình, cũng không oan ức gì! Chỉ hận là trước giờ chết, không thấy mặt thằng Bảy mà thôi! □

Viết, một cách nào đó, là chết. Hà Nội, tuổi thanh xuân, mới tình đầu... mòn dần theo những chữ. Khi gặp L.H., cô bé mới mười một tuổi, học trường Kiến Thiết trong một con hẻm bên kia đường Phan Đình Phùng, bên kia nhà cô bé, một tiệm sách đã theo chủ nhân bỏ chạy vào Sài Gòn nhưng vẫn còn cố giữ lại cái tên tiệm vốn có từ Hà Nội, giống như những chả cá Thăng Long, bánh cuốn Tây Hồ, Thanh Trì.... Những điểm xuyết của một Hà Nội trong một Sài Gòn những ngày đầu di cư sau được họa sĩ Phạm Tăng ghi lại bằng những cảnh chần trâu thổi sáo trên bờ đê, hát trống quân, trong một bức tranh *Chúng ta đi mang theo quê hương* trên bìa một tờ báo xuân năm nào năm nào...

Một tiệm sách có một tấm bảng hiệu vừa để náu kéo một chút quá khứ, vừa để làm lan can cho căn gác lửng, và là chỗ tôi thường đứng tay nhìn xuống đường, nhìn buổi chiều, đợi chờ cô bé đón em học trường mẫu giáo Aurore gần ngã tư Cao Thắng-Phan Đình Phùng, ngay ngã tư có tiệm Thanh Xuân, vốn hân hạnh được cô bé tới chụp hình để dán vào học bạ, nhờ vậy tôi cũng được ăn theo. Tấm hình sau được họa sĩ Ngọc Dũng chuyển thành phác họa, khi cả bọn xúm quanh anh tại nhà Thanh Tâm Tuyền thuở còn đi học, ba tháng hè kéo nhau tới ăn bám bà cụ anh Tâm, kỷ niệm độc nhất đánh dấu những buổi chiều hạnh phúc, báo trước cuộc chia ly kéo dài.

Khi gặp lại, cô bé đã đậu tú tài, được ông bố khắc nghiệt cho đi thăm Đà Lạt. Mỗi sáng thứ bảy, tôi theo chuyến xe đò sớm nhất vượt quãng đường mấy trăm cây số để chiều chủ nhật trở về cho kịp thứ hai đi làm, trong đầu còn đầy áp hình ảnh Đà Lạt, với một cà phê Tùng và tiếng hát Sylvie Vartan, với hồ Than Thở, và bóng dáng cô bé bên những gốc thông thấp thoáng xa gần trước ống kính máy thấu hình mà tôi mượn của một người bạn Phi làm cùng sở. Khi đó

Lần Cuối, Sài-Gòn

Nguyễn Quốc Trụ

Ông Diệm không còn và Hà Nội đã lăm le, sửa soạn “giải phóng” miền Nam, nhưng chắc còn lo đầu to, thanh trường địa chủ nên chưa rảnh tay để dòm ngó tới hạnh phúc của chúng tôi...

Khi về, cô bé có thói quen để cô em vô nhà, còn mình chạy tới bên phong-tên cách nhà chừng mười bước, để rửa chân, nhưng thực ra là để đùa nghịch cùng những giọt nước. Những cử chỉ, dáng điệu của cô bé khi đó làm tôi sau này vẫn thường băn khoăn tự hỏi, không biết cô bé đi đón em tan trường về, hay ngược lại. Những giọt nước bị đôi bàn tay nhỏ bé ngăn chặn, bắn tung toé, trầm bổng, trở thành muôn vàn nụ cười trên má, trên môi, trên mái tóc, càng thêm long lanh nhờ ánh mắt ngây thơ, tinh nghịch. Tôi gặp lại hình ảnh tuyệt vời này trong phim *Lần cuối, Paris*, như thể chính cô bé của tôi đã khám phá ra, đã tìm lại được Âu châu, cho cả thế giới một thành phố Paris bị chiếm đóng vừa được giải tỏa, và nữ tài tử Liz Taylor chỉ lặp lại những cử chỉ thật đàn bà của cô bé con, người nữ muôn đời ở trong tôi.

1965. Những ngày viết “Những ngày ở Sài gòn”. Thời gian xa cách làm những giọt nước chín mùi trở thành những chữ. Cô bé đã lớn, đã bước vào năm cuối cùng của bậc trung học, đã có lần tham gia biểu tình, đã có người yêu mỗi lần tan học chờ đón, đã bị ban giám đốc

nhà trường ra thông cáo cấm những trò đón đưa như vậy, đã bãi học không phải để phản đối này nọ, nhưng mà là để đi chơi với người yêu, lợi dụng thành phố đang trong cơn nhốn nháo, cả hai theo chiếc xe Solex lên nghĩa trang Bắc Việt để thỉ thầm những lời yêu đương giữa những nấm mồ và lắng nghe những người đã chết kể lể về từng gốc cây, ngọn cỏ. Cô bé đã quên những buổi chiều tới bên phong-tên nước, có lẽ vì vậy mà phong-tên cũng không còn, có lẽ vì biết rằng chẳng còn ai mỗi lần tan sở vội vàng đạp xe tới cho kịp nụ cười của cô bé, nhưng vẫn giữ thói quen bọc những cuốn tập bằng những tờ giấy màu xanh có một cái tên rất đổi trớ trêu là những tờ giấy dầu, kèm thói quen cất dấu những lá thư ở giữa hai lần bìa, như thể những bài học lạnh lùng, những công thức toán học, hoá học khó nhớ sẽ che chở dùm nàng những tình cảm bông bột trước con mắt tò mò, soi mói của người khác, hoặc như thế, những dòng chữ ướt át trong thư nếu không làm cho cô bé học bài dễ dàng, ít ra nó cũng làm cho cô bé đỡ cô đơn, trống trải...

1965. Những ngày cuộc chiến tuy chưa dữ dội nhưng đã hứa hẹn những điều khủng khiếp. Người Mỹ đã đổ quân xuống Đà Nẵng, báo chí Mỹ lập lại những hình ảnh của một Normandie khác. Và liền theo đó là lần chết hụt của tôi tại nhà hàng nổi Mỹ Cảnh. Tất cả



những sự kiện đó, mĩa mai thay, chỉ làm cho cái bóng ma của chiến tranh thêm độc, đẹp, thêm quyến rũ, và trở thành những nét duyên dáng không thể thiếu của cô bé. Của Sài gòn.

*
*

Chỉ có những người vội vã rời bỏ Sài gòn những ngày đầu, họ đã không kịp sửa soạn cho mình một nỗi nhớ Sài gòn. Còn những ai lúc nào cũng ở trong tâm trạng sắp sửa ra đi, đều tập cho quen với cơn đau sẽ kéo dài. Mỗi người đều tự lựa cho mình một gốc cây, một ngã tư đường để cười một mình, hay để khóc một mình, một quán cà phê, một mẫu nhạc, đoạn hát, để làm thầm những lúc quá cô đơn... Ôi, *ôm em trong tay mà nhớ em ngày sắp tới* (T.T.T)... Hãy cho tôi thăm lại con phố Bonard, nơi ngày xưa có bót Hàng Ken, chú nhỏ di cư tay cầm tấm bản đồ, ngơ ngác một

mình khám phá Sài gòn. Gắn gốc cây kia, có một người đàn ông đánh đập dã man một người đàn bà, chủ nhỏ sợ hãi nhưng vẫn không quên bài học công dân giáo dục, vội chạy vào trong bót. Kết quả chú bị ăn mấy cái bạt tai cùng những lời chửi mắng: "Người ta đánh dzợ người ta, mắc mớ gì tới mày? Đờ con nít Bắc kỳ di cư, dzô đây làm tàng!"... Ôi! Bài học đầu tiên khi tìm cách làm quen thành phố, được thời gian gọt giũa trở thành một vết sẹo, một nốt ruồi đáng yêu biết là chừng nào trong tiềm thức...

Một thành phố mà tôi đã chết ở trong, nay đang sống lại, chỉ để kể về nó!

*
* *

1967. Có những đoạn đời, tôi sống thường trực bằng cái chết của người thân yêu. Tôi nhớ một lần, thời gian em tôi chưa tử trận, tôi đi coi xi-nê, và khi ra về, tình cờ thấy em tôi trong số khán giả ngồi gần màn ảnh. Và cái cảm giác bàng hoàng sửng sốt khi nghe tin em tôi tử trận cũng y hệt như lần xa xưa đó, khi biết em tôi bị cận thị, như thể tôi đã được báo trước, và nỗi đau xót như lúc nào cũng có sẵn trong tôi, chỉ chờ dịp để bộc lộ, và tôi bỗng nhận ra một sự thực đáng cay: Tôi đã giấu giếm quá sâu, quá kỹ những tình cảm máu mủ ruột thịt đến nỗi khiếp sợ khi phải đối diện nó...

Những ngày sau khi em tôi tử trận, đôi lần trốn nắng gắt Sài gòn, tôi chui vào một rạp xi-nê, tìm một ghế trống xa màn bạc, như thể làm như vậy, biết đâu em tôi vẫn còn sống, và đang ngồi đâu đó phía bên trên, và tôi cố tìm cách thù ghét Sài gòn thay vì thù ghét chiến tranh, cố tin rằng em tôi chỉ bị cận thị chứ không chết, cố tìm cách trở về quãng đời êm ả khi cả hai anh em còn đi học, khi thành phố chưa bị nhiễm độc, chưa bị cái đói, cái rét của một miền đất xa xôi thường trực đe dọa; con đường Phan Đình Phùng vẫn còn phồng-tên nước, chiến tranh đã kết thúc ở bên ngoài

đó, ở bên ngoài rạp xi-nê, và Sài gòn đang biến thành một thành phố Paris trong ngày hội chào mừng quân đội Đồng Minh...

Em tôi nằm xuống với một viên đạn ở trong đầu. Mấy người lính kể lại. Chuẩn úy Sĩ không kịp đau đớn, ngay cả lời trời trần nghe cũng tựa như gió thoảng lại: "Chắc tao chết mất..." Trung đội vi hành tuần tra vòng đai phi trường. Khi có tiếng súng, theo phản xạ, chuẩn úy chúi người về phía trước, chiếc nón sắt buộc không kịp đã rớt xuống, một viên đạn trong tràng AK từ bên sông bắn hủ hoạc xuống nước, dội lên xối qua vai và hết đà nằm luôn phía sau ót... Viên bác sĩ quân y nói với tôi, ông đã không lấy viên đạn ra vì sợ làm nát khuôn mặt... "Chuẩn úy không kịp ghi địa chỉ cấp báo... Chúng tôi phải nhờ bưu điện liên lạc với Sài gòn... Ngoài mấy bức hình chụp lúc tắm liệm, chuẩn úy không để lại gì cả.. Quần áo, đồ dùng cá nhân, poncho... đều theo với chuẩn úy..."

Có, có, chuẩn úy Sĩ có để lại một bà mẹ già đau khổ như bất cứ bà mẹ đau khổ nào khi có con tử trận, một người anh để đem xác em về nghĩa trang quân đội Gò Vấp mai táng, một đứa cháu còn nằm trong bảo sanh viện, chuẩn úy vô thăm lần đầu tiên cũng là lần cuối cùng, như để tìm dấu vết thân thuộc ruột thịt trên khuôn mặt đứa trẻ, trước khi đi vào cõi chết.

Em tôi còn để lại một thành phố Sài gòn trong đó có tuổi trẻ của tôi, của em tôi thấp thoáng nơi đâu đường, cuối chợ Vườn Chuối, những ngày ba mẹ con dắt díu nhau rời khỏi con tàu khổng lồ Marine Serpent, miệng còn dư vị những quả trứng vịt lộn do người dân Sài gòn trên những chiếc ghe nhỏ bám quanh con tàu, chèo lên boong trong những chiếc giỏ nhỏ lủng lẳng trên đầu cây sào dài. Hai anh em mồ côi cha vừa mới mất Hà Nội, ngơ ngác nhìn thành phố Sài gòn hiện ra trước mắt qua những đồng rác khổng lồ đường Hàm Nghi, qua ánh đèn điện chói chang,

sáng loà trên mặt sông, trên những con tàu đậu nối đuôi nhau bên bờ sông khu Khánh Hội, đồ dài trên những con lộ, thẳng băng... qua những lần đổi vai đòn gánh của người mẹ, từ cháo gà, miến gà tới cháo lòng, bún riêu, qua ánh mắt thất vọng của người. (Bốn anh em bây giờ chỉ còn hai đứa, hai đứa kia đành bỏ lại đất Bắc, vậy mà cũng không nuôi nổi...). Cuối cùng cả ba mẹ con đành lạc lối giữa những con hẻm chi chít, chẳng chít khu Bàn Cờ. Tôi đi làm bồi bàn cho một tiệm chả cá, ban ngày tiếp tục cấp

tương tống biệt hành

(hoạ nguyên vận
bài *Tống biệt hành*
của Thâm Tâm)

Tống quân qui cố khâu
Ngã diệc phù giang hán
(Nguyễn Du)

*Đưa ta, người hãy đưa qua sông
Sá chi tiếng sóng ở trong lòng
Bóng chiều vừa thắm, vừa vàng vọt
Sao đầy bình minh trong mắt trong?
Đưa ta, ta cũng đưa người ấy
Nợ nước, thù nhà chẳng dửng dưng.
— Ly khách! Ly khách! Đôi vai nhỏ
Sông núi ngàn cân gánh như không
Thì sao không có ngày trở lại
Em thơ, mẹ già hãy chờ mong.*

*Ta biết người buồn tháng tư trước
Giặc về, trận cuối chưa đánh nổi
Một tướng, hai tướng rã như sen
Bỏ lính buông gươm, dòng lệ sót.*

*Ta biết người vui buổi hôm nay
Trời đầu mùa xuân tươi lắm thay
Tuyết giá dần tan trong nắng biếc
Từng vòng tay mở nổi vòng tay.*

*Ta đi — Người nữa? Người đi thực
Phất phới lòng trai lá cờ bay
Sông núi chập chùng, đường cát bụi
Tương tống biệt hành, ngâm như say.*

hoàng xuân thảo

sách đi học. Em tôi điều đó hầu hạ một ông cử già, chỗ quen biết bên anh Hoạt, chồng một người chị họ. Anh Nguyễn Hoạt, tức Hiếu Chân, viết văn, làm báo, sau này bị bắt chung với Doãn Quốc Sỹ. Anh tự tử trong khám Chí Hoà, gia đình không được đem xác về mai táng, chính quyền VỆM bắt phải hoá táng.

Một thành phố Sài Gòn trong có quán Thái Chi nơi đầu đường Nguyễn Phi Khanh, góc Đa Kao. Quán có một bà chủ khó tính, chỉ bằng lòng với một dúm khách quen ngồi dai dẳng như muốn dính vào tường, với vài cái bàn ghế thấp, lùn tịt, và dăm ba tờ báo *Paris Match*. Đặc biệt nhất, trên tường có treo một chiếc đĩa, in hình một cậu bé meo máo, tay ôm cặp với dòng chữ bằng tiếng Pháp: "Đi học hử? Hôm qua đi rồi mà!"...

Đó là nơi em tôi thường ngồi lì, trong những ngày chờ đợi Tình Yêu và Cái Chết. Cuối cùng thần chết đã lẹ tay hơn, không kịp cho nạn nhân có đủ thì giờ đọc nốt những trang *Lục mạch thần kiếm* của Kim Dung, để biết kết cục bi thảm của mối tình A Tỷ-Kiều

Phong, như một an ủi mang theo thay cho những mối tình tương tượng với một cô Kim, cô Mai nào đó, như một nhả nhủ cho những bạn bè còn sống: Đừng yêu sớm quá nếu muốn chết trẻ... Những mối tình chỉ có đi mà không có về, chỉ có bà chủ quán là vẫn không quên cậu khách quen, ngày giỗ đầu của em tôi, bà cho người gởi tới vàng hương, những lời chia buồn và bộ bình trà "cậu Sỹ ngày xưa thường dùng"...

*
* *

"Sao không hát cho những người vừa nằm xuống..."

Đã có thời, tôi không sao chịu nổi! Chúng rũ rượi, mệt lả, đầy sũng nước mưa, nước mắt. Chúng gọi tên thảm kịch. Thảm kịch của những cái vô ích, của cuộc chiến điều đứng, rõ đại! Chúng gọi tâm trạng nhớ! Nhớ buồn! Nhớ đời sống nhảm chán, thảm hại! Những kỷ niệm chẳng đáng nhớ! Nhớ ngã tư Lê văn Duyệt - Phan Đình Phùng khi chưa có tượng hoà thượng Thích Quảng Đức. Nhớ những ngày nhà cô bé đổi lên đường Gia

Long, buổi sáng đưa em đi học tại khu chợ Đũi, khi về cô bé thơ thẩn giữa những hàng cây trong vườn Tao Đàn. Mùa thu nhẹ nhàng theo chiếc lá đậu trên vai cô bé đang trở thành người lớn, đang mơ mộng...

Nhớ, nhớ... *"Nếu mai không nở, anh đâu biết xuân về..."* em tôi vẫn thường hát ngẫu ngao trước khi bỏ đi...

"Sao không hát..."

Như những lời chúc dữ, chúng báo trước một miền Nam mòn mỏi, suy sụp trước miền Bắc lì lợm, dai dẳng...

*
* *

Trong mỗi chúng ta đều có một Sài Gòn đang âm ỉ cháy. Tôi thấp lên ngọn nến của tôi, để cho Sài Gòn của bạn sáng ngời!

...Buổi sáng cuối cùng còn lại Sài Gòn, ngồi một mình trong quán vắng, nghe giọng ca Thanh Tuyền... Cũng vẫn giọng hát cũ, bài ca xưa, mà sao nghe lòng mình thay đổi. Cảm giác đắng cay tủi nhục những ngày tháng tư nay đã hết hẳn rồi. Người Sài Gòn đọc trong mắt kẻ thắng trận nỗi thèm khát, ghen tị "mong sao được là ngục"! Giờ này, tiếng hát như được cất lên từ đáy mồ biển cả, từ quần đảo ngục tù, như được sống lại từ một huyền thoại con ngựa thành Troie mà miền Bắc trong cơn điên cuồng vơ vét đã rước về.

Nàng ca sĩ My Nương đang nhỏ lệ hoà tan nỗi tủi hờn của bao thế hệ Trương Chi miền Bắc suốt đời không biết hát, những thân phận chân cày tay cuốc suốt đời chưa được nghe một người hát cho một người.

Và tôi bỗng thấy bớt nhớ Sài Gòn...

*
* *

Phút cuối nhìn lại Sài Gòn, tôi bỗng có cảm tưởng như mọi nhà, mọi người đang tiễn tôi bằng tiếng hát Thanh Tuyền, như ngày nào em tôi vẫn hát:

Nếu mai không nở, anh đâu biết xuân về hay chưa.... □





Người Đàn Ông Bên Cạnh

Song Thao

Tôi đã mừng tượng ra đám cưới của tôi. Một đám cưới giản dị, đầm ấm và thân mật. Cô dâu sẽ mặc áo dài Việt nam may bằng thứ gấm mềm mại mát rượi. tôi thích màu quả phù quân, cái màu ấm áp và đầm thắm dễ sợ. Tôi cứ nghĩ rằng đó là màu báo hiệu của một khởi đầu cuộc sống lứa đôi êm đềm dịu dàng. Chiếc khăn vành dây cùng màu cộng thêm chiếc áo khoác mệnh phụ bằng ren trắng sẽ bảo đảm một cô dâu rất... cô dâu. Còn nữa chứ! Đôi bông tai và chiếc mề đay bằng đá Đại Hàn màu khói sẽ làm nổi khuôn mặt đều đặn thanh thoát của tôi. Khuôn mặt mà Nguyễn vẫn khen là nhẹ nhàng như... bông gòn. Nguyễn vẫn có cái lối ví von lãng xẹt như vậy. Anh tự hào là có tài làm mới ngôn ngữ và làm giàu cho tiếng Việt bằng một kiểu nói đầy... sáng tạo. Tôi không tin là cái "sáng tạo" của Nguyễn có thể làm tự hào cho tiếng nói của cha ông nhưng phải công nhận là có cái gì duyên dáng và bất ngờ trong lối nói chuyện hấp dẫn của anh. Tôi

mỉm cười trong bụng khi nghĩ là thử đề nghị Nguyễn đóng bộ áo dài khăn đóng xem anh chàng sẽ phản ứng ra sao. Vóc dáng cao gọn của anh mặc áo dài chắc cũng... tới lắm chứ! Nhưng tôi sẽ không thích Nguyễn mặc áo dài. Chẳng phải vì bộ quốc phục không nghiêm trang đẹp đẽ nhưng vì tôi đã lỡ coi mấy cuốn *video* ca nhạc có mấy ông ca sĩ, mấy ông... hề hề mặc áo dài trên sân khấu. Trông nó kệch cỡm và lố bịch làm sao! Cái lối ăn mặc cầu thả áo dài với quần tây và những chiếc khăn đóng méo mó vênh lên sụp xuống cho ra vẻ khôi hài đã giết chết trong tôi hình ảnh chiếc áo dài cổ truyền. Nếu Nguyễn mặc áo dài thì chắc cái hình ảnh nhếch nhác dễ giận đó sẽ lảng vảng trong đầu khiến tôi khó chịu lắm.

Tiệc cưới của tôi sẽ được tổ chức tại một nhà hàng Việt Nam thanh lịch với những món ăn đậm đà hương vị quê hương. Tôi đã nhắm được một nhà hàng rất vừa ý. Những bộ bàn ghế màu nâu đỏ lịch sự nằm dưới ánh đèn vừa đủ nồng nàn ấm cúng. Trên tường là những bức tranh lụa và tranh sơn dầu của những họa sĩ Việt Nam nổi tiếng. Mỗi bức tranh là một trân trọng với hai ngọn đèn chiếu thẳng vào nền tranh như trong một phòng triển lãm. Tôi mừng đến ngộp thở với khung cảnh quá vừa ý này. Chỉ cần thêm một bình hoa hồng màu huyết dụ trên mỗi bàn và những bản tình ca nhẹ nhàng làm nền cho bữa ăn là tôi đã có một tiệc cưới mơ ước.

Buổi tiệc cưới mà tôi mừng tượng trong đầu sẽ mãi mãi chỉ là mơ ước, vì tôi đã từ hôn với Nguyễn. Tôi không thể chịu nổi Nguyễn nữa. Nguyễn là một mẫu người rất hợp với sở thích của tôi trừ cái tật của anh. Cái tật làm sống lại trong tôi hình ảnh bầy gà trong vườn bà ngoại tôi ngày xưa. Bà tôi nuôi một bầy gà hơn chục con trong đó chỉ có một con gà trống, còn toàn là gà mái. Cứ mỗi sáng khi bà tôi mở cửa chuồng cho gà ra vườn thì cả bầy gà mái đứng rửa lông làm đẹp trong khi chú gà trống

xoã một bên cánh chạy vòng vòng như chiếc máy bay đảo quanh từng con gà mái buông ra những tiếng gù gù tán tỉnh rất khó thương. Nguyễn có đức hơn chú gà trống một chút. Anh không lộ liễu quá đáng nhưng tôi luôn luôn bắt gặp ánh mắt của anh dán chặt vào những bóng hình thướt tha chung quanh. Tôi biết đó là cái tật của nhiều người đàn ông chứ không riêng gì Nguyễn. Và tôi cũng chẳng khe khắt gì lắm. Chỉ những lúc Nguyễn mải mê quá đáng tôi mới nhẹ nhàng cảnh cáo anh. Anh cười gượng, thì thầm bên tai tôi: "Anh phải nhìn những cô gái khác để biết mình có điểm phức được đi bên cạnh một cô gái đẹp nhất thiên hạ chứ!" Câu nịnh nọt tuy quá đáng nhưng vẫn có hiệu quả tức thời. Con gái ai chẳng thích được khen dù biết rằng lời khen có phần thiếu thành thật. Nguyễn rất khéo ăn khéo nói. Anh cứ tỉ tê những lời dịu ngọt để cho đôi mắt lợi dụng nương theo la đà qua những bến bờ quyến rũ. Có lần đôi mắt lảng du quay về gặp ánh mắt khắc nghiệt của tôi và anh lại dãi dãi: "Cái áo cô kia mặc đẹp quá, em có thích không?" Tôi tỉnh táo trả lời: "Anh đừng làm bộ nữa! Em tưởng đàn ông các anh ưa nhìn những chỗ không có áo chứ!". Câu nói chắc nịch của tôi làm Nguyễn nghệt ra như một chú gà tồ.

Cái tật cũng giống như một thứ bệnh, nếu không dứt thì sẽ sinh ra biến chứng. Biến chứng nơi Nguyễn là một trái chứng xô ngã tình yêu nơi tôi tới bờ vực cuối cùng. Anh lên lút hẹn hò với người này người kia. Mạng lưới tình báo không chuyên nghiệp nhưng rất hữu hiệu là lũ bạn đồng đảo của tôi đã cho tôi biết rất nhiều hoạt động bất chính của Nguyễn. Anh ăn vụng đã khéo, chửi miêng còn khéo hơn. Dù vậy, những chống đỡ yếu ớt, những biện bạch vụng về của anh đã làm hình ảnh anh càng ngày càng nhỏ dần trong tim tôi. Tôi tự dần vật khi nghĩ rằng mình có là gì hơn một người tình "thâm niên", một người đang đứng chờ đò bên

này sông mà cái bến vợ chồng lại nằm chênh vênh ở tận bờ bên kia. Có gì bảo đảm là dòng sông không có những trái chứng muộn phiền. Nhưng tôi đâu có thể bảo tôi an phận làm một con gà mái được sủng ái hơn những con gà mái khác trong một đàn gà lao xao giành giật một con trống. Tôi muốn tôi phải như một con gà mái rục rĩ kiêu kỳ đứng vút vẻo trên cành cây cao cho con gà trống nhất mực tôn vinh.

Một buổi chiều cuối tuần, chính mắt tôi tình cờ trông thấy Nguyễn dắt một con nhỏ thuộc loại chịu chơi đi vào một rạp xi-nê. Tự ái của tôi bị một cái tát mạnh đến quay cuồng chóng mặt. Tôi tưởng tôi sẽ lồng lộn giận dữ như một ngọn núi lửa tới kỳ nổi dậy, thối tung những phún xuất thạch nóng bỏng, tàn phá không nương tay. Nhưng không, tim tôi lạnh băng như một tảng nước đá trên chót vót đỉnh địa cầu. Sợi dây đàn quá căng không còn bung ra những tiếng chát chúa nhộn hoắt nữa mà đã bật đứt rã rời. Buổi tối hôm đó Nguyễn gọi điện thoại cho tôi như thường lệ. Tôi thần nhiên bảo là chiều nay tôi có thấy anh trước rạp xi-nê. Tôi kể từng chi tiết bằng giọng lạnh tanh như đang kể chuyện của người khác. Nguyễn đáp ứng định giải bày gì đó nhưng tôi đã gạt đi và cúp điện thoại. Trái tim tôi yên tĩnh lạ thường. Như vừa chấm dứt một cuộc chơi. Thế thôi!

Các nhà tâm lý là những người lắm chuyện. Họ bỏ ra rất nhiều thời giờ để luồn lách vào những ngõ ngách của con tim, ngắm nghía chán chê, ôm từng đồng buồn phiền ra sẫm soi xét nét rồi phán những điều mà họ coi như những định luật chi phối cuộc sống tình cảm của con người. Tôi thì nghĩ rằng mỗi con người là một vũ trụ nhỏ mà chẳng có thứ định luật cứng nhắc nào có thể dầy dụa vào được. Ít nhất là trong trường hợp tôi. Tôi nhớn nhoe nói cười giữa lúc mà mọi người trong gia đình cũng như bạn bè tôi sẵn sàng mũi lòng ban phát đến tôi những ủi an vỗ về cho một

tình huống bất như ý. Tôi phơi phới bỏ lại sau lưng một cuộc tình tưởng như sẽ trăm năm gắn bó. Tôi như vậy đó. Kiểu kỳ như một con công.

*
* *

Tiệm ăn ồn ào hỗn độn như bất cứ một tiệm ăn Tàu nào khác. Tiếng nói chuyện thoải mái của thực khách, tiếng bát đĩa đụng nhau kêu loảng xoảng, tiếng nhạc mở khá lớn. Người ra kẻ vào, phở-ky chạy đi chạy lại gọi nhau ới ới. Tôi thấy mệt với cái không khí bát nháo chung quanh, và thấy mệt luôn với cái lảng xảng cuống quýt hồi han chiều chuộng của Yan.

Yan là bạn học cũ của tôi ở McGill. Công tử Hồng-kông, học giỏi, con nhà giàu, đẹp trai trên trung bình, có đáng trí thức với cặp kính dày cộm trên mắt. Anh theo tôi từ hồi còn ở đại học nhưng bị Nguyễn loại ra khỏi vòng chung kết. Yan là một kẻ bại trận dững cãm. Suốt trong thời gian tôi cặp với Nguyễn, anh như một khán giả kiên nhẫn và trung thành. Ra đời kiếm được *job* thơm anh cũng chẳng rời mắt khỏi bến cũ. Nói như các cụ ngày xưa thì có lẽ anh mắc nợ tôi từ kiếp nào đó nên bây giờ bị loại ra khỏi cuộc chơi mà vẫn cứ đứng rình cơ hội để nhập cuộc lại. Cơ hội đã tới với anh khi Nguyễn như một thủ thành hờ hênh để lộ ra một góc trống cho trung phong Yan sút banh. Tôi nằm gọn trong lưới như một con cá mắc cạn. Yan tấn công tới tấp bằng những hện hò tuần một. Tôi thì sẵn đang rảnh rồi nên cũng chẳng ngăn ngại gì mà không nay ăn chỗ này mai chơi chỗ khác. Yan chiều tôi như chiều vong. Anh đón trước mọi ước muốn của tôi và tắt bật lòng vòng quanh tôi như một con lật đặt mẫn cán. Mấy năm chờ đợi đã luyện cho anh được cái tính kiên nhẫn khác thường. Nhiều lúc tôi làm bộ giả vờ nhưng anh vẫn cứ tươi cười sẵn đón như một lão bộc chiều chuộng cô chủ khó tính.

Có một điều tôi đọc thấy rõ trong

mắt Yan là anh sợ phải xa tôi lần nữa. Anh nghĩ rằng lòng tôi chắc vẫn chưa coi Nguyễn như một đứt đoạn vô phùng chấp nối. Bất cứ lúc nào Nguyễn cũng có thể trở lại quì dưới chân tôi và con tim tôi đâu có phải lúc nào cũng cứng rắn như thép nguội. Thế cho nên Yan tới tấp bao vây tôi như một kiếm sĩ chính hiệu đan những đường kiếm loang loảng đến một chiếc lá cũng không lọt vào nối. Những đường kiếm huê dạng đó càng ngày càng muốn khép chặt tôi vào tình huống không cựa quậy được.

Kiểm sĩ Yan đi một đường kiếm chót vào đúng lúc tôi không ngờ nhất. Tôi đang loay hoay với chén chè tráng miệng sau một bữa ăn khá nặng bụng thì Yan khẽ gọi tên tôi với một giọng bất ổn khác thường. Tôi ngược mắt lên và bắt gặp ánh mắt Yan đang trùng xuống như một tài tử màn ảnh sắp diễn tả một cảnh mùi mẫn có thể treo đứng con tim của khán giả. Anh ngồi bất động như vậy một lúc rồi mới khó khăn ngỏ lời cầu hôn tôi. Chung quanh tôi, tiếng ồn ào của tiệm ăn trở thành một thứ nhạc nền lạc lõng vô duyên. Tôi lặng người ngồi im, ngoan ngoãn như một con chiên lạc mẹ. Tôi bối rối thật tình. Đầu óc tôi bâng lảng xa vắng. Tôi đâu có ngờ Yan tiến nhanh đến thế. Tôi chưa bao giờ nghĩ đến cảnh này nên chưa sẵn sàng cho một câu trả lời. Tôi đành phải nhỏ nhẹ bảo Yan cho tôi một thời gian suy nghĩ. Yan buồn rầu ra mặt nhưng không dám nói gì thêm. Suốt trên đoạn đường đưa tôi về nhà, Yan và tôi ngồi im thin thít như hai pho tượng. Pho tượng Yan bắt buộc phải nhúc nhích đôi tay trên bánh lái và đôi khi nhúc nhích cái đầu chắc mang nặng rất nhiều bối rối băng khuâng.

Tôi nghĩ chẳng có cố vấn nào tốt hơn là mẹ tôi trong giờ phút khó nghĩ này. Nhưng tôi loay hoay chẳng biết bắt đầu từ đâu. Những lúc sau này ba mẹ tôi không muốn đề cập tới chuyện tình cảm của tôi. Các người nghĩ rằng đụng vào một vết thương đang mưng mủ chỉ làm

đau lòng thêm cô con gái cứng đang gậm nhấm một đồng buồn phiền trong lòng. Tôi đợi tới một ngày cuối tuần vô bếp giúp mẹ làm cơm mới lần la hỏi:

— Mẹ à! Ngày xưa ba... xin bàn tay mẹ vào lúc nào vậy mẹ?

Mẹ tôi đang chăm chú loay hoay lật qua lật lại một miếng thịt để xắt cho đúng xớ, vội giạt mình ngẩng đầu lên làm bộ mắng yêu tôi:

— Mẹ mày! Lại nổi cơn tò mò rồi!

Mẹ tôi la mà mặt mày tươi rói, đôi má ửng hồng làm như từ khi “cho bàn tay” tới nay không hề có hai mươi lăm năm năm chinh lĩnh ở giữa. Tôi biết thế nào mẹ cũng kể lại câu chuyện thú vị này. Chỉ nửa phút sau mẹ kể thật:

— Bữa đó ba đưa mẹ vào một quán cà phê thơ mộng nhất Đà Lạt. Ba chọn một bàn khuất giữa những chậu cây cảnh thật đẹp, ngọn đèn gắn trên tường hắt ra một luồng ánh sáng dịu dàng, nhạc tình vờ vờ thoát ra từ một chiếc loa nằm khuất trên trần nhà. Ly cà phê đen của ba và ly cà phê *liegeois* của mẹ vừa được đặt xuống bàn. Mẹ cầm chiếc muỗng định khuấy ly thì ba cầm lấy tay mẹ. Mẹ cảm thấy bàn tay mẹ thiết ấm. Không hiểu vì nằm trong tay ba hay vì khói thơm của ly cà phê đen bốc lên. Và ba ngỏ lời cầu hôn. Giọng ba nhỏ, nhẹ. Mẹ thấy chơi vơi như vừa nhấp một hớp rượu.

— Rồi mẹ bằng lòng liền à?

— Mẹ mày! Không bằng lòng sao có mày?

Tôi thấy tim mình như hụt một nhịp đập. Tại sao nơi quê hương tôi lại có những khung cảnh thơ mộng cho những giờ khắc tình tứ nhất đời như vậy? Tôi nghĩ tới cái không khí ồn ào chộn rộn trong tiệm ăn Tàu và những lời lấp bắp của Yan. Trong tôi như dấy lên một tiếc nuối khôn tả. Mẹ tôi sao mà hạnh phúc! Nụ cười luôn luôn tươi tắn của bà bảo tôi như vậy. Tôi nói, giọng không được vui:

— Yan mới ngỏ lời cầu hôn với con.

Mẹ tôi lúng túng gạt miếng thịt ra, mắt thẳng thốt thất thần, bà chăm chăm nhìn tôi, rồi khẽ cúi đầu xuống và xoay miếng thịt lia lịa như có điều gì bối rối. Đôi môi bà giật giật mấy cái rồi mới thốt thành lời:

— Chuyện vợ chồng là chuyện quan trọng, con nên nghĩ cho kỹ trước khi trả lời người ta. Để mẹ nói lại với ba. Nhưng mẹ nghĩ con đã lớn khôn, con định thế nào thì ba mẹ cũng chiều ý.

Tôi linh cảm thấy sự ngại ngùng trong giọng nói của mẹ tôi. Như có điều gì không ưng ý nhưng không muốn nói ra. Từ sau ngày đổ vỡ với Nguyễn, ba mẹ coi tôi như một chiếc bình pha lê mỏng manh cần hết sức nhẹ tay nâng niu. Ba tôi tỏ ra bình tĩnh hơn khi ông gọi tôi vào phòng buổi tối hôm đó. Ông mở đầu bằng câu hỏi:

— Ba nghe mẹ nói là cái cậu Yan đó xin cưới con phải không?

— Dạ.

— Con thấy cậu ta thế nào?

Tôi chẳng biết trả lời sao cho đúng. Tôi không có một ý niệm nào rõ rệt về Yan. Anh như một cái bóng bên tôi, mờ nhạt, có đó mà như không. Thành ra câu trả lời của tôi thật vu vơ:

— Người đàn ông hoàng, tử tế. Gia đình nề nếp. Con thấy cũng được!

Tôi nhìn lên ba tôi để tìm phản ứng nơi ông. Nét mặt ông đăm chiêu nghĩ ngợi. Mái tóc xoà xuống trán có nhiều sợi bạc, những chân râu quanh miệng cũng đã điểm những chấm trắng mệt mỏi. Tôi thấy thương ba tôi quá. Những mất mát trong đời đã hằn vết trên khuôn mặt khắc khổ ừ rừ. Chuyện của tôi có làm hằn thêm chút phiền muộn nào nơi ông không? Cặp mắt ông nhìn tôi như ánh ra nét yêu thương pha lẫn lo lắng. Giọng ông ngập ngừng thận trọng:

— Ba thấy... cậu ấy có thể là một người chồng tốt, biết thương yêu chiều chuộng con. Chỉ có điều là nếu con lấy cậu ta thì... hơi xa cách. Khác ngôn ngữ, khác phong tục, khác văn hoá, ba e rằng có điều bất

thơ trần mộng tú

buổi sáng

*ngồi trong vườn nhỏ cỏ
phương đông theo vầng dương
nhỏ lên một cọng cỏ
thoảng hương thơm vô thường.*

buổi trưa

*buổi trưa đứng nhìn núi
núi in bóng lòng sông
mây xoã che mặt núi
sông, núi hoà Chân không*

buổi chiều

*buổi chiều đi vào rừng
cúi xuống dòng suối trong
ngẩng lên rừng trút lá
năm uẩn rơi vào không.*

buổi tối

*mặt trăng lặng lẽ khóc
nhỏ những giọt lệ xanh
tươi đoá hoa màu nhiệm
nở giữa lòng vô minh.*



tiện. Ba nghĩ con nên đắn đo, suy nghĩ kỹ về điểm này trước khi quyết định. Dù con quyết định như thế nào thì ba mẹ cũng sẽ chiều ý con. Ba tin rằng con đã đủ khôn ngoan để lựa chọn cuộc sống mai sau của chính con.

Ba tôi có vẻ thoải mái sau khi đã nói ra được những điều khó nói. Trái banh bây giờ quay trở lại tôi. Đầu óc tôi lộn xộn như một nồi tã-pí-lù. Tôi có đi quá đà không? Tôi nhớ tới cái ý tưởng cũ kỹ của bà nội tôi mỗi khi bà căn dặn con cháu: Có lấy vợ lấy chồng thì lấy người cùng làng cùng xóm. Dù sao cũng biết rõ gốc gác, tính tình chứ đừng có lấy người... thiên hạ. Chỉ có khác làng khác xóm mà đã trở thành "thiên hạ" rồi thì bước đi của tôi coi bộ phải nhân tới mấy trăm lần "thiên hạ" mới đúng! Tôi tưởng tượng được về thất vọng của bà tôi ở Việt Nam đối với đứa cháu gái cưng của bà. Những giọt nước mắt chắc lại được dịp lăn ra khỏi đôi mắt đã mất

đi về tình anh và thêm một nỗi buồn nằm thật sâu kín trong đáy tâm hồn bà. Tôi cảm thấy loạng choạng, ngộp thở như phải vượt qua một đại dương trùng trùng mông mênh. Tôi đuối sức rồi.

Tôi ôm mối băn khoăn suốt một tuần lễ mà vẫn chưa biết phải quyết định như thế nào. Yan không được ba mẹ tôi cho điểm cao, anh bị trừ khá nhiều điểm chỉ vì anh không phải là người Việt. Một cái lỗi có đó mà chẳng cách nào có thể xoá bỏ được. Trong ý nghĩ của mẹ tôi, trái cây, rau cỏ, thịt thà nơi quê hương bao giờ cũng thơm ngon, dịu dàng, đậm thắm hơn, huống chi là một chàng rể. Tôi tự xăm xoi lòng mình xem Yan nằm ở vị trí nào. Có lẽ tôi chỉ thương cái tính hiền lành, chịu khó chiều chuộng tôi của Yan. Hình như không có chỗ cho tình yêu. Như vậy tôi đã chỉ coi Yan như một cơ hội tới đúng lúc sao? Tôi thấy tôi tầm thường dễ sợ. Hai mươi ba tuổi mà đã lụn bại quần

quanh như một bà già bần tiện.

Giữa lúc cái nổi tả-pí-lù trong đầu tôi còn đang sôi sùng sục thì Nguyễn điện thoại tới. Anh ngỏ ý hối tiếc và muốn nối lại tình xưa nghĩa cũ với tôi. Nghe giọng nói của Nguyễn, tôi nổi sùng như một con gà chọi say máu. Tôi lớn tiếng la hét Nguyễn một chập cho thoả thích rồi dẫn mạnh ống nghe xuống, thiếu điều muốn đập bể luôn. Và tôi gục mặt khóc nức nở như một đứa bé. Cái mặt nạ che dấu sự đau khổ nơi tôi vỡ tan thành những mảnh vụn ê chề. Chẳng hề có một cái tôi kiêu kỳ nhớn nhoe coi cuộc tình gầy gò như một trò chơi tới hồi kết thúc, mà chỉ có sự đau khổ bị đè nén nay đang trỗi dậy như một đợt sóng ngầm nhận chìm con tàu ngạo nghễ. Tôi ghét cay ghét đắng Nguyễn nhưng tôi cũng chưa gạt qua được một bên tình yêu tôi đã dành cho anh. Tôi quay cuồng điên đảo như một con vù vừa cố đứng vững vừa ngả nghiêng muốn té ngã.

Con mộng du của đời tôi đã khiến tôi nhắc điện thoại gọi Yan hẹn anh tới một tiệm cà phê. Tôi ngỏ lời ưng thuận lời cầu hôn của anh. Ngày xưa ông Archimède cỡi trường không không chảy ra khỏi phòng tắm, phùng mang trợn mắt hô lớn *Eureka, eureka* khi tìm ra luật trọng lực chắc cũng chỉ vui bằng nỗi mừng của Yan trước mặt tôi lúc này mà thôi. Anh lụp chụp hôn lên má tôi trong khi tôi ràn rụa nước mắt.

*
* *

Đám cưới của tôi quá bình thường, y khuôn bất cứ đám cưới người Hoa nào khác. Chẳng có một nét nào vừa ý tôi. Nó quá xa cách với cái đám cưới tôi mơ ước. Ngay cả những cái tưởng như không có gì quan trọng như chiếc áo cưới của tôi mà cũng ồn ào vô lối. Bà mẹ của Yan không bằng lòng cho con trai cưới một cô vợ "thiên hạ" như tôi. Yan đã phải vừa nấn nỉ ôi vừa phải cứng rắn dọa nạt mới được gia đình miễn cưỡng chấp thuận. Bây giờ tới lượt Yan phải nhường nhịn gia

đình. Mẹ Yan nhất định bắt cô dâu phải mặc áo cưới kiểu Trung Hoa. Sống trong một gia đình nề nếp mấy đời có chức phận trong triều đình, bà không thể quan niệm được đám cưới của con trai đầu lòng lại thiếu những nghi lễ cổ truyền. Chiếc áo của cô dâu là một chi tiết quan trọng.

Thoạt đầu tôi nhất định không chịu. Tôi mê chiếc áo cưới Việt Nam quá đỗi. Tôi đã "nghiên cứu" kỹ lưỡng chiếc áo cô dâu qua nhiều đám cưới để vẽ ra trong đầu một chiếc áo cưới cho ngày vui của mình. Vậy mà Yan cố gắng thuyết phục tôi chiều ý mẹ anh. Tôi đâu có dễ dàng chịu từ bỏ cái quyền của tôi! Yan khôn khéo nhờ mẹ tôi nói giùm. Mẹ tôi nhẹ nhàng khuyên tôi: "Con đã chấp nhận về làm dâu người ta thì nhập gia tùy tục con ạ. Nếu con khăng khăng không chịu mẹ e sẽ khó cho con sau này. Nghe mẹ đi! Các cụ đã bảo một sự nhịn là chín sự lành. Rồi con sẽ hiểu ý mẹ." Tôi đành phải vâng lời bà.

Ngày cưới tôi thấy tôi không còn là tôi trong chiếc áo xa lạ mà mẹ tôi cũng ghen ngào nhìn đứa con yêu quý lột xác trong ngày rời xa gia đình. Tôi tê điếng trước nét mặt sững sờ của mẹ tôi. Như có một làn khí lạnh lòng vòng trong đầu, chạy dài theo sống lưng, tôi bất giác rung mình. Chiếc áo quá rộng đã che lấp cơn chấn động trong người tôi.

Những người bản xứ được mời dự tiệc chẳng bao giờ phân biệt được sự khác nhau giữa món ăn Việt Nam và món ăn Trung Hoa mà họ rất thích trừ một người: Marc. Marc có một cô vợ người Việt gốc Hoa và là người rất sùng kính những gì thuộc về Đông phương từ cô vợ tới những món ăn. Anh bảo món ăn Trung Hoa nhiều gia vị và cũng nhiều chất béo nên ăn thì thấy ngon nhưng ăn tới lần thứ hai thì hơi ngán. Còn món ăn Việt Nam là một sự hài hoà tuyệt diệu giữa những mùi vị, nềm nếm, nhất là thứ nước mắm chấm thì... không thể chê vào đâu được. Mà nước mắm ăn với các thứ cuốn, từ bì cuốn,

tôm cuốn tới các thứ gỏi phải là nước mắm pha. Anh giờ bàn tay quá khổ ra đếm từng thứ phải thêm vào nước mắm: đường này, chanh này, tỏi này, ớt này... Các bạn cứ thử ăn đi thì biết. Ai mà không thích thứ nước mắm này thì thật... đáng thương.

Trong những người suýt bị liệt vào loại "đáng thương" này lại có một anh da vàng mũi tẹt là Yan. Những ngày đầu chung sống, những bữa ăn của chúng tôi là bữa ăn... hữu nghị. Cả hai đứa đều chui vào bếp. Yan nấu món Hoa còn tôi nấu món Việt. Các món Yan nấu tôi đều ăn được hết, nhưng Yan thì phải tập ăn nước mắm. Và anh tập một cách khá vất vả trước khi có thể ăn được thứ nước chấm mà lúc đầu anh cho là có mùi vừa mặn vừa nồng, để vô lối thì mặn mặn khó chịu. Nay thì anh đã thích nước mắm, nhất là thứ nước mắm pha mà Marc vẫn xưng tụng âm ỉ.

Sự hoà đồng văn hoá giữa tôi và Yan chỉ tới được cái hình thái thấp kém nhất của văn hoá là món ăn. Lên cao hơn một chút nữa đã có những lệch lạc thâm thương.

Cái gia tài công kênh nhất mà tôi phải khuôn nhiều ngày từ nhà ba mẹ tôi về nhà riêng là những băng nhạc. Tôi thích nhạc Việt Nam lạ lùng. Phải nói là chết mê chết mệt mới đúng. Mở mắt ra buổi sáng là phải có tiếng nhạc. Đi thì thôi chứ ở nhà thì bất cứ làm việc gì, từ nấu ăn, dọn dẹp nhà cửa đến đọc sách, bên tai tôi phải có những âm điệu Việt Nam thì công việc mới trôi chảy. Khi không nghe nhạc thì tôi hát. Như những lúc ở trong phòng tắm chẳng hạn. Tôi ngheu ngao hết bài nọ qua bài kia, nhiều khi tôi hát tùm lum mỗi bài vài câu chẳng ra làm sao cả. Cứ ngheu ngao được là tôi thấy sướng khoái rồi. Trên xe của tôi cũng ngổn ngang những băng nhạc mà tôi chẳng bao giờ quên mở nút vặn khi tiếng máy xe vừa hực hực bắt đầu. Âm nhạc như những sợi dây huyền diệu trói chặt chân tôi vào cái gốc Việt Nam. Những ngày ở quê nhà trước khi Cộng sản

tràn vào, tôi còn quá nhỏ để có thể thưởng thức được nhạc. Mười năm sống với Cộng sản đúng vào lúc trí khôn biết tiếp nhận âm thanh thì cái thứ nhạc tôi nghe lại chẳng phải là những âm thanh quyến rũ được tâm hồn tôi. Vậy mà thoát qua được bên đây, tôi đã mê ngay nhạc Việt. Kỳ diệu như nhạc đã nhập vào cái tần số âm thanh tiềm ẩn trong đầu tôi. Thoát một cái, nó gần bó thân thuộc, rung lên trong tôi những cảm xúc chơi vơi lồng lộng. Sao mà tha thiết những dân ca đất Việt! Sao mà mềm dịu những tình ca quê hương! Mỗi nét nhạc, mỗi lời ca đều đưa tôi vào những vùng trời an nhiên tự tại.

Tôi chẳng thể bắt Yan có được những cảm xúc như tôi, chia sẻ được với tôi những rung động ngất ngây tuyệt vời của âm thanh Việt Nam. Anh nghe nhạc Việt như một người khách ghé thăm một nơi chốn xa lạ nào đó, thấy nó ngộ ngộ vui vui. Ghé thăm một chút rồi ra đi thì được nhưng ở hẳn đó, sống cái đời sống lạ lùng đó thì hơi khó. Huống chi là còn phải trải tâm hồn ra để ôm ấp cái cách biệt đó ngày này qua ngày khác. Tôi cũng đủ tế nhị để tôn trọng cuộc sống nội tâm của Yan. Làm sao có thể bắt Yan chia sẻ được cái ý nhị của “ngực ngải môi trầm”, cái tình tứ của “quỳnh thơm hay môi em thơm”, hay cái thiết tha của “vẫn hỏi lòng mình là hương cốm, chẳng biết tay ai làm lá sen” như tôi đã thấm đến mềm con tim.

Căn nhà của tôi ngoài phòng ngủ lớn của chúng tôi còn hai phòng dành cho khách vắng lai. Một phòng Yan đã đặt dàn máy điện toán mà anh say mê đùa nghịch, học hỏi với nó. Còn một phòng, tôi từ từ biến thành giang sơn của mình với sách, với báo, với nhạc, với tranh Việt Nam. Tôi đắm mình trong thế giới của riêng tôi. Cái thế giới chữ nghĩa thân thương dặt dìu tôi vào những cảm xúc Việt Nam. Cái thế giới âm thanh vơi vơi đưa tôi về bến bờ của quê hương. Nhiều khi tôi ngủ quên luôn tại căn phòng

ta

*Vẫn là ta của mọi ngày
Vẫn điều hư hoại lẫn vùi trên châu
Tìm trên châu chẳng thấy đâu
Nhìn ra hư hoại có màu thời gian
Vẫn là ta của mọi năm
Vẫn vàng kim lẫn đôi phần đồng thau
Tìm vàng kim, có thấy đâu
Ra đồng thau rỉ ăn vào vàng xưa
Vẫn là ta của mọi mùa
Vẫn xanh lá mới từ tro tuyết cảnh
Tìm xanh giữa tuyết căm căm
Hôn lên nhành ủa vị mầm trên môi.*

ngọc khôi

này mà Yan chẳng dám sang kêu tôi về. Yan rất ngại đột nhập vào cõi riêng của tôi vì đã một lần anh bị lúng túng tức cười. Bữa đó sao tôi thêm nói tiếng Việt quá nên cứ nhìn vào chiếc gương lớn nói chuyện một mình. Bất thần Yan mở cửa phòng vì có chuyện muốn nói với tôi. Anh thấy tôi đang đọc thoại như một mù diên bèn há hốc miệng đứng im không biết phản ứng ra sao. Tôi quá mắc cỡ nên nổi khùng nạt nộ Yan một cách hết sức vô lý. Sau đó tôi có xin lỗi Yan nhưng anh vẫn ngại ngùng mỗi khi cần bước vào phòng.

Đôi khi tôi lên cơn thèm nói tiếng Việt như người ghiền thêm thuốc. Bứt rứt khó chịu lạ lùng! Không được nói tiếng Việt ở sở, về nhà cũng chẳng biết nói với ai, tôi như thấy thiếu thốn trong tận cùng thâm tâm. Tôi thèm có người nói chuyện ba hoa cho đã nên điện thoại cho Yan và đi thẳng từ sở về nhà ba mẹ tôi. Yan cũng thừa dịp về gia đình anh. Tôi vô cùng thoải mái và có lẽ Yan cũng cảm thấy như vậy. Chúng tôi chẳng thể sống trong đại gia đình của nhau như một phần tử trong gia đình ấy. Tôi hơn hờ nói chuyện tía lia với ba mẹ tôi thì Yan ngồi như trời trồng với quyển sách trên tay. Và khi Yan đùa giỡn với mấy đứa em nhỏ của anh thì tôi như một khán giả chẳng hiểu mô tê gì tấn tuồng trên sân khấu. Cái bất đồng về ngôn ngữ đã như

một bức tường quái ác sừng sững. Phiền cho tôi và cũng chẳng kém phiền cho Yan. Chúng tôi ngậm cảm trước nghịch cảnh.

Bước chân vào tới nhà ba mẹ tôi là tôi nói như một con khướu nhiều lời. Tôi hỏi cái này, kể chuyện kia. Tôi giỡn với các em và nhiều khi còn hứng chí châm chọc để có dịp cãi nhau với chúng cho hả cơn thèm nói tiếng Việt. Mẹ tôi là một người rất tinh ý. Bà hiểu nổi sung sướng của tôi. Bà nhìn tôi cười cười ái ngại. Tôi thấy mình như một con chim nhỏ nằm dưới sự che chở của nụ cười hiền hậu đó. Tâm hồn tôi chùng xuống như một đám mây giăng thấp trên bờ cây ngọn cỏ. Ềm ả làm sao những giờ khắc trở về bên mẹ, nghe tiếng mẹ dịu dàng trong bầu không khí gia đình ấm cúng. Sao tôi thương tiếng “mình” mẹ gọi ba đến thế! Nghe như tràn trề triu mến thương yêu. Nghe như thịt da dính liền. Nghe như khít khao hai cõi lòng. Đã hai mươi lăm năm gọi nhau mà sao cái tiếng “mình” của mẹ tôi vẫn còn tươi mát, reo vui, tha thiết đến như vậy. Tôi chẳng bao giờ được thốt ra tiếng “mình” huyền diệu đó! Cũng như chẳng bao giờ tôi có được một người chồng hiểu theo nghĩa hoà hợp tới tận cùng tâm hồn như được gói ghém trong tiếng “mình” thân thương đó!

Tôi chỉ có một người đàn ông bên cạnh.



Cháy Nhà

Nguyễn Văn Thông



Không biết cái bản mặt của tôi lúc ấy nhìn thế nào, có thộn ra với cái vẻ nửa mắc cỡ nửa làm ra bộ ưu tư hay không, chứ khi tôi trộm liếc mắt nhìn mấy khuôn mặt xung quanh thì thấy có vẻ làm sao ấy. Không ít thì nhiều tất cả đều nhìn xuống, im lặng khi vấn đề được nêu lên: Phải làm gì để cứu nguy đồng bào tị nạn?

Thực ra vấn đề được nêu lên tự

nó đâu có làm ai phải ngượng ngịu, vì phải làm gì thì mọi người sẽ bàn với nhau, sẽ tìm kế hoạch, rồi phát động cho cả tổ chức để thi hành. Nhưng sự ngượng ngịu phát sinh ở yếu tố thời gian của công việc phải làm và ở cái yếu tố tâm lý đối diện với vấn đề: người ta vẫn sốt sắng ở những công việc khác nhưng không ở công việc này dù ai cũng biết nó là công việc ưu

tiên hàng đầu.

Nhưng có một thanh niên (thì cứ cho là anh ấy còn trẻ nên có nhiều nhiệt huyết để mình đỡ ngượng) lên tiếng một cách đồng dục không ngượng gì cả, rằng là thưa quý vị kể từ lễ Giáng Sinh năm rồi là lúc 51 đồng bào tị nạn ở Hồng Kông đang nửa đêm bị hốt lên xe cho lên máy bay trả về Việt Nam tới nay đã khá lâu rồi. Trong thời gian này ở các trại tị nạn nổ ra nhiều cuộc tranh đấu chống cưỡng bách hồi hương, chống đàn áp, chống thanh lọc bất công. Có mấy vụ mổ bụng tự sát, thất cổ để phản đối. Tuyệt thực thì nhiều vô kể. Hàng ngàn người viết kháng thư bằng máu. Biểu tình chống đàn áp thì liên tục. Có em gái 14 tuổi đã bị cảnh sát Hồng Kông bắn mù một mắt vì đứng làm hàng rào chống cảnh sát đàn áp. Các trại đường bộ Thái Lan thì bị lính Thái hiếp đáp chà đạp một cách man rợ. Chúng ta tuy đã loan tin với mục đích để gây ý thức trách nhiệm, tạo tình thương thân tương ái trong cảnh máu chảy ruột mềm. Nhưng cho tới nay, bao nhiêu tháng qua rồi, chúng ta vẫn ngồi yên, có lẽ để cân nhắc, suy nghĩ hầu tìm một đường lối hành động khôn ngoan. Nhưng thưa quý vị, tôi thiết nghĩ chúng ta đã tỏ ra quá bình tĩnh và quá khôn ngoan rồi. Chúng ta phải làm gì cụ thể đi thôi, chứ việc khẩn cấp như cháy nhà mà chúng ta cân nhắc kỹ quá thì cháy hết mất...

Anh ta dùng hình ảnh cháy nhà để nói về việc cấp cứu đồng bào tị nạn thì ghê thật! Người ta vẫn nói "làm gì mà như cháy nhà thế!" để chỉ những việc khẩn cấp. Hình ảnh ấy nhắc tôi những đám cháy nhà ở Việt Nam.

Nhà ở làng quê thường lợp tranh trên lớp cột kèo bằng cây rừng. Chỉ có vách được làm bằng đất trộn rơm. Nhà thường lụp sụp, cao thì cũng chỉ cần với tay là có thể giắt cái liềm cắt cỏ lên mái, hay rút một cọng tranh bẻ làm tấm xà răng khi cần. Nhà đã thế mà mặt trời nhiệt đới thiêu đốt quanh năm thì mái nhà càng khô nổ dễ bén lửa biết

chừng nào! Tôi đã chứng kiến những vụ cháy nhà. Thôi thì miệng gào chân chạy. Người lôi vội cái màn, cái chiếu, mớ quần áo cũ... Kề xách thùng, bê nôi, bưng chậu... nghĩa là bất cứ thứ gì có thể đựng nước để tạt lên ngọn lửa. Thường thì những cố gắng ấy chỉ đủ sức làm chậm ngọn lửa để những người khác có thể chạy vào nhà cứu thêm mớ đồ đạc linh tinh và để ngọn lửa không lan sang nhà bên cạnh. Vì thế cho nên khi ngọn lửa bị dập tắt, căn nhà chỉ còn là đống tro đen thui, những mẩu kèo cột nghi ngút khói. Người nhà nạn nhân thì thút thít khóc, ngồi bên đống tro hay cố đào bới xem còn chút gì sót lại. Cơ đồ chẳng có bao nhiêu thế nhưng bị cháy thì biết bao giờ mới sắm sửa tạo dựng lại được!

Có một điều an ủi tinh thần là láng giềng và mọi người trong làng khi nghe cầu cứu thì vội vã bỏ công ăn việc làm, đổ xô tới cấp cứu, sốt sắng không hề nề hà quản ngại. Rồi còn hỏi han, an ủi, mỗi người một tay giúp đỡ, người cho bộ quần áo, kẻ biếu cái rổ cái rá. Ai ai cũng tỏ lòng lân ái. Cả những người trước kia không ưa nhau lắm, nay cũng nhân dịp này mà làm thân.

Tối đó, đang khi nằm trên giường, tôi thấy đèn chớp loá loá ở ngoài đường. Choàng dậy vạch cửa sổ ngó ra thì thấy ba bốn chiếc xe cứu hoả, xe cảnh sát đứng chật đường, bao vây một căn nhà đang toả khói sơ sơ, mấy người lính cứu hoả lăm le tay buá tay móc đứng lơ nhố. Tôi khoác thêm áo chạy ra thì được biết nhà bà già bên kia đường bị cháy hệ thống sưởi nhưng nhờ một thanh niên nhanh tay tắt công tắc điện và dập kịp ngọn lửa trước khi lính cứu hoả tới. Bà già run rẩy đang được các nhân viên công lực trấn an.

Trở về giường ngủ mà tôi cứ nghĩ tới hai cánh cháy nhà ở Mỹ và Việt Nam. Ở đây nếp sống cao hơn, có xe cứu hoả tới xịt nước, cứu người trong nhà. Người ta chỉ lo lắng về sinh mạng thôi, còn tài sản thì đã có bảo hiểm. Chưa gì người ta đã lăm

lẽ đập phá cửa sổ để vào nhà. Kể ra dân Mỹ sướng thật! Còn ở Việt Nam thì mình tự cứu mình, rồi liều thân vào nhà để cứu tài sản mà nhiều khi tài sản chỉ là mớ chăn chiếu, quần áo cũ. Cháy nhà là tai hoạ buồn chết được. Tội nghiệp!

Tuy nhiên, cả hai cánh cháy nhà cùng có những điểm giống nhau: cả hai đều kêu cứu, đều cần sự giúp đỡ, trấn an. Vậy thì cháy nhà bao giờ cũng là một tai hoạ không ai muốn và đều cần trợ giúp.

Đôi khi có những trường hợp xảy đến liên tục, bất ngờ mà như có sự sắp xếp. Nó xảy ra cho chúng tôi y như thế vào ngày hôm sau, khi chúng tôi nhận một lá thư của bà chị họ báo tin nhà chị bị cháy rụi trong khi đi buôn bán. Chị xin chúng tôi giúp đỡ. Nhà cháy trong khi không có ai ở nhà thì thảm quá, không còn một manh áo, một hạt gạo! Bao nhiêu mồ hôi đổ ra dành dụm được chút gì để ở nhà thì cũng biến thành tro bụi. Vợ chồng tôi bàn nhau gói gập cho chị mấy trăm bạc để góp với chị dựng lại căn nhà.

Sau đó ngồi ôn lại mấy sự kiện liên tục này, tôi thấy có điều ổn có điều không ổn. Mau mắn giúp đỡ chị tôi trong lúc cháy nhà thì có nghĩa chị em, có tình gia đình quá. Qua thăm hỏi bà cụ già suýt bị cháy nhà thì có tình hàng xóm quá. Nhưng việc đồng bào tôi đang hoạn nạn trong các trại tị nạn đang cần cấp cứu như cần cứu hoả mà chúng tôi cứ cân nhắc, e dè, chần chờ, suy tính, chờ đợi thì rõ ràng là không ổn tí nào.

Tình đồng bào rộng lớn hơn, thiêng liêng hơn vì nó đòi hỏi sự nhạy cảm hơn, ràng buộc hơn bởi họ là những người đã chia sẻ, chịu phần thiệt thòi hơn tôi ở đất nước tôi. Nay nhé, đã có hàng triệu chiến sĩ đã chết, hàng trăm ngàn khác mang thương tật trọn đời trong cuộc chiến kéo dài 30 năm để gìn giữ mảnh đất miền Nam tự do mà tôi đã an hưởng. Hiện giờ còn hàng ngàn tù nhân cải tạo trong ngục tù Cộng sản, chôn tuổi thanh xuân, vùi lấp đời mình hàng mười mấy

năm, thân tàn xương mục, tinh thần điên loạn mà không mong gì thấy lại ánh sáng cuộc đời. Tôi mang nợ họ, nợ ấy là nợ máu, nợ đời. Còn những đồng bào miền Bắc của tôi, cũng là ruột thịt, là cùng cuống máu mủ với tôi. Mà dù không có gì đi nữa thì họ cũng là những con dân Việt Nam sống trong sự thiệt thòi, là nạn nhân của chủ nghĩa bạo tàn. Sự khao khát tự do của họ có khi còn to lớn hơn sự khao khát của tôi.

Đồng bào của tôi đó, những người cùng chia sẻ máu mủ, văn hoá, vận mệnh của Mẹ Việt Nam mà tôi thì nhận phần hơn còn họ thì chịu phần thiệt. Họ đang sống trong cơn hoả hoạn của sự đàn áp, ngược đãi man rợ, tuyệt vọng. Họ đang kêu cứu bằng tất cả hơi tàn lực kiệt, kêu gào bằng máu, bằng sinh mạng để thế giới nhìn lại, để những người đồng hương chúng tôi ra tay tiếp sức.

Đáp lại tiếng kêu gào cầu cứu ấy, đã có người Mỹ, người Pháp, người Đức, người Úc, người Anh... và một số tổ chức người Việt. Nhưng không lẽ đi cứu đồng bào tôi mà chúng tôi chỉ lác đác chạy tới, mà phải chờ đợi người ngoài hay sao? Thậm chí một số trong chúng tôi còn ngang nhiên xênh xang du lịch Việt Nam, góp phần làm mất chính nghĩa tị nạn nữa, để ai chết mặc ai, để các cường quốc, để Cao ủy Liên hiệp quốc lo. Chúng tôi quên rằng, nếu người ta có xe cứu hoả, thì chúng tôi cũng có đôi tay xách thùng, bưng chậu. Mà chúng tôi có sẵn cả hàng triệu đôi tay ở hải ngoại như thế ấy chứ! Chúng tôi còn cả hàng triệu cái miệng để tiếp sức kêu người ta mang xe cứu hoả tới chữa cháy cho đồng bào tôi chứ!

Cháy nhà! Cháy nhà!

Không có gì khẩn thiết hơn việc chữa cháy! Ngọn lửa theo chiều gió lan toả ra phừng phực. Nó sẽ thiêu rụi hết không từ một thứ gì nếu người ta không dập tắt nó. Một là chúng tôi chữa cháy, hai là nó sẽ thiêu rụi lương tâm chúng tôi! □

GIẢI VĂN-HỌC NGHỆ-THUẬT LÀNG VĂN 1991-1992

BÀI DỰ THI NHẬN ĐƯỢC (tiếp theo và kết số)

* VĂN:

(Số đầu là mã-số bài, số thứ hai là mã-số tác-giả)

- 038—Phụng-sơn tự (104, NSW, Úc-đại-lợi)
039—Mùa xuân trên xứ lạ (105, NSW, Úc-đại-lợi)
040—Chọn một con đường (106, Mã-lai)
041—Bốn lối "đầu lều" (106, Mã-lai)
042—Đêm chia tay (107, Mã-lai)
043—Phản-quốc (108, Thái-lan)
044—Duyên-kiếp (111, PQ, Gia-nã-đại)
045—Sống mà nhớ lấy (120, NSW, Úc-đại-lợi)
046—Những số-phận côi-cút (121, Hương-cảng)
047—Bản thảo cổ ở vùng Đông Nam Á (122, Thái-lan)
048—Người đồng chí (123, Đức-quốc)
049—Mặt trời rồi cũng tàn (123, Đức-quốc)
050—Phím nói, phím câm (126, TX, Hoa-kỳ)
051—Nàng (129, BC, Gia-nã-đại)
052—Hội Người Việt (129, BC, Gia-nã-đại)
053—Cổ Tư Suong (130, TX, Hoa-kỳ)
054—Chiều Sunnyvale (131, CA, Hoa-kỳ)
055—Bước về giữa mùa xuân (132, IL, Hoa-kỳ)
056—Bóng mát (134, CA, Hoa-kỳ)
057—Đêm cuối-cùng (135, TX, Hoa-kỳ)
058—Quá đất cho một cuộc tình (135, TX, Hoa-kỳ)
059—Những cụm mai gầy (136, CA, Hoa-kỳ)
060—Mất đất đùng (138, IL, Hoa-kỳ)
061—Tiếng người trong đá Giáp-sơn (139, Đức-quốc)
062—Em lễ chùa này (141, CA, Hoa-kỳ)
063—Trời nổi (141, CA, Hoa-kỳ)
064—Tình nghĩa (142, GA, Hoa-kỳ)
065—Vũng đầm đen (144, IN, Hoa-kỳ)
066—Mê lộ (145, PQ, Gia-nã-đại)
067—Cá mắc cạn (148, Thái-lan)
068—Tuổi 16 của Thu (152, PQ, Gia-nã-đại)

KẾT SỐ: 68 truyện ngắn dự thi

- 1201—Nha-trang, một đoạn đường (104, NSW, Úc-đại-lợi)
1202—Hoài-niệm (109, ON, Gia-nã-đại)
1203—Chia-ly (109, ON, Gia-nã-đại)
1204—Ngày xa em, (110, ON, Gia-nã-đại)
1205—Ngày nhớ quê (110, ON, Gia-nã-đại)
1206—Đồng hoang (111, ON, Gia-nã-đại)
1207—Biệt-ly (111, ON, Gia-nã-đại)
1208—Áo-đinh (111, ON, Gia-nã-đại)
1209—Áo trắng đầu rơi (112, CA, Hoa-kỳ)
1210—Như cánh hạc bay (113, TX, Hoa-kỳ)
1211—Khi tôi chết (113, TX, Hoa-kỳ)
1212—Vận-hành (113, TX, Hoa-kỳ)
1213—Nhớ (114, Mã-lai)
1214—Giọt đời ít-tách (114, Mã-lai)
1215—Khi em khóc (114, Mã-lai)
1216—Trường ca đoàn du-hành tưởng-tượng (115, Nam-duong)
1217—Em là dòng sông (115, Nam-duong)
1218—Giàn hoa mướp trước nhà tôi (115, Nam-duong)
1219—Cuộc đời trên đường phố (116, Hương-cảng)
1220—Màu xanh ước mơ (116, Hương-cảng)
1221—Chỉ cách một con đường (116, Hương-cảng)
1222—Tình-yêu lên ngôi (117, Đức-quốc)
1223—Phân-vân (117, Đức-quốc)
1224—Nhớ xưa (118, Pháp-quốc)
1225—Nước mắt và quê-hương (119, ON, Gia-nã-đại)
1226—Đờ dơ (119, ON, Gia-nã-đại)
1227—Quê mẹ (119, ON, Gia-nã-đại)
1228—Giết thời-gian (121, Hương-cảng)
1229—Cuối đời (121, Hương-cảng)
1230—Nợ (121, Hương-cảng)
1231—Hai cuộc đời (124, VA, Hoa-kỳ)
1232—Khắc một lời nguyện (124, VA, Hoa-kỳ)
1233—Đời và thời-gian (124, VA, Hoa-kỳ)
1234—Xuân giải-phóng (125, CA, Hoa-kỳ)
1235—Tết Mậu Thân (125, CA, Hoa-kỳ)

* THƠ:

- 1236—Xuân và tuổi trẻ (125, CA, Hoa-kỳ)
1237—Mẹ Việt-nam (127, CA, Hoa-kỳ)
1238—Con gái Việt-nam (127, CA, Hoa-kỳ)
1239—Bé thơ Việt-nam (127, CA, Hoa-kỳ)
1240—Nỗi lòng (128, Thái-lan)
1241—Nhớ con (128, Thái-lan)
1242—Thân-phận người con gái rơi thanh-lạc (128, Thái-lan)
1243—Bên kia dãy Py-rê-nê (130, TX, Hoa-kỳ)
1244—Tiệc nuôi (131, CA, Hoa-kỳ)
1245—Quà Việt-nam (133, CA, Hoa-kỳ)
1246—Giọt nước trong ví-đại (133, CA, Hoa-kỳ)
1247—Những bước chân người tù (133, CA, Hoa-kỳ)
1248—Tại sao người yêu tôi ghét thuốc (134, CA, Hoa-kỳ)
1249—Hà-nội ngày xưa (137, NSW, Úc-đại-lợi)
1250—Noel hải-đảo (137, NSW, Úc-đại-lợi)
1251—Đêm cô-đơn (137, NSW, Úc-đại-lợi)
1252—Trà quê-hương (140, CA, Hoa-kỳ)
1253—Tâm-sự (140, CA, Hoa-kỳ)
1254—Thư xa (140, CA, Hoa-kỳ)
1255—Gặp nhau (141, CA, Hoa-kỳ)
1256—Buồn tàn thu (141, CA, Hoa-kỳ)
1257—Tương tửu hành (143, PQ, Gia-nã-đại)
1258—Tửu đồ ca (143, PQ, Gia-nã-đại)
1259—Tìm e, trong bóng đêm (143, PQ, Gia-nã-đại)
1260—Tiếng mẹ ru (144, IN, Hoa-kỳ)
1261—Người cô-độc (144, IN, Hoa-kỳ)
1262—Kuku, Galang, Sài-gòn (146, ON, Gia-nã-đại)
1263—Mùa xuân bên thềm đại học Toronto (146, Gia-nã-đại)
1264—Hoa nắng (146, ON, Gia-nã-đại)
1265—Lời cuối-cùng cho người tri-kỷ (147, PQ, Gia-nã-đại)
1266—Chim Việt 1 (149, NJ, Hoa-kỳ)
1267—Chim Việt 2 (149, NJ, Hoa-kỳ)
1268—Ngậm-ngùi (149, NJ, Hoa-kỳ)
1269—Chiều đông (150, BC, Gia-nã-đại)
1270—Bãi biển trưa hè (150, BC, Gia-nã-đại)
1271—Trắng khuya (150, BC, Gia-nã-đại)
1272—Dị-tướng (151, CA, Hoa-kỳ)
1273—Giọt nước (151, CA, Hoa-kỳ)

KẾT SỐ: 273 bài thơ dự thi

HIỆN-KIM VÀ TẶNG-PHẨM NHẬN ĐƯỢC

Làng Văn nhận được các sự ủng-hộ sau đây, xin trang-trọng cảm tạ quý đồng-nghiệp, ân-nhân, thân-hữu và độc-giả):

. HIỆN KIM:

- Tòa-soạn Tự-chủ, Nhật-bản 200 gia-kim
- Hội Cao-niên Việt-nam Toronto 100 gia-kim
- Nhà hàng South Vietnam, Toronto 100 gia-kim
- BS Nguyễn Tường Vân, Toronto 100 gia-kim
- DS Nguyễn Văn Cường, Montréal 100 gia-kim
- Nhạc-sĩ Mai Đăng, Toronto 100 gia-kim
- Thi-sĩ Bá Đình & Thủy Trang, Montréal 100 gia-kim
- Độc-giả DT, Montréal 100 gia-kim
- Độc-giả Nguyễn Hồng Văn, Toronto 25 gia-kim
- Độc-giả Hồ Thị Thảo, California 50 mỹ-kim

TAM KẾT: 925 gia-kim, 25 mỹ-kim

. TẶNG-PHẨM:

- Tòa soạn Chiêu Dương, Úc 50 cuốn Hoàng đế nội kinh
- Nhà văn Nguyễn Nghĩa, Toronto 10 cuốn Chờ chết
- Nhà văn Nguyễn Trung Tâm, Toronto 15 cuốn Vũ môn
- Nhà văn Diệu Tân, Cali 10 cuốn Trên bờ kinh An-hạ
- Nhà văn Anh Văn, Cali 10 cuốn Lưới tình
- Thi-sĩ Nguyễn-đức Bạt-ngàn, AB 10 cuốn Từ già ngày

- Thi-sĩ Hoài Việt, Pháp 5 cuốn Làng xưa phố cũ 2
- Thi-sĩ Huệ Thu, San Jose 10 cuốn sách
- Thi sĩ Bá Đình & Thủy Trang 20 tập thơ Ngọt ngào nỗi nhớ
- Thi-sĩ Hoàng Xuân Thảo 10 cuốn Khung trời quê-hương
- Thi-sĩ Khải Chính, Toronto 10 cuốn Nghĩa tình
- Thi-sĩ Vi Khuê, VA 10 cuốn Tặng-phẩm tình-yêu
- Thi-sĩ Nam Man, Úc 10 cuốn Thơ cù-nèo
- Thi-sĩ Luân Hoán, Montréal 4 cuốn Đưa nhau về đến đầu
và 4 cuốn Ngơ-ngác cõi người

- Bạn Diệu Như Tăng Dũng 10 cuốn Hiến thư màu-nhiệm
Ghi-chú: TAM KẾT: 198 cuốn sách

- Tòa-soạn tiếp-tục nhận tặng-phẩm cho tới ngày trao giải. Danh-sách ân-nhân sẽ in vào sách Giải Văn-Học Nghệ-Thuật Làng Văn 1991-1992 (tương-tự như cuốn 15 truyện ngắn giải VHNT Làng Văn 1990 đã phát-hành).

- Quý ân-nhân đã tặng quà, nếu thấy sót tên trong danh-sách trên, xin vui lòng nhắc tòa-soạn bổ-túc, đa tạ.

NGÀY CÔNG-BỐ GIẢI THƯỞNG

Tòa-soạn sẽ đúc-kết các giải thưởng vào ngày 30.4.1992 và công-bố trên Làng Văn số 94.

xóm cũ

LTS.— Để gợi lại, chia-sẻ và giữ-gìn những kỷ-niệm của đời người bên cạnh nét đẹp quê-hương, tòa-soạn xin mở mục "Xóm Cũ" để chào-đón các bài viết về phong-thổ, con người, phong-tục tập-quán, đất nước quê-hương. Hãy ghi-chép lại, trước khi kỷ-niệm chìm

sâu. Hãy phơi trải, trước khi lớp bụi thời-gian phủ mờ ký-ức. Viết về Một lượm lúa, một cánh vạc, một câu hò, một ngôi miếu, một cảnh chùa, một dòng sông, một trái núi, một bờ kênh nơi bạn đã ra đời, lớn lên hay đã thất chặt một mối tình đậm-thắm. Hãy sót chia, để được gìn-giữ. Các bài viết trong mục này sẽ được chọn-lọc và lần-lượt in thành sách, lưu lại đời sau.

Xin mời bạn lên đường, đưa ngòi bút trở về Xóm Cũ...

Thú Vui Vườn Ruộng Miền Nam Xuân Tước



Ở miền Nam mưa nắng hai mùa thì đến tháng 10 là bắt đầu mùa nắng hay mùa khô. Lúc này lúa sớm đã gặt xong, các vùng ruộng gò đã trống, chỉ còn lại các vùng ruộng sâu là chưa gặt. Cỏ non ở các vùng ruộng gò đã lên nhiều, và mùa đá dế cũng bắt đầu.

Đá dế là một thú vui của trẻ con. Để cơm, để chó cũng sinh sôi nảy nở mau chóng, nhưng không đá được. Chỉ có dế than hay dế lửa là loại "hăng máu dế", thích đánh nhau mà thôi.

Đi bắt dế mùa này không khó lắm. Chỉ cần ra ruộng, tốc mấy đồng rơm lên là có. Nhiều nơi chỉ cần cuốc mấy cái là bắt được hàng tá dế trống. Ở chỗ nào dế cũng giành mái mà đánh nhau và tiếng gáy re re của chúng đã chỉ chỗ cho người bắt dế đến. Con dế đá của miền Nam Việt Nam lớn hơn con dế đá của Hoa kỳ nhiều.

Có hai loại dế: dế than và dế lửa. Dế than màu đen, cánh có hai chấm vàng. Dế lửa màu cánh kiểng, cũng có hai đốm vàng trên cánh. Trẻ con rủ nhau ra đồng một lát là bắt được hàng chục con dế. Mấy cậu con nhà khá giả không thèm ra ruộng, cứ ra chợ là mua được dế. Người bán dế mang cả giỏ hàng mấy trăm con, mặc tình mà lựa.

Đến mùa đá dế thì ở khắp nơi, từ trường học đến gia đình, chỗ nào cũng thấy trẻ con tụ họp để đá dế. Dế đá nhau không lâu, chỉ độ mười giây là xong một trận. Thường thì sự hơn thua tính chung 3 trận. Con dế nào thắng được 3 trận liền là giết giải.

Muốn cho dế đá hăng, trẻ con thường lấy tóc cột vào cổ dế rồi quay nhiều vòng cho dế chóng mặt, hoặc cho dế ăn thuốc sống để say máu ngà rồi liều mạng mục không sợ chết. Tuy nhiên mấy con dế yếu vẫn thua. Để khiến chúng đá lại lần nữa, người ta lại quay cho cho nó chóng mặt rồi mới thả ra trường. Những con dế đã thua một trận thì khó mà thắng trận thứ hai hay thứ ba được.

Miền Nam Việt Nam còn có loại để ốc tiêu, nhỏ con mà đá lì nhất. Con để thắng trận gáy re re, điệu võ dương oai như một viên võ tướng. Con để thua thì cúi đầu chạy. Trẻ con chơi ác, ngắt đầu chú để thua, cắm vào một cọng nhang để làm mồi ráy để. Thế là xong!

Đá để không hào hứng lắm nên người lớn không thích. Họ chỉ thích đá cá hay đá gà.

Mấy tay đá cá nhà nghề thường bỏ nhiều công phu để nuôi cá. Ông nhạc chúng tôi có cả chục ao nuôi cá thia thia ngoài vườn. Ao không lớn lắm nhưng được thả bèo và lục bình dày đặc để cá ẩn mình, không bị nắng. Rễ bèo và lục bình là một thức ăn tốt cho cá. Tuy nhiên phải coi chừng, trong rễ bèo và lục bình nếu có trứng chuồn chuồn là tiêu hết bầy cá. Trứng nở, con sâu chuồn chuồn rất háu ăn, sẽ ăn sạch hết các con thia thia mới nở.

Nghề chơi nào cũng lắm công phu. Nghề nuôi cá cũng vậy. Nhạc gia chúng tôi phải theo ghe đốn củi xuống tận Rạch Giá để mua những con cá ta rất đắt tiền. Cá đồng Rạch Giá là loại sống vùng nước phèn hay sống trong rừng, được hoàn cảnh trui luyện rất lâu nên sức chịu đựng rất dẻo dai, hơn loại cá đồng miệt Long An, Mỹ Tho, Bến Tre nhiều. Con cá đồng Rạch Giá thân dài, vây bị ngâm nước phèn nên ửng vàng, lại thêm đôi mang đỏ, trông thật là oai hùng.

Ông ngoại các cháu chẳng những mua mấy con cá trống mà còn "thiếu xực" mấy con cá mái vùng Rạch Giá nữa. Đem về nhà, ông lựa mấy con mái đã có trứng già, thả xuống ao rồi thả một chàng cá Xiêm xuống, hoặc thả một con cá Xiêm mái với một con cá đồng Rạch Giá để "căng". Tôi nghĩ người miền Nam dùng chữ "căng" là từ chữ "cưỡng" mà ra, vì họ cũng gọi việc gây giống cá là "ép cá". Có nàng cá mái nào chịu trứng đâu. Mấy chàng cá trống phải ép lắm mấy nàng mới chịu. Thế rồi hai con trống mái quấn nhau và đẻ trứng. Độ ba hôm là trứng nở thì phải vớt

con cá mái lên, nếu không, cá mái đói bụng sẽ ăn hết cá con. Chỉ còn để lại cá trống để chặn giữ bầy con. Vậy là có được hai bầy cá lai.

Tuy nhiên cá lai một đời dễ thấy lắm, nên nhạc gia tôi phải cho lai một đời, rồi một đời nữa, cho đến khi nào nhìn vào con cá, người ta không thấy nó là cá lai nữa mới được. Lúc ấy con cá thia thia trống bề ngoài giống như một con cá ta miệt vườn, nhưng căn bản là cá đồng Rạch Giá cộng thêm sức mạnh của con cá Xiêm, thế nên người khác dễ bị lừa.

Cho cá vào keo để đá thì ai cũng thấy rõ là hai con cá đồng miệt vườn. Nhưng dượt qua mấy trận là thấy được tác phong của một con cá lai. Nó cắn mạnh như một con cá Xiêm, có sự nhanh nhẹn của một con cá đồng Rạch Giá, vì vậy đối phương không tài nào chịu nổi hơn 2 tiếng đồng hồ.

Muốn cho con cá được dẻo dai, người ta thường cho nó sống trong một môi trường đặc biệt: trong một cái keo có bỏ muối từ ít đến nhiều. Như vậy vây cá sẽ rắn chắc hơn, nếu bị cá khác đâm cũng không tróc vây.

Một độ cá có thể kéo dài từ hai tiếng đồng hồ đến hai ngày. Mấy tay đá cá ăn, ở tại chỗ, nhìn cá "khẩu" năm lần bảy lượt bắt phân thắng bại. Có khi các chủ cá bỏ mặc cho cá đấu, nằm ngủ khò ở bộ ván kế bên. Chừng tỉnh dậy mới thấy con cá của mình nằm chết dưới đáy keo.

Đá cá thia thia thường không qui tụ được nhiều người vì không có gì hào hứng cho lắm. Sao cho bằng đá gà.

Ở Thái Lan, Phi Luật Tân, Nam Dương hay Mỹ Tây Cơ thì gà nào cũng đá được. Nhưng ở miền Nam Việt Nam thì con gà đá độ phải là gà nòi. Các loại gà tàu thì để ăn thịt, gà tre thì để cho trẻ con đá chơi mà thôi. Gà nòi là giống gà đã được lưu truyền từ đời nọ đến đời kia, và nuôi được một con gà nòi để đá độ không phải là chuyện dễ.

Trước tiên, người ta phải lựa

giống. Những con gà trống đã thắng nhiều trận nay về già thì được cho để mái. Con gà mái cũng được lựa giống có truyền thống oai hùng. Bầy gà con nở ra được thả rong theo mẹ cho đến ngày lễ mẹ. Lúc ấy người ta đã phân biệt được gà trống và gà mái. Gà lễ mẹ rồi thì biết gáy. Mấy con gà có tướng tốt được nuôi thúc để thành gà đá độ. Người ta thường lựa những con gà mắt sắc như mắt ó, mỏ quắc, chân cao để nuôi thúc. Gà cổ to thì mạnh mà chậm. Gà chân cao thì nhanh. Xem chân gà là cả một nghệ thuật. Gà chân vàng và có vẩy đều hàng như hột bắp là rất tốt. Có một hàng vẩy hướng dọc xuống chân lại càng tốt hơn. Những gà có vẩy hướng nhưng bị thua luôn thì người ta bảo là có vẩy "hường tâm". Hường tâm là hăm tương, đem đi hơn hay nấu cà-ri là vừa.

Có những con gà tốt mã nhưng rã đám. Thế nên mới có câu hát:

Gà ó lông mượt, cựa ngà

Đá đâu thua đó, bán nhà mà đi.

Con gà tơ được chọn phải được nhốt riêng trong bội. Từ đó nó không được thả mái nữa và phải ăn uống có giờ giấc để vừa mau lớn, vừa đủ sức đá độ. Thường thì chủ gà hay cho gà uống nước khuya để giữ được dẻo dai.

Chân gà mà nhú cựa hột bắp thì người ta nuôi thúc hơn. Thịnh thoảng cho nó đá dượt một lần cho



quen trận mạc. Gà điều và gà ô oai phong hơn cả. Gà chuối, gà xanh, gà nhạn không bằng. Gà nòi thường có truyền thống. Có con chuyên đá đĩa; có con hay chém "ông địa" là chỗ nhược ở phía sau mỏng con gà đối địch; có con giỏi tài "khai vựa lúa" của địch, nghĩa là chém xả bầu điều của kẻ thù.

Đá gà thì người ta thắp một cây nhang có buộc một sợi chỉ và một đồng tiền. Tất cả được để vào một cái đĩa. Cây nhang có khắc ngắn, mỗi khoản là một hiệp. Nhang cháy tới ngắn làm đứt sợi chỉ và đồng tiền rơi xuống đĩa. Nghe tiếng "keng" là người ta bắt gà ra cho nước, làm như cho nước các võ sĩ trên lời đài.

Lúc gà đá thì người ta "quăng bắt" tức là đánh cá. "Quăng ba" nghĩa là cá một thua ba. "Quăng năm" nghĩa là ăn một thua năm. Trường gà thật là náo nhiệt. Người ta la hét khi con gà của mình vừa đá được một đòn ác liệt. Kẻ thì kêu "Khai vựa lúa nó đi, con", người hô hào "Chém ông địa nó đi, con"... Ai cũng muốn giành chiến thắng cho con gà của mình.

Chúng tôi có lần được xem một độ gà thua ngược rất kỳ thú. Con gà ô cựa nhọn lều là một con gà rớt được nuôi lại. Gà rớt thường

không ai cho ra trường nữa. Nhưng chủ nó nuôi lại vì nó có ngón "hồi mã thương" là ngón đòn truyền thống. Hôm ấy con gà La Thành này được cấp độ với con gà Cáp Tô Văn cao vai hơn nó. Đưa ra trường, nó không chạy rớt mà sẵn sàng chiến đấu. Dàn nạp mấy đòn, nó lách vào nách con gà kia, đá đĩa một cái. Con gà kia chỉ kịp kêu lên một tiếng "quác" rồi ngã gục tại sa trường vì bị chém ngay "ông địa". Con gà ô đứng nhìn đối thủ một lúc rồi kêu "quác quác", bỏ chạy khan. Trận đấu chỉ diễn ra trong vòng 5 phút. Ai cũng bắt con gà Cáp Tô Văn nhưng con gà La Thành ăn ngược nên nhiều người bị sạch túi. Con gà ô được xử thắng vì nó chỉ bỏ chạy sau khi chém gục con gà kia.

Khi gió chướng đã thổi thẳng ngọn thì người dân quê miền Nam lại có một thú vui khác. Đó là đi gác cu. Nghe tiếng cu kêu ngoài bờ tre thì ai cũng biết là Tết sắp đến:

Cu kêu ba tiếng cu kêu,

Trông mau tới Tết dựng nêu ăn chè.

Những tay gác cu sành điệu cũng bắt đầu ra nghề. Họ sửa lại cái rập là một cái bẫy sập để bắt cu, và lòi cây sào dài trên trính nhà ra. Họ lựa con cu mới thật nhạy để đem đi gác. Con cu mới được bỏ vào rập. Bẫy được giương ra. Cái rập được che phủ bởi mấy cành lá xanh để các con cu rừng không thấy bẫy. Rồi họ dựng sào lên, và con cu mới bắt đầu bo.

Con cu chiến phải có tiếng bo thật quyến rũ để lòi cuốn các con cu mái đến, đồng thời làm cho các anh cu trống khác nổi ghen và xông vào đánh. Bẫy đã giương nên anh cu rừng vừa đáp xuống, chưa kịp đánh thì bẫy đã sập và bị bắt. Mỗi ngày, người đi rập bắt được chừng năm, ba con cu rừng về quay chảo nhậu chơi. Đôi khi bắt được một con cu chiến thì người ta lại nuôi làm cu mới.

Cu thường đi bẫy, năm bảy con mái với vài con trống. Nhưng có những con cu độc chiếc thích đi lẻ.

Loại cu này đều là cu chiến, rất khôn, khó mà bắt được. Có khi nó đáp xuống bẫy, không xông thẳng vào phía trước mà đánh bợc hậu từ phía sau. Con cu mới hốt hoảng bay lung tung, vỗ đầu, xụ cánh, bị hư, về sau không dùng làm mới được nữa. Nhưng loài cu độc chiếc mà bắt được thì rất dễ tập thành cu mới.

Không phải con cu nào biết bo là có thể làm mới được. Có con có tiếng bo quyến rũ khiến các con cu rừng nhào đầu vào bẫy, nhưng cũng có con "tiếng bắc tiếng chì" làm cho cu rừng e ngại không dám xáp.

Lúc nhỏ, chúng tôi thường được nghe bà cụ Bảy ở đầu nhà kể chuyện chàng bợm bãi đi gác cu. Anh chàng là một tay ăn chơi có tiếng. Thấy nhà ông phú hộ có cô con gái út rất đẹp, cậu ta vác sào đến. Cậu vừa bẫy được một con cu thì trời đổ mưa. Cậu vừa vỗ đầu con cu, vừa kêu to:

Cu ơi cu hồi thương thay

Nhà đâu mà đụt, hồi mấy con cu?

Cậu cứ kêu mãi như thế, cô gái trong nhà thương tình, mở cửa cho cậu vào. Tưởng là cậu chỉ cần đụt mưa, nhưng lại nghe cậu hát:

Cu ơi cu hồi thương thay

Rượu đâu mà uống, hồi mấy con cu?

Cô gái lại đem một bình rượu ra cho. Cậu cứ uống tí tí cho đến khi trời tối, rồi nằm xuống ván, hát:

Cu ơi cu hồi thương thay

Mền đâu mà đắp, hồi mấy con cu?

Cô gái quăng cho hắn một cái mền. Nhưng không hiểu sao hắn cứ run lên bần bật và kêu:

Cu ơi cu hồi thương thay

Người đâu mà úm, hồi mấy con cu?

Cô gái đành nhắm mắt, nhào lên ván để úm cho hắn. Phú ông về nhà bắt gặp, đành phải gả con cho hắn. Như vậy, thủ hồi câu hát:

Ở đời có bốn cái ngu

Làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm châu

có đúng không? Ngu hay không là tùy trường hợp, phải không thưa

tiếng thở dài

*Đâu phải mùa thu
buổi sáng này
Sao lòng hiu hắt
gió heo may
Thì ra giấc mộng
xa xôi đó
Còn vắng trong ta
tiếng thở dài.*

nguyên khanh

hết là người Tiều (Triều Châu), sống bằng nghề làm rẫy ở những nơi mới khai khẩn. Số khác buôn bán, đó là nghề của họ, nên chẳng bao lâu nắm giữ hết các đầu mối thương mại.

Đến năm 1885 chợ Vĩnh Lợi mới được xây cất, cạnh bờ sông Bạc Liêu. Năm 1892, để chỉnh trang thành phố, chủ tỉnh ra lệnh dời các nhà lá chung quanh chợ để cất các dãy phố lầu và kiosque. Tiệm cơm Tàu nổi tiếng là quán Xừng Ký, mở ở trước chợ vẫn còn cho đến ngày nay.

* *

Bạc Liêu do phù sa bồi đắp từ nhiều thế hệ trước, nên rừng sác có mặt khắp nơi, gồm các loại cây bần, mắm, đước... Xa về phía mũi Cà Mau, hướng tây nam là vùng U Minh, rừng tràm tràm thủy bạt ngàn và chẳng chịt mương, lạch phủ đầy dây choại, cóc kèn, thông ra các sông Cái Lớn, sông Cái Bé, sông Ông Đốc rất khó di chuyển. Đây là ổ sinh sản các loại cá, tôm, cua, lươn. Ngoài ra, U Minh còn nhiều đặc sản khác như rắn, rùa, đủ loại chim, nhứt là mật ong và sáp ong.

Ngày xưa tổ ong bám dày đặc trên cây tràm, cây giá nhưng không

ai lấy. Lâu dần, rớt xuống trôi đầy trên sông rạch. Mãi đến thời vua Tự Đức (1847-1883), có người vào sâu bên trong sinh sống rồi, địa phương mới chia lô đầu thầu khai thác mật và sáp ong. Họ dùng các rạch nhỏ làm ranh giới thiên nhiên để chia khu vực đầu thầu, gọi là *ngan*. Từ đó có địa danh Ngan Gừa, Ngan Trâu, Ngan Rít... Dân sống bằng nghề lấy mật ong thường ở trong những làng hẻo lánh, có khi chỉ năm bảy nóc gia, được gọi là dân "ăn ong" hay "ăn ngan". Cho đến những năm đầu thế kỷ này, viên chức Tây vào vùng đó còn gặp cọp, heo rừng; sấu và khỉ thì vô số kể.

Đất Bạc Liêu thấp, thường ngập nước, cỏ năng, lau, sậy um tùm nên phương tiện di chuyển thông dụng là xuồng, ghe:

*Mình mong nổi nước,
Su, đước rườn rả,
Ở đây anh tính sao ra
Sắm bông hột lựu đựng mà cười em.*

Trước ngày mở mang đường sá, người ta phải dọn cái *láng* rồi đánh dấu để đi lại. Hiện vẫn còn nhiều địa phương mang tên Láng Tròn, Láng Dài... Vì phong thổ, địa thế

ấp thấp như vậy nên không ở đâu muối, mòng, đĩa, vát nhiều như Bạc Liêu:

Xứ nào vui cho bằng xứ Cạnh Đền

Muối kêu như sáo thổi, đĩa lền như bánh canh.

Khi chúa Nguyễn Phúc Ánh bị quân Tây Sơn đánh đuổi, có lúc phải chạy vào vùng U Minh, chờ qua Xiêm cầu viện. Truyền thuyết cho rằng địa danh Cạnh Đền chính là nơi chúa Nguyễn đóng quân. Một lần, đi đến một địa điểm khác phải dừng lại vì Chúa lâm bệnh nặng đến độ không hy vọng sống, đã than với quan hộ giá: "Ta chắc bằng!" (Ta chắc chết) Địa điểm ấy, nay là xã Chắc Bàng.

Bạc Liêu còn có một kỳ quan là sân chim, quý tụ nhiều loại chim quý, hiếm. Có thứ to như chẳng bè, già đầy, long ô.v.v.. Cứ mỗi buổi chiều, chim từ các nơi bay về rợp một góc trời. Sân chim rộn ràng đủ loại âm thanh, như một bản đại hợp tấu bất tận. Có các loại chim từ những vùng băng giá, thiên di về đây theo mùa để tránh lạnh, đó là loại chim hiếm; nhưng cũng có những sân chim là tổ ấm bốn mùa, chim cứ sáng bay đi chiều tối trở về đều đặn.

Sân chim có thời là tài nguyên khá lớn của địa phương, nhưng bị khai thác bừa bãi để lấy lông làm quạt bán ra nước ngoài nên nhiều giống chim gần như bị tuyệt chủng. Đất lành chim mới đậu. Chiến tranh cũng là một lý do khiến sân chim hoang vắng. Hiện nay chỉ còn một ít sân chim ở các làng Đông Yên, Vĩnh Hoà đang được gây dựng lại, cấm các vụ săn bắn, bẫy chim lấy thịt ăn.

Về Bạc Liêu, nên lựa vào khoảng tháng bảy, tám để được nếm thứ nhãn hạt tiêu. Trái nhãn đầy cơm, nước ngọt lịm mà hột rất nhỏ. Vườn nhãn Bạc Liêu chạy dài dọc theo bờ biển, vườn nối vườn tạo thành một rừng nhãn mênh mông.

Một nguồn lợi khác làm giàu cho Bạc Liêu là muối. Vào mùa thu hoạch, diêm dân nhón nhíp bần



rộn. Những "tu muối" cao ngất lên mãi, chờ đưa đi tiêu thụ. Chính hột muối mặn mà đó đã ướp những con cá lóc, cá sặt nơi sông rạch thành khô, mắm thơm lừng. Nhiều người thích ăn mắm sống Bạc Liêu với cơm nguội, rất đậm đà; hay nấu một nồi "mắm và rau" để ăn một lần rồi không bao giờ quên được hương vị đặc biệt của nó. Cũng với loại mắm đó, dân địa phương còn chế ra món "bún nước lèo" nổi tiếng. Trước năm 1975, Sài Gòn có quán bún nước lèo Bạc Liêu ở gần Ngã Tư Quốc Tế (góc Bùi Viện-Đề Thám) rất đông khách. Hiện nay, dầu ngăn cách cả một đại dương, bún nước lèo Bạc Liêu cùng món mắm và rau cũng đã theo dân Việt vượt biển, du nhập vào đất Mỹ. Nhiều nhà hàng đã quảng cáo trình trọng món ăn đầy hương vị quê hương ấy, giới thiệu cả với khách ngoại quốc.

Đặt chân đến Bạc Liêu ta còn có dịp chứng kiến nếp sống hoà đồng giữa các dân tộc Việt, Miên, Tàu. Ở đây tuy người Miên có phum, sóc (ấp, làng) riêng như Sóc Đồn, Sóc Bưng... nhưng vẫn có những người sống lẫn lộn với dân Việt và Tiều một cách thoải mái, vui vẻ. Nhiều người Miên, Tàu còn cưới vợ Việt. Con cái họ học hành, chơi đùa với nhau cho nên tiếng nói của người Bạc Liêu có nét riêng, rất dễ thương. Có những câu nói pha trộn đến ba thứ tiếng. Trong làng xóm, sự thờ cúng cũng vậy. Người Hoa, người Miên đi lễ chùa Việt Nam; người Miên, người Việt vẫn cúng chùa Ông Bốn (1) và người Hoa, người Việt luôn luôn tôn trọng các buổi lễ ở các chùa Miên, các miếu Ông Tà (2). Bạc Liêu có những người Miên làm đến quận trưởng (như Thạch Phen, quận trưởng Vĩnh Châu, vừa bị Cộng sản kết án vì dúi lú tới vụ công ty Cimexcol với Dương Văn Ba), trưởng chi cảnh sát như ông Sơn Sự. Hai người này sau đó đã đắc cử dân biểu quốc hội Việt Nam Cộng Hoà trước 1975.

Ngoài những dòng họ đã được

nhắc ở trên, Bạc Liêu còn có những gia đình nổi tiếng khác như Cao Triều Phát, Chung Bá Vạn, gia đình Lâm Quang (trong đó có hai trung tướng Lâm Quang Thợ, Lâm Quang Thi), gia đình trung tướng Trần Văn Minh, tư lệnh Không Quân.v.v..

Thời ấy nay đã qua. Bạc Liêu ngày nay cũng như khắp nơi trên đất nước, đang quần quai dưới sự cai trị hà khắc, làm cho nhân dân ngày càng khốn khó. Nhiều đồng bào đã bị đói, ngay tại vùng lúa miền Nam đó. Xã Hộ Phòng giàu cá tôm, Vĩnh Mỹ trù phú lúa gạo, từng được tổng thống Ngô Đình Diệm đến thăm, bây giờ chánh quyền Cộng sản đưa hàng ngàn gia đình từ Hà Nam Ninh vào chấn dục bờ biển, nhằm ngăn chặn làn sóng vượt biển tìm tự do của đồng bào miền Nam, cũng như các vụ xâm nhập của các tổ chức phục quốc, đã xảy ra vào những năm 1987-1988.

Bạc Liêu từng là đất hoạt động của Thiên Địa Hội chống thực dân, hiện đang tiếp nối truyền thống ấy. Sau 30.4.1975, dầu Dương Văn Minh kêu gọi buông súng đầu hàng, nhiều nơi ở đây dân chúng vẫn chiến đấu rất anh dũng. Những người con của Bạc Liêu: thiếu tá Mã Thành Nghĩa, thiếu tá Lê Văn Sĩ đã ngã xuống một cách oanh liệt... Và cũng như khắp nơi trên quê hương Việt Nam thân yêu, Bạc Liêu đang góp sức vào công cuộc lật đổ bạo quyền, chờ đợi một ngày mai tươi sáng...

*Gió hiu hiu Bạc Liêu kia hỡi
Mối sầu này biết gửi cùng ai...*



1. Chùa của người Hoa thờ nhà hàng hải Trịnh Hoà, người chỉ huy 500 thuyền của nhóm di thần nhà Minh, chủ trương diệt Thanh phục Minh. Ông được xem là vị phúc thần, gọi là Bốn Đầu Công, kêu tắt là Ông Bốn.

2. Là những miếu nhỏ do người Miên dựng ở đầu làng để thờ vị thần bốn địa, tượng trưng bằng viên đá to, phủ bằng miếng nhiều đỏ, được rất đông người Miên tin tưởng.

Lời mở đầu: Vanya Kewley là phóng viên truyền hình đầu tiên của Tây phương mạo hiểm vào Tây Tạng năm 1988 để thu những hình ảnh cho thấy chính sách cai trị của Trung Hoa đã tàn phá Tây Tạng như thế nào. Cô phải cải trang để vào Tây Tạng một cách lén lút, và nhờ mạng lưới kháng chiến Tây Tạng, cô đã được chứng kiến sự ngược đãi của nhà cầm quyền Trung Hoa đối với dân Tây Tạng: cầm tù, khủng bố, tra tấn, hành hạ sư ni, phá hủy chùa, tượng Phật, tàn phá lâm sản, tài nguyên thiên nhiên của Tây Tạng... Cô cũng đã phỏng vấn những sư ni, kháng chiến quân, thường dân Tây Tạng. Để bảo đảm an toàn cho những người này, cô đề nghị những người được phỏng vấn có thể chọn một trong hai giải pháp: hoặc ống kính chỉ chụp nghiêng, không để lộ mặt; hoặc chụp nguyên mặt. Một số nhận đề nghị đầu như trường hợp một bác sĩ Trung Hoa được lệnh phá thai phụ nữ Tây Tạng trong âm mưu tiêu diệt chủng tộc này, và một lãnh tụ kháng chiến. Nhưng đối với các ni sư dự cuộc biểu tình ôn hoà ở thủ đô Lhasa và bị quân Trung Hoa đánh đập mang thương tích trầm trọng thì họ lại yêu cầu cô chụp ngay mặt, dù biết rằng làm thế là đã tự ký án tử hình cho chính mình. Họ điềm tĩnh giải thích rằng, nếu làm vậy mà có thể giúp ích cho việc giải phóng đất nước thì họ rất mãn nguyện.

Sau khi cuốn phim được lén lút mang ra khỏi Tây Tạng và được các hệ thống truyền hình Anh, Mỹ, Canada, Úc cùng những nước Tây phương khác chiếu, toà đại sứ Trung Hoa tại các nước trên đã phản đối kịch liệt. Mọi đài truyền hình, theo đúng tôn chỉ vô tư của giới truyền thông, đã mời đại sứ Trung Hoa tới đối chất với cô Vanya Kewley trên màn ảnh tại các quốc gia trên nhưng không một đại sứ nào dám tới.

Bài dưới đây chỉ tóm lược những đoạn chính trong quyển "Tibet: Behind the Curtain" của Vanya

Bản Cáo-Trạng Tây-Tạng

Vanya Kewly
Hoàng Lan

(dịch-thuật)

Kewley, nxb Grafton, 1990, do đó phải bỏ qua một số chi tiết lý thú, và chỉ trình bày những điểm chính để người đọc cảm thông với sự ngược đãi mà người dân Tây Tạng đang phải gánh chịu, đồng thời để thế giới mạnh mẽ lên tiếng phản đối sự tàn bạo ấy, cho phép nước Tây Tạng được độc lập và người Tây Tạng được hưởng thanh bình, xứng với bản tính hiền hoà của họ. Đó là ước nguyện của phóng viên Vanya Kewley.

Sáu triệu người Do Thái đã biết giết trong thế chiến thứ hai và thế giới không hề quên họ, nhưng một triệu hai người Tây Tạng, một phần sáu dân số, đã biến mất mà không một quốc gia nào nhúc nhích. Liên Hiệp Quốc chỉ đưa ra 3 nghị quyết năm 1960, 1961 và 1965 lên án Trung cộng về việc vi phạm nhân quyền và đàn áp quyền tự quyết của Tây Tạng.

Người Tây Tạng đã giải thích vấn đề rất thực tế. Một vị sư Tây

Tạng nói với tôi là chuyện xảy ra ở nước ông gần như không thể quay phim được. Không giống như các lò thiêu người ở Auschwitz và Belsen, có quân đội đồng minh tới để quay phim những bộ xương người biết đi; người bị thảm sát ở Tây Tạng đã bị vùi chôn, chứng cứ biến mất. Hơn bốn mươi năm nay, không một ngoại nhân nào được phép tự do đi lại trong nội địa Tây Tạng. Không có phim ảnh, báo cáo, chiến dịch quốc tế nào. Làm sao khiến dư luận thế giới tin được lời mình? Nhưng tôi tin rằng dù có nhiều trở ngại, tôi vẫn có thể điều tra được các lời tố cáo và kiểm chứng nơi những người sống sót sau lần mà nhiều người gọi là Cuộc Thảm Sát Tây Tạng.

Những người khác chỉ cho tôi thấy Trung cộng hiện giờ là thị trường lớn nhất về tiêu thụ hàng hoá và kỹ thuật Tây phương, thế nên không nước nào đại gì phản đối chính sách của Trung Cộng để mất khách, và đó là lý do tại sao biến cố ở Tây Tạng không được báo chí

Tây phương đặt lên hàng đầu.*

Khi bắt đầu phim tài liệu này, tôi đã đặt cho mình những qui tắc chặt chẽ. Không dễ gì tìm ra hai người Tây Tạng có học thức, vô tư, không để người khác chi phối mình. Họ phải có khả năng điều tra cẩn kẽ, phải cho tôi hay nếu tư cách chứng nhân không đủ bảo đảm, và họ cũng phải biết rằng tôi sẽ đích thân kiểm chứng nguồn tin. Nếu có chút nghi ngờ nào, tôi sẽ bỏ ngay, không dùng chứng cứ ấy. Sau khi tìm hiểu kỹ càng các ứng viên, tôi chọn Pedon và Nedong, hai người Tây Tạng đáp ứng đầy đủ các điều kiện tôi đưa ra.

Tôi nhấn mạnh với điều tra viên về nhu cầu chính xác và tái kiểm chứng. Tôi bảo họ: "Đừng nói với tôi là có 10.000 người chết trong tù. Không ai chết với con số chẵn gọn gàng như vậy!". Việc thiếu sót thống kê làm công việc trở nên khó khăn hơn. Từ hồi chiếm đóng Tây Tạng đến thời gian gần đây, Trung cộng là nguồn duy nhất cung cấp tài liệu. Nhưng chính phủ lưu vong Tây Tạng ý thức được tầm quan trọng của vấn đề, đã lưu ý các điều tra viên và ngay cả người tị nạn Tây Tạng trong việc tái kiểm cẩn thận mọi sự kiện và lời tố cáo. Cho đến cuối năm 1983, chính phủ lưu vong Tây Tạng mới chỉ kiểm chứng được tên của 1.207.487 người chết như là kết quả trực tiếp của việc Trung cộng chiếm đóng Tây Tạng.

Lẽ dĩ nhiên Trung cộng khẳng khái phủ nhận con số thống kê về nạn nhân trên. Trung cộng, cho dù đã có ba bản báo cáo của ủy ban điều tra quốc tế năm 1959, 1961 và 1965 về việc chủ trương diệt chủng ở Tây Tạng, vẫn luôn luôn chối biến những lời tố cáo và không cho phép một phái đoàn hay ký giả nào được tự do vào Tây Tạng để điều tra.

Tôi dành nhiều ngày để giải thích cho những người bạn Tây Tạng lo về chuyến đi — họ vốn chưa hề biết cách làm việc của phóng viên truyền hình — và cách chọn địa điểm. Đó là chuyện sinh tử vì sự an toàn của

chúng tôi tùy thuộc vào việc tôi không bị nhận diện, nhất là với máy quay phim, và họ càng cho tôi nhiều chi tiết về địa điểm chừng nào, chúng tôi càng dễ dàng thu hình mau lẹ rồi rút êm chừng nấy.

Đã từng thực hiện nhiều chương trình về việc vi phạm nhân quyền và tra tấn khắp thế giới mà không được phép của chính phủ liên hệ, tôi quá quen với việc bị chính quyền các nước ấy chụp mũ là Cộng sản hay Phát xít. Nhưng có một điều không ai có thể chối cãi được là chứng cứ trên màn ảnh. Khi người được phỏng vấn phát biểu, tố cáo về sự vi phạm nhân quyền một cách thẳng thắn, can đảm nhận chịu hậu quả ngồi tù hoặc tệ hơn thế sẽ xảy đến cho mình, tư cách chứng nhân của người ấy có một sức thuyết phục không thể phủ nhận.

Bảo một người mở miệng tiết lộ để rồi bị hành hạ là một quyết định dày vò, nhất là khi biết mình nhờ trời sẽ rời nước ấy an toàn, còn người được phỏng vấn sẽ bị vồ ngay khi phim được truyền hình. Tôi luôn luôn thất ruột khi bảo người khác hy sinh như vậy, và vì thế tôi không hề sơ sót trong việc thông báo cho họ rõ những nguy hiểm đang chờ họ. Tôi luôn luôn nhấn mạnh rằng cá nhân tôi không thể bảo vệ họ, và tôi cũng không chắc là nỗ lực của Ấn xá Quốc tế có thể làm được gì cho họ một khi phim được trình chiếu. Có người nghe vậy hoảng vía rút lui ngay, nhưng cũng có người rất can đảm, mạnh dạn nói vào ống kính thu hình.

Tôi làm mấy bảng kê khai dài thậm thụt cho điều tra viên, dặn họ kiểm chứng mọi chi tiết, từ địa điểm của đồn bắt Trung cộng cho tới giờ đổi phiên gác của lính canh, nơi bán xăng trong nhiều vùng, chỗ mua vỏ xe, nồi niêu, đèn hơi để quay phim trong chỗ tối, đèn cày, diêm quẹt và hàng trăm thứ lặt vặt khác. Một khi lên đường, chúng tôi sẽ phải tự túc và không thể trông cậy vào một ai được.

Công việc của chúng tôi là ngoài

việc phỏng vấn và nêu ra bằng cứ về sự ngược đãi của Trung cộng đối với nhân dân Tây Tạng, chúng tôi còn đi qua những làng xã và thôn xóm hẻo lánh để kiểm chứng việc Trung cộng có thiết lập các cơ sở y tế và giáo dục như họ vẫn thường tuyên bố không, đồng thời nhận xét hư thực về lời tố cáo Trung cộng đã biến Tây Tạng thành kho thuốc súng khổng lồ, cùng chứa một số lượng đáng kể hoả tiễn với đầu đạn nguyên tử sâu trong lục địa Tây Tạng.

Tới thủ đô Lhasa vào lúc 1 giờ chiều, chúng tôi lấy phòng ở khách sạn rồi đi tản cảnh. Chúng tôi leo lên một chiếc xích lô đạp. Nhưng điều lạ lùng là không phải chỉ xích lô là món Trung cộng mang vào Tây Tạng, mà tất cả những người đạp xe đều là người Tàu. Người Tây Tạng cho tôi biết đó là điều điển hình cho thấy ngay cả những nghề thấp kém nhất cũng toàn do người Tàu làm. Những người Tàu này để gia đình vợ con ở lại Trung cộng, tha phương sang Tây Tạng làm việc vì nhờ đó họ có thể mua được những xa xỉ phẩm như máy khâu, xe đạp, máy truyền hình và biết đâu cả tủ lạnh, những món không thể nào mua được nếu họ ở lại lục địa.

Sonam, một người Tây Tạng quá khích, sau đó dẫn tôi đi vòng các đường phố, chỉ cho tôi thấy những người Tây Tạng ngồi sát đường cống rãnh chờ việc. Ông nói một cách cay đắng: "Chỉ nội trong vùng Lhasa đã có 30% người Tây Tạng thất nghiệp, vì chính quyền mang người Tàu vào nước tôi. Họ tới đây, chiếm công ăn việc làm, chiếm đất đai nhà cửa, tài nguyên thiên nhiên của chúng tôi. Chiếm hết mọi thứ, còn tệ hơn nạn cào cào phá lúa. Ít nhất ăn xong cào cào bay đi, còn những người Tàu ở lì tại chỗ".

Quả thật đường phố đầy ngập người Tàu. Bạn quay đầu chỗ nào cũng thấy bảng hiệu tiếng Tàu: ngân hàng, cửa tiệm, hàng ăn, tên đường và ngay cả khu gia cư Tây Tạng. Nhà cửa cũng có chữ Tàu

son trên đó. Về sau tôi được biết chữ Tàu còn được sơn và treo bên trong chùa chiền Tây Tạng, ngay cả trong chùa Jokhang, nơi linh thiêng nhất đối với người Tây Tạng. Sonam bảo: "Chuyện gì người Tàu cũng kiểm soát hữu hiệu, từ việc cai trị Tây Tạng tới dịch vụ y tế, giáo dục, nhà cửa... Người Tây Tạng chúng tôi không có tiếng nói nào trong việc điều hành nước chúng tôi; chúng tôi là phó thường dân trong chính đất nước mình".

Cố nhiên tôi có nghe lời tố cáo về việc chuyển di người Tàu vào Tây Tạng, vừa để giải quyết nạn nhân mãn ở Tàu, vừa để trừng trị người Tây Tạng cứng cổ. Tây Tạng tuyên bố là hiện thời có 7.5 triệu người Tàu so với 6 triệu người Tây Tạng trong nội địa nước này. Lhasa trước kia là thành phố thuần nét Tây Tạng, giờ đây có sắc thái 80% là Tàu. Người Tàu ở thành khu, có tường cao bao quanh để phân biệt với khu Tây Tạng bên ngoài. Trong khu cũng có nhà vài viên chức Tây Tạng làm việc cho Trung cộng vì ở đó họ được hưởng tiện nghi như điện, cái mà khu Tây Tạng không có.

Một lúc sau chúng tôi vào tới khu Tây Tạng. Quang cảnh nơi đây khác hẳn khu gia cư của người Tàu. Dù nghèo khổ, người Tây Tạng vẫn huyền thuyên, vui vẻ, đầy sức sống. Mới chỉ đi vài thước mà tôi nghe họ cười không biết bao nhiêu lần. Người Tây Tạng rất ưa màu sắc. Bạn có thể thấy rõ điều này trong cách họ trang hoàng nhà cửa và chùa chiền. Trước khi Trung cộng chiếm đóng, người Tây Tạng mặc quần áo màu mè sặc sỡ trong những dịp hội hè đình đám. Một nét dễ thương khác của họ là tính yêu hoa. Ngoài việc thưởng ngoạn hoa, họ tin hoa là một trong những lễ vật quý nhất để dâng lên Trời Phật, và nếu họ trồng hoa trong kiếp này, kiếp tới họ sẽ sinh ra đẹp đẽ. Trước khi Cộng sản tới, hoa đủ loại được trồng trong vườn nhà người Tây Tạng.

Một nhà nhân chủng học bảo tôi việc người Tây Tạng ưa màu sắc là

nét tiêu biểu của dân sa mạc, vì hoa hiêm có trong sa mạc và trên những núi đồi cao, thế nhưng tôi thấy rất ít người Tây Tạng đeo bích ngọc (có mỏ ở Tây Tạng) hay hổ phách, san hô như các hình chụp trước khi Cộng sản chiếm đóng. Một người bạn Tây Tạng giải thích cho tôi rõ dưới sự cai trị của Tàu và nhất là trong cuộc Cách mạng Văn hoá, họ triệt để cấm chỉ việc nói tiếng Tây Tạng, mặc y phục Tây Tạng mà phải nói tiếng Tàu, mặc quần áo kiểu Mao với mục đích đồng hoá dân Tây Tạng. Riêng những vùng xa xôi, dân du mục vẫn tiếp tục mặc quần áo riêng của họ.

Đi ngược về phố, tôi đến đường vòng Barkhor, bao quanh ba bề của điện Jokhang. Đây là trung tâm tín ngưỡng của Lhasa, có rất đông hàng quán cũng như người qua lại. Tôi nhìn kỹ khách trên đường và thấy nhiều nhóm lính Tàu đi ngược chiều kim đồng hồ quanh Barkhor. Đi như vậy ở Barkhor hay ở Jokhang, là cố ý nhục mạ lòng sùng bái của người Tây Tạng. Một người Tây Tạng đã bảo tôi: "Nói riêng về Jokhang, đi cách đó chẳng khác nào tiểu tiện trên bàn thờ trong nhà thờ Thiên Chúa giáo!". Khi tôi nói biết đâu người Tàu không rõ tục lệ Tây Tạng, anh chàng lạnh lùng bẻ ngay: "Lời biện hộ ấy chỉ hợp lý đối với du khách mới đến đây lần đầu, nhưng người Tàu đã ở đây hơn ba chục năm rồi. Hành động đó không phải là tình cờ hay vô tình. Đó là sự cố tình, họ tiếp tục xách động và cố gắng bôi nhọ tôn giáo chúng tôi. Cố cứ đi tới bất cứ chùa nào và coi người Tàu xử sự ra sao. Vô trong đền Jokhang mà coi".

Tôi theo đoàn người hành hương đi vòng ra trước điện Jokhang. Họ từ khắp Á châu tới đây, và ký ức về lòng tin trên gương mặt họ sẽ ở mãi tới ngày cuối đời tôi. Tôi theo Thiên Chúa giáo và đã gặp nhiều người thuộc nhiều tôn giáo khác nhau, nhưng niềm tin của những con người chất phác này là cái mà tôi chưa thấy hay kinh

nói với bầy chim nhỏ vườn sau

*Lan-man giấc lười chưa tỉnh
Cảm ơn em gọi vườn sau
Mười hai năm trời quen tiếng
Lòng sầu thê-thiết chôn sâu.*

*Xù lông giữa trời giá rét
Này em, em bé chít-chiu
Chân non không giày có biết
Lòng ta lạnh cóng hơn nhiều.*

*Nhìn em nhớ thời tuổi dại
Mà thương nửa kiếp lưu-đày
Đêm qua thấy mình trở lại
Bước trong vườn cũ mưa bay...*

cung vũ



nghiệm bao giờ. Nhiều kẻ đi từ quê nhà ở tỉnh Kham cách đây gần 2400 cây số tới đây bằng cách sắp mình mỗi bước, đứng dậy rồi lại sắp mình tiến tới (nhất bộ nhất bái). Họ mất chín năm đi như vậy. Đó là bằng chứng hùng hồn cho sự bền vững niềm tin mà Trung cộng không thể tận diệt sau 40 năm đàn áp tàn bạo.

Lúc mua khăn quàng mỏng mà theo tục lệ Tây Tạng được dùng dâng tặng khi vào chùa hay tới nhà ai để tỏ lòng kính trọng, tôi giật mình khám phá rằng tất cả những người bán khăn quàng ở Jokhang đều là người Tàu! Nhìn kỹ tôi thấy ai cũng mặc quần áo Tàu, hút thuốc lá Tàu và đọc truyện Tàu. Khi ấy tôi mới bắt đầu hiểu sự cay đắng của người Tây Tạng lúc họ than phiền rằng chẳng những người Tàu chiếm hết việc làm của họ, mà còn tràn ngập cả những nơi tôn kính nhất của Tây Tạng.

Đi gần tới chính điện, một người Tây Tạng bước đến gần tôi, hỏi xin

hình đức Đạt Lai Lạt Ma bằng tiếng Anh ngọng nghịu. Du khách nào cũng bị hỏi mỗi ngày về tin tức và hình ảnh vị lãnh đạo đáng kính của người Tây Tạng. Không mang theo vì ngại bị khám xét ở phi trường và ghé tới mang sách báo phản động, tôi ngượng nghịu ra dấu không có, họ mỉm cười và nhiều kẻ cầm lấy tay tôi yên lặng áp lên trán họ.

Đây đó, những du khách xuống xe bus đang bận rộn chụp những "phong tục quái dị" của những người dân "dễ thương" này. Người Tây Tạng bảo tôi: "Trung cộng đang hạ tôn giáo của chúng tôi tới mức làm trò hề cho du khách để lấy đô-la. Nhưng cái mà du khách thấy chỉ là bề ngoài của tôn giáo nước này. Họ không thấy tinh hoa cũng như hướng dẫn viên Tàu không giải thích cho họ biết về những điểm tế vi của Phật giáo Tây Tạng. Du khách không hề biết Trung cộng khe khát với tôn giáo chúng

tôi, cảm đoán không cho chúng tôi hành lễ mà ngoài miệng vẫn cứ bảo tự do. Đây chỉ là một cách làm giảm giá trị một tôn giáo thâm sâu xuống hàng nghi lễ rỗng tuếch. Thực sự, muốn làm sư Tây Tạng phải mất từ 20 đến 30 năm học tập. Cô đi về miền quê đi, đi sâu vào Tây Tạng mà xem”.

Tôi nhớ chuyện một vị sư ở Jokhang trốn được sang Ấn kể lại chuyện kinh hoàng khi người Tàu tấn công Jokhang năm 1975: Họ đập phá tượng, bôi xoá tranh thờ, giết hơn 40 sư sãi, đánh mấy chục vị khác và tống họ vào tù. Ông hỏi một cách nhẹ nhàng, không cay đắng, đúng kiểu của một Phật tử: “Không phải bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền của Liên Hiệp Quốc công nhận quyền tự do tín ngưỡng là quyền căn bản của con người sao?” Mảnh sân nơi sự việc trên xảy ra bị biến thành chuồng heo và lò giết heo, bây giờ sư Tây Tạng đang

yên lặng đọc kinh. “Khi bọn chúng đập phá tượng, chở đi những cây phước vô giá, vật thờ bằng vàng bằng bạc để đem bán, thả bom tu viện, đốt kinh sách, nhốt và tra tấn ni sư, biến chùa chiền thành khu gia binh, giải trí viện cho bọn chúng, sao không ai lên tiếng phản đối?” Vị sư hỏi tiếp.

Du khách đứng cạnh tôi là một vị sư ở Ấn đi hành hương. Ông nói được tiếng Anh. Nghe tôi nói chuyện, ông bảo: “Cô suy luận nhiều quá, hỏi nhiều quá. Cứ cảm nhận thôi. Có nhiều điều ở đây cô không thể hiểu lúc này vì nhìn theo nhãn quan Tây phương. Hãy lặng yên trong giây lát, cứ nhìn và cảm xúc thôi mà đừng thắc mắc”. Ông cười hiền từ. Đó đúng là sự cởi mở của người Phật tử. Họ cho phép tôi, kẻ ngoại đạo, đi vào và ngồi trong điện thờ tôn kính nhất của họ, khác hẳn với những tôn giáo khác, nhất là đạo Hồi, vốn ngăn

cấm rất mực và lên án tử hình kẻ ngoại đạo nào có mặt ở thánh địa Mecca.

Sau năm ngày ở Lhasa, chúng tôi bỏ dở dự án thu hình vì người dẫn đường không đến chỗ hẹn. Chúng tôi phải quay về London, chuẩn bị cho việc trở lại Lhasa tháng sau. Trong thời gian đó, việc gấp rút phải làm là tìm một thông dịch viên tình nguyện, có thể lọt qua sự kiểm soát của Trung cộng và đóng vai du khách vào Tây Tạng an toàn. Người này phải biết nói tiếng Anh và Tây Tạng lưu loát. Ứng viên lý tưởng sẽ là người Tây Tạng mang sổ thông hành nước ngoài và phải ở ngoại quốc đủ lâu để Trung cộng không nghi kỵ mà tin rằng họ chỉ vào Tây Tạng để thăm bà con sắp chết, và do đó chịu cấp chiếu khán cho người này.

Màng lưới kháng chiến Tây Tạng đưa Thondup tới gặp chúng tôi. Thân phụ anh bị Trung cộng bắt chết trước mặt cả làng vì một tội do Trung cộng bịa đặt. Chúng còn đòi gia đình anh phải trả tiền viên đạn dùng để xử tử ông trước khi cho phép mang xác về chôn. Anh được người chú đem qua Ấn lúc 9 tuổi với hy vọng đứa trẻ sẽ bảo tồn được dòng họ. Thondup trôi nổi, làm đủ thứ nghề, kể cả làm bếp cho một gia đình Mỹ và theo họ về Mỹ. Anh chất phác, ít học nhưng thật gan dạ và coi chuyến đi này như một phương tiện để phục vụ quê hương. Tôi duyệt sơ các chi tiết của kế hoạch với anh và giải thích thật kỹ càng phương pháp làm việc cũng như mục đích đi tìm sự thật của chúng tôi.

Vào Lhasa trở lại, chúng tôi tới quán cơm Yak để gặp người dẫn đường. Một cảnh tượng ở đây khiến tôi rất ngỡ ngàng: lần đầu tiên trong đời tôi thấy người Tây Tạng xin ăn. Trong những nơi họ lưu vong như ở Ấn, Bhutan hay Nepal, tôi chưa hề thấy một người Tây Tạng nghèo khổ nào — mà họ vốn rất nghèo lại mắc bệnh lao — thực sự phải xin ăn. Nhưng ở đây, ngay thủ đô của họ, tôi thấy nhiều người



Tây Tạng sa sút đến mức phải hành khất. Họ có vẻ xấu hổ khi nài nỉ du khách, không phải lối dai như đĩa ở Ấn, mà ngưng ngưng, e ngại thấy rõ.

Điều đau lòng nhất là cảnh gặp trẻ con xin ăn. Trẻ con trong điều kiện quần bách nào cũng đáng thương, nhưng tôi đã gặp quá nhiều trẻ ăn xin chuyên nghiệp và chúng nó không thể lừa tôi được nữa. Riêng trẻ con Tây Tạng quần áo rách bươm thì trái lại, chắc chắn chúng không phải nhà nghề mà đói thật và không phải vì lưỡi biếng mà đói. Tôi khám phá phần lớn những đứa trẻ này đến từ các tỉnh xa của Tây Tạng như Kham và Amo ở phía đông.

Nygma là đứa trẻ đầu tiên tôi gặp, nhỏ con, chừng 9 tuổi, từ tỉnh Kham đến Lhasa. Nó ốm quá, đi từ bàn này tới bàn kia, nhìn hau háu vào các đĩa thức ăn. Cái khiến người ta bất nhẫn là những đứa trẻ này không giơ tay ra xin. Nó mắc cỡ tới nỗi không dám nhìn vào mặt du khách. Nhận thấy đứa trẻ quá đói, tôi ra hiệu cho nó ngồi xuống ghế bên cạnh và đẩy tô canh tới trước mặt nó. Nó nhìn tôi sững sờ như không tin, và như sợ rằng tôi có thể đổi ý, nó húp sùm sụp thật lẹ bát canh và ăn hết thật mau tô mì mà tôi mua thêm cho nó. Đợi nó ăn xong, tôi hỏi một câu hơi ngu, là sao nó không đi học. Nó thẹn thùng trả lời là chưa bao giờ tới trường, là nó không biết đọc, biết viết, là nó cùng với thằng anh mười tuổi đi nhờ xe tới Lhasa tìm việc làm để có cái ăn.

Nygma kể tiếp và người hầu bàn dịch lại là bố mẹ nó làm ruộng ở Kham, nhưng mấy năm trước người Tàu tịch thu mảnh ruộng duy nhất ấy, ủi sập nhà nó để có thêm đất trồng trọt. Mất ruộng, mất nhà, gia đình nó chỉ trông cậy vào hai con bò Yak. Năm trước ba nó chết vì bị sốt mà không được chữa trị, mẹ nó nuôi con không xuể, đã dặn hai đứa trẻ xuống thành thị kiếm ăn, bà ở lại Kham với đứa con gái nhỏ. Đây là câu chuyện đầu tiên,

sau này tôi được nghe nhiều câu chuyện tương tự ở Lhasa và khắp Tây Tạng. Điều làm tôi cảm động là đứa trẻ không hề xin hay nài nỉ điều gì. Sau khi ăn xong, bụng căng phồng dưới manh áo rách, thằng bé tuy thất học nhưng với tính lễ phép bẩm sinh của người Tây Tạng, đã thưa "cảm ơn cô" một cách tự nhiên.

Về sau, khi tôi phỏng vấn Sonam trên phim, ông bảo rằng trước khi Trung cộng xâm lăng, Tây Tạng không hề có hành khất. Cho dù nhiều người Tây Tạng nghèo so với mức sống Tây phương, nhưng họ không nghèo một cách khốn khổ, bởi đạo Phật dạy phải lo cho kẻ bất hạnh hơn mình và điều này được tuân giữ kỹ. Không ai xin ăn, ngoại trừ các vị sư khất thực. Nhưng sau khi Trung cộng tràn qua Tây Tạng, họ lần lượt cướp hết việc làm của người Tây Tạng, dành ruộng đất tốt nhất cho mình, và lần đầu tiên trong lịch sử Tây Tạng, người dân phải xin ăn.

Tối hôm ấy tôi được dẫn vào nhà ở thuộc khu Tây Tạng ở Lhasa. Căn phòng nhỏ đã có một số người đợi sẵn. Đây là chỗ cư ngụ cho một gia đình gồm sáu người ăn, ngủ, nấu nướng và tắm giặt. Trong góc phòng có bàn thờ và họ nghèo tới nỗi không có đèn thắp trên bàn thờ, chỉ có mấy tách nước cúng.

Sau khi chào hỏi, tôi được giới thiệu với nhóm người Tây Tạng nhận lời chịu phỏng vấn trên màn ảnh truyền hình Anh. Trong mấy tiếng đồng hồ, tôi ngồi nghe những chuyện kinh hoàng của họ rồi phải quyết định một cách khó khăn là chuyện của ai sẽ được chọn lên phim. Vì thời gian truyền hình chỉ có 40 phút ngắn ngủi để trình bày sự kiện, tôi bắt buộc phải lọc lựa bằng chứng và chỉ có thể phỏng vấn một số ít người. Phỏng vấn nhiều người hơn thời gian cho phép là vô trách nhiệm, vì rủi chúng tôi bị bắt, người được thu hình mà không được phát sẽ bị vạ lây.

Nhưng chọn ai và bỏ ai? Quyết định không đơn giản và cũng

không dễ gì giải thích cho những người đã đi mấy ngày đường để tới Lhasa, đã chịu sự hiểm nguy là có thể bị bắt vì trò chuyện với ký giả ngoại quốc, là lời chứng của họ không được chúng tôi nhận. Dù chúng tôi chỉ nói chuyện nhỏ trong phòng, một số người Tây Tạng khác vẫn phải đứng gác trên nóc nhà và đường phố, canh chừng lính Tàu.

Tôi quyết định phỏng vấn hai người đàn ông và một nhóm sư cô trẻ. Lobsang Norbu trước kia là một nhà sư ở tu viện Sera, và Sonam Tsering là thầy giáo ở Kham mang tội phản động, bây giờ làm thợ hồ để sinh sống. Ông là người có học, lòng sôi sục vì căm phẫn, muốn kể cho thế giới biết là người Tàu đã phá hủy nền giáo dục, văn hoá và phong tục Tây Tạng như thế nào. Bốn người sau cùng là các sư cô chỉ mới hai mươi tuổi, vài tháng trước họ đã tuần hành ôn hoà quanh chùa Jokhang để đòi độc lập cho Tây Tạng.

Trong lúc họ uống trà, tôi nhắc lại những nguy hiểm mà họ phải gặp và hỏi họ có muốn xét lại quyết định xuất hiện trước ống kính hay không. Giây phút mà họ trang trọng nhận lời với một phẩm cách an nhiên là giây phút không thể quên.

(còn tiếp)

* Các nước Tây phương hết sức tránh làm méch lòng Trung cộng nên tổng thống Mỹ, thủ tướng Canada và các nguyên thủ quốc gia khác đều chính thức từ chối gặp gỡ và đón tiếp đức Đạt Lai Lạt Ma, dù ngài đã được giải Nobel Hoà Bình. Ngược lại, giám mục Tutu của Nam Phi, người cũng được giải Nobel Hoà Bình, đã được các vị trên niềm nở đón chào. Thông tấn xã quốc tế và báo chí không dám loan tin trung thực về sự đàn áp ở Tây Tạng vì sợ Trung cộng trả đũa bằng cách đóng cửa văn phòng họ ở Bắc Kinh hay làm khó dễ ký giả. Nói một cách khác, Trung cộng đã khiến thông tấn xã và báo chí tự kiểm duyệt mình. (Ghi chú của người dịch).

CHÂN QUANG

Tự Tĩnh
(phóng-tác)



(tiếp theo)

CHƯƠNG III

CHÂN NHƯ

MÀU XANH HỒ THỦY

Trải tấm lụa vừa nhuộm xong lên cổ, Oa Tử giở nón ngồi nghỉ. Nước hồ xanh trong gợn sóng lăn tăn và tấm lụa nàng vừa nhuộm cũng một màu xanh mát, duy lòng nàng sao bồn chồn như lửa đốt.

Hai tháng trước, khi còn ở cốc Trúc Lâm, nghe tin Thạch Đạt Lang được vời vào Tôn phủ, Oa Tử vui mừng hết sức. Thôi thế là từ nay hết lo sợ pháp phòng và sự xum họp với người yêu không còn là một ảo tưởng. Thấp thỏm mừng thầm, nàng chỉ chờ dịp thuận tiện dời khỏi cốc. Nhân cốc chủ là Trúc Mộ lão nhân mới quy tiên, tuần bách nhật vừa mãn, Oa Tử mượn cơ không tiện ở thêm, vào gặp Mẫn Đức là cháu của Trúc Mộ hiện giữ chức quản trị gia nhân, xin cáo biệt

đi Edo. Mẫn Đức lưu lại thế nào cũng không được, vả sau khi tổ phụ mất, không còn lý do gì để giữ nàng nữa, đành gọi gia nhân mang tặng vật ra tiễn.

Đến Edo, Oa Tử dò hỏi nhiều nơi mới biết Thạch Đạt Lang không được tuyển vào phủ, đã bỏ vùng Musashino đi đâu không rõ. Cảnh hồng ngàn dặm tung bay. Căn lều hoang vắng, di tích còn lại chỉ có một cái bếp, than tro vung vãi. Oa Tử lặng nhìn gian nhà cỏ xiêu vẹo trong cảnh đìu hiu, thương cho ai quanh quẽ mà lại xót xa cho thân thể mình long đong. Vừa buồn, vừa sợ, nàng trở lại Edo, vào tạm trú tại một ngôi chùa. Nhân gặp người mộ đạo chỉ dẫn, Oa Tử mới đến xin việc ở xưởng nhuộm vùng ngoại ô này.

Xưởng nhuộm là một xưởng thuộc loại tiểu công nghệ. Gia đình gồm hai vợ chồng và một con gái, chuyên phiếu lụa rồi nhuộm màu hồ thủy, một màu xanh đặc biệt rút từ lá chàm ra pha chế với vài thứ

màu thực vật khác. Cách pha chế làm theo bí quyết riêng truyền từ mấy đời trong dòng họ, màu đã đẹp lại bền nên rất được ưa chuộng. Làm việc ở xưởng nhuộm tuy khó nhọc nhưng Oa Tử chẳng nề, còn cho là may mắn tự kiếm được việc mưu sinh không phải nhờ vả ai. Thấy gia đình người thợ nhuộm hiền lành, nàng xin tá túc luôn ở đó.

— Cô Oa Tử!

Nghe tiếng gọi, Oa Tử giật mình quay lại.

— À bác Tống Nhị! Đến giao hàng hả?

Tống Nhị là lái buôn cung cấp lá chàm cho xưởng. Tuy chẳng phải người địa phương nhưng vì qua lại vùng này luôn nên được tín nhiệm. Tống Nhị cười bả lả:

— Không, kỳ này không mua được lá nhưng có tin cho cô.

Oa Tử ngạc nhiên:

— Tin cho tôi? Tin gì thế?

— Phải cô sinh quán ở Miyamoto vùng Mimasaka không?

— Phải, sao bác biết?

— Tháng trước qua đây, có người nói đến cô và hỏi thăm.

— Ồ! Ai vậy?

— Một người tên Ô Nhiên. Bà ta lấy chồng ở Mikuzaki. Bà bảo có biết cô, lại có người em trai tên Thạch Kinh Tử cũng biết cô rõ lắm.

Mặt Oa Tử đỏ bừng, e thẹn. Tống Nhị cười hềnh hếch ra ý thông cảm, vén áo đến ngồi xõm cạnh Oa Tử.

— Vậy cô có quen biết gì với bà ta không?

Oa Tử gật:

— Bác có nói cho chị Ô Nhiên biết tôi ở đây không?

— Dĩ nhiên là có. Tôi nghĩ tình đồng hương cả, nói ra chẳng hại gì.

— Phải. Thế chồng Ô Nhiên là ai?

— Hình như là một kiếm sĩ đã đứng tuổi. Bà ấy nói nhớ cô lắm, muốn gặp cô ôn lại chuyện xưa...

Oa Tử lơ đãng nhìn ra xa, lúc sau kéo áo lau mắt đỏ hoe:

— Cám ơn bác.

— Ô Nhiên không đích thân tới được nên nhờ tôi dẫn cô đến chỗ bà

ở. Nghe đâu có tin tức gì của em bà là Thạch Kinh Tử ấy mà...

Nghe nhắc đến tên Thạch Kinh Tử, lòng Oa Tử bỗng rộn lên niềm vui sướng.

— Ô thế à?

— Cô có muốn cùng đi với tôi đến gặp bà Ô Nhiên không?

Oa Tử ngần ngừ. Người lái buôn vội tiếp:

— Nếu bằng lòng thì cô phải cho biết trước kèo lữ.

— Thì cũng phải để tôi xin phép nghỉ mấy hôm đã chứ! Hay thế này. Bác cứ về đi, sáng mai qua đây nếu thấy ngoài cổng có treo chiếc khăn thì gọi. Tôi sẵn sàng đi cùng với bác.

Tống Nhị vui vẻ:

— Vậy cũng được. Dịp may có chứ nên bỏ lữ. Nếu lần này mà không được thì còn lâu tôi mới trở lại đây!

Người lái buôn đi rồi, Oa Tử tần ngần nhìn theo rồi đứng dậy quay ra tiếp tục công việc bỏ dỡ. Nàng gấp tấm lụa đã se, nhúng vào thuốc nhuộm và lấy vò ra đập. Nhưng những tiếng vỗ của nàng không đều đặn như mọi khi, lúc nhanh lúc chậm, xem ra hỗn loạn chẳng khác nào tâm trạng rối bời của nàng lúc ấy.

“Đã lâu không gặp chị Ô Nhiên, chắc bây giờ chị ấy khác trước nhiều. Không biết gia đình ra sao? Và Thạch Đạt Lang! Thạch Đạt Lang! Chàng nhớ thiếp không? Chàng nhắn chị Ô Nhiên nói với thiếp điều gì thế? Hay là chàng đã đổi ý... Hay là... Trời ơi!”

Oa Tử bồi hồi, chiếc vò cầm tay cơ hồ muốn rớt. Trước mặt nàng chỗ nào cũng thấy hiện ra hình ảnh người yêu. Hy vọng và lo sợ lại bắt đầu nhen nhúm trong lòng người thiếu nữ đa cảm.

Oa Tử hoa mắt. Màu xanh hồ thủy của tấm lụa nàng vừa nhuộm ừa vào choáng ngợp cả hồn nàng rồi vỡ ra từng mảnh, tan nát.

Oa Tử bỏ vò đứng lặng một lúc, đoạn thu xếp dụng cụ cất vào kho, tuy mặt trời bấy giờ mới hơi ngả bóng.

Sáng hôm sau, vừa nghe tiếng Tống Nhị gọi, Oa Tử đã khoác hành trang đội nón ra cửa. Phương đông, trời đỏ hồng hứa hẹn một ngày tươi đẹp. Rặng núi xa xanh đen đổi màu sáng dần cùng với ánh mặt trời mỗi lúc một rõ.

— Tôi làm phiền bác quá!

— Có gì mà phiền! Đẳng nào tôi cũng phải cất hàng về phía đó. Chỉ sợ cô không đủ sức đi nổi thôi.

— Từ đây đến chỗ Ô Nhiên ở bao xa?

— Phải đi hết một ngày.

— Thế thì tôi đi được.

— Vậy hả? Tôi cũng nghe nói cô đã một mình đi từ Trú Lâm đến Edo. Con gái như thế là khoẻ rồi!

Dứt lời, gã lái buôn cười ha hả. Oa Tử cũng cười:

— Ai nói bác biết vậy?

— Người ta nói.

— Người ta là ai?

— Thì mọi người. Ở xưởng nhuộm cũng như ở Miyamoto. Người ta bảo cô phải lòng anh chàng Thạch Kinh Tử nào đó...

Mặt Oa Tử đỏ rừ:

— Người ta hay khéo chuyện người khác quá nhỉ.

Tống Nhị cười:

— Có sao đâu? Đi tìm người cô yêu thì có gì đáng trách! Phải cái anh chàng Thạch Kinh Tử đó có lẽ không để ý đến cô. Anh ta có vẻ lạnh nhạt.

Oa Tử vội chữa:

— Không... không phải thế.

— Cô không giận anh ta sao?

— Không! Lỗi tại tôi! Chàng là kiếm sĩ, cần phải có thì giờ tập luyện. Kiếm đạo là lẽ sống của đời chàng. Tôi đã hứa không làm gì để lụy đến chàng. Tôi không trách chàng điều gì cả.

Tống Nhị quay nhìn Oa Tử. Gã định nói câu gì song lại thôi, lặng lẽ đi. Qua một cái quán, gã đề nghị:

— Ta vào đây nghỉ chút đã để lấy sức đi đến chiều. Đường còn dài mà.

Cả hai bước vào quán, gọi nước

trà và bánh đậu, rồi giở cơm nắm mang theo từ nhà ra ăn. Lúc ra khỏi quán, một toán chừng bốn năm người toàn mã phu và lao công khuôn vác ngẫu nhiên vừa tới, trông thấy Tống Nhị, đến cạnh gã vỗ vai nín áo:

— Tống Nhị! Người đi đâu, mấy ngày nay sao chẳng thấy mặt? Định ăn non hủ, cho anh em gỡ với chứ!

Tống Nhị bối rối, bảo Oa Tử cứ đi trước, đoạn ghé tai bọn kia thì thầm điều gì. Lúc sau, cả bọn cười như phá.

— Coi chừng chúng ta mách con mụ già nhà người đó!

Nói đoạn kéo nhau ồn ào vào quán.

Tống Nhị rảo bước theo Oa Tử, quay lại giơ tay xua xua làm hiệu, nói lớn:

— Thôi hôm nay ta không thuê ngựa nữa. Khi nào cần sẽ gọi.

Đến gần Oa Tử, gã cười đã lã:

— Mấy thằng thật không biết lễ độ gì! Thuê chớ hàng, lâu dần thành quen, chúng lớn mặt.

Oa Tử nhìn gã, ngờ vực. Từ đó trở đi, nàng giữ kẽ, không hỏi han gì nữa nếu không thực cần thiết, mà Tống Nhị cũng có vẻ bẽ bàng, ít cười nói. Hai người cứ đi mãi cho đến khi trời bắt đầu nhạt nắng. Thấy Tống Nhị chẳng nói năng gì mà đường dài vẫn còn hun hút, Oa Tử bần khoản hỏi:

— Makazuki ở bên này hay phải sang bên kia núi?

— Bên này. Phía bên kia thuộc làng Miyamoto rồi.

Thượng nguồn sông Aida trong đám cây xanh trên cao đó! Cô không nhận ra à?

— Tôi ít khi sang bên này núi nên không rõ.

Xung quanh chỉ toàn bụi gai và đá tảng. Con đường mòn hai người đang đi hẹp và quanh co, nhiều chỗ cỏ mọc phủ gần kín. Cảnh vật tiêu sơ hoang vắng đến nỗi lòng khiến Oa Tử lo ngại chậm bước.

— Cô mệt rồi à?

— Không, nhưng ngại ngại thế nào! Ở đây hoang vu quá, từ này đến giờ đi chẳng gặp ai. Bác có lạc

đường không đấy?

Tống Nhị cười xòa:

— Ngại gì chứ? Mùa này đường này ít người đi. Tôi thuộc đường này lắm mà, cô cứ yên tâm.

— Nhà chị Ô Nhiên ở đâu?

— Xóm đằng kia. Vừa nói, Tống Nhị vừa chỉ về phía trước. Cố gắng đi thêm một quãng nữa thôi.

Cả hai rảo bước. Quả nhiên đến đình đôi, trông xuống có vài căn nhà gỗ, cái lợp tranh cái lợp ngói, khuất trong những tán cây rậm rạp.

Tống Nhị lại nói:

— Trông thế mà đường vòng vèo còn xa. Chút nữa tới cái miếu, cô hãy ngồi nghỉ tạm để tôi vào xóm gọi bà Ô Nhiên ra.

— Ủa, tại sao phải làm vậy?

— Chồng bà ấy dữ lắm, không muốn vợ giao thiệp với những người quen ở làng cũ nên bà phải trốn chồng đến gặp cô.

Oa Tử thở dài, lúc lúc theo Tống Nhị. Tới cửa miếu, gã bảo Oa Tử vào, nhưng thấy trong miếu tối và ẩm, nàng chỉ vén áo ngồi ngoài cửa, trông theo bóng gã khuất dần sau

những bụi gai và lau cao quá đầu người.

Chẳng bao lâu, bóng chiều sập xuống. Lá khô theo gió bay tán mát khắp nơi, rơi trên tóc, trên áo Oa Tử. Nhặt một chiếc lá mân mê, lá vỡ vụn trong tay, bất giác nàng nghĩ tới tuổi già, đâm lo sợ.

— Đúng rồi! Nó đấy!

Tiếng quát thình lình khiến Oa Tử giật nảy người. Nàng đứng phắt dậy, chưa kịp hành động gì đã bị hai bóng đen từ sau miếu nhảy ra bịt chặt lấy miệng và giữ chặt tay chân. Oa Tử ú ớ. Lăn với tiếng gió ù ù, giọng bà Hồ Điều vang lên the thé:

— Đúng rồi! Đúng con tiện tì này đây! Trói nó lại cho ta!

Oa Tử khiếp sợ, nhắm nghiền mắt lại. Giữa cơn thẳng thốt, nàng tưởng vừa rơi xuống âm ti, quái thạch lở nhô hiện thành hình quỷ sứ đến bắt nàng, đứng đầu là một nữ quỷ tàn ác xõa tóc, trông mắt trắng dã ghé sát vào mặt nàng soi mói. Oa Tử thở hắt ra không biết gì nữa.

— Cô ấy ngắt đi rồi!

Tiếng bà Hồ Điều lạnh tanh:

— Càng tốt. Khiêng nó đến chân đèo, ngã ba Shimonosho đợi ta. Chỗ có cái suối theo đường tắt đi cho chóng.

Hai tên kia đi khỏi, bà Hồ Điều vòng ra sau miếu. Tống Nhị đã chờ sẵn.

— Bác Tống Nhị hả?

— Phải. Bà thấy tôi được việc không?

— Được. Ta cứ sợ nó không đi.

Tống Nhị nhe răng cười hi hi:

— Dễ quá mà! Kế của bà hay thật! Cô ấy tin ngay, nhưng nửa đường gặp mấy thằng bạn mắc dịch phá, tưởng hỏng việc rồi chứ!

Gã đem chuyện gặp bọn mã phu trước đó dọa dẫm ra sao kể lại. Bà Hồ Điều gật đầu, suýt soa:

— May lắm, may lắm.

Đoạn rút trong bọc ra một số tiền chẳng biết là bao nhiêu dúi cả vào tay Tống Nhị.

— Chớ đem chuyện này nói cho ai biết nghe không?

— Khỏi! Bà khỏi cần nhắc!

quyết xoay lưỡi kiếm đã mài ngàn năm

Người về, ta ở lại đây

Người vui trên nổi đoạ đầy lương tâm

Người thích tiếp đón ân cần

Người khoe sắc áo tiệc mừng thâu đêm

Người say bên những ánh đèn

Bên nàng kỹ nữ tay êm phấn hồng

Người quên thân phận lưu vong

Người quên biển lớn non sông cội nguồn

Còn ta nắng sớm chiều buông

Giữa đêm ôm gối nổi buồn quần quanh

Tiểu chi tóc hãy còn xanh

Nhục dân mất nước còn canh cánh lòng

Ta còn có trái tim hồng

Còn dòng máu Việt con Rồng cháu Tiên

Còn lịch sử, thánh nhân hiền

Còn nguyên sỉ khí của tiền nhân trao

Ta còn bao nỗi tự hào

Nước non vẫn hiển truyền rao đời đời

Bước chân lên, ngẩng với người

Sánh vai thế giới cất lời tự do

Ta còn cả vạn câu hò

Ca dao tục ngữ văn thơ hữu tình

Ta còn tiếng trống oai linh

Giục dân trăm họ vẹn tình núi sông

Ta còn nhiều kẻ chờ trông

Còn anh cải tạo, còn lòng sục sôi

Còn bao nhiêu triệu con người

Quyết xoay lưỡi kiếm đã mài ngàn năm.

nguyễn sĩ long



— Khi nào có việc gì, ta lại nhờ đến bác.

— Dạ được.

Vừa định quay gót về phía cửa miếu, bà Hồ Điều bỗng nghe đánh “huych” một cái. Tiếng theo là những tiếng òng ọc tựa tiếng con vật đang bị chọc tiết. Hoảng sợ, bà la lớn:

— Tống Nhị! Tống Nhị!

Không nghe Tống Nhị trả lời. Phân vân một lúc rồi rón rén bước thêm vài bước nữa đến gần bụi sim sau miếu, bà Hồ Điều lại cất tiếng gọi:

— Tống Nhị!

Vẫn không nghe ai đáp. Bỗng nhiên bà giật mình đánh thót. Sừng sững bên bụi gai là một bóng đen, lăm lăm trong tay thanh kiếm.

— Ai đó?

— Ta!

— Ta là ai? Ăn cướp hả?

— Ta là người vừa giết tên Tống Nhị!

Hoảng hồn, bà Hồ Điều giật lùi lấp bắp:

— Giết... giết người! Ăn cướp! Người theo ta để ăn cướp phải không?

Bóng đen cười gằn:

— Ai thém ăn cướp của bà? Bà có được bao nhiêu tiền mà ăn cướp?

— Vậy theo ta làm gì? Ta là Hồ Điều Anh gia trưởng một tộc lớn ở Miyamoto, người phải hiểu rõ điều ấy.

Tên Hồ Điều Anh như khơi dậy nỗi căm giận trong lòng bóng đen cầm kiếm. Gã gằn giọng:

— Ừ! Hồ Điều Anh! Đồ gian ác! Mụ quên ta rồi chăng? Ta là Giang đây!

— Ừa, thằng Giang!

— Phải rồi, chính ta. Nhưng ta không còn là thằng con nít như trước. Mụ là cái cây già, mỗi ngày một cằn cỗi, còn ta mỗi ngày một lớn mạnh. Mụ không coi thường ta được.

Tiếc thay, bà Hồ Điều không bao giờ ý thức được điều ấy. Bà vẫn coi Giang như đứa con nít và tức giận, xông đến giơ tay định vả cho nó mấy cái.

Dĩ nhiên Giang tránh khỏi một cách dễ dàng. Nhưng cử chỉ của bà Hồ Điều làm Giang nổi nóng. Nó đẩy mạnh bà ngã lăn ra đất. Lồm cồm bò dậy, bà rút ngay thanh kiếm ngắn gia bảo ra, nhắm hướng Giang đầu tới. Trời tối, mắt lại kém, mong gì trúng đích. Chỉ khẽ xoay người một cái nhẹ, Giang đã nắm được cổ tay bà vận mạnh. Bà rú lên đau đớn, để rớt thanh kiếm, thở hổn hển:

— Lão! A thằng này lão.

— Cô Oa Tử đâu?

— Làm sao ta biết.

Thái độ ngoan cố của bà Hồ Điều khiến Giang càng thêm giận. Nó bẻ quặt tay bà ra sau lưng, dẫn đến bên xác Tống Nhị. Bà Hồ Điều run bần bật.

— Nếu mụ không nói rõ, ta sẽ giết mụ như thể này. Tại sao mụ cho người theo ám hại cô Oa Tử? Ta đến trễ nhưng còn kịp nghe rõ mụ thuê thằng súc sinh này lừa cô Oa Tử đến đây. Mụ để cô ta đâu?

Bà Hồ Điều lặng thinh, chỉ rên khe khẽ.

Giang vận mạnh tay thêm chút nữa. Bà hét lên:

— Ối đau! Buông ra, để ta nói.

— Ở đâu?

Bà Hồ Điều hổn hển đáp đứt quãng:

— Chân... chân đèo... Shimonosho.

Nới lỏng tay, Giang định thả bà lão. Nhưng nghĩ sao nó lại thôi, sợ với bản tính bướng bỉnh như thế, bà sẽ còn theo đuổi mãi không bao giờ để cho sự phụ nó và cô Oa Tử được yên ổn.

Ý tưởng giết bà Hồ Điều thoáng qua trong trí. Giết thì dễ lắm nhưng không nỡ. Vả chẳng biết thầy nó và cô Oa Tử có cho như thế là phải không. Nó phân vân quá.

Suy đi tính lại, Giang thấy trong lúc này, việc cứu Oa Tử là cấp thiết. Cứ để bà già ở đây đã rồi sau sẽ hay.

Giang trói tay bà Hồ Điều lại, lấy vải bịt miệng rồi nắm áo đẩy bà đi tìm một chỗ giấu.

Trong miếu thì không được rồi. Chỗ ấy lộ liễu quá, vì sát đường

mòn, thường có khách bộ hành lui tới nghỉ chân, dễ bị phát giác. Loanh quanh mãi, vào sâu trong núi thấy có kẽ hở giữa hai tảng đá, bên ngoài chỉ một người chui lọt nhưng bên trong rộng như cái hang, hai ba người ngồi được, Giang dẫn bà Hồ Điều đem giấu về đấy. Lại lấy đá lớn và cành khô bít lối để mọi người không để ý.

Đoạn xuống đèo, tắt tả đi về phía ngã ba Shimonosho.

Con suối bắt nguồn từ trên núi, lúc đầu còn nhỏ, đến ngã ba Shimonosho, chân đèo Mikazuki, thì chảy tràn ra rộng đến mấy chục trượng. Lòng suối cạn, nhiều cát, dễ đi, khách từ bờ này sang bờ kia xấn quần lội qua, chỗ nước sâu nhất cũng chưa đến đầu gối. Gia nhân bà Hồ Điều khiêng Oa Tử tới ven suối, đặt nàng xuống, ngồi nghỉ.

Gió đêm lạnh thốc vào mặt khiến Oa Tử tỉnh từ lâu, nhưng tay chân nàng bị trói, khăn bịt miệng quàng ra sau gáy buộc chặt cứng hai tai làm nàng khó chịu, có muốn kêu cứu cũng chỉ phát ra những tiếng ừ ừ. Đêm khuya, bốn bề vắng lặng. Chẳng biết chỗ này là chỗ nào, Oa Tử nằm ngửa nhìn trời. Qua khoảng trống của những tàn cây xao động, vài ngôi sao nhỏ li ti nhấp nháy lúc ẩn lúc hiện. Hai gã khiêng nàng ngồi trên phiến đá, cách chỗ Oa Tử nằm chừng chục thước. Chúng chuyện vãn những gì nàng nghe không rõ phần vì gió thổi ù ù, phần vì khăn buộc quá chặt.

Đột nhiên một đứa chồm dậy:

— Bà già tới! Ta nghe hình như có tiếng gọi!

Đứa kia lảng tai rồi nói:

— Đâu! Có gì đâu!

Cả hai im lặng chú ý:

— Ừ! Chẳng thấy gì. Quái, sao bà già lâu thế nhỉ! Có lẽ đã sang giờ tí. Bỗng văng vẳng từ xa, lẫn trong gió, nghe quả như có tiếng gọi vọng đến thật:

— Oa Tử... ừ... ừ... Oa Tử ừ... ừ...

— Phải tiếng bà già không?

— Không phải. Nếu bà già gọi thì phải gọi tên chúng ta chứ!

Nhưng tiếng gọi mỗi lúc một gần, nghe như tiếng hú. Trong đêm tịch mịch, giọng kéo dài tựa giọng hú hồn người đã khuất. Một nỗi sợ băng quơ luồn vào xương tủy, chạy dài trên sống lưng khiến hai đứa rùng mình.

— Hay bà già làm sao rồi?

Chúng đưa mắt nhìn nhau, đoạn đến bên Oa Tử khiêng nàng sang bên kia suối.

— Đợi bà già mãi không đến. Hay ta cứ khiêng nó về làng? Ở đây rờn rợn thế nào ấy!

Thình lình từ trong bụi, một bóng đen nhảy xổ ra, kiếm tuốt trần chỉ mặt hai đứa.

— Muốn sống để cô Oa Tử đấy!

— Người là ai?

— Hoa Kính Lương Giang! Bà Hồ Diệu bảo các người giao cô Oa Tử lại cho ta!

— Nói láo!

— Có gì làm chứng?

— Không cần chứng cứ gì hết. Có giao hay không thì bảo?

— Không. Bà Hồ Diệu đâu?

— Ta bắt rồi!

— Á! Thắng này gớm thật! Người bắt bà già hả? Đem đi đâu?

Giang cười đắc thắng:

— Cứ giao cô Oa Tử cho ta, ta chỉ chỗ cho mà tìm.

Nhưng tên kia không đáp, lập tức cầm gậy tre nhảy tới. Giang phóng kiếm lên chành chạch. Tên kia nghiêng người tránh được rồi quay gậy vù vù tiến sát đến bên Giang.

Gậy, kiếm quần vào nhau. Gia nhân bà Hồ Diệu ý chừng cũng biết võ nghệ nên sử dụng cây gậy khá thành thạo. Y tả xung hữu đột, những đường gậy tung ra vững vàng, uy mãnh nhưng xem ra không mấy chính xác và so với những chiêu kiếm của Giang, kém phần nhanh nhẹn. Tên đồng lõa đứng ngoài reo hò, cổ võ, chẳng chú ý gì đến Oa Tử bị trói như bó giò nằm một chỗ.

Thấy Giang đến, Oa Tử mừng vô kể. Giang không còn là thằng bé như ngày xưa nữa. Ban đêm, không nhìn rõ mặt, nhưng giờ đây

nó quả là một thanh niên hào hùng, có đảm lược khiến nàng phấn chấn hẳn lên. Tuy nhiên, hình như Giang không được tự tin lắm, có lẽ vì thiếu kinh nghiệm chiến đấu. Oa Tử thầm nghĩ nếu không nhân cơ hội này mà tự cứu lấy mình để tiếp tay với Giang thì không biết rồi rốt cuộc ra sao. Nếu thất bại, không những nó phải bỏ mạng nơi đây mà chính nàng cũng nguy khốn.

Trong bóng tối, Oa Tử trườn mình đến gần tảng đá. Tìm một cạnh sắc, nàng kê dây trói vào, cà đi cà lại nhiều lần, lòng khẩn thầm Trời Phật phù hộ cho Giang cầm cự thêm chút nữa.

May thay, dây trói bện bằng cỏ tranh, chẳng mấy lúc đã đứt tung. Cởi trói được tay chân xong, giật khăn bịt miệng ra, Oa Tử vùng lên hét lớn:

— Cô đây, Giang! Cố lên! Đừng để thất bại!

Tên đứng ngoài sức nhận ra đã sơ xuất bèn chạy vội tới. Oa Tử nhanh chân, trốn ngay vào sau đám loạn thạch, nhặt cuội, đá ném ra như mưa bắc.

Thấy Oa Tử tự cởi được trói, Giang phấn khởi tinh thần. Nó đem hết sức bình sinh ra chống đỡ. Lời khích lệ của Oa Tử đã biến Giang thành con cọp dữ. Nó vùng kiếm phản công dữ dội, nhiều khi không cần biết đến chiêu thức gì nữa. Rõ ràng đây là một cuộc tranh sống một còn, một mất.

Giang chỉ được huấn luyện sơ sài về kiếm pháp, nhưng nhờ còn trẻ tuổi, nó nhanh hơn địch thủ nhiều. Gã kia xem chừng đã thấm mệt, những đường gậy đánh ra đôi lúc lúng túng. Nhưng cả hai, bên nào cũng nóng lòng thủ thắng nên không bên nào bình tĩnh nữa.

Phía ven suối, Oa Tử trốn sau tảng đá vẫn ném những viên cuội lớn ra ngăn cho kẻ đuổi theo mình không dám đến gần. Đột nhiên, “bộp” một tiếng, một viên trúng ngay vào đùi địch thủ của Giang. Y giật mình, quay lại. Trong nháy mắt phân tâm ấy, y không để ý đến Giang như con báo, xông đến. Hai

tay giữ chắc chuôi kiếm, Giang đâm một nhát trúng ngực kẻ địch, lưỡi kiếm xuyên suốt từ đằng trước ra đằng sau, đốc kiếm sát vào tận áo.

Rút kiếm ra, máu phun xối xả, Giang phải né sang bên. Xác địch đổ xuống, mồm còn há hốc và mắt trợn ngược trong cơn ngạc nhiên tột độ. Đột biến khiến cục diện thay đổi chớp nhoáng. Thấy đồng bọn gục ngã, tên kia hoảng hốt co giò chạy, Giang phóng cước đuổi theo, vùng grom toan kết liễu đời tên cường bạo.

— Giang! Giang! Tha cho nó.

Giọng Oa Tử gọi lạc đi, khẩn thiết làm Giang khựng lại, vừa mừng vừa sợ. Oa Tử chạy đến ôm Giang:

— Tha cho nó em ạ! Nó thua rồi, giết làm gì!

— Nó đi báo người khác đến bắt mình thì sao?

— Thì mình bỏ đi, đừng nên giết nó, tội nghiệp!

Rồi nắm tay Giang, Oa Tử giục nó đi ngay. Thế là cả hai theo nhau rảo bước trở ngược lại đường cũ.

Qua ngôi miếu, nàng chỉ cho Giang biết chỗ ấy hồi chiều nàng bị gia nhân bà Hồ Diệu bắt cóc. Giang gật đầu. Nó chẳng dă động gì đến chuyện đã ám sát Tổng Nhị và giam bà Hồ Diệu vào hốc đá.

Gà gáy sang canh, có lẽ quá nửa đêm rồi, sương xuống lạnh. Oa Tử có vẻ mệt, Giang phải dìu nàng đi chậm bước. Cánh tay Oa Tử vịn vào Giang mỗi lúc một nặng thêm. Thấy có túp lều bỏ hoang, nó dìu Oa Tử lại đó, nhặt những cành gậy và lá khô, nhóm lên một ngọn lửa nhỏ.

Oa Tử không còn hành trang gì, Giang mở đẫy lấy mảnh chiếu trải ra, bảo Oa Tử đi nghỉ và cởi áo ngoài đắp cho nàng.

Ngồi dựa lưng vào góc lều, Giang đăm đăm nhìn ngọn lửa, nghĩ ngợi mông lung. Lát sau thiếp đi trong những tiếng côn trùng rả rả xung quanh và mùi thơm hơi khét của những lá khô chưa cháy hết.

(còn tiếp)

xếp al capone III

TRUYỆN DÀI

Trường Sơn
Lê Xuân Nhị

(tiếp theo)

Trước ánh mắt đầy sát khí của chúng nó, thằng Kabri say rượu đang nằm ngủ ngáy khò khò. Thằng này sống bạo mà ngủ cũng ồn ào thật. Tiếng ngáy của nó vang lên đều đặn nhưng oang oang như sấm rền. Capone hơi ngạc nhiên khi nhìn thấy nó vẫn còn nguyên vẹn quần áo trên người. Lúc bước vào đây, xếp dự tính là sẽ nhìn thấy thân thể trần truồng của nó.

Kabri vẫn còn quần áo đầy đủ vì khi hai người vừa bước vào phòng, em Mary bỗng giở trò nũng nịu hỏi:

— Em nghe nói anh có một tâm sự u uẩn... Trước khi yêu nhau, anh kể cho em nghe được không?

Cái này gọi là gãi trúng chỗ ngứa của thằng khổng lồ. Mấy chục năm qua, Kabri đã làm tình với hàng ngàn con đàn bà thuộc đủ mọi hạng, nhưng tuyệt nhiên chưa có ai thắc mắc và muốn biết về cái tâm sự u buồn của nó. Có người đẹp muốn nghe chuyện đời mình trước khi làm tình thì coi như Kabri được hai lần sướng.

Nó mừng quá, ngồi xuống giường mà mắt muốn rơm rớm, nắm tay Mary ân cần tâm sự. Giọng nó



đều đều và trầm ấm như giọng một thằng con trai lần đầu tiên trong đời được nắm tay người yêu kể lể.

Nó nói lung tung, bắt đầu từ những ngày ở tù rồi trở ngược lại cái tuổi thơ nghèo hèn đầy những chuột, những tháng năm đen tối và cô độc của cuộc đời nó.

Em Mary nghe tới đâu là thốn thức tới đó. Có nhiều đoạn bi thương quá, nước mắt ứa ra, em vừa sụt sùi vừa luôn tay rót thêm rượu mạnh vào ly thằng khổng lồ.

Kabri thấy em khóc vì chuyện đời của mình thì cũng không cầm được nước mắt, khóc theo luôn. Nó vừa khóc vừa tự hỏi lòng mình, cái vụ khóc lóc vớ vẩn này có phải là tình yêu như người ta thường nói hay không?

— Uống nữa rồi tiếp tục kể cho em nghe đi anh Kabri. Em thương nhất là cái lúc anh còn đi học. Mấy bà phước thật là hung ác, tàn nhẫn. Luôn cả cái thằng bị anh cầm nĩa vô sợ nữa. Ai biểu nó giành ăn với anh làm chi! Mà em đâu biết là cuộc đời

lại chó má với anh đến vậy...

Kabri nốc cạn ly rượu, tiếp tục kể lể:

— Ngày ở tù ra, chuyện đầu tiên anh làm là đi tìm một người tình...

Ngồi chẳng bao lâu mà một mình Kabri uống cạn hai chai cognac loại một lít. Thử rượu này nhập cảng từ Canada, rất mạnh, đại lực sĩ mà chỉ cần nửa chai là đã gục, mình Kabri chưa một lần hai chai thì chịu gì nổi!

Ngồi nghe thằng khổng lồ nói, thấy câu chuyện bắt đầu lộn xộn không đầu không đuôi, Mary biết chẳng bao lâu nữa con mồi của mình sẽ gục. Nàng rút tay ra khỏi tay nó. Kabri vẫn không hay biết gì cả, tiếp tục nói như là nói cho mình nó nghe vậy.

Mary đứng dậy đi vào nhà cầu. Kabri vẫn ề ề tiếp tục kể lể. Lúc nàng trở ra, thằng khổng lồ đã ngừng nói và nằm ngửa trên giường, ngáy khò khò từng hồi như con bò mộng.

Và nó cứ ngáy như thế cho đến bây giờ...

Frank rút cây Colt cầm trong tay, bật hết đèn trong phòng lên cho sáng sửa để chuẩn bị làm thịt kẻ thù nguy hiểm nhất của gia đình Capone. Thằng Kabri vẫn nằm im như khúc gỗ. Tiếng ngáy đều đều vẫn vang lên nhịp nhàng.

Capone bình tĩnh tới ngồi xuống bên thằng khổng lồ, nhìn vào hai cái lỗ mũi to bằng hai hòn bi sâu thẳm đầy những lông đang rung lên từng hồi. Capone ngồi yên ngắm nó một hồi thật lâu y như một họa sĩ hay một điêu khắc gia ngắm nghía tác phẩm của mình.

Frank cẩn thận đánh một vòng kiểm soát hết các nơi trong phòng.

Capone mồi một điếu xì-gà, thở khói ra, giọng vô cùng sáng khoái:

— Nó đây, Kabri Desoto bằng xương bằng thịt đang hoành đây. Hi hi, con người được cả giới giang hồ Mỹ khiếp sợ là cái khối thịt say rượu đang ngủ say như chết đây...

Frank đứng sau lưng xếp, nét mặt vẫn lạnh lùng, không thêm mở miệng nói một lời.

Capone lắc đầu, chắc lưỡi:

— Khó hiểu thật! Một thằng hung dữ nhất thế giới lại bị chết vì tay một con đàn bà tầm thường. Frank này, suốt đời mày, mày phải nhớ chuyện này. Đàn bà nhiều khi còn nguy hiểm hơn cả súng đạn, nhất là đàn bà đẹp. Càng đẹp thì càng nguy hiểm.

Capone vỗ vỗ vào lớp da bụng đang phồng lên hụp xuống theo từng nhịp ngáy của thằng khổng lồ, nói nhỏ:

— Vĩnh biệt mày, Kabri. Chúc mày tìm được một người tình chân chính ở thế giới bên kia.

Rồi xếp ngậm điều xì gà đang hút vào miệng, chĩa tay ra sau. Frank lẹ làng nhét vào tay xếp một sợi dây lụa. Đúng ra, nếu là người khác thì cái đường dây lụa lên trời này, xếp để cho thằng Frank Nitti làm vì nó thiện nghệ hơn, nhưng lần này vì là Kabri nên Capone muốn tự tay mình xử tử thằng chó đẻ.

Hai thầy trò lật úp thằng Kabri trên giường rồi Capone lẹ làng tròng sợi dây lụa ngang cần cổ nó, quấn một vòng, nghiêng răng xiết thật mạnh. Đã lâu lắm rồi Capone chưa sử dụng dây lụa nhưng bây giờ giờ lại nghề cũ thấy tay chân vẫn gọn gàng như hồi nào còn trẻ.

Đang ngủ say li bì thì cổ họng bỗng nhiên bị tắc nghẹn, Kabri bèn cong người một cái, chút xíu nữa thì kéo luôn Capone lên giường. Hai chân nó đạp loạn đá. Mới đầu là hai chân, rồi đến hai tay và cuối cùng là hai con mắt đỏ kè vì rượu bắt đầu mở ra thao láo, trợn tròng. Nhưng nó say quá, say đến độ không nhận biết nổi cái thằng đang đứng trước mặt mình là ai và mình đang bị chúng làm gì.

Capone nhận ra ngay một điều là thằng khổng lồ này mạnh quá, mạnh hơn sự ước lượng của xếp nhiều. Nó xay đến mềm người ra như vậy mà vẫn còn đưa được hai bàn tay lên cổ, nắm sợi dây lụa từ từ kéo ra.

Capone nghiêng răng kéo mạnh hơn nữa nhưng sợi dây như không xiết thêm vào được chút nào hết. Mồ hôi Capone bắt đầu đổ ra như

tấm. Xếp là một người to lớn và có sức mạnh, xưa nay đã từng xiết cổ nhiều người, chưa có ai bị tròng sợi dây lụa này vào cổ mà còn sống được. Chưa bao giờ! Nhưng với thằng chó điên này thì Capone phải ngạc nhiên và khâm phục. Nó không phải là người! Nó là một con bò mộng. Capone chợt thấy hối hận vì mình đã ý y không thêm còng tay chân nó lại trước khi ra tay. Thân ôi, sự coi thường nào cũng có một giá thật mắc để trả!

Đứng gần đó, Frank chỉ cần nhìn qua một cái là biết xếp mình bị nguy hiểm. Kẹt một điều là nó không dám nổ súng. Một tiếng nổ vang lên ở đây, vào giờ này thì trong vòng vài phút đồng hồ sẽ có khoảng gần chục chiếc xe vừa an ninh vừa cảnh sát tới vây kín khu chung cư liền.

Mặt Capone trắng bệch ra, nhìn thằng đàn em hất đầu lia lịa ra dấu. Frank trở ngược cán cây Colt.45 nhào tới liền. Nhưng chưa kịp làm ăn gì thì bị nguyên một cú đá của thằng khổng lồ té văng ra sau. Cái đập của thằng Kabri mạnh quá, đẩy bắn thằng Frank vào tường, xô đổ bàn ghế ngã rớt tứ tung.

Capone càng chơi với. Theo kinh nghiệm giết người của gã, bình thường thì giờ này mình đã ngủi được mùi cứt đá của nó rồi. Đó là dấu hiệu thần kinh không còn làm việc nữa, bao tử và ruột già bị ép nên phải nhả phân ra. Đó cũng là dấu hiệu cho người xiết cổ biết là nạn nhân của mình sắp chết. Nhưng thằng khổng lồ này mạnh quá, hai tay xếp mỏi rã rời mà chẳng ngủi được chút mùi cứt đá nào của nó.

Đạp được thằng Frank một cái, hình như Kabri được tăng thêm sức mạnh. Hai bàn tay nó nới lỏng cái vòng dây lụa thêm chút nữa. Capone lại nghiêng răng trợn mắt dùng hết sức kéo mạnh thêm nhưng hình như hai bàn tay xếp không còn tuân lệnh xếp nữa. Bây giờ thì Capone bắt đầu thấy hốt hoảng thật sự. Nó không chết bằng sợi dây lụa này thì nhất định phải nổ súng. Mà nổ thì kế hoạch vạch ra sẽ hỏng.

Hông bét và cả ba đứa đều sẽ chết. Chết chắc.

Capone nghiêng răng cố hết sức một lần nữa xiết thật mạnh. Cũng chẳng ăn thua gì. Mà hình như thân hình Kabri đã hơi lật nghiêng được một chút rồi. Capone kinh hoảng đến tái mặt lại.

Thằng Frank bị cú đập vừa rồi nặng quá, từng khúc xương, từng thớ thịt trong người như muốn vỡ nát ra. Mạnh như nó mà lạng quạng một hồi vẫn chưa gượng nổi để chạy tới tiếp viện được.

Trong khi đó, cái sợi dây lụa quanh cần cổ thằng Kabri lại được nới lỏng ra thêm chút nữa...

Trong cơn bối rối nguy hiểm đó, Capone bỗng nghĩ ra được một chuyện. Cái điều xì gà mình đang ngậm trong miệng để làm gì mà không xài? Chỉ hy vọng là nó còn cháy. Lạy trời, nếu điều xì gà còn cháy, chỉ cần một tí xíu thôi thì mình còn sống được.

Capone rút thử vài hơi và thấy cái đầu xì gà từ từ đỏ lên. Tạ ơn Thiên Chúa. Con giết được thằng này thì con sẽ cúng một xe cam-nhông xì-gà cho mấy cha ở nhà thờ thánh St. Paul hút chết luôn! Xếp tiếp tục rút cho đến lúc đầu xì gà đỏ bừng lên rồi cúi đầu, nhắm ngay con mắt trái thằng Kabri mà đâm xuống thật mạnh. Kabri đang ở trong tốt cùng cơn say, làm sao tránh nổi cái đòn bất ngờ và tàn bạo này của xếp.

Con mắt trái đỏ kè vì rượu đang mở tròng tròng thì bị đầu xì gà đỏ lửa cắm vào nghe đến xèo một phát, y như người ta xuyên một cây xiên nướng đỏ vào miếng thịt. Kabri kêu rú lên một tiếng đau đớn. Nó lảo lộn, buông hai tay từ cần cổ ra ôm lấy mặt. Mãi đến bây giờ mới thấy nó dấy dựa vì đau đớn. Có thể chứ! Capone thừa thế xiết mạnh sợi dây lụa vào cổ nó. Xếp ngừng mặt lên để kéo điều xì gà ra khỏi mắt Kabri. Đầu điều xì gà hình như có kéo theo một vật gì tròn tròn, máu đỏ rơi rớt tùm lum.

Frank cũng vừa chạy tới bên xếp. Nó lẹ làng trở ngược bá súng, nghiêng răng quật túi bụi vào mặt

Kabri. Nhưng hai bàn tay của thằng khổng lồ bự quá, che kín hết khuôn mặt, đâu còn chỗ nào trống cho thằng Frank đập! Frank điên tiết, cứ thẳng cánh mà giông xuống như mưa. Bá súng đập gãy những ngón tay của Kabri nghe rõ ràng từng lóng một. Có ngón bị tét lòi cả xương ra ngoài mà nó nhất định không chịu buông tay ra.

Capone gắt mau: "Bỏ đó, phụ tao... cái sợi dây này..." Frank hiểu ý, quăng súng xuống giường, thò tay chụp một đầu dây nghiêng răng kéo mạnh. Thế là hai thầy trò, mỗi người một đầu cứ thế vận hết sức mà kéo.

Không tới một phút đồng hồ, Capone bắt đầu ngửi được cái mùi... thum thum của thằng khổng lồ. Có thể chứ! Cút đi mãi đến bây giờ mới chịu phọt ra. Chờ mãi. Xếp thở phào nhẹ nhõm, không ngờ trong đời mình lại có lúc vui mừng như cha chết sống lại khi ngửi cái mùi chó chết này của kẻ thù.

Thân thể Kabri bây giờ bắt đầu mềm ra. Người càng mềm thì mùi xú uế càng xông lên nồng nặc. Xếp mỉm cười khoái trá. Dù mẹ hễ càng xú uế thì càng ăn tiền.

Xiết một lúc nữa cho đến khi xác thằng Kabri bắt động hẳn, hai thầy trò mới bỏ sợi dây lùa ra, nhìn nhau thở hồng hộc. Căn cổ thằng Kabri to như vậy mà bị hai tay đại lực sĩ kéo gãy làm mấy khúc, nhả nhúm vào quẹo đi coi chẳng giống cái gì cả.

Hai thầy trò Capone ngồi trên giường, mồ hôi mồ kê nhễ nhại, thở phì phò như bò rống. Capone gỡ điều xì gà trên miệng xuống đưa cho Frank coi. Đầu điều xì gà còn dính tòn ten trông con mắt đỏ lờm những máu của thằng khổng lồ.

Capone quăng điều xì gà vào thùng rác:

— Không có điều xì gà đó thì tao với mày chắc bỏ xác tại đây tới hôm nay.

Frank không trả lời. Tuy Kabri đã chết nhưng cả hai người như vẫn còn bị ám ảnh bởi sức mạnh của nó. Cả hai ngồi yên một lúc để lấy lại

sức và dưỡng thần.

Một lúc sau, vừa lấy lại được tinh thần, Capone vừa xoay người toan đứng dậy thì thằng Kabri đang nằm trên giường tưởng đã chết bỗng ngồi bật dậy ôm cứng lấy cổ xếp, gào to lên:

— Capone...

Capone thét lên một tiếng kinh hãi, tay chân rụng rời, không phản ứng gì được. Thằng Frank cũng hoảng kinh hồn vía. Rõ ràng là mình vừa xiết cổ nó chết ngắc cách đây một phút, sao nó còn ngồi dậy được kia? Tuy hoảng kinh nhưng Frank không ngồi đực một chỗ như Capone mà phản ứng nhanh như máy. Nó chụp cây Colt trên giường đập lia lịa vào sọ thằng này.

Frank ngạc nhiên vì thấy cán cây Colt.45 ngập sâu vô sọ mà thằng Kabri không có phản ứng gì hết, chỉ ngồi im ôm cứng lấy cổ Capone. Frank đập thêm vài cái và nhận ra Kabri đã chết thật rồi. Chết không biết từ lúc nào. Chết rồi mà hai tay nó vẫn ôm cứng lấy cổ Capone mới là kỳ. Kabri bình thường có bộ mặt xấu xí như quỷ sứ, bây giờ chết rồi mà một con mắt thì trợn ngược nhìn Capone như muốn ăn tươi nuốt sống, con kia thì mất tiêu, chỉ còn cái lỗ đỏ lờm những máu kẻ sát ngay mặt Capone làm xếp sợ hãi quá, chẳng còn biết trời đất gì nữa. Trong cuộc đời giang hồ của Capone, gã chưa bao giờ bị sợ hãi như lần này.

Frank đứng dậy nói nhẹ nhàng vào tai xếp:

— Nó chết rồi xếp, mình chuẩn bị đi. Nó chết từ lâu rồi, xếp.

Dù thằng đàn em đã nói vậy nhưng Al Capone hãi quá, có nghe thấy gì đâu. Hắn cứ ngồi im một cục như trời trồng, không nói năng được lời nào. Hình như những gì vừa xảy ra quá sức chịu đựng của một con người, dù người đó là kẻ chưa bao giờ biết sợ trời sợ đất như Capone.

Frank gỡ hai tay thằng Kabri ra khỏi người xếp, kéo cái xác nó xuống nền nhà rồi mà Capone vẫn còn ngồi im một chỗ, chưa lấy lại

thần. Frank lúc ấy cũng nhận ra một điều là hai bàn tay nó cũng đang run lên từng chập. Đi bắn giết mấy chục năm, nhiều lúc kề cận cái chết trong đường tơ kẽ tóc mà nó chưa bao giờ run lên như vậy.

Tay run quá, Frank khó khăn lắm mới mới được một điều xì gà đưa tới cho xếp. Nhưng khi tay nó vừa chạm vào người Capone thì gã lại rú lên một tiếng kinh hoàng, nhảy dựng lên làm như thằng Kabri vừa sống dậy một lần nữa vậy.

Frank lẹ làng trấn an đàn anh:

— Xếp, tôi đây xếp, Frank Nitti đây mà. Thằng Kabri chết rồi! Chết thật rồi!

Capone lấp bắp, mắt vẫn lạc thần:

— Kabri chết rồi à, chết thật chưa?

— Chết rồi xếp.

Capone bấy giờ mới tròn được cặp mắt, nhìn nó thắc mắc:

— Chết lúc nào?

Frank nín thinh, câu này thì chịu.

Mãi cho đến sau này, hai thầy trò Capone vẫn không ai trả lời được câu hỏi đó. Thằng khổng lồ Kabri chết lúc nào sẽ mãi mãi là một bí mật. Nó mới chết sau khi ngồi bật dậy ôm cứng Capone hay đã chết ngay từ lúc bị xiết cổ? Nếu nó chết ngay từ lúc bị xiết cổ thì ai ngồi dậy mà ôm lấy Capone như thế? Sau này, khi trở về lại Chicago, Capone đem chuyện này bí mật nói lại với vài người bạn bác sĩ nhưng ai cũng lắc đầu. Có người tưởng Capone chỉ đùa dai, người khác thì cho rằng xếp bị bệnh thần kinh nhưng không dám nói. Trên đời này làm gì có chuyện người chết gần năm phút rồi bỗng ngồi bật dậy nắm cổ người ta la lên một tiếng rồi lại... chết tiếp!

Capone cứ ngồi yên trên giường cho đến lúc có tiếng gõ cửa. Xếp chợt nhớ đến những chuyện phải làm bên đứng dậy. Frank mở hé cửa. Em Mary nói mau:

— Máy ông có 30 phút.

Frank gật đầu đóng cửa lại.

Hai thầy trò cởi áo ngoài, bắt tay vào việc ngay. Trước hết, hai người lột áo quần thằng khổng lồ ra kéo

vào bồn tắm mà rửa cho sạch hết máu và cứt đái. Sau đó, lôi nó ra mặc cho nó một bộ đồ ngon lành.

Nửa tiếng đồng hồ sau, khi trời gần sáng, cửa cầu thang chính bật mở. Hai thầy trò Capone cặp kè cái xác thằng Kabri bước ra xe. Chẳng ai hay biết gì cả. Nhưng nếu có ai vô tình bắt gặp chúng nó thì cũng tưởng dân bộm nhậu đưa nhau đi chơi. Người có thể biết nhiều nhất trong khu chung cư lúc ấy là thằng gác dlan thì nó lại đang gục mặt trên bàn ngáy pho pho. Nó ngáy như vậy kể từ lúc đi mua thuốc lá về, uống xong ly cà phê của em Mary mời trước khi bắt đầu nhận cái phần thưởng "Em sẽ tặng cho anh một cái mà anh không thể nào quên được" như lời nàng hứa.

Hai thầy trò Capone cùng em Mary chở thằng Kabri tới một khách sạn sang trọng tên Ambassador là nơi tụi nó cư ngụ. Cũng cái mừng cũ, Mary đi trước dặt theo phía sau ba thằng bộm nhậu, chân này đá chân kia, vừa đi vừa ca hát om sòm. Người chúng nó nồng nặc mùi rượu, bước vào cầu thang máy rồi mà thằng thư ký ngồi nơi bàn giấy ở ngoài vẫn còn ngửi được mùi. Nó nhìn theo, nheo mắt cười rất cảm tình. Giá khách hàng ở đây ai cũng rộng rãi như mấy ông nội này thì chẳng bao lâu nó sẽ có đủ tiền để xin về hưu non. Người gì đâu mà... chi địa đẹp quá. Chỉ cần trả lời những câu hỏi vớ vẩn như hôm nay có thư của tôi không, nhà hàng nào nấu ăn ngon nhất vùng này là cũng được thưởng một tờ giấy trăm.

Trong căn phòng sang trọng và mắc tiền nhất của khách sạn, Frank để xác thằng Kabri ngồi đằng hoàng trên một cái ghế bành tô mặt hướng ra cửa sổ. Nó còn cẩn thận vuốt ve quần áo thằng này lại cho thẳng nếp. Sửa soạn xong, tính bỏ đi thì Capone đã lẹ tay thấy tới cho nó một cái khăn tắm. Frank hiểu ý, phủ cái khăn tắm che mặt thằng Kabri lại.

Capone từ lúc bị cái xác thằng Kabri ngồi dậy thộp cổ thì đâm ra

sợ bóng sợ gió cái thầy ma này, không dám tới gần. Cực chẳng đã gã phải đóng kịch cặp kè nó để che mắt thiên hạ, nhưng trong lòng thì lo sốt vó, chỉ chực buông tay ra để... chạy. Cứng như Capone mà suốt đoạn đường dài không hề dám quay mặt sang nhìn kẻ đã bị mình giết chết. Tính đến ngày hôm nay thì hần đã giết chết ít nhất vài trăm đứa, nhưng chưa bao giờ có cái chết nào để lại nhiều kinh hoàng trong lòng xếp như cái chết của thằng chó đẻ này. Đem được cái thầy ma của thằng Kabri vào trong phòng và đóng xong cánh cửa thì xếp buông xác nó ra cái rụp, mọi việc giao hết cho thằng Frank còn mình chỉ đứng xa xa mà ngó.

Một lúc sau, Capone gọi điện thoại cho Luciano. Gã để ý thấy bàn tay mình vẫn còn run lên bần bật:

— Phần thứ nhất xong rồi. Chuẩn bị đúng 9 giờ sáng thì bước sang phần thứ hai.

Luciano ở đầu dây bên kia đâu biết tâm trạng của Capone, mắt sáng lên, mau mắn gật đầu:

— Xong rồi Al, nhất mày đó.

Capone không thèm trả lời, gác máy ngồi thừ một đồng trên giường. "Xong rồi Al, nhất mày đó..." Dù mẹ nghe mà thấy ngứa gan. Thằng Luciano được người ta gọi là Lucky Luciano cũng phải. Cuộc đời thằng Mafioso này sao toàn những chuyện may mắn lạ lùng. Kể từ nhỏ, hễ nó dính vào chuyện nào là chuyện đó trót lọt, làm như có bàn tay bí mật của ông trời giúp nó vậy. Xếp nhớ một lần nó đi xe lửa, cầu xập, đổ mấy toa xe nhào thẳng xuống núi. Những toa khác người bị thương người chết như rạ, riêng toa của thằng Luciano thì chẳng việc gì. Mấy chục năm rồi không gặp nó, bây giờ đương không mình lại bỏ Chicago về đây chịu trăm cay nghìn đắng để đưa nó lên làm chủ tịch Unione

Capone lắc lắc cái đầu, ngồi gục mặt xuống, đưa hai tay bóp bóp thái dương rồi thở dài một cái. Đời người ta có số thật! Em Mary đứng

kế bên thấy vậy, lẹ làng rót cho xếp một ly rượu.

Capone lơ đãng cầm lấy. Nghĩ cho cùng, tại sao mình lại phải bày mưu thiết kế, rồi chịu bao nhiêu khổ sở đắng cay mò về tận đây để làm gì nhỉ? Nếu cứ hùng cứ ở Chicago, làm hoà với gia đình O'Bannon thì cuộc đời đâu đến nỗi khổ như vậy! Từ lúc xuống đây, gã nghiệm lại, thấy mình xem vào tù một lần, xem chết một lần và bị mất hai thằng đàn em. Đó là chưa nói đến những vụ linh kinh như phải nằm chết dí trong khách sạn hết mấy tuần, ngay cả một con đàn bà để giải trí cũng không dám kêu. Linh kinh chết người như bị cái thằng khổng lồ chó đẻ đã chết nhăn răng rồi mà không hiểu làm sao lại ngồi đây được để nắm cổ mình một phát... Nghĩ tới thằng Kabri, Capone lại thấy rung mình rợn óc, bàn tay cầm ly rượu run lên từng chập.

Mình khổ sở vậy mà rốt cục thằng Luciano lại được đăng quang, hưởng hết mọi hào quang chiến thắng. Bỏ tiền sư cái thằng Luciano này. Nếu không gọi nó là "Luciano may mắn" thì gọi là gì đây? Dân giang hồ đặt tên nào là đúng tên đó. Nhưng không biết lên ngai vàng rồi, nó có còn nhớ đến mình không, hay lại phải ôm súng, khăn gói lên đây một lần nữa để hỏi tội nó?

Capone lắc đầu. Không! Nhất định không! Con cạp già đã biết cái giá của chiến tranh. Nó có phản mình hay làm gì thì cũng mặc kệ nó, nhất định sẽ không bao giờ lên đây nữa. Chuyển đi này là chuyển viễn du Nữ Ước cuối cùng của đời mình. Capone chưa bao giờ thấy chán Nữ Ước như hôm nay...

Capone ngửa cổ ực hết ly rượu. Frank tới gần bên xếp, rót thêm rượu vào ly rồi hỏi:

— Xếp ở đây với con nhỏ Mary, tôi đi một chút được không?

Capone không hỏi nhưng biết ngay thằng này muốn đi đâu. Nó đi trả thù đây mà! Capone giật mình vì vừa nghĩ ra một chuyện: Nó đi rồi

mà thằng chó đẻ Kabri đột ngột sống dậy bất tử lần nữa thì mình phản ứng thế nào đây? Gã liếc xéo cái xác thằng Kabri một cái và biết chuyện này không thể nào xảy ra được. Nhưng tại sao mình lại có thể trở nên hèn với một xác chết như vậy nhỉ? Trong đời mình xưa nay đã giết bao nhiêu thằng mà có bao giờ phản ứng như vậy đâu? Capone gật đầu:

— Được, mày đi đi nhưng phải về đây trước 9 giờ sáng. Phải cẩn thận tối đa. Đây không phải là Chicago. Tụi tao lát nữa cũng xuống nhà dưới ăn sáng và nghỉ ngơi một chút. Ngồi đây nhìn cái xác thằng này một lúc nữa thì chắc tao nổi điên...

Frank không thèm nói thêm một lời, lẳng lặng khoác áo, nhét cây Colt.45 vào nách rồi mở cửa ra đi.

Frank vừa đóng cửa, em Mary liền xà tới ngồi bên cạnh xếp, đưa tay mân mê cái cà-vạt. Bộ ngực vĩ đại tròn trịa đầy những gân máu đỏ li ti, bộ ngực đã đưa thằng Kabri lừng danh xuống địa ngục lại đóng đưa qua lại một cách rất chết người trước mặt xếp. Nhưng dù đã mấy tuần lễ chưa gần đàn bà, em chưa mở miệng nói được câu nào thì Capone đã gạt phắt đi:

— Bớ khỉ, đừng có ồm ồm! Hôm nay không được. Em cho anh thiếu nợ một cái đi.

Em Mary nhún vai, ngồi sát vào người Capone hơn chút nữa, cười tình hỏi:

— Anh có bao giờ làm tình trước mặt một xác chết chưa?

Cái con nhỏ chết bầm này, mình đang tránh không muốn nghĩ tới thằng Kabri thì nó lại nhắc đến. Capone xoay người trừng mắt nhìn con nhỏ một phát. Em Mary thấy xếp như vậy thì hết hồn, nín khe, vội vàng đứng lên sửa lại quần áo. Em đâu biết chuyện Capone bị xác chết Kabri thộp cổ nên cứ thối mác không hiểu tại sao hôm nay mèo này lại chê mớ. Nhất là thứ mèo đã mấy tuần nay chưa được nhìn thấy miếng mớ nào. Nhưng em biết nếu không nghe lời mà còn ồm ồm thì

tìm em

*Tìm em mãi nơi chân trời góc biển
thời gian qua mà cứ bật âm tin
sóng chưa lặng, biển đời trôi giạt mãi
em có còn như thuở ấy trinh nguyên?*

*Thương em quá, chắt chiu từng kỷ niệm
kết thêm dài cho xâu chuỗi nhớ mong
em còn nhớ con đò nơi bến cũ
chở chúng mình trên sông nước Cửu Long?*

*em còn nhớ những đêm quê trăng sáng
giọng hò lơ trên sông nước trôi xa
chúng ta nương giọng hò cùng ca hát
trăng cũng cười, sông nước cũng hoan ca?*

*em còn nhớ những buổi chiều tan học
anh đón em trên những nẻo đường về
ôi màu áo em xanh tươi đẹp quá
và nét cười rạng rỡ nắng chiều quê.*

*em còn nhớ buổi thăm chùa xuân ấy
lễ Phật xong ta đã nguyện những gì
có phải là đôi ta cùng thề nguyện
mãi yêu nhau trong bóng Phật từ bi?*

*em còn nhớ buổi về quê thăm ngoại
cơm muối dưa mà sao quá ấm lòng
ngoại thúc giục chúng ta làm lễ cưới
để ngoại vui và ngoại hết chờ trông.*

*Nhưng lễ cưới chưa làm thì đông tố
bổng trùn lên thân phận của đôi mình
nước lâm nạn nên tình ta trôi giạt
hai phương trời mỗi đứa mỗi lênh đênh.*

*Anh chẳng sợ nhưng lòng đôi chút ngại
giữa trời tây bao quẩn rũ lả lừng
son phấn quá loẹt loẹt bao cô gái
đã đưa đời quên văn hoá tổ tông.*

*Vẫn tin tưởng rằng cây luôn nhớ cội
dẫu phân ly nhưng nước vẫn về nguồn
nên năm tháng mỗi mòn anh vẫn đợi
vẫn tìm em dù tóc có pha sương.*

tô giang

Capone sẽ thắng cánh giông cho một bọp tai liền.

Capone nói:

— Đi xuống nhà kiếm cái gì ăn. Ngày hôm nay là một ngày trọng đại, mình còn nhiều chuyện phải làm...



Như mọi khách sạn mà bọn găng-tơ thường cư ngụ, nơi mà bọn Racco tạm trú khi lên Nữ Ước để làm thịt Kabri là một khách sạn vô cùng sang trọng, hạng bốn

sao. Đối với Frank Nitti, một thằng sinh ra và lớn lên ở Nữ Ước thì kiếm cái địa chỉ này không khó lắm. Frank sang số xe phóng ào ào. Mặt nó lăm lè khủng khiếp như sắp sửa giết người. Mà nó sắp sửa giết người thật.

Lúc mới bước vào giới giang hồ, một trong những bài học quan trọng nhất mà Frank đã được đàn anh Russo dạy dỗ là: "Dân chơi, hễ đã nói là phải giữ lời. Nói mà không giữ được lời thì kẻ thù cũng khinh mà bạn bè cũng mất..." Cách đây mấy ngày, nó đã nói với thằng thư ký khách sạn một câu đại khái là: "Mày làm khó tao thì tao sẽ tới tận nơi bắn chết hết chúng mày..." Frank nhất quyết giữ lời.

Sáng nay, cốp đã xổng chuông thì bọn ngố kia làm sao sống được? Càng nghĩ đến cái xác của thằng đàn em và con mắt lờ lờ của thằng Racco, Frank càng nhấn lút ga xăng, phóng ào ào như gió.

Thằng xe trước khách sạn, tên thợ giết người ngồi im quan sát một lúc. Có gì đâu mà phải vội vàng kìa. Giết người là một thú vui, cần phải thưởng thức nó đúng cỡ y như người sành ăn thưởng thức các món ăn ngon vậy. Nó móc ra bao thuốc lá, cúi đầu mỗi một điếu.

Trước hết, nó quan sát cái bãi đậu xe. Frank chú ý những ngõ vào, ngõ ra, từng khúc quẹo chung quanh. Khách sạn lớn lắm. Phía ngoài là ba bốn thằng *porter* mặc đồ y như mấy ông tướng trong quân đội với đầy đủ huy chương đang đứng chấp tay sau lưng bình thần nhìn ra. Frank thò tay lấy thêm mấy gói đạn bỏ vào túi áo, tiếp tục quan sát.

Phía trong khách sạn là một cái quầy nhỏ có hai thằng an ninh mặc đồng phục ngồi tư lự sau cái bàn giấy nhìn ra ngoài. Chúng nó ngồi khuất sau quầy nên Frank không biết bọn này có đeo súng không. Hắn lấy thêm một trái măng cầu bỏ vào túi, tiếp tục nhướng mắt nhìn vào.

Phía trong chút nữa là quầy tiếp tân. Đó là nơi khách khứa đến

mướn phòng, trả tiền hoặc hỏi tin tức. Cách đó không xa, hơi khuất phía sau là hai con nhỏ tóc vàng ngồi bên một dàn máy lớn toàn những lỗ cắm và đường dây chằng chịt. Đó là tổng đài điện thoại của khách sạn. Mọi cú phone đều phải đi qua trung tâm này.

Frank bỏ chìa khóa vào túi rồi mở cửa xe bước xuống, gài nút chiếc áo măng-tô, bình thần bước vào. Trước khi giết người, nó thường tỏ ra nhân nhả và thanh lịch như một tay quyền quý dư tiền thừa bạc. Mà trông nó quyền quý thật dù khuôn mặt có xấu xí, thế nên đi qua bọn *porter* mà chẳng thằng nào để ý. Bọn này lịch sự cúi đầu chào nó như chào một khách hàng của giới thượng lưu Nữ Ước.

Vào trong khách sạn, Frank đánh một vòng lang thang khắp nơi để quan sát địa thế. Chỗ này chạy

được, chỗ kia núp được.v.v.. Thằng thợ giết người ghi nhận đầy đủ không thiếu một chi tiết. Rồi nó trở ra tiền đường, tới bên trạm điện thoại công cộng, quay số của khách sạn. Dừng từ đây, nó có thể nhìn thấy rõ thằng thư ký nào trả lời điện thoại.

Chuông reo. Frank chú ý lắng tai nghe giọng của thằng nhắc máy: "A lô, khách sạn Victoria..." Giọng nói không giống chút nào, Frank cúp máy. Nó đứng yên, chờ cho đến lúc thằng vừa trả lời điện thoại bận rộn, lại nhắc phone gọi tiếp. Cũng chẳng phải thằng này. Frank lại cúp máy.

Thử đến ba lần mà Frank vẫn chưa nghe được cái giọng xác lác của thằng thư ký sáng hôm nọ. Nó cúi đầu nhìn đồng hồ tay rồi chán nản lắc đầu. Nó phải trở về Ambassador trước 9 giờ sáng. Chẳng lẽ đến đây rồi mà không



kiếm được tí huyết nào cả hay sao? Trong óc Frank thoáng một ý nghĩ táo bạo. Hay là mình cứ tặng đại cho mỗi thằng thư ký một phát vào trán rồi đi về? Chẳng thà giết lầm còn hơn đi về mà lòng ảm ức.

Đang còn phân vân suy nghĩ thì Frank nghe tiếng bánh xe thắng đến kít một tiếng thật to, thật dài ở ngoài đường.

Đù mẹ thắng chó đẻ nào chạy xe mà ẩu tả quá vậy! Frank quay đầu nhìn ra và tái mặt khi thấy chiếc xe cảnh sát đen thùi lù của quận Bronx. Kinh khủng hơn nữa, nó nhận ra ngay người lái xe chẳng ai khác hơn là đại úy cảnh sát Maxwell. Làm sao quên được thằng cớm gian hùng bậc nhất này. Chính nó là người đã thẩm vấn mình cách đây mấy tháng rồi đích thân hộ tống mình lên xe lửa với câu nói bất hủ: "Hề tao thấy cái bản mặt xấu xí của mày ở đâu thì tao còng đầu lại liền, đéo cần biết lý do..."

Đại úy Maxwell mở cửa nhảy xuống. Ba bốn thằng khác mặc sắc phục nhảy theo liền mau như một cơn lốc. Trên tay mỗi đứa là một cây shotgun bóng loáng. Chân vừa chạm đất là chúng nó chìa súng lên trời, đồng loạt kéo cơ bắmlên đạn nghe soạch soạch đến rợn người.

Frank nhả mặt lại. Đù mẹ sắp có chuyện lớn rồi! Nó biết cảnh sát đi ăn sáng, dù đói bụng cách mấy cũng không nhảy xuống xe kiểu đó. Hùng hổ và võ khí đến tận răng như vậy thì nhất định chúng nó phải đi tìm bắt một người nào nguy hiểm lắm. Trong khách sạn này còn có người nào nguy hiểm và bị thằng cảnh sát Maxwell này căm thù hơn là mình?

Frank hốt hoảng quay lui tính kiếm đường dọt nhưng những gì nó nhìn thấy lúc ấy làm tóc gáy thẳng đê nhất đao phủ thủ của Al Capone dựng ngược lên. Trước mặt nó, khoảng 5 thằng cảnh sát Nữ Ước không biết từ đâu hiện ra đứng thành một vòng cung vây kín lấy nó không biết từ lúc nào. Trên tay mỗi thằng là một cây shotgun đen thùi

lùi chìa thẳng tới trước. Điều bộ chúng nó cho Frank biết là súng đã lên cò sẵn, khỏi cần biểu diễn màn kéo cơ bắmlên để hăm dọa làm chi! Động đậy một chút là nát bấy liền!

Frank thở dài trong bụng nhưng đầu óc thì xoay chuyển mau như một cái máy. Vậy là mình lọt bẫy của cảnh sát Nữ Ước rồi. Bớ khỉ, chết nó cóc sọ, chỉ tiếc và buồn vì kế hoạch khó khăn làm coi như đã xong một nửa, đến giờ phút cuối lại hỏng bét vì một chuyện lằng nhách. Frank thoáng thấy oán hận đàn anh Russo dù đàn anh đã khuất bóng mấy chục năm rồi. Đù mẹ ba cái lời hứa vớ vẩn với bọn các kẹ thì phải giữ làm c. gì để đến nỗi phải rơi vào tình trạng này?

Một ý nghĩ liều lĩnh thoáng lên trong đầu óc nó. Sự thể đã đến nước này thì đành móc súng ra bắn nhầu một trận. Mình sẽ chết chắc nhưng ít nhất chúng nó không bắt được mình.

Nghĩ là làm liền. Coi những họng súng của bọn cảnh sát trước mặt chẳng ra gì, Frank ngang nhiên thò tay vô nách tính rút cây Colt.45 ra nhưng đã nghe đến bốp một phát như trời giáng. Một thầy đội to con đứng gần nhất đã vung cái còng sắt ném trúng vào bàn tay Frank.

Thằng cảnh sát này ăn cái gì, tập võ cỡ nào mà nó ném mạnh quá, chính xác quá. Tay Frank đau điếng và rồi tê dại hẳn. Nó vừa xoay người thì thầy đội nọ liền nhào tới, chớp mắt một cái đã quay được người nó lại, bẻ ngược hai cánh tay nó ra sau. Chỉ nghe đánh soạt một phát là cây Colt.45 lừng danh của nó bị lột ra khỏi bao. Lại nghe thêm một tiếng cộp, hai tay thằng Frank đã bị cái còng sắt lúc nãy mổ cứng, khoá hai tay nó lại. Thế là ông đao phủ thủ lừng danh nhất Chicago bỗng trở thành tù nhân của cảnh sát Nữ Ước chỉ trong một cái chớp mắt.

Tình hình bi đát vậy mà mặt mũi thằng Frank vẫn tỉnh bơ, lì lợm một cách đáng phục. Thực ra nó cũng thấy kinh hoảng chút ít nhưng ngạc nhiên thì nhiều hơn. Tại sao

Nữ Ước còn có những nhân tài cảnh sát mạnh bạo và lạnh lẽo như vậy kia? Bất người cái kiểu quyết liệt này thì trên thế giới chỉ có một mình thằng cớm Gary Malone ở Chicago. Ai ngờ cảnh sát Nữ Ước cũng có một thằng hung dữ không kém. Chao ôi, nhân tài trong... cảnh sát sao mà lắm vậy!

Đại úy Maxwell cũng vừa bước vào, miệng cười đều, tà tà tiến tới trước mặt thằng Frank Nitti.

Như đã làm xong nhiệm vụ, thầy đội to con vừa ném chiếc còng hồi nãy buông tay nó ra, rút lui để cho hai thầy đội khác tiến vào thế chỗ. Hai thầy này biết Frank chẳng phải tay vừa nên kèm cứng hai cánh tay nó như người ta giữ một con cộp.

Đại úy Maxwell gõ gõ cây dùi cui vào lòng bàn tay, nhìn nó cười cười:

— Trái đất này coi vậy mà nhỏ tí xíu phải không Frank? Tao nhớ hình như mình mới gặp nhau chưa tới vài tháng mà.

Frank điên tiết, trợn mắt bặm môi tính phun một bãi nước miếng vào mặt thằng đại úy nhưng chưa kịp mở miệng đã bị nó để cái đầu cây dùi cui vào môi, chồm hai hàm răng đẩy nhẹ một cái. Đại úy Maxwell sử dụng dùi cui hay quá, chính xác quá. Frank biết gã chỉ cần đẩy mạnh một cái là hai hàm răng của mình bị... lồm vào trong liền.

Giọng ông đại úy cảnh sát có vẻ giễu cợt:

— Đừng có nóng mày. Mày khắc nhổ bậy bạ... vào đồng phục cảnh sát thì tao nhất định không để mày còn một cái răng mà ăn mì ống.

Frank đứng yên nhưng không phải vì sợ. Chết còn chẳng sợ thì sợ gì thiếu vài cái răng lẻ tẻ. Nó chỉ chờ cho cây dùi cui lui ra một chút là sẽ phóng ra bãi nước miếng vào giữa mặt thằng đại úy Maxwell này liền. Đệ nhất đao phủ thủ của Al Capone hề bắn là trúng tim, hề khắc nhổ là ngay vào mặt, đâu có thêm khắc vào quần áo cảnh sát làm chi.

Vẫn giữ nguyên cây dùi cui trên môi Frank, Maxwell tiếp tục, lần này hấn xuống giọng nhẹ nhàng:

— Nhưng mà mày đừng có lo, tao tới đây không phải để bắt mày đâu...

Frank có cảm giác như mình vừa trúng số độc đắc. Nó không dám tin hai lỗ tai mình. Bộ Luciano mua được luôn thằng này rồi sao? Hay xếp Al Capone đã mua được nó mà giấu không cho mình biết? Dù ai mua nó đi nữa thì Frank cũng thấy như người chết đuối vừa được vớt lên bờ.

Thật ra chẳng phải Capone mà cũng không phải Luciano đã mua được Maxwell. Tên đại úy lì lợm này chỉ trung thành với một mình ngài chủ tịch Unione. Sở dĩ hôm nay lão biết được thằng Frank sẽ đến đây mà đem cảnh sát tới bố trí chẳng qua là vì lão tuân lệnh ông Eliot Ness của Tổng nha Ngân khố. Ông Ness bảo lão tới đây chờ thằng Frank, đừng để nó giết mấy thằng thư ký khách sạn vô tội.

Ngay sau khi cứu Capone ở khách sạn ngày hôm đó, Ness lên xe tới thẳng ty cảnh sát gặp đại úy Maxwell. Chẳng cần úp mở, Ness cho lão biết là hai thầy trò thằng Capone đang ở Nữ Ước và chàng xuống đây để bảo vệ... chúng nó. Maxwell nghe xong muốn té xỉu ngay trên ghế.

Đại úy Maxwell không xa lạ gì ông đệ nhất cớm Eliot Ness. Hắn

biết Ness từ những ngày chàng còn công tác ở Nữ Ước. Chữ "biết" chưa đúng để diễn tả cái tình cảm này. Phải dùng chữ "kính sợ" mới đúng. Thật ra chẳng có thằng cảnh sát ăn bẩn nào ở Nữ Ước gặp Ness mà không dựng ngược tóc gáy. Bí mật của chúng nó Ness nắm hết trong tay. Maxwell biết chuyện lem nhem của mình có thể dài đến cả chục trang đánh máy trong tập hồ sơ dày cộm của Ness. Cảnh sát mà phải vào ở tù chung với những thằng đầu trộm đuôi cướp do chính tay mình bắt thì khổ nạn lắm. Mặc đồ cảnh sát đã mấy chục năm, Maxwell biết rõ chuyện này hơn ai hết. Vì vậy, xa nhau mấy năm rồi nhưng hễ nhìn thấy Ness là con người thầy đội Max liền trở thành hiền lành như chú học trò nhỏ gặp thầy giáo.

Lão lệ làng kéo ghế mời hai ông cớm liên bang ngồi, hối lính rót cà phê lia lịa. Dĩ nhiên Maxwell không bao giờ dám mở miệng hỏi tại sao Ness lại lên đây để bảo vệ Capone. Ông Ness không thích nghe những câu hỏi tò mò như vậy. Hơn nữa, cái thằng cớm to con đẹp trai có hàng râu mép đi theo Ness sao mà coi dữ tợn quá chừng. Nhất là ánh mắt của nó, nhìn tới đâu là như có lửa bắn ra tới đó. Hoa kỳ có những thầy cảnh sát mặt mũi như vậy thì

bọn Mafia chắc cũng chẳng còn hoạt động được bao lâu nữa.

Ness mời điếu thuốc, lạnh lùng nói:

— Tôi muốn ông bạn để yên thầy trò thằng Capone giùm tôi.

Maxwell gật gù, ra dấu tuân lệnh. Mà nói gì đến chuyện để yên, nếu Ness muốn, hắn sẵn sàng gửi một tiểu đội tới làm cận vệ cho chúng nó ngay. Ness muốn là trời muốn mà! Đại úy Maxwell nghiêm chỉnh trả lời:

— Yes sir! Mr. Ness.

Gã cảnh sát đi theo Ness nói luôn:

— Và chuyện này chỉ có ông và chúng tôi biết mà thôi. Ông để một người thứ ba nào biết chuyện này thì tôi... quăng ông xuống hồ Nữ Ước...

Dù kính nể Ness nhưng Maxwell vẫn cảm thấy khó chịu vì lời ăn nói trịch thượng của thằng này. Mình chưa hề quen biết nó, ai cho nó ăn nói một cách mất dạy với mình như vậy? Dù gì mình cũng là một đại úy cảnh sát mà.

Đại úy Maxwell vừa quắc mắt thì thằng này buông thêm một câu, lạnh lùng chắc nịch:

— Quên, tôi sẽ còng hai tay ông lại đã rồi mới quăng xuống hồ.

Rồi gã nhét cái ống tẩu vào giữa hai hàm răng, khuôn mặt hầm hầm, cặp mắt toé lửa làm như nó sắp sửa nhào tới làm thiệt vậy.

Đại úy Maxwell thấy vậy thì tự nhiên xương sống trở nên ớn lạnh. Tia mắt nó toát ra một thứ gì đó vừa oai nghiêm vừa quyết liệt làm thầy người liền cơn giận. Tránh voi chẳng xấu mặt nào, thằng này đã đi chung với ông Ness thì chắc không phải là típ người thường. Nó nói được là nó làm được.

Sáng hôm nay, không hiểu lấy tin tức ở đâu, Ness bỗng gọi điện thoại cho hắn, dặn bố trí một tiểu đội ở khách sạn Victoria vì thằng Frank sẽ đến đó để giết người.

Trời còn tối hù, đại úy Maxwell vừa mặc quần áo vừa hỏi:

— Tôi chờ nó ở đó rồi làm gì, thưa ông Ness?

quê người, quê mình

Tiến người qua biển mù khơi
em về vui trọn nửa đời nghèo ngao
ừ em nhạt phẩn má đào
ừ ta còn với xanh xao tháng ngày
quê người ngậm đắng nuốt cay
quê mình em cũng ngất ngây men sầu
xuôi dòng con nước về đâu
cho ta dốc cạn mạch sầu vào sông
bâng khuâng quanh quẩn bên lòng
bể dâu hết kiếp má hồng thật sao
mười năm tình lạc phương nào
người từ quê cũ lệ trào mười năm.

vạn giả



— Không làm gì cả. Ông chụp cổ nó, nói cho nó nghe là ông đã biết thầy trò chúng nó có mặt ở Nữ Ước nhưng ông tạm thời để cho chúng nó yên. Bảo nó rút cha ra khỏi chỗ đó, đừng giết người vô tội phải ở tù.

— Đồng ý. Nhưng nếu tôi cho người tới đó thì nhân viên tôi sẽ biết thằng Frank có mặt ở Nữ Ước. Ông Ness biết chúng nó, tôi làm sao bảo mật tin đó được?

— Thằng Frank dù lòng danh nhưng nó đi lâu rồi, không phải ai cũng biết mặt. Ông lựa những thằng cảnh sát trẻ đi với ông là yên.

Đại úy Maxwell vừa tính cúp máy thì Ness nói luôn:

— Còn chuyện này rất quan trọng. Tôi biết tính thằng Frank, chỉ sợ nó vừa nhìn thấy ông, ông chưa kịp nói gì nó đã móc súng ra nổ bừa bãi thì hỏng bét.

Đệ nhất cớm có khác, liệu việc như thần.

— Vậy tôi phải làm sao?

— Ông đừng lo. Tôi sẽ gửi một nhân viên của tôi đến làm việc với ông. Người này có thừa khả năng để khống chế thằng Frank Nitti trước khi nó giở được trò gì.

— Cảm ơn ông Ness. Tên người đó là gì?

— Tạm thời cứ gọi hắn là Mr. X là được rồi.

— *Yes sir, Mr. Ness!*

Ness cúp điện thoại, quay sang nhìn Malone:

— Tên mới của ông là Mr. X. Lát nữa ông đi bắt thằng Frank cho tôi. Nhớ hoá trang cho kỹ!

Malone cười:

— *Yes sir, Mr. Ness!*

Lúc này đây, bọn cảnh sát Nữ Ước vừa được thưởng thức tài nghệ ném còng sắt và tài lột súng của Mr. X. Nhất là đại úy Maxwell thì khâm phục vô cùng. May hôm nọ mình chưa có hờn hào với nó, nếu không thì chắc đã bị đòn mềm xương rồi. Dân liên bang có khác!

Lão hạ cây dùi cui khỏi miệng thằng Frank nhưng mắt vẫn để ý dòm chừng.

— Mà vô trong phòng kia tao

muốn nói chuyện chút xíu.

Đại úy Maxwell hất hàm ra dấu. Hai thầy đội buông tay nó ra. Một người thò chìa khoá vào cái còng vận nhẹ, Frank lại được tự do.

Trong phòng bây giờ chỉ có hai người. Đại úy Maxwell nói một câu làm Frank muốn té ngửa:

— Frank, tụi tao biết tổng là chúng mày có mặt ở Nữ Ước từ ngày thứ nhất.

Thật ra đại úy Maxwell chỉ nói dóc để hù thằng Frank. Nhưng cảnh sát thường thường khoai phủ đầu người ta như vậy để tạo uy thế.

Frank mỗi một điều thuốc. Đại úy Maxwell để ý thấy bàn tay nó hơi run run. Có thể chứ!

— Tụi tao biết nhưng vẫn để mày yên vì chuyện của bọn mày không dính dáng gì đến tao hết.

Frank vẫn chưa thém mở miệng. Nó phả một hơi thuốc vào mặt ông đại úy cảnh sát.

— Sáng nay tụi tao phải tóm cổ mày vì không thể để mày giết người vô tội được.

— Sao ông biết tôi muốn giết người? Tôi tới đây uống cà phê mà.

Đại úy Maxwell lớn giọng:

— Dù mẹ mày cho tao xin. Tao không thông minh lắm nhưng tao làm cảnh sát mấy chục năm rồi, tao biết người ta đi uống cà phê sáng không mang theo bốn năm gấp đạn cùng một trái măng cầu trong người. Nói thật với mày, chuyện bí mật lớn của chúng mày tao còn biết thì một chuyện nhỏ như vậy nghĩa lý gì...

Một lần nữa Maxwell lại nói dóc. Lão có biết gì về những bí mật lớn, bí mật nhỏ của bọn Capone đâu! Lão chỉ biết những gì Ness muốn cho lão biết. Và Ness thì không nói nhiều. Tuy chỉ xỏ bậy để tạo uy tín nhưng Frank nghe tới đâu thì tái mặt tới đó.

Nó nói vậy thì chắc nó biết hết âm mưu lật đổ David Yale của bọn mình rồi chẳng? Nếu thế thì nó nhất định phải là người của Luciano. Tiên sư cái thằng chó đẻ Luciano này, nó xì tin tức mau quá. Capone không bao giờ làm việc cầu thả như

vậy.

— Rồi, bây giờ ông muốn gì nơi tôi?

— Tao muốn mày rút cha mày ra khỏi chỗ này. Thằng nào lỡ làm mất lòng mày, mày tha cho nó.

Có khi nào cảnh sát lại đi xin một thằng gang-tơ tha tội cho một người dân lương thiện đâu. Trường hợp này chỉ có một.

Frank gật đầu, nghênh ngang chìa tay ra. Maxwell... đau đớn đặt cây Colt.45 vào tay nó và thấy nhói trong tim. Chắc nó tưởng rằng phe nó đã mua được mình nên mới ra vẻ trịch thượng như vậy. Thầy đội cái lăm nhưng không biết phải nói gì. Nếu không phải là ông Ness ra lệnh thì dù mày có đưa tao bạc triệu tao cũng nhất định còng đầu mày lại động cho một trận rồi nhét vào tù.

Frank xoay cây súng trong tay vào vòng để đo lường sức nặng. Tốt, băng đạn 7 viên trong súng vẫn còn nguyên. Nó nhét súng vào nách, từ từ đứng dậy. Vẫn khuôn mặt xác lác, Frank trịch thượng cất tiếng:

— Còn gì nữa không đại úy?

Đại úy Maxwell lắc đầu. Frank sửa lại cổ chiếc áo bánh-tô, đưa tay vỗ vỗ vào vai thầy đội, dáng điệu kẻ cả như là đàn anh đang vỗ về đàn em làm Maxwell tức muốn sùi bọt mép.

— Người ta nói đường nào cũng về La Mã mà...

Rồi nó bình thần bước ra cửa. Maxwell nhìn theo, tức ỏi máu mà không làm gì được. Dù mẹ không hiểu cái thằng du đảng vô học này muốn nói gì với câu "Đường nào cũng về La Mã..." Dân vô học mà lên mặt nói chuyện văn chương! Câu nói đó chẳng có ý nghĩa gì trong hoàn cảnh này hết.

Cánh cửa đóng rầm lại. Maxwell lăm bầm:

— Dù mẹ nếu không phải là lệnh của ông Ness thì tao bầm xác mày ra. Thằng khốn nạn vô học còn bày đặt nói chữ...

(còn tiếp)



BÚT CHÌ phụ-trách

Mục "Độc Giả Thắc Mắc" được mở để bạn đọc nêu ra những nghi vấn về mọi lãnh vực: văn học, nghệ thuật, khoa học, xã hội, chính trị, v.v..

Vì khuôn khổ hạn hẹp của một tiểu mục, xin vui lòng hạn chế mỗi lần hỏi tối đa 3 câu. Đa tạ.

Bút Chì phụ trách.

gôm

Làng Văn số 89, bài "Họa từ chúc" của Lê Văn Lân, trang 23, cuối cột 1, đầu cột 2, thêm chữ giữa "phong chức, phong-phú."

Câu đầy đủ như sau: "...Cây phong 楓 và con ong 蜂 (phong) đồng-âm với chữ phong 封 là phong chức, và phong 豐 là phong-phú."

Làng Văn 89, tựa bài "Chợ Trần Cối" của Phạm Thăng, trang 101, xin đọc là "Chợ Tàn Cối."

Làng Văn số 89, bài "Dọn đường về nước" của Nguyễn Hữu Nghĩa, trang ba dòng 14 cột 1, "khủng-hồn", xin đọc là "khủng hoảng" (khủng-hoảng kinh-tế.)

Xin tạ lỗi cùng quý tác-giả và độc-giả.

MÁY THU THANH VÀ CHƯƠNG-TRÌNH VIỆT-NGŨ

Bạn Lê Long ở Florida dùng máy thu-thanh Sony IC-2010 và

SW-7600 bắt được nhiều chương-trình phát-thanh Việt-ngữ, xin mách giúp các bạn đọc khác, như sau (theo giờ Nữu-ước):

- BBC Luân-đôn:

. 6 giờ 30 tới 7 giờ sáng: 11955KHz, 15360KHz, 9725KHz.

. 9 giờ 30 tới 10 giờ sáng: 6080KHz, 3915KHz, 15360KHz, 11765KHz.

. 6 giờ tới 6 giờ 15 chiều: 11865KHzO 7160KHz.

- Tiếng nói Hoa-kỳ (VoA):

. 7 giờ 30 — 8 giờ 30 sáng: 15210KHz, 11835KHz, 9620KHz, 9725KHz.

. 5 giờ 30 tới 6 giờ 30 chiều: 11775KHz, 7225KHz, 9630KHz.

- Tòa-thánh La-mã:

. 9 giờ 15 tới 10 giờ sáng: 15090KHz, 17525KHz.

. 6 giờ 15 tới 7 giờ tối: 7310KHz, 9600KHz.

- Úc-đại-lợi: 8 giờ tới 9 giờ 30 sáng: 9770KHz.

- Mạc-tư-khoa: 7 giờ tới 8 giờ sáng: 15525KHz, 12070KHz, 21615KHz.

- Nhật-bản: 5 giờ 45 tới 6 giờ chiều, 11840KHz.

- Bắc-kinh: 6 giờ sáng tới 12 giờ trưa, 9605KHz 6025KHz 1296KHz.

Cảm ơn bạn Lê Long. Xin bạn đọc ở các vùng khác bắt nghe thử và chia sẻ kinh-nghiệm cho. Đa tạ.

TRỐNG ĐỒNG NGỌC LŨ

Hỏi: 1.—Nơi nào có hình chụp rõ mặt trống đồng Ngọc-lũ; tài-liệu giải-thích hình khắc (tôi muốn phóng lớn như bích-chương)

2.—Sách hay tài-liệu viết về nguồn gốc và sự hình-thành của chữ viết tiếng Việt.

Phạm Chí Thân
Calgary

Đáp: 1.—Ông liên-lạc với An Việt Foundation (địa-chỉ 1764 Duffy Way, San Jose, CA 95116, USA) hỏi mua bích-chương Trống đồng Đông-sơn và các tài-liệu liên-hệ.

2.—Liên-lạc với Tổ-chức Đường Mới (8 rue Flatters, 75005 Paris, France), hỏi mua cuốn *Lịch-sử chữ Quốc-ngữ 1920—1695* của Đỗ Quang Chính.

VĂN-TẾ FRANCIS GARNIER

Hỏi: 1.—Sau khi quân Cờ đen phục-kích, chặt đầu Thiếu-tá Francis Garnier tại Ô Cầu Giấy, để xoa dịu người Pháp, triều-đình Huế ra lệnh quan-binh Việt-nam sở tại làm lễ truy-điều tế-lễ rềnh-rang, có cả văn-tế tổng tiền. Tôi nhớ bài văn có các đoạn như sau:

Nhớ ông xưa

Tóc ông quấn

Mũi ông lõ

Đít ông cưỡi lừa

Mồm ông huýt chó...

Tôi không nhớ rõ bài này của Yên-Đỗ hay Nghè Tân, xin bác Bút Chì xác-định cho.

2.—Tôi không nhớ hết bài thơ *Vũng lợi làng Ngang* (của Nguyễn Khuyến). Xin bác chép hộ cho và nói về xuất-xứ bài thơ chưa này.

Trần Văn Lực

Mississauga

Đáp: 1.—Bài văn-tế này của Tam-nguyên Yên-đỗ Nguyễn Khuyến, làm năm 1873 theo yêu-cầu của Trần Đình Túc, Tổng-đốc Hà-nội.

Theo tài-liệu của BC, nội-dung bài văn-tế như sau:

Nhớ ông xưa:

Tóc ông quấn, mũi ông lõ

Ông ở bên Tây ngang tàng, ông sang bên Nam bảo-hộ

Quan ông to, ông có lon vàng đeo tay; công ông cao, ông có mẽ-day đeo cổ

Mắt ông chiếu kính thiên-lý, đít ông cưỡi lừa; vai ông đeo súng lục liên, miệng ông huýt chó.

Ông: định dẹp Cờ Đen, để yên con đỏ

Nào ngờ: nó cất đầu ông đi, nó bêu xác ông đó.

Khốn nạn thân ông, đủ mẹ cha nó.

Nay tôi;

Vâng mệnh các quan, tế ông một cỗ

Xôi một mâm, rượu một hũ
Chuối một buồng, trứng một ổ
Ông ăn cho no, ông uống cho đủ
Hồn ông lên thiên-đường, phách ông
vào địa-hộ

Ông ơi là ông, nói càng thêm hổ!...

2.—Hiện nay có nhiều tài-liệu khác nhau nói về cái vũng lợ này.

Theo Nguyễn Tuấn trong cuốn *Cảnh sắc và hương-vị đất nước*, tựa bài thơ là *Vũng lợ đường ngang*, nội-dung như sau:

VŨNG LỢI ĐƯỜNG NGANG

Đường ngang xưa nay vẫn bỏ lợ
Chỉ thấy ông Cuội cao vọi-vọi
Đàn bà làng ấy hay qua lại
Chỗ ngập lưng đùi, chỗ đến gối
Ông Cuội ngồi trông mỉm miệng cười:
— “Cái gì trắng trắng như con cúi?”
Vội-vàng khép-nếp đứng liền thưa:
— “Trót dại hờ-hang xin xá tội!”
Ông rằng: — “Mày cũng chẳng tội gì
Chỉ tội làm ông cứng con buội
Muốn tốt mày về bảo làng mày:
Ra đây ông cho giống ông Cuội!”
Cho nên làng ấy sinh ra người
Chỉ rất những thằng hay nói dối.

Nguyễn Khuyến

Theo Xuân Diệu trong cuốn *Thơ văn Nguyễn Khuyến*, bài thơ ấy như sau:

VŨNG LỢI ĐƯỜNG NGANG

Đầu Đường-ngang có một chỗ lợ
Có miếu ông Cuội cao vọi-vọi
Đàn bà đến đó vén quần lên,
Chỗ thì đến háng, chỗ đến gối.
Ông Cuội ngồi trông mỉm miệng cười:
Cái gì trông trắng như con cúi.
Vội-vàng khép-nếp đứng liền thưa:
Trót dại hờ-hang xin xá tội.
Ông rằng: mày cũng chẳng tội gì,
Chỉ tội làm ông cứng con buội.
Muốn tốt mày về bảo làng mày:
Ra đây ông cho giống ông cuội.
Cho nên làng ấy sinh ra người,
Sinh ra rất những thằng nói dối.

Nguyễn Khuyến

Theo Nguyễn Tuấn và Xuân Diệu, Đường-ngang là con đường thông ngang từ làng Phú-đa (làng

Da) sang làng Vĩ-hạ và làng Vĩ-thượng. Theo bản đồ hành-chánh của CSVN, làng Da thuộc xã Bối-cầu, huyện Bình-lục.

Con đường này bằng ngang đồng Vĩ-hạ, thuộc trách-nhiệm bồi-đắp của cả hai làng Phú-đa lẫn Vĩ-hạ. Nhận thấy con đường chỉ tiện cho làng Phú-đa, còn dân làng Vĩ-hạ rất hiếm khi dùng tới, nên người Vĩ-hạ không hăng-hái đắp đường. Dân làng Phú-đa cũng chẳng chịu một mình ra sức, mặc cho con đường mỗi ngày một xấu, nhiều chỗ có bỏ lợ (vũng lợ). Vũng lợ sâu nhất là chỗ ngang qua đồng ông Cuội. Đồng này trước do trẻ chăn trâu đắp lên, chơi trò thờ ông Cuội. Người đời sau mỗi khi qua lại thường vất vào đó một hòn đất để lấy hên, lâu dần đồng ông Cuội ngày càng cao vọi vọi ngay giữa cánh đồng bằng phẳng, trong khi chỗ lợ giữa đường ngày càng sâu, sinh bùn bẩn-thỉu.

Nhà nho Nguyễn Khuyến thỉnh-thoảng qua lại Đường-ngang, bực mình vì ướt-át, lại thêm vụ cường-hào Phú-đa hống-hách. Chánh tổng Yên-đổ người làng Phú-đa, một hôm qua Đường-ngang, xẩy chân té xuống vũng lợ ướt hết áo quần, thay vì trách-cứ cả hai làng, lại chỉ lỗi riêng xã-tuần Vĩ-hạ ra đánh chửi, xúc-phạm cả làng khiến dân làng căm-tức nhưng không dám nói ra. Cụ Nguyễn liền làm bài thơ *Vũng lợ Đường-ngang*, mắng xéo cả làng Phú-đa, trong đó có quan chánh tổng.

Theo Lãng Nhân trong cuốn *Giai-thoại trong làng nho*, làng Ngang là tên nôm của làng Nga-mi ở Hà-đông. Làng này nổi tiếng nấu rượu, gọi là *rượu ngang*. Khi Nguyễn Khuyến về làng Ngang dạy học, bị bọn nấu rượu vay tiền, nói là để làm vốn nấu rượu ngon dâng cụ thưởng Xuân. Nào ngờ chờ đến qua mồng ba Tết vẫn không thấy rượu đâu. Biết bị mắc lừa, cụ đưa ra một bài thơ khiến cả làng đọc thấy hốt-hoảng, phải họp nhau đi lùng kẻ lừa-lọc, đưa tới cụ để chuộc tội.

Nguyên ở đầu làng Ngang có một cái bãi, hễ mưa xuống thì lụt-lợ. Trên bãi có ngôi miếu của bọn mục-động thờ chủ cuội. Nguyễn Khuyến dựa vào đó, đề thơ như sau:

Đầu làng Ngang có một chỗ lợ
Có đền ông Cuội cao vọi-vọi
Đàn bà qua đấy vén quần lên
Chỗ thì đến háng chỗ đến gối
Ông Cuội ngồi trên mỉm miệng cười:
— “Cái gì trắng trắng như con cúi?”
Đàn bà khép-nếp cúi đầu thưa:
— “Con trót hờ-hênh, Ông xá tội”,
— “Không! Không! Con có tội chi mà,
Lại đây ông cho giống Ông Cuội.”
Từ đấy làng Ngang đẻ ra người,
Đẻ ra rất những thằng nói dối!

ĐỒNG-CHÍ

Hỏi: Cháu có thắc-mắc, bài hát “*Tình nước*” cháu nghe hồi nhỏ tại Sài-gòn, so với bài *Tình đồng-chí* nghe sau ngày 30 tháng 4, có nhiều chỗ giống và nhiều chỗ khác nhau. Thí-dụ như câu “*nằm kề bên nhau chờ trăng lên, lòng thấy nao nao*” và “*nằm kề bên nhau chờ giặc tới, lòng quyết không nao*.” Sao lại có sự khác nhau như thế, một bên là “*lòng thấy nao nao*” còn một bên là “*lòng quyết không nao*”? Có người nói đó là một bài thơ phổ nhạc, nếu đúng, xin bác cho biết là thơ của ai, xuất-xứ ra sao?

Nguyễn Văn Hưng
California

Đáp: Đó là bài thơ “*Đồng chí*” của Chính Hữu, sáng-tác trong thời toàn dân kháng-chiến chống Pháp. Chính Hữu lúc đó là chính-trị-viên đại đội thuộc Trung-đoàn Thủ-đô. Sau khi Việt Minh cướp công đánh Pháp và âm-mưu phá-hoại các đảng phái quốc-gia, nhiều người bỏ về thành-phố và một số di-cư vào Nam mang theo bài thơ phổ nhạc này. Vì bộ Thông-tin đệ I Cộng-hòa kiểm-duyet, khi thu thanh và ấn-hành, bài hát đã bị sửa một vài chỗ. Nguyên-văn bài thơ như sau:

ĐỒNG CHÍ

Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá
 Anh với tôi đôi người xa lạ
 Tự phương trời, chẳng hẹn quen nhau
 Súng bên súng, đầu sát bên đầu
 Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ
 Đồng chí!

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
 Gian nhà không mặc kệ gió lung lay
 Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính
 Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
 Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi.
 Áo anh rách vai
 Quần tôi có vài mảnh vá
 Miệng cười buốt giá
 Chân không giày
 Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.
 Đêm nay đồng hoang sương muối
 Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
 Đầu súng trăng treo...

Chính Hữu

HẠN-CHẾ TỐI-ĐA

Hỏi: Có nhiều người Việt-nam, kể cả những nhà trí-thức hay nói: "hạn-chế đến mức tối-đa." Nói như vậy có đúng không?

Vân Hồng
 Philadelphia

Đáp: Thiển nghĩ, nói như vậy không sai.

Thí-dụ trong câu: "Chúng ta cần hạn-chế tối-đa số lượng thuốc lá nhập-cảng, mỗi năm chỉ mua vào 1 tấn thôi." Trạng-từ *tối-đa* đi theo động-từ *cần hạn-chế*, ý nói tối-đa trong hành-động hạn-chế, không phải tối-đa trong cái kết-quả.

Dùng chữ "tối-đa", tuy không sai, nhưng nếu thấy nó lẩn cẩn thì tránh đi. Câu trên có thể chữa lại thành: "chúng ta cần hạn-chế đến mức chót..." Hoặc nói: "chúng ta cần hạn-chế số lượng thuốc lá nhập-cảng tới mức tối-thiểu..." Hai chữ *tối-thiểu* trong câu này đi sau chữ "*tới mức*", chỉ kết-quả, hay định mức của hành-động hạn-chế.

Trong trường-hợp khác, có thể nói: "chúng ta cần hạn-chế triệt-đề tệ-nạn trẻ con uống rượu". Hai chữ *triệt-đề* có nghĩa là tận đáy, trong câu này cũng nói đến cái kết-quả, định mức của hành-động hạn-chế:

hạn-chế tới mức chót.

HỌC TIẾNG VIỆT CÓ KHÓ LẮM KHÔNG?

Hỏi: Sau biến-cố tháng 4.75, cả triệu người Việt-nam bỏ nước ra đi, sống đời tạm dung trên nhiều quốc-gia ở khắp thế-giới. Khá nhiều thanh-niên, thiếu-nữ Việt-nam đã kết-hôn với người bản xứ, từ trí-thức đến lao-động. Trong số dẫu rở ngoại-quốc của vua tổ Hùng-vương, có một số lớn đã quen-thuộc hoặc cố hội-nhập với phong-tục tập-quán Việt-nam, ăn được các món ăn đặc-biệt Việt-nam như giá sống, rau muống, nhưng một số khác đã không nói được một câu tiếng Việt nào, dù đã sống chung với vợ, chồng Việt 15, 16 năm. Để truyền-đạt tư-tưởng, người bạn đời Việt-nam phải nói tiếng bản xứ, và nói rất thạo.

Cụ Bút Chì có nghĩ rằng tiếng Việt mình là ngôn-ngữ khó học và khó nói nhất thế-giới chẳng mà người ngoại-quốc không nói nổi, hay vì một lý-do nào đó họ không muốn học tiếng nước mình?

C.Q.
 Houston, Texas

Đáp: Chữ Việt dễ học, nhưng tiếng Việt lại khó nói, là chuyện hiển-nhiên. Chỉ riêng 6 thanh giọng sắc huyền hỏi ngã nặng và không dấu thôi cũng đủ hành-hạ người học, nhất là người Tây-phương, đến là người đi. Tuy-nhiên, khó, nhưng không phải tuyệt-đối không thể học. Trường-hợp LM Đỗ Minh Trí, trường-hợp cô Ý Lan, anh Anh Rô và hàng trăm trường-hợp khác là những gương thành-công.

Trước hết, phải có tình-yêu thúc-đẩy. Tình đồng-loại, tình bằng-hữu, tình vợ chồng, giúp người ta mở lòng ra đón-nhận một nền văn-hóa lạ.

Thứ hai, người Việt-nam kia phải có kiến-thức và khả-năng để dẫn đường cho bạn mình. Nếu văn-hóa Việt-nam chỉ có nước mắm lạ mùi, vái lạy xỉ-xụp, tiệc-tùng huyền-náo, chắc-chắn không lôi-

cuốn được ai. Đó là chưa kể có nhiều bạn trẻ nói tiếng Việt còn kém xa tiếng ngoại-quốc, dĩ-nhiên họ chẳng quan-tâm gì tới chuyện dạy bạn mình nói tiếng Việt-nam, thứ ngôn-ngữ mà chính họ còn vấp-vấp khó chịu.

Thứ ba, là năng-khiếu của người học. Vợ chồng cùng Việt-nam nhưng sinh khác miền, nghe hiểu nhau gần hoàn-toàn, có khi sống chung cả đời còn chưa học được giọng địa-phương của nhau, nói chi người ngoại-quốc, phải dò-dẫm từ đầu.

Thứ tư, còn một vấn-đề tế-nhị nữa, là trong một vài trường-hợp, phải kể tới mặc-cảm tự tôn hay tự ti trước một nền văn-hóa dị-biệt ngăn-trở khiến người ta không muốn tiếp-xúc thân-mật.

Tất cả những điều trên thường khi hợp lại thành sự ngăn-cách khó tháo-gỡ khiến tiếng Việt bị quên lãng dần ở nước ngoài, nhất là trong các gia-đình hôn-nhân dị-chủng.

TIỂU THỪA, ĐẠI THỪA...

Hỏi: 1. Có phải ở Việt Nam, Phật giáo chia làm nhiều hệ phái như Tiểu thừa, Đại thừa, Nam tông, Bắc tông, thiền phái Trúc Lâm? Các màu áo vàng, áo nâu, áo lam và áo màu nào đi với phái nào?

2. Ở Việt Nam có bộ kinh thường gọi là 8 quyển sách quẻ, xin cho biết rõ tựa, tác giả và có phát hành ở hải ngoại không?

3. Xin giải thích rõ hơn về tiền thân và sự tích đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

Nguyễn Hoàng Sơn
 Chatham, Ontario

Đáp: 1. Không riêng gì Việt Nam, mà Phật giáo Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản... đều bị phân hoá, chia ra nhiều hệ phái, căn cứ theo nhiều khác biệt nảy sinh sau khi đức Phật Thích Ca nhập Niết Bàn.

Khi Phật còn tại thế thì giáo lý, nếp sống, giới luật... đều giữ y theo lời Phật dạy, nếu có tranh chấp thì các đệ tử tới xin Phật giải quyết,

chưa chia ra hệ phái nào cả.

Sau thời Phật nhập Niết Bàn không bao lâu thì đã có nhiều sự hiểu biết giải thích khác nhau về giới luật, giáo lý, kinh điển, nếp sống..., giáo đoàn Phật giáo chia ra nhiều nhóm khác nhau, riêng ở Ấn Độ có tới 20 nhóm chính, còn nhiều nhóm nhỏ khác nữa. Những danh từ Tiểu thừa, Đại thừa, Nam tông, Bắc tông... đều được đặt ra sau khi Phật nhập Niết Bàn, đó là nhận xét của các nhà nghiên cứu Phật học sau này, dựa trên các tài liệu được công nhận là đích thực. Còn ở trong các kinh điển thường có các lời đề cao Đại thừa mà chê bai Tiểu thừa và cho là lời Phật nói, thì xin để tùy theo lòng tin hiểu của người đọc tụng, còn các nhà nghiên cứu Phật học thì cho là do các Phật tử đời sau thêm vào để bênh vực cho hệ phái của mình. Điểm này nếu đem ra tranh luận thì không bao giờ xong cả, xin tùy ý mọi người tự hiểu mà thôi.

Đại thừa là hệ phái Phật giáo chủ trương mọi người đều có khả năng tu hành thành Phật, có tư tưởng phóng khoáng lợi tha, lấy Bồ Tát đạo làm phương châm, cứu giúp chúng sinh, đồng thành Phật đạo. Đại thừa có nghĩa là cỗ xe lớn chở được nhiều người. Tiểu thừa là cỗ xe nhỏ, chở được một người mà thôi. Phái Tiểu thừa chống lại lý luận trên, cho rằng họ theo đúng giáo lý nguyên thủy của Phật, còn các kinh điển Đại thừa là do các đệ tử Phật chế ra sau này, không phải lời Phật nói. Tiểu thừa giữ giới luật rất chặt chẽ, tư tưởng bó hẹp, đề cao xuất gia. Còn Đại thừa có tư tưởng phóng khoáng hơn, xuất gia và tại gia đều tu được như nhau, nhưng giữ giới luật lỏng lẻo hơn, vì y cứ vào Bồ Tát giới mà có lúc phải lấn lộn vào đời để độ đời, có nhiều hành động bề ngoài như là phạm giới, nhưng tâm không động, không chấp, chỉ vì mục đích độ người khác nên phải quên mình.

Nam tông và Bắc tông là hai danh từ đặt ra dựa vào hai hướng truyền bá của Phật giáo.

Nam tông là tông phái Phật giáo phát xuất từ Ấn Độ, truyền bá theo hướng nam, qua Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Cao Miên, Nam Dương và Nam Việt Nam. Phần lớn chủ trương kinh điển Tiểu thừa, viết bằng chữ Pali, còn được gọi là Phật giáo nguyên thủy.

Bắc tông là tông phái Phật giáo phát xuất từ Ấn Độ, truyền bá theo hướng bắc, qua Nepal, Bhutan, Tây Tạng, Trung Hoa, Cao Ly, Nhật Bản, Bắc Việt Nam. Phần lớn chủ trương kinh điển Đại thừa, viết bằng chữ Sanskrit.

Việt Nam ở vào vị trí đặc biệt, tiếp nhận cả hai luồng tư tưởng Đại thừa và Tiểu thừa, Bắc tông và Nam tông đều gặp nhau và chung sống hài hoà.

Thời đức Phật còn tại thế, ngài và các đệ tử đều đắp y vàng để hở vai bên phải. Khi Phật giáo truyền sang Trung Hoa, màu vàng là màu của hoàng gia, người ngoài không được dùng, nên các hoà thượng phải tùy theo phong tục luật lệ địa phương mà đổi sang màu nâu, không hở vai, mặc áo kín được coi là uy nghi đứng đắn, đường bệ hơn. Còn màu lam dành cho các Phật tử tại gia dùng. Các tu sĩ theo Nam tông thì vẫn dùng y màu vàng và để hở vai, cho giống với đức Phật.

Vấn đề y phục màu sắc chỉ là để tùy duyên thích hợp với địa phương mà thôi. Còn sự khác biệt giữa các y của chư hoà thượng, thượng tọa, đại đức... y năm điều, bảy điều, chín điều... thì thuộc về chi tiết nội quy của chư vị xuất gia, xin miễn nói ở đây.

Thiền phái Trúc Lâm là một phái thiền đặc biệt của Việt Nam do vua Trần Nhân Tông sáng lập tại núi Yên Tử, Bắc Việt. Vua được xưng tụng là sư tổ. Vị tổ thứ hai là sư Pháp Loa, vị tổ thứ ba là sư Huyền Quang. Ba vị này được xưng tụng là Trúc Lâm Tam Tổ.

Trên đây chỉ là giải đáp hết sức sơ lược. Nếu bạn đọc muốn tìm hiểu thêm, xin đọc các sách *Phật học căn bản phổ thông*; *Tư tưởng Phật giáo nguyên thủy*; *Tiểu thừa*, *Đại thừa*

của thượng tọa Quảng Độ. Ba quyển này rất dày, giảng rõ sự khác biệt của ba hệ phái. Nếu muốn đọc ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ thì xem quyển *Tìm Phật ở đâu* hoặc *Đường tu không hai*.

2. Tám quyển sách quẻ thì chúng tôi chưa được nghe danh bao giờ, có lẽ là quyển kinh *Bát đại nhân giác* chăng? Kinh Bát đại nhân giác thì dễ kiếm, ở các nghi thức tụng niệm, ở các chùa, Phật học viện Quốc tế có phát hành. Đó là một quyển kinh ngắn, dạy phần thực hành rất hay, ai cũng cần tu theo.

3. Đức Quán Thế Âm Bồ Tát có 12 lời nguyện tầm thanh cứu khổ. Ngài hoá hiện trăm ngàn thân để tùy duyên cứu độ, kinh Pháp Hoa có nói rõ. Các tiền thân của ngài nhiều vô cùng, không sao nói hết được. Chúng ta thường tin tưởng vào sự linh ứng cứu độ của ngài. Khi gặp tai nạn nguy hiểm khổ đau, niệm danh hiệu ngài, nhất là trong thời kỳ chiến tranh, vượt biển, rất nhiều người đã thấy sự linh ứng khi cầu ngài. Chỉ khi nào ta bị dồn vào đường cùng, đau khổ cùng cực, vô phương giải quyết, chỉ còn trông mong vào sự cứu độ của các Đấng Bề Trên, nhất tâm đặt hết tin tưởng vào thì mới có cảm ứng. Còn lúc bình thường, ta kêu cầu không hết lòng khẩn thiết, hoặc cầu xin danh lợi ích kỷ thì không được các ngài ban cho đâu.

Các Đấng Bề Trên (Phật, Chúa, Đức Quán Thế Âm, Đức Mẹ...) không bao giờ phân biệt chủng tộc, tôn giáo, nam nữ... Các ngài cứu giúp tất cả. Sự phân biệt, kỳ thị là do chúng sinh cảm thấy mà thôi. Phật tử tin vào đức Phật, đức Quán Thế Âm, chư Bồ Tát... thì thấy là được các vị này cứu giúp. Giáo hữu Công giáo tin vào đức Chúa, đức Mẹ, chư vị Thánh, thì thấy được các vị này cứu giúp. Các tôn giáo khác cũng vậy. Thấy khác biệt là do chúng ta, còn các Đấng Bề Trên chỉ có một mà thôi. Tất cả là Một, đó là tình thương, là ánh sáng, là từ bi, là bác ái.

Cư sĩ Minh Tâm

diễn đàn chính-trị

QUÀ GIÁNG SINH CHO ÔNG BÙI TÍN

Trong buổi phỏng vấn ngày 7.9.91, ông Bùi Tín đã trả lời một số câu hỏi của hãng tin Chữ Bá Anh. Bản văn buổi phỏng vấn được các tài liệu thông tin Việt ngữ ở Cộng hoà Liên bang Đức phổ biến. Nội dung các luận điểm của ông Bùi Tín có nhiều điều phải thảo luận thêm. Đó là lẽ tất nhiên, nhưng đó không phải là mục đích các dòng này. Chúng tôi chỉ muốn, nhân mùa Giáng sinh, tặng ông Bùi Tín món quà nhỏ.

Trả lời câu hỏi đầu tiên, ông Bùi Tín xác nhận: *"Đã mười lăm năm nay tôi hoài nghi và mất niềm tin ở chủ nghĩa Mác-Lênin, ở đảng cộng sản"*. Trả lời câu hỏi cuối cùng liên hệ đến trường hợp bà Dương Thu Hương, ông Bùi Tín lý luận: *"Và bây giờ chính bà ta cũng đã bị tù năm tháng nay rồi, chẳng lẽ đảng cộng sản giả vờ bỏ tù bà ta à?"*. Trong chúng ta, không ai trưởng thành mà chẳng hề qua thời hồn nhiên thơ ấu. Trong chính trị cũng vậy.

Ông Bùi Tín, tuy xác quyết rằng mình *"mất niềm tin ở đảng cộng sản"* đã từ mười lăm năm nay, vẫn tin rằng đảng cộng sản bỏ tù Dương Thu Hương thật. Không có tính từ gì khác để mô tả sự tin tưởng đó ngoài các tính từ hồn nhiên, ngây thơ. Cho nên xin kể chuyện sau đây để làm quà Giáng sinh dành cho ông Bùi Tín.

Các đài truyền hình và báo chí Đức, ngày 23 và ngày 24.12.91, loan tin về nhiều vụ bề cong pháp lý (*Rechtsbeugung*) mà chủ động là các quan toà và luật sư nhà nước Đông Đức cũ. Chỉ riêng trong vùng thị trấn Magdeburg, người ta nghi ngờ có ít nhất từ 350 đến 400 trường hợp các cán phạm bị phạt nặng gấp bội để sau đó, trở thành

đối tượng bắt Tây Đức mua tự do cho họ nhằm lấy ngoại tệ mạnh là đồng DM. Đã có người thú thực rằng mình từng nhận chỉ thị phải hành động như vậy.

Đông Đức làm được, tại sao Việt cộng lại chịu lép, không "ưu việt" hơn? Tại sao Việt cộng không biết giả vờ bỏ tù bà Dương Thu Hương để rồi mới đây, đóng kịch thả bà ta ra? Ai cấm chúng làm chuyện đó, thưa ông Bùi Tín? Thực ra, chuyện giặc bỏ tù Dương Thu Hương có thể không phải là giả vờ. Nhưng vấn đề không phải ở đây, vấn đề là ở chỗ ông Bùi Tín chưa đủ trưởng thành để biết nghi ngờ mọi hành động của mọi đảng viên cộng sản gộc.

Trần Văn Tích
(Tây Đức)

CHỐNG THAM-NHƯNG

CSVN nát be-bét vì nạn tham-những ăn từ đầu não ăn xuống. Các nước không dám đầu-tư nhiều, sợ thấy tiền tối mất, Đỗ Mười "quốc-hữu-hóa" một cú thì hết vốn.

Quốc-hội khóa 8 của CSVN họp hồi tháng 12 năm ngoái, 1991, cứ bàn đi bàn lại chuyện chống tham-những. Thực ra, vấn-đề chống tham-những đã được nhắc đi nhắc lại từ bao nhiêu đời tổng bí-thư rồi, mà chẳng có thằng tham-những nào nhả răng ra mà chết cả. Lý-do là phải có quyền chức mới có điều-kiện để tham-những. Pháp-luật làm ra để trị dân, mà dân đen trên răng dưới bác thì chả ai thèm dứt của cho ăn.

Hiến-pháp Nhà nước xưa nay vẫn có điều luật "ngghiêm-cấm" tham-những. Trong bản dự-thảo tu-chính kỳ này, kẻ nào đó chơi khăm, đòi sửa hai chữ *ngghiêm-cấm* thành ra *đấu tranh chống* (tham-những).

Lạ thật! Người ta chỉ nói tới

"đấu-tranh" khi ở thế yếu hay bị áp-bức. Chỉ có kẻ yếu thế, cấp thấp, hay thuộc giới bị-trị mới phải "đấu-tranh": *đấu-tranh chống thuế, đấu-tranh chống thực-dân bóc-lột*, v.v. Quốc hội, theo hiến-pháp CSVN, là cơ-quan quyền-lực tối cao của cả nước, tại sao không hùng-dũng "ngghiêm cấm" như trước mà phải rụt-rè sửa là "đấu-tranh chống lại"? Dùng chữ lồi-thôi như vậy chẳng hóa ra là "Quốc-hội" chỉ toàn bù-nhìn, nên sợ lên mặt "ngghiêm cấm" sẽ bị bọn tham-những nó tổng cổ về vườn cả lũ? Bậy thật!

Trong các buổi họp bàn đấu-tranh chống tham-những, Đại-biểu Hoàng Bích Sơn (Thuận Hải) dạy bảo các đồng-chí đồng viện rằng, muốn chống tham-những thì: *"đừng có tằm từ bụng trở xuống, nếu không sẽ khó tránh những hậu-quả xấu hơn."*

Ông đại-biểu này nếu không phải là người được phép "ăn nói", thì quả là bạo miệng. Trước đây, vào thời Nguyễn Văn Linh, trong giai đoạn cần phổ-trương dân-chủ, đổi mới, đảng ta từng giao công-tác "đánh Nhà nước từ đầu gối trở xuống" cho các cán-bộ tuyên-truyền. Trong đám trẻ tuổi có vài người trong cơn hăng tiết vọt, lỡ trớn mới đụng tới háng thôi đã bị Nhà nước tát tai đá đít tối-tăm mặt mũi. Nay mới có một vài đại-biểu uống thuốc liều xối nước ngang rốn là quá lắm rồi, đồng-chí họ Hoàng bảo còn phải tằm tới đầu nữa mới sạch bớt tham-những?

Xưa nay đánh rắn phải đập đầu, riêng con rắn tham-những CSVN c phải nhúng nước sôi từ đầu đến đuôi mới sạch nổi!

Đào Văn Chuyên
Santa Clara

VĂN HỌC PHẢN KHÁNG

Tôi viết thư cho ông với tư cách một người Việt Nam tị nạn. Năm nay tôi tròn 30 tuổi, học mới hết lớp 10 thì bị đuổi học vì đi vượt biên bị bắt. Sau nhiều lần cố gắng nay mới sang được Pulau Bidong. Hiện tôi

cùng vợ và một bé trai mới sanh chờ tới phiên lên bàn thanh lọc.

Ở Việt Nam, sách vở xuất bản trước 75 hiếm lắm. Phần bị chính quyền đốt bỏ, phần trở thành giấy gói xôi thịt, phần lâu ngày bị hư hao... Sơ lược vài dòng trên để ông thấy ngay là tôi không biết gì về dòng văn học Việt Nam trước 75 tại miền Nam. Sang Bidong thì sách báo Việt ngữ cũng vô cùng hiếm hoi, chỉ có vài tờ *Đường Sống*, *Làng Văn*, *Phố Nhỏ*... số cũ. Tất cả đều nằm ở các khối, ban không phổ biến ra ngoài nên tôi cũng không được đọc bao nhiêu. Một lần nữa, tới nay tôi cũng biết gì về văn học không cộng sản sau 75!

Tôi thú thực là không có đam mê văn chương thi phú, tuy nhiên tôi rất lưu tâm đến những vấn đề của lịch sử nước nhà. Tôi nghĩ rằng hoạt động văn học, nghệ thuật và những dòng tư tưởng mà nó chuyên chở, thể hiện chắc chắn có tác động rất lớn trên lịch sử. Văn học, nghệ thuật của nước mình trong những năm tháng qua thực sự như là một bãi chiến trường. Tất nhiên ông hoặc các học giả uyên thâm có cách nhìn và phân loại khoa học và chính xác hơn tôi. Phần tôi, để tiện việc suy nghĩ, tôi phân biệt nước nhà có hai hình thái văn học: văn học cộng sản và văn học không cộng sản. (Tôi dùng từ "không cộng sản" chứ không dùng từ "quốc gia", vì từ "quốc gia" có liên hệ tới một ý thức hệ chính trị, trong khi có những thi sĩ, văn sĩ không có ý thức hệ chính trị như T.T.KH chẳng hạn). Hai hình thái văn học trên đều có đông đảo những người cầm bút, đã đối kháng mãnh liệt từ trước đến nay.

Khi xưa ông Hồ Chí Minh có viết câu: "Nhà thơ cũng phải biết xung phong". Đọc câu đó tôi chỉ hiểu một cách giản dị là tất cả các nhà thơ, nhà văn, nghệ sĩ phải thể hiện tác phẩm của mình theo chỉ thị của đảng Cộng sản, theo nhu cầu chính trị của đảng Cộng sản. Ai không biết "xung phong" thì vô nghĩa mất tại nhà đá hoặc tệ hơn: mất mạng!

Điều tôi hiểu giản dị như trên vẫn còn đúng đến tận ngày nay, trên bình diện chính trị của chính quyền cộng sản.

Trước 75, ở miền Bắc, chủ đề chính trị của đảng Cộng sản là "sống chiến đấu, tố cáo tội ác của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai bán nước". Sau 75, chủ đề của họ là "sống lao động, đề cao con người mới Xã hội Chủ nghĩa, quét sạch tàn dư Mỹ, Ngụy, tinh thần quốc tế vô sản (hậu thuẫn cho việc xâm lăng Kampuchea)".v.v... Ngày nay đảng Cộng sản đang tới thời kỳ phân hoá và suy vong. Họ áp dụng chính sách "đổi mới" và một lần nữa những người cầm bút cộng sản lại có chủ đề mới là "quảng cáo tính dân chủ, kinh tế thị trường, công kích có giới hạn lên cơ chế cũ hoặc cán bộ cộng sản cấp thấp". Những chủ đề mới này hoàn toàn hậu thuẫn cho chính sách mới của đảng Cộng sản, nghĩa là chống đỡ cho sự tồn tại của đảng này.

Dòng văn học sau này rất đa dạng và ồn ào. Họ có đề cập đôi chút về tính lãng mạn tiểu tư sản, có ray rứt về mặc cảm nghèo đói, lạc hậu của đất nước... Những điều này đã khiến cho nhiều người Việt hải ngoại lầm tưởng đó là biểu hiệu chống chế độ của người cầm bút cộng sản.

Một trong những người lầm tưởng mà tôi biết chắc chắn là nhà văn Nhật Tiến. Ông Nhật Tiến đã quả quyết là có "dòng văn học phản kháng tại Việt Nam" sau chuyến du lịch Việt Nam của ông. Với ông Nhật Tiến thì tôi buồn vô cùng vì trước 75 tôi có gia nhập gia đình thiếu nhi của tuần báo *Thiếu nhi* do ông làm chủ bút. Tôi kính trọng ông Nhật Tiến vì ông ấy rất yêu thiếu nhi và là một ngòi bút nhân bản. Nay ông Nhật Tiến đã vô tình hoặc cố ý phạm phải một lỗi lầm là ghé vai chống đỡ cho sự tồn tại của chính quyền cộng sản. Nếu ông Nhật Tiến ở lâu hơn một chút, nghĩ kỹ hơn một chút thì ông sẽ thấy thật ra cũng có một loạt những tác phẩm của các nhà văn cộng sản viết

ngoài chỉ thị và ý muốn của đảng. Đó là các tác phẩm đánh mạnh vào thị hiếu, vào óc tò mò và khiêu dâm của độc giả để kiếm tiền. Các tác phẩm này mang một nội dung băng hoại, nói theo ngôn ngữ cộng sản thì nó "đồi trụy" kinh hơn các tác phẩm trước 75 tại miền Nam nhiều!

Hiện tượng ồn ào, đa dạng của văn học cộng sản ngày nay cho tôi thấy rõ là các nhà văn Đảng viên vẫn nhắm mắt trung thành với đảng, trung thành với ý thức hệ Mác-Lê. Tôi không lăm về màu đỏ của họ chút nào hết.

Các nhà văn, nhà thơ, nghệ sĩ cộng sản rõ ràng là có tổ chức để bảo vệ quyền lợi giai cấp, có giới tuyến chính trị rõ rệt. Họ đã góp phần mê hoặc lương gặt nhân dân miền Bắc, thúc đẩy cuộc chiến đem lại biến cố 30.4.75 để cộng sản nuốt trọn miền Nam. Ngày nay họ vẫn tiếp tục mê hoặc lương gặt nhân dân cả nước và những người cả tin ở hải ngoại. Hơn một triệu đồng bào bỏ nước ra đi đã chứng minh khát vọng tự do và sự hiện hữu của những người Việt Nam có tư tưởng tự do dân chủ. Như thế có nghĩa là lịch sử vẫn còn hy vọng. Ý nghĩa trên đã an ủi tôi phần nào mỗi khi nhìn lại quê hương đầy đau. Tôi cũng rất mừng khi biết được ở hải ngoại vẫn còn những người cầm bút có bản lĩnh, biết kết hợp để chiến đấu với cộng sản trên bình diện văn học. Ngọn cờ tự do dân chủ và nhân quyền được giương cao. Có vậy thì ngày tàn của cộng sản mới mau đến trên đất nước mình...

Nguyễn Văn Tuấn
Sungei Besi, Mã-lai

LTS: Vấn-đề văn-nghệ đổi mới của CSVN cho tới bây giờ đã rõ trắng đen, lẽ ra không cần phải bàn tới nữa. Tuy nhiên tòa-soạn vẫn đăng bài phát-biểu trên đây để các đồng-bào mới rời bỏ quê-hương có cơ-hội trình-bày ý-kiến của mình, dù có hơi muộn, vì hoàn-cảnh khó-khăn, việc liên-lạc trở nên chậm-chạp.

giới thiệu



HÁN VĂN

Sách học Hán văn, GS Trần Trọng San biên-soạn, Bắc Đẩu tái-bản tại Gia-nã-đại, có sửa đổi và bổ-sung. Sách chia làm bốn phần và phụ lục.

Phần thứ nhất nói về hệ-thống chữ Hán (từ giáp cốt văn-tự cho tới lối chữ giản thể hiện tại), lục thư (sáu phép lập thành chữ Hán), các nét và qui-tắc viết chữ cùng các bộ chữ.

Phần thứ hai gồm 135 bài tân quốc-văn từ giản-dị tiến dần tới phức-tạp, gồm phần chữ Hán (âm và số nét), dịch nghĩa và chú-thích.

Phần thứ ba, Trung-quốc văn tuyển, tác-giả chọn các bài văn nổi tiếng, sáng nghĩa làm bài học, gồm 17 bài của các danh gia từ cổ tới cận đại như Trang Tử, Đào Tiềm, Vương Bột, Lý Bạch, Kim Thánh Thán, Lương Khải Siêu, v.v.

Phần thứ tư là Trung-quốc văn-phạm, nói về danh-từ, đại-danh-từ, động-từ, hình-dung-từ, phó-từ, giới-từ, liên-từ, trợ-từ và thán-từ cùng cách dùng các chữ trọng-yếu "chi, hồ, dã, giả."

Phần phụ-lục nói về thứ tự các nét trong chữ Hán, bản tra chữ từ giản thể sang phồn thể và ngược lại.

Nhìn chung, đây là cuốn sách giá-trị, soạn-thảo và ấn-loát công-phu, các nét chữ Hán in rõ, dễ nhận. Một cuốn sách thích-hợp với nhiều trình-độ, cho quý vị mới học chữ Hán, hay đã học tới trình-độ trung-cấp, muốn có tài-liệu để tra-cứu

thêm.

Sách dày 400 trang, giá 20 mỹ-kim (24 gia-kim), Làng Văn phát-hành.

ONE LIFE OF LEARNING

Bản dịch Anh-văn cuốn *Một đời để học* của Nguyễn Tấn Hưng do chính tác-giả tự dịch.

Sách dày 212 trang không đề giá. Liên-lạc: Nguyễn Tấn Hưng, P.O. Box 25321, Winston-Salem, NC 27114-5231, USA.

VĂN-HỌC VIỆT-NAM DƯỚI CHẾ-ĐỘ CS

Biên-khảo của Nguyễn Hưng Quốc, Văn-Nghệ xuất-bản.

Sách chia làm bốn phần. Trong phần đầu, tác-giả nhận-định về tình-hình sinh-hoạt văn-học dưới chế-độ CSVN từ 1945 tới 1990, từ các tổ-chức văn-học như Ủy ban Trung-ương Liên-hiệp Văn-học Nghệ-thuật, hội Nhà văn; chế-độ kiểm-duyet, trường đại-học Viết văn và các trại Sáng-tác; mức thu-nhập của người cầm bút: lương, nhuận-bút, các khoản trợ-cấp.

Phần hai, phân-định và nhận-xét đặc-điểm của các thời-kỳ. Nguyễn Hưng Quốc chia văn-học CSVN ra làm ba thời-kỳ, lấy các biến-cổ chính-trị làm tiêu-mốc:

- Thời-kỳ 1945 tới 1954: từ Cách-mạng tháng 8 sang các giai-đoạn 1945—1946; 1947—1949; 1950—1954.

- Thời-kỳ 1954 tới 1975, gồm các giai-đoạn 1954—1957; 1958-1964 và 1965—1975.

- Thời-kỳ 1975 tới 1985.

Phần ba, tác-giả đi sâu vào từng thể-loại văn-học: thơ, văn, phê-bình và nghiên-cứu văn-học-sử.

Phần bốn, bàn về văn-học "đổi mới", từ 1986 tới 1989, cùng kết-luận, chú-thích và liệt-kê tài-liệu tham-khảo.

Nguyễn Hưng Quốc là một người trẻ, lớn lên tại miền Nam và trưởng thành dưới chế-độ cộng-sản. Nhờ hoàn-cảnh gia-đình, ông được ăn học tới nơi tới chốn và có cơ-hội nhìn rõ sinh-hoạt văn-học

của cả hai miền. Tập nhận-định của ông, tuy là một bản phác-thảo, nhưng là bản phác-thảo tương-đối đầy-đủ và ít khuyết-điểm.

Sách dày 388 trang, giá 16 mỹ-kim (21 gia kim) Làng Văn phát hành.

CÂU CHUYỆN CỦA MỘT DÂN-TỘC

Truyện dài của Nguyễn Hồng Hòa, Làng Văn ấn-hành.

Nguyễn Hồng Hòa lớn lên trong chiến-tranh, chứng-kiến nhiều cảnh đời tai-biến giữa hai lần đạn. Ông viết như một cách ghi-nhận những biến-cổ trong cuộc sống, xảy ra trong cùng một nhịp với những biến-cổ lớn của dân-tộc.

Giá sách 10 mỹ-kim (12 gia-kim), liên-lạc: Làng Văn.

HUYỀN-THUẬT VÀ ĐẠO-SĨ TÂY-TẠNG

Dịch-phẩm của Nguyễn Phong, dựa theo nguyên-tác *Mystiques et magiciens du Thibet* của Alexandra David Neel, Làng Văn xuất-bản.

Nếu Phật-học Đông-phương trong cuốn *Đường mây qua xứ tuyết* (cùng dịch-giả) là nhận-định của một vị lạt ma, thì *Huyền thuật và đạo sĩ Tây Tạng* đề cập những vấn đề siêu hình phức tạp của Tây Tạng, qua nhãn giới của một nhà nghiên cứu Tây phương.

Sau khi đã nổi tiếng tại Âu-châu về Phật-học, bà David Neel sang Tây Tạng, sống ở đó 14 năm để nghiên-cứu thêm. Trở về Paris, bà viết cuốn sách này vào năm 1929, đưa ra nhiều nan-đề kỳ-bí. Hơn nửa thế-kỷ trôi qua, quan-điểm của bà đã được chứng-nghiệm. Cuốn sách kết-luận rằng, trên thế-gian này không có hiện-tượng nào là phép lạ cả. Vấn-đề là người ta chưa nghiên-cứu đến tận cùng, chưa hiểu thấu-đáo những hiện-tượng đó.

Huyền-thuật và đạo-sĩ Tây-tạng đã đăng từng kỳ trên *Làng Văn* từ số 73 tới 89. Loạt bài này được in thành sách, đóng tập, in đẹp, khổ chữ lớn hơn, dễ đọc, dễ giữ để đọc

đi đọc lại, hay mua biếu người thân.

Sách dày 300 trang, giá 15 mỹ-kim (18 gia-kim), liên-lạc: Làng Văn.

MUA PHỐ NÚI

Tập truyện ngắn của Đỗ Văn Trọn - Lê Thao Chuyên.

Mưa phố núi gồm 8 đoản văn, dày 200 trang, giá 12 mỹ-kim (16 gia-kim), Làng Văn phát-hành.

PHÒNG NGỪA BỆNH TẬT ĐỂ VUI SỐNG

Sách y-khoa thường-thức của BS Nguyễn Đại Bằng, Nha-sĩ Đặng Quốc Cơ và Dược-sĩ Nguyễn Nhật Thăng, DS Đặng Quốc Cơ xuất-bản tại Pháp.

LANGUAGE IN VIETNAMESE SOCIETY

Sách nghiên-cứu văn-hóa Việt, phần lớn các bài viết của GS Nguyễn Đình Hoà, Patricia Nguyễn Thị Mỹ Hương san-định, Asia Books xuất-bản.

Địa-chỉ liên-lạc: Asia Books, 13455 Surrey Lane, Saratoga, CA 95070, USA.

HOEN MÀU THỜI-GIAN

Thơ tuyển và tùy bút của Nguyễn Văn Quảng-Ngãi, Ngày Nay (Kansas) xuất-bản, gồm 20 bài thơ và 21 bài tùy-bút.

Thơ văn Nguyễn Văn Quảng-Ngãi đôn-hậu, trung-thực phản-ảnh tấm lòng hoài-vọng cổ-hương và niềm tin sắt đá của một lưu dân.

Sách dày 284 trang, in đẹp, giá 14 mỹ-kim, liên-lạc: Nguyễn Văn Sang, P.O. Box 1865, Garden City, KS 67846, USA.

NƯỚC MÌNH NƯỚC MỸ

Tập truyện ngắn của Ngô Du Trung, Làng Văn xuất-bản.

Ngô Du Trung tên thật Ngô Thanh Vân, quê Khánh-hòa, tị-nạn tại Hoa-kỳ từ 1978, khởi viết từ 1987. Ông là một trong những cây bút góp mặt thường-xuyên trên tập san *Văn*, và thỉnh-thoảng, trên *Làng Văn*.

Trong bài giới-thiệu *Nước mình nước Mỹ*, Mai Thảo nhận xét về tác phẩm Ngô Du Trung "*Tất cả được thể-hiện bằng một văn-thế đơn-giản, minh-bạch, chân phương, không cầu-kỳ, không hoa-mỹ. Khiến cái đọc dễ-dàng, sự tiếp-nhận dễ chịu. Đó là Ngô Du Trung.*"

Nếu có thể nói thêm, tinh-thần Ngô Du Trung, phơi-bày trên những trang sách cũng minh-bạch và vững-chắc. Chọn cho mình một chỗ đứng dưới ánh-sáng tự-do trên trái đất, ông biết mình là ai, tại sao sống, sống cho ai và sống như thế nào. Đó chính là lập-trường chính-trị, điều khó thấy nhất ở một số người cầm bút ở hải-ngoại trong giai đoạn tranh sáng tranh tối hiện nay. Sự minh định chỗ đứng của mình là một thái độ đồng dục, xác-định tư-cách "dự báo và hướng-dẫn" của một nhà văn. Độc-giả có thể tìm thấy điều đó ở Ngô Du Trung.

Sách dày 208 trang, giá 10 mỹ-kim (12 gia-kim), liên-lạc: Làng Văn.

ĐẤT MỚI

Tập bút ký thứ hai của Trà Lũ, sau *Miền đất hạnh-phúc*.

Trà Lũ tên thật Trần Trung Lương, nguyên giáo-sư Đại-học Sư-phạm Sài-gòn, hiện là bình bút tờ *Văn-Nghệ Tiền Phong* và là chủ-tịch Trung Tâm Văn Bút Việt-Nam / Ontario (Gia-nã-đại).

Cũng như *Miền đất hạnh-phúc*, đã xuất-bản và được đón-nhận ầm-áp, *Đất mới* trích tuyển từ loạt bài *Lá thư Canada* đăng hàng tháng trên *Văn-Nghệ Tiền Phong*.

Tuy tựa của cột mục là *Lá thư Canada*, nhưng tác-giả viết về nhiều khía-cạnh văn-hóa khác nhau, cảm hứng từ những việc trước mắt vẫn xảy ra hàng ngày.

Đất mới có khi đề-cập chuyện gốc-gác của xứ Canada: "*Dân Canada là giống tạp-chủng. Bây giờ có ai tra hỏi cái gốc tổ là gặp bế-tắc ngay. Lý-do giản-dị: Canada có hàng trăm gốc. À, mà có lẽ không*

nên nói một trăm vì trên thế-gian này chỉ Việt-nam ta là có gốc một trăm, tức gốc Bách Việt. Canada không trăm gốc nhưng nhiều lắm. Đầu tiên là dân da đỏ..."

Đó là cách Trà Lũ dẫn nhập. Như một người chủ nhà hoạt bát, vui tính, nhanh-nhẹn, Trà Lũ đưa độc-giả từ cửa ngõ "Canada" bước vào thế-giới của ông, thế-giới của một người Việt, óc Việt, mắt Việt, tai Việt, nhìn đâu, nghe gì cũng ra tình-tự Việt-nam. Từ phố Tàu Toronto, ông bàn dần tới váy Việt-nam, tới chả lụa, tới nước mắm, tới tia mắt sắc như dao cau *đừng rửa lông mày chết cá ao anh*, tới chuyện tôn kính vợ, v.v.

Thực vậy, qua bút ký Trà Lũ bạn đọc biết thêm nhiều chuyện, mỗi thứ một tí, vui vui, ý nhị. Một cuốn sách đáng đọc, và có thể đọc đi đọc lại nhiều lần.

Sách dày 216 trang giá 10 mỹ-kim (12 gia-kim). Liên-lạc: Làng Văn.

ĐÀN CHIM VIỆT

Truyện dài của Lương Xuân, Tủ sách Trăm Hoa xuất-bản.

Truyện mở ra từ bối-cảnh Sài-gòn, lúc những vòng xích sắt T-54 đầu tiên bắt đầu nghiền trên đường nhựa thủ-đô, những năm bắt đầu bị bần-cùng-hóa để tiến tới vô-sản, những mảnh đời bị lường-gạt, đàn-áp để cuối cùng khép lại bằng một chuyển vượt biên. Khung truyện không có gì mới, nhưng nội-dung dẫn truyện là cái nhìn sâu-sắc về xã-hội chủ-nghĩa, về ảo-tưởng và huyền-thoại "giải-phóng miền Nam". Tác-giả có cặp mắt xét-đoán nghiêm-chỉnh, công-bằng, không phần hân, không thù-oán. Có chăng, là sự ghét bỏ bình-thường của một con người đứng trước những điều quá xấu.

Đàn chim Việt, ngoài giá-trị văn-chương, còn có tài-liệu, ghi-nhận chuyển biến tư-tưởng của một lớp người bị vùi dập trong cơn tai-biến.

Sách dày 560 trang, giá 16 mỹ-kim kể cả cước phí (21 gia-kim), liên-lạc: Làng Văn.

MUA BÁO DÀI HẠN

nhANH. rẻ . nhiều quyền-lợi khác

1.— Mua báo dài hạn:

Độc-giả mua báo dài hạn nhận được báo gửi về tận nhà, được bớt 10% khi mua sách do Làng Văn phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân, bưu, chi-phiếu về tòa-soạn.

Độc-giả tại Gia-nã-đại trả bằng gia-kim.

Độc-giả tại Hoa-kỳ trả bằng mỹ-kim.

Độc-giả ở các nước khác xin gửi bằng bưu-phiếu (mandat; postal money order mua tại bưu-điện, trả bằng gia-kim) hoặc ngân-phiếu quốc-tế (international money-order, trả bằng mỹ-kim). Muốn trả bằng chi-phiếu tiền địa-phương, xin để tên người đại-diện Làng Văn tại địa-phương và gửi về địa-chỉ liên-hệ. Trong trường-hợp này, xin theo giá báo đã tính ra tiền địa-phương.

GIÁ BÁO DÀI HẠN

(một năm 12 số, kể cả số Xuân)

Báo gửi trong nội-địa Gia-nã-đại.... 40 gia-kim, thêm \$2.8 GST

Hoa-kỳ:.....đường bộ 45 mỹ-kim/máy bay 55 mỹ-kim

Các nước khác:.....đường thủy 45 mỹ-kim (hoặc 54 gia-kim)

máy bay: 75 mỹ-kim (hoặc 90 gia-kim)

Nếu trả bằng tiền địa-phương, gửi về các văn-phòng Làng Văn tại địa-phương, xin theo giá sau (số đầu là giá báo đường thủy, số sau là giá báo máy bay): Đức 80/130 Đức mã; Hòa-lan 90/150 gulden; Nhật 7 000/12 000 yen; Pháp 270/450 quan; Úc 65/110 úc kim.

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên khoảng từ 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) tới 8 tuần (đường thủy, bộ) sau ngày đặt mua. Sau thời-hạn này, nếu không nhận được báo, xin cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả dài hạn sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu nhãn địa-chỉ ngoài phong bì gửi báo, xin quý vị cắt nhãn này để dành, khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, gia-hạn báo, mua sách, đổi địa-chỉ, v.v.) xin gửi kèm để tránh nhầm-lẫn. Mã-số này gồm hai nhóm số: nhóm số thứ nhất là mã-số độc-giả, không bao giờ thay-đổi; nhóm số thứ hai là hạn báo của quý vị. Thí-dụ: 4536-100. Quý Độc-giả mới, hoặc độc-giả cũ vừa tái hạn, xin vui lòng kiểm-soát nhóm số này và thông-báo ngay cho tòa-soạn mọi sự sai sót, nếu có.

2.— Đổi địa-chỉ:

Mỗi khi đổi địa-chỉ, xin báo ngay cho tòa-soạn để tránh mất báo. Tòa-soạn không gửi bù các số bị trả về. Khi báo địa-chỉ mới, xin cho biết mã-số độc-giả, hoặc ít nhất, phải có địa-chỉ cũ.

3.— Mua báo cũ:

Giá báo cũ bằng giá báo hiện hành.

Bạn đọc muốn mua từ số 1, xin gửi tiền cho 8 năm báo. Tòa-soạn sẽ gửi một lúc từ số 1 cho tới số mới nhất, sau đó sẽ gửi hàng tháng cho đến khi hết hạn.

4.— Bài đăng báo:

Bài gửi cho Làng Văn xin đừng gửi cho báo khác và ngược lại. Ngoại trừ tin-tức và một số vấn-đề có tính-cách khẩn-cấp hay đấu-tranh, tòa-soạn không đăng bài trùng. Bài gửi đăng xin đánh máy, hoặc chép tay thật rõ-ràng. Bài không đăng không trả lại dù có kèm tem. Quý vị có bài đăng báo sẽ nhận được báo biểu, nhuận bút hay quà văn-ngệ, tùy mức độ đóng-góp.

5.— Quảng-cáo:

Có hai loại quảng-cáo trên Làng Văn: quảng-cáo quốc-tế (đi khắp nơi, kể cả Toronto) và quảng-cáo địa-phương (Toronto). Giá biểu áp-dụng chung cho quảng-cáo và chúc tụng cá nhân (chúc mừng, chia buồn, cáo-phó,...) trên ấn-bản quốc-tế như sau: 1 trang 200\$; 1/2 trang 110\$; 1/4 trang (tối-thiểu): 60\$. Các cơ-sở ngoài Toronto, xin gửi chi-phiếu kèm theo mẫu quảng-cáo. Tòa-soạn sẽ gửi tặng tờ báo có đăng mẫu quảng-cáo hay chúc tụng.

6.— Bản quyền:

Tất cả bài vở, tranh ảnh, quảng-cáo đăng trên Làng Văn thuộc quyền-sở-hữu của Làng Văn of Canada Inc. Quyền này đã được đăng-bạ đương-nhiên tại Thư-Viện Quốc-Gia Gia-nã-đại, Hội Bảo-Vệ Tác-Quyền Hoa-Kỳ và Tổ-Chức Đăng-Bộ Tác-Quyền Quốc-Tế (ICPA). Muốn trích đăng, xin liên-lạc trước với tòa-soạn Làng Văn và phải được thỏa-thuận bằng thư.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, chữ lót, tên:

Địa-chỉ:

Mua.....năm, từ số.....kèm chi-phiếu.....

Chi-phiếu xin đề: "Làng Văn", địa-chỉ ở trang 1
(Dùng chi-phiếu: gửi thư thường. Tiền mặt: xin gửi bảo-đảm).

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số:

để tặng cho:

Địa-chỉ:

Xin ghi: "Do.....lặng"

Kèm theo đây là chi-phiếu:.....\$, đề và gửi: "Làng Văn"

VĂN-PHÒNG "LÀNG VĂN" ĐỊA-PHƯƠNG:

VP "LÀNG VĂN" ÂU CHÂU:

Association Culturelle Loi 1901 • Đại-diện tại Anh-quốc:

Làng Văn (Village Littéraire):

Bạch Thái Hà

7 B-1 rue de Rethondes

95100 Argenteuil, France

ĐT: 34-10-26-46

Đại-diện tại Đức-quốc:

Ngô Việt Dũng

Postfach 104122

4600 Dortmund 1

Germany

ĐT: 656-949

Đại-diện tại Hòa-lan:

Hồ Thị Chiến

Lijster 77

1628 Am-Hoorn-NH

Holland

ĐT: 02290-31666

Hoài Châu

19 Abdale Rd.

London W12 7ER

England

VP "LÀNG VĂN" ÚC-CHÂU:

Phạm Quang Ngọc

P.O. Box 198

Lakemba, NSW 2195

Australia

ĐT: (02) 758-2331

VP LÀNG VĂN Á CHÂU:

Đỗ Thông Minh

T 140 Tokyo-To

Shinagawa-Ku

Yashio 5-12-69-115

Japan

ĐT: (03) 799-1763

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO

TRÊN ẤN-BẢN CANADA:

Bìa sau (hai màu):..... 300.00 gia-kim

Bìa trong (trước, hoặc sau):..... 200.00 gia-kim

Trang-trong:.....120.00 gia-kim

Nửa trang:..... 80.00 gia-kim

1/3 trang:..... 60.00 gia-kim

1/4 trang:..... 40.00 gia-kim

1/8 trang:..... 25.00 gia-kim

ĐĂNG DÀI HẠN CÓ GIÁ ĐẶC-BIỆT

TRÊN ẤN BẢN QUỐC-TẾ (GỒM CÁ CANADA)

Nguyên trang trong:..... 200 mỹ-kim

Nửa trang:..... 110 mỹ-kim

1/4 trang (tối-thiểu):..... 60 mỹ-kim

thư đi tin lại

. Nguyên Hương phụ-trách



Ông TRẦN QUANG HUY, Ottawa — Tòa soạn miễn phí mục nhân tin tị-nạn cho đồng bào còn kẹt lại các trại. Ngoài ra, mỗi mẫu nhân tin xin trả cho tòa soạn 10\$ một kỳ.

ĐẶNG THỊ QUẾ PHUƠNG, Liège — Đã nhận được thư và thiệp, cảm ơn người thơ. Bao giờ xoải cánh tây du, đừng quên xóm nhỏ vẫn chờ tiểu nương! Thân.

Ông BUI TRỌNG HỢP, Houston — Ông muốn xây dựng vườn hoa “đa văn hóa”, xin cứ khởi công, NH xin hoan nghênh, miễn là đừng trồng rất một giống hoa hồng đỏ, hoa cúc lợn, hoa ...xuyên tuyết là được rồi. Riêng cái chuyện cười ông gửi, chả lẽ cũng là “tinh hoa văn hóa” của nhân loại sao? Kính.

Nữ sĩ QUỲ HƯƠNG, Houston — Đã nhận được chi phiếu 20 mỹ kim gửi góp tem gửi báo cho đồng bào tị nạn, xin đa tạ đại tỷ. Kính.

Thi sĩ NGUYỄN ĐỨC BẠT NGÂN, AB — Bình-minh tâm hầu như người yêu thơ nào cũng đã có rồi, xin anh chớ sốt ruột. Gắng chờ lớp trẻ tấn lên, và bạn đọc mới từ trong nước sang mới bán được thêm. Thân.

Anh PHẠM QUANG NGỌC, Úc-Đại-lợi — Rất cảm thông với gánh nặng oằn vai của anh, thôi thì đã mang tiếng đứng trong trời đất, phải có công gì với núi sông chứ! (NH đổi chữ danh trong câu trên thành ra công). Thân.

Thi sĩ ĐẮC TRUNG, Reading — Nhà thơ lại muốn “trở dạ” nữa? Được lắm chứ sao không! Cứ y như cuốn trước mà làm. Thân.

Anh TÂN ĐỨC, WA — Vẫn theo dõi sinh hoạt bên đó. Cảm ơn anh đã gửi tài liệu. Kính.

Anh HOÀNG LÊ MINH, Đức — Đối với các anh em trí thức từ bỏ chế độ, gia đình cán bộ miền Bắc và ngay cả thành phần đảng viên ly khai, người làng càng có bốn phận giúp đỡ hết sức, y như đồng bào tị nạn còn kẹt lại tại các trại. Các anh chị em bên đó đón nhận *Làng Văn* với niềm cảm thông sâu xa như vậy, NH rất mừng. Nước non là nước non chung, ai cũng phải dưng phần trách nhiệm bồi đắp xây dựng. Không ai có quyền kể công với ai, và nếu có mang ơn, thì mang ơn tổ tiên, đất nước.

Đã gửi thêm sách báo, tài liệu sinh hoạt. Khi nào các anh chị em ổn định đời sống, tìm được việc làm, xin giúp lại những người đi sau, đó chính là cách để trả nợ cho làng, nếu cảm thấy nợ nần nhau! Kính.

Ông NGUYỄN ANH SƠN, Battleford — Tòa soạn đang nghiên cứu thực hành ý kiến của ông về vận động tiếp tục cấm vận CSVN. Sẽ gửi ông một tờ *Tự do* để đọc thử. Đó là báo của địa phương Toronto, tòa soạn không khuếch trương việc bán đi xa, nhưng nếu ông thích, vẫn có thể mua dài hạn. Kính.

THANH THANH, Na Uy — Nếu đang nhận báo liên tục, chưa hết hạn mà đột nhiên mất báo, Thanh Thanh viết vài chữ báo cho tòa soạn biết là “báo không đến” để NH xem lại. Có một ngàn lẻ một cách mất báo:

Thứ nhất, có thể là lỗi của tòa

soạn ghi sai địa chỉ hay hạn báo lúc ghi vào máy vi-tính. Trường-hợp này chỉ xảy ra cho độc giả mới mua, hoặc mới tái hạn,

Thứ hai, do lỗi bưu điện làm lạc:

- Lạc từ Gia Nã Đại.

- Lạc tại quốc gia đến.

- Bưu tá giao lộn nhà, người nhận không trả lại.

- Có một vài trường hợp, báo bị trả về tòa soạn, với những dòng chú thích là “không ai biết”, “dọn nhà không lưu lại địa chỉ” hoặc “không có địa chỉ này”, trong khi người nhận vẫn ở nguyên tại chỗ cũ. Trong trường hợp này, tòa soạn sẽ cắt gửi phong bì bị trả lại để độc giả mang tới bưu trạm khiếu nại.

Thứ ba, là hàng xóm đọc giùm. Ở Pháp có nhiều chúng cư không có sổ phòng, hộp thư chỉ ghi tên chủ phòng, báo rất dễ lạc. Tại Gia Nã Đại và Hoa kỳ, nhiều hộp thư ở chúng cư rất nhỏ, bỏ báo không lọt, bưu tá để ra ngoài, ai muốn nhặt thì nhặt. Cũng có nhiều chúng cư cỡ nhỏ không có cả hộp thư riêng cho từng phòng, bưu tá để thư và báo ra ngoài, mạnh ai nấy lấy. Trong các trường hợp này, bạn đọc nên nhớ một địa chỉ tử tế để nhận thư, hoặc thuê hộp thư riêng ở bưu trạm.

Trong các trường hợp mất báo, ngoại trừ trường hợp dọn nhà không báo địa chỉ mới, tòa soạn đều gửi bù. Tuy nhiên, nếu độc giả nào bị mất báo quá nhiều lần, tòa soạn đề nghị mua lẻ tại các tiệm, để tránh phiền phức chung.

Họa-sĩ VÕ ĐÌNH, Maryland — Tòa soạn phải dùng màu tím than, thay cho màu đen ông thích. Bìa báo tân niên năm nọ đã in đen, nhiều độc giả mua lẻ vì kiêng, phải đợi hết Tết mới dám mua về, lại than đọc nguội! Tranh *Tổ chim trên bờ biển* lên bìa thơ Cung Vũ, phát hành vào tháng 3.92 này. Kính.

Anh ĐÔNG NGHI, Montréal — Bếp đã gửi thư riêng cho thi sĩ Kinh Tân. Mong hai vị sẽ hợp ý nhau. Bao giờ có dịp sang Toronto, nhớ ghé tòa soạn. Bây giờ rảnh học hành, thi cử cho đảng hoàng đầu ra đó,

đừng quá mê sáng tác. Anh có gửi bài về, NH cũng "giám" đó, chờ sĩ tử *lai kinh ứng thí* (Kingston từng là thủ đô của Gia Nã Đại) xong mới đọc tới. Thân.

Ông NGUYỄN K.V., Paris — NH cũng sẽ về nước, không phải chỉ về thăm, mà còn về ở luôn, một khi Cộng sản đã tan hàng. Cảm ơn ông đã chia sẻ quan điểm với tòa soạn. Kính.

Anh PHÙNG NHÂN, Úc — *Al Capone 1, 2* đã in từ lâu (15 mỹ kim một cuốn). Phần 3 sắp hết, sẽ in vào giữa năm nay. Thân.

Anh NGUYỄN THẠCH ĐÀN, Houston — Đã nhận được thư. Đồng ý với đề nghị của anh, thỉnh thoảng đăng tranh, ảnh đen trắng một lần, coi như "ăn chay" cho nhẹ bụng (huống chi tranh ảnh đen trắng cũng có giá trị riêng của nó). Trước nay, làng chỉ "ăn chay" hai lần: số 3 và số 57.

Những điều anh nghĩ về thời sự, cộng đồng, cứ thẳng thắn viết ra, cũng là một cách đóng góp vào việc xây dựng dân chủ. Thân.

TRƯƠNG THỊ KIM ANH, Na Uy — Sách đã gửi, có lẽ khoảng đầu tháng 2 mới tới, vì đi tàu thủy. Rất tiếc không thể gửi sang Troyes để lấy chữ ký tác giả cho bạn được. Hai lần cước phí, hai lần chu du như vậy, còn gì là sách! Xin đợi khi nào có xuống Paris chơi, nhớ mang sách theo đọc rồi túm ông tác giả lại bắt ký là tiện nhất. Chỗ người làng với nhau... Thân.

Ông ĐINH HUỖNH, Cali — *Xã 4*, chủ đề Vũ Hoàng Chương, đã gom đủ bài, nhưng chưa in được vì việc làng đa đoan quá. Đã gửi trái phiếu cho ông, xin xem lại. Kính.

Ông PHẠM VĂN CƯƠNG, Mã Lai — Về việc các báo tránh đăng trùng bài, ông hiểu được như vậy là quý rồi. Lần sau xin cẩn thận cho. Kính.

Anh HỒ LÊ SINH, Phanat Nikhom — Đã nhận được bài thơ,

cảm ơn anh, xin tiếp tục.

Anh LÊ VĂN HÙNG, Sikiew — Sẽ chuyển báo sang trại Sikiew cho anh. Chúc anh may mắn.

Anh LÝ TẤN TÀI, Thái Lan — Nguyễn Trung Tâm trong danh sách cộng tác với *Làng Văn* không phải là người quen anh tả trong thư. Về cuốn sách anh hỏi, NH không nghĩ nó "bổ ích" như anh tưởng, nên không gửi. Mai một anh sang tới một nước tự-do, ghé các nhà sách Việt-nam, đọc sơ vài trang thì sẽ rõ.

Ông ĐỖ MINH ĐỨC, Toronto — Một năm báo máy bay gửi sang Hoa kỳ, theo giá hiện hành là 55 mỹ kim. Xin vui lòng gửi thêm cho đủ. Kính.

Ông HỒ ĐẮC THOÀNG, Montréal — Cuốn *Bước đầu chụp ảnh* của Nguyễn Cao Đàm do Việt Bằng tái bản tại Đức, đã về tới tòa soạn. Giá sách 9 mỹ kim (12 gia kim), chi phiếu đề và gửi về Làng Văn.

PETER PAN — NH đồng ý với anh về nhận xét văn chương "ông nọ giống ông kia" ấy. Thực ra có tới ba ông giống nhau kia. Đố biết là ai đây. *Tiếng núi* sẽ găm lên trong tháng ba này, bảo đảm. Thân.

Bạn TIÊU NHƯ MỸ, CA — Cuốn băng bạn hỏi nay đã tuyệt bản.

Nhạc sĩ PHƯƠNG VŨ, Cali — Đã nhận được cuốn băng, nghe rất "phượng vũ". Cảm ơn anh.

Bà NGUYỄN THU HIỀN, Phoenix — Mã số của bà là 2264, vẫn gửi báo đều. Dù sao, NH cũng sẽ kiểm soát lại hồ sơ điện toán một lần nữa xem có gì trục trặc không. Kính.

Ông NGUYỄN VĂN KHÁI, Sungei Besi — Cảm ơn ông đã góp lửa, gửi về quê hương. Chúc ông nhiều may mắn. Kính.

Đại Đức THÍCH NGUYỄN ĐẠT, Sungei Besi — Tòa soạn đã

chuyển bản Anh văn bức thỉnh nguyện thư của Đại đức cho văn phòng Thủ tướng Gia Nã Đại và sao bản Việt văn gửi cho các tổ chức tôn giáo Việt nam mà tòa soạn có địa chỉ. Mong những lời Đại đức kêu cứu cho đồng bào sẽ có người tâm thanh cứu độ. Kính.

HOÀNG THỊ KIM HUỆ, Phanat Nikhom — NH thực sự cũng không biết ai là người đã có cử chỉ đẹp với mẹ con Kim Huệ như vậy. Ấu là chuyện ở hiền gặp lành vậy. Chúc may mắn.

Bà MAI THỊ NGUYỆT, WA — *Văn Xã* số 4, vì kẹt nhà in nên tới nay chưa tục bản. Tòa soạn sẽ thông báo khi sách lên khuôn. Kính.

Ông NGUYỄN HOÀNG CHÂU, Montreal — "*Cõi đêm*" giá 20 gia kim, xin ông gửi chi phiếu về làng. Kính.

Thi-sĩ NGUYỄN CHÍ TRUNG, Đức — Cho tới nay, làng báo Việt nam vẫn không có lệ trả nhuận bút cho thơ (trả ngang như bài viết thì không đủ sức, trả vài đồng một bài thì khó coi), chỉ có thể gửi báo tặng tác giả có thơ đăng. Về trường hợp các văn-nghệ-sĩ còn kẹt trong nước và không hợp tác với chính-quyền, tòa soạn sẵn sàng giúp nếu có lời yêu cầu, không cứ phải gửi bài mới giúp. Kính.

Ông TƯ MÃ, Âu châu — Đã nhận được thơ, ảnh. Nếu có thể xin ông một số ảnh chụp lại các tranh, có khi lấy ra được vài tấm làm bla *Làng Văn* thì quý lắm. Kính.

Bà KIM CHI, Na Uy — Làng không có lệ giữ bài lai cáo. Như đã nói trước, xin sao giữ lại trước khi gửi. Đa tạ.

Ông ĐỖ MÂY GIÓ, CA — Người em bên nớ bảo rằng nàng chỉ hỏi thăm cho biết "ông đồ" có phải là ...bà chị văn nghệ năm xưa không vậy thôi, xin ông đồ đừng phóng thơ tình sang tới tấp, nàng

không mong nhận, dù trượng phu của nàng cũng hiểu mà chẳng phiền hà gì.

Cảm ơn ông đồ đã gửi một đồng bạc danh dự về làng mừng tuổi đầu năm. Chúc ông đồ sớm nhận được lệnh đại xá và bà đồ triệu hồi về Cali.

Ông NGUYỄN SĨ LONG, Áo — Sẽ gửi bù số 87. NH đoán là tất cả báo gửi đi Áo kỳ này đã bị ông bưu điện Gia-nã-đại cho đi Úc cả rồi, vì mất nhầm mất mở đọc lộn *Austria* thành *Australia*. Nếu ba tháng nữa gói báo đó mới tới ông, hoặc trở về tòa-soạn, NH sẽ vác đơn đi khiếu nại. Kính.

Ông "MỘT ĐỘC GIẢ", Đức — Thư góp ý của ông rất thành tâm mà lại không đồng dặc xưng tên, làm mất hết giá trị, thật đáng tiếc! Vấn đề cuốn sách của cán bộ BN, không phải *Làng Văn* "quảng cáo" không công, mà là để đánh chặn đầu đám con buôn văn nghệ đang rục rịch định in lại. Trích những lời phê bình của đám cán văn nghệ cấp trên, là để chứng minh tác phẩm ấy được trao giải thưởng vì viết đúng ý nhà nước, chứ chẳng phản kháng, phản tỉnh gì cả. Ông đọc kỹ lại sẽ nắm được dụng ý này.

Về bài thơ *Đêm thánh vô cùng*, quả do lỗi của NH sơ ý in trùng hai lần trong một năm, không phải vì làng cạn thơ, hay vì không còn ai làm thơ đạo nữa! Xin tạ lỗi chung.

Ông TRUNG ĐÀM, Toronto — Báo cũ bằng giá báo mới, mỗi số 4 mỹ kim, 12 số bằng giá một năm báo dài hạn, gồm cả cước-phí. Kính.

Ông LUƠNG THẾ NAM, CA — Bài "con rối" có thể đăng được, nhưng xin ông cho đọc trọn loạt bài, nhớ kèm tranh ảnh minh họa. Kính.

Nhà văn ĐOÀN VĂN THÔNG, Milpitas — Loạt bài *Những khám phá mới về nền văn minh cổ đại Ai Cập* có thể đăng được, nhưng *Làng Văn* 30 ngày xuất bản một lần, mỗi

kỳ báo nên gói trọn một khía cạnh của vấn đề (trung bình khoảng 5 trang báo trở lên), được vậy độc giả mới tiếp thụ được hết ý người viết.

Về cuốn *Tìm hiểu bạn gái...*, xin ông vui lòng *copy* gửi cho xem một phần, nói rõ điều kiện tác quyền ra sao, rồi NH mới trả lời chính xác được. Kính.

Thi sĩ HOÀNG CHÍNH, Ont. — Anh không làm đơn xin vào làng nên không có tên trong sổ đình, nay xin chào-đón anh. Cái sổ này do ông bếp giữ, lời thôi lảm, mỗi lần cập nhật, lại vô tình rơi rớt mất vài người, phải đợi nạn nhân hét lên mới nhận ra và điều chỉnh. Chúc anh khỏe và vui. Thân.

Anh NMAD, Mã lai — Anh than "*hôm nay lễ Giáng sinh, trại tị nạn buồn buồn, không có gì khác mọi ngày bao nhiêu...*" NH mới sực nhớ lại, hôm lễ Giáng sinh, trong làng cũng "không khác mọi ngày bao nhiêu", nghĩa là vẫn làm việc đầu tắt mặt tối, không có một phút rảnh rang để cảm thấy "buồn buồn" nữa!

Về cái phòng thông tin phương khóm của Cao ủy tị nạn tại các trại, bày đầy sách báo tuyên truyền của CSVN, chỉ có cộng đồng tị nạn trong trại đủ thẩm quyền phản đối. Trước hết xin làm đơn nộp lên Cao-ủy tại Mã lai và Thụy sĩ, nhẹ nhàng cảm ơn họ chiếu cố, ban cho sách báo để đọc, sau đó xin cho gia tăng ân huệ bằng cách dẹp sách báo VC đi, nói rằng vì cần một bầu không khí văn hóa ít ô nhiễm nên người tị nạn mới bỏ nước chạy lấy thân, sách báo cộng sản có mặt ở đó thật trơ- trẽn và hoàn toàn vô bổ, xin Cao ủy sử dụng đồng tiền phước thiện của các nước đóng góp một cách hữu ích và hợp lý hơn.

Các anh mời đồng bào ký chung vào bức thỉnh nguyện thư, trại có 15.000 người lấy 15.000 chữ ký, rồi nộp lên. Nhớ sao một bản của phần văn thư chính gửi về làng, NH sẽ chuyển tới các chính phủ đang góp tiền để nuôi Phủ Cao ủy Tị nạn. Ngoại trừ Hoa Kỳ, các nước khác

chưa chắc chịu khuyến cáo Liên hiệp quốc đâu, nhưng Cao ủy Tị nạn đọc hàng chữ "bản sao, kính trình các 'anh hai chi địa' để tường", chắc cũng phải đắn đo nghĩ lại.

Thử xem, không dọn thử thì làm sao đồng rác ấy sạch được. Chúc anh và các bạn thành công trong công tác chống Cộng ở một nơi không có cộng sản. Thân.

Anh HỒ CÔNG TÂM, MO — Đã nhận được *Dân-chủ mới* số 5, xin cảm ơn và chúc anh an khang.

Ông TRÙM, Salem — Cảm ơn về cuốn sách. Chúc mừng ông Trùm đã xô mạnh cánh cửa lớn, bước đại vào văn học thế giới, xứng đáng với cái hồn danh mới nhất mà Bếp đặt cho, sau "Trùm Một" và "Trùm... Candy". Nhớ gửi các cuốn này cho Văn Bút để chuyển dự giải Nobel Văn chương 92, "làm khó" thiên hạ một phen chơi, nhé. Thân.

TRẦN THỊ MỘNG LAN, Palawan — Cảm ơn về bức ảnh phóng sự, mặc dù người cầm máy "tham" quá, muốn thu cho trọng đoàn biểu tình, khi in ảnh ra, hoa lá cành che khuất gần hết chủ đề muốn chụp.

Tòa soạn đang chuẩn bị bản danh sách gửi báo theo tên cá nhân, như đã áp dụng cho các trại ở Thái lan, Hương cảng và Mã lai, phòng khi bưu điện các nước Phi Luật Tân và Nam Dương nếu từ chối các gói báo như các nước kia, đồng bào trong trại cũng có báo để chuyển tay nhau đọc. Chúc cô may mắn hơn trong đợt tái xét tình trạng tị nạn.

Ông LÊ HỮU NGỌC, Tuen Mun — Đã nhận đủ "lễ ra mắt", cảm ơn ông. Mừng ông đã được ra trại tự do Tự nguyện Môn. Xin tiếp tục viết.

BÀ GIÀ TRẦU, Pháp — Nhà sách Nam Á ở Paris thẳng thắn từ chối không bán báo "giao lưu" một chiều là phải. Nhà sách Alpha ở Virginia cũng tỏ thái độ đồng dặc như vậy, rất đáng phục. Đã đành

bỏ vốn đi buôn thì phải kiếm lời để giữ vững cửa tiệm, nhưng trên đời có nhiều thứ người ta không thể buôn được, nhất là liêm sỉ. NH mong rằng đồng bào độc giả địa phương, nhất là những người còn nặng lòng với dân tộc, hãy chiếu cố các nhà sách kể trên mạnh hơn nữa, để ủng hộ sự ngay thẳng đáng quý đó. Thân.

Nhà sách LAM SƠN, Úc — Sẽ gửi báo, thư mục và điều lệ đại lý. Cảm ơn đã "ới" lên rằng nhà sách vẫn hoạt động, sau vụ gửi tiền mua báo về bán mà không ghi địa chỉ nhận hàng! Kính.

Nhắc chung các đại lý ở các nước ngoài Hoa Kỳ và Gia Nã Đại — Khi thanh toán tiền sách báo, xin gửi bằng ngân phiếu (*money-order*) tiền Mỹ hoặc Gia Nã Đại. Đa tạ.

NHẮN TIN CHUNG

Quý độc giả cư ngụ tại Hoa kỳ và Gia Nã Đại muốn mua báo tặng thân nhân tại các nước khác: xin gửi phiếu tặng báo (trang 114) và chỉ phiếu về tòa soạn.

Có thể trả bằng chỉ phiếu cá nhân (*personal cheque / check*). Giá báo là 45 mỹ kim (51 gia kim) cho một năm báo đường thủy; hoặc 75 mỹ kim (85 gia kim) cho một năm báo máy bay.

THIỆP XUÂN

Tính đến ngày rằm tháng chạp, tòa-soạn nhận được các thiệp xuân kể sau, xin đa tạ và kính chúc quý vị xuân mới an-khang, thắng-lợi:

Nhà văn Thương Hoài Thương, Hoa-kỳ; Nhà văn Nguyễn Mạnh An-Dân, Pulau Bidong; Nhà xuất bản Thế Giới, San Jose; Gia đình nhà văn Nguyễn Tấn Hưng, Hoa-kỳ; Ông Lê Trọng Bằng, Montréal; Gia đình thi-sĩ Đặng Thị Quế Phương, Bỉ; bà Hà Thị Hồng, California; Mặt Trận Quốc-Gia Thống-Nhất Giải-Phóng Việt-

Nam, Xứ-bộ Miền Đông Gia-nã-đại; Gia đình Hoàng Sĩ Quý, Paris; Thi-sĩ Đắc Trung, Hoa-kỳ; Nhà thơ Trần Thị Lai Hồng, Hoa-kỳ; Cô Lê Diệu Lương, Scarborough; Nữ-sĩ Vân Nương, Pháp; Ông Bà Trần Văn Đạo, Sydney, Úc-đại-lợi; Bà Trần Kim Hoa, tiểu-bang WA; Ông Bà Đỗ Trọng Chu, Toronto; Ông Bà Lê Văn Tất, Houston, Texas; Nhà văn An Khê Nguyễn Bính Thịnh, Marignane, Pháp; Cô Kiều Yến Nhi, Virginia, Hoa-kỳ; Ông Nguyễn Hùng Cường, Virginia, Hoa-kỳ; bà Thân Ngọc Quỳnh, Genève, Thụy-sĩ; Hội Người Việt và Bạn Miền Đông Tennessee; Một độc-giả ở Pháp ký tên không rõ; Nicô Chơn Không, Pháp; Ông Bà Ngô Văn Đồng, Đức; Ông Bà Đỗ Văn Luật, Lê Thị Tâm, Trung-tâm Đông-sơn, Bỉ; Cô Hà Thị Thuận, California, Hoa-kỳ; Nữ-sĩ Phạm Thị Nhung, Pháp; Ông Bà Ngô Việt, Portland, Hoa-kỳ; Nhiếp-ảnh-gia Lê Quang Xuân và gia đình, Montréal, Gia-nã-đại; Ông Bà Lê Phục Hưng, Thornhill; Gia-nã-đại; Cô Hoàng Thị Lệ Khanh, Utah; Ông Bà Trần Lương, Toronto; Ông Bà Tr. Tran, Houston, Texas; Ông Bà Trần Ích Chúc, Trại Gia Mỹ, California, Hoa-kỳ; Cô Dương Thị Hòa, California, Hoa-kỳ; Ban Giáo-dục Thư-viện Trung-tâm, trại Tị-nạn Palawan, Phi-luật-tân; Cô Trần Thị Mộng Lan, Palawan, Phi-luật-tân; Ông Trương Văn Kinh, trại Whitehead, Hương-cảng; Một độc-giả ở Hoa-kỳ ký tên không rõ; Một số quý vị nghị-sĩ, dân-biểu và viên chức chính quyền các cấp quốc gia, tỉnh bang, thành phố và cộng đồng, Gia Nã Đại.

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Văn: Phùng Nhân, Phạm Mạnh Tuệ, Phạm Thắng, Hứa Hoành, Trần Ngân Tiêu, Tưởng Dung, Xuân Tước, Hoài Nam, Thương Hoài Thương, Lã Mộng Thương (2), Lê Thao Chuyên, Nguyễn Minh Khánh, Đàm Ngọc Văn Chương,

Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Phong, Đoàn Văn Thông (2), Ngô Nguyên Dũng, Bằng Đình (3), Lương Thế Nam, Lê Nhật Thăng, Đỗ Quang Hoà.

Thơ: Lý Hải Ngoại, Thúy Vũ (2), Vân Nương (2), Hoàng Chính (3), Đắc Trung (6), Lâm Hảo Dũng (3), Đông Nghi, Ngô Nguyên Dũng (3), Bùi Cương, Trần Mộng Tú, Nguyễn Khanh, Phan Nguyễn My Sa, Khôi Việt (2), Nguyễn Sĩ Long (2), Quý Hương, Hoàng Xuân Thảo (2), Vạn Giã, Trần Văn Lệ, Trần Ngân Tiêu (8), Vũ Minh Hương, Nguyễn Mạnh Hùng, Nguyễn Quang Minh, Phạm Văn Toàn, Lê Văn Bình, Lê Văn Xấy, Nguyễn Công Chính, Duy Lâm, Nguyễn Văn Lợi, Hoài Nam, Bằng Đình.

Tranh: Nguyễn văn Tân.

BÀI SẼ ĐĂNG

Văn: Người đàn ông bướm (NND), Bên kia cửa tử (NP), Chuyện cọng rau muống (TNT), Hào khí đất Vũng Liêm (HH), Tạo dựng video con rối (LTN), Những khám phá về nền văn minh cổ Ai Cập (ĐVT), Xoài tượng nước mắm đường (NVB), Đường về Tây phương (XT), Duy trì ngôn ngữ và văn hoá Việt (PMT), Mùa xuân của mẹ (LTC), Con hổ hay con hổ (BD), Chén trà ngày xuân (PT).

Thơ: Nếu (NCC), Thu buồn (NQM), Đêm ba mươi (TMT), Áo tưởng tôi, Mười hai thương nhớ, Màu suy tư buổi chiều (NND), Mùa xuân nói với... (ĐN), Tâm chết, Sắc, Cuối năm dưới bóng... (LHD), Tình son, Ngày cuối cùng (ĐT), Trước tin thời sự, Nụ hồng em kết... (VN), Tang bằng (VG), Người xưa đưa tiễn (HXT), Nửa đêm, Nắng xuân (NSL), Áo gấm về làng (KV), Dòng suối đêm nay (NK), Gửi vầng trăng lưu lạc, Chào em..., Năm bắc thuộc... (HC), Người trong gương, Ta đếm thời gian, Bạn hiền, Gửi bạn quê nhà, Vợ và nợ (TNT).

NUỐC MÌNH NUỐC MỸ



ngô du trung

giá 10 mỹ-kim / 12 gia-kim
HỎI TẠI NHÀ SÁCH GẦN NHẤT, HOẶC GỬI CHI-PHIẾU:

LÀNG VĂN
P.O. Box 310, Station "W"
Toronto, Ontario M6M 5B9
Canada

Văn-phòng BẢO-HIỂM NGUYỄN BÁ DĨNH



BA-DINH ASSURANCES INC.
5402 VAN HORNE (gần Décarie)
MONTREAL, PQ H3X 1G1
(Métro Plamondon, Bus 161 Ouest)

Tel: 342-6706

- Đầy đủ tất cả các loại BẢO-HIỂM
- Có thị-trường đặc-biệt cho người bị nhiều tai-nạn, hãng cũ từ-chối
- Nhận thị-thực chữ ký & sao y bản chánh (Commissaire à l'Assermentation)

NGUYỄN BÁ DĨNH
Courtier d'Assurances Agrée



nhắn tin tị-nạn

(lệ-phí: 10 mỹ kim; miễn-phí cho đồng-bào tại các trại)

Tìm bạn **VƯƠNG KINH KHA** quê Cần-thơ, định-cư Gia-nã-đại, xin liên-lạc: **NGÔ CÔNG HÙNG**, MC: 557028, Pulau Bidong Camp, Malaysia.

Tìm bạn **LIÊN KIM XUYỀN**, cựu học-sinh Petrus Ký, Văn-Học, định-cư ở Gia-nã-đại năm 1980, trước ở 992 Dundas St. E., Toronto, Ontario M4M 1R7, nay ở đâu xin liên-lạc **ĐÀM QUANG TRUNG**, 4208 Crescendo Ave., San Jose, CA 95136, ĐT: (408) 227-7675.

Tìm bạn **DUƠNG THỊ KIM LAN**, trước ở cư-xá Hỏa-xa Lý Thái Tổ, sau dời về Lê Văn Duyệt, du-học tại Kyoto, Nhật-bản năm 1972, nay ở đâu, xin liên-lạc về **TRỊNH GIA MỸ**, 7540 Katella Ave., Stanton, CA 90680, USA — quý bạn nào biết, xin vui lòng mách giúp, đa tạ.

Tìm bạn **NGUYỄN THANH HUNG**, hiện đang ở Gia-nã-đại, trước cùng ở trại Panat Nikhom, Thái-lan, nay ở đâu xin liên-lạc gấp: **NGUYỄN THỊ NGỌC-ANH**, 250 S. Whiting St., #724, Alexandria, VA 22304, điện-thoại: (703) 461-8077 hoặc (703) 406-0756.

Tìm bạn là **Bác-sĩ NGUYỄN TRỌNG THỦY**, trước học Trung-học Hồ Ngọc Cẩn, cư-ngụ tại đường Lê Quang Định, sau dọn sang Pháp ở 7 rue de Champs Elysée, 94250 Gentilly, nay ở đâu xin cho **TRẦN THANH TỊNH** (tên cũ **NGUYỄN THANH TỊNH**) biết,

địa-chỉ: R.R. No 1, Dunrobin, Ontario K0A 1T0, Canada.

Tìm các bạn **PHẠM THANH NGÃ** (cựu học-sinh Trung-học Tây-ninh, Đoàn Du-ca Vàm-cỏ-đông), **NGUYỄN VĂN DŨNG** (con ông Nguyễn Văn Mới, Trưởng tràng Nhu-đạo, quận Phú-khương Tây-ninh), nay ở đâu, xin liên-lạc **NGUYỄN HỮU NGHĨA**, P.O. Box 310, Station "W", Toronto, Ontario M6M 5B9, Canada.

Tìm ông **NGUYỄN QUANG SIỂN**, trước 1975 làm chủ-tịch ban Hành-chánh Tài chánh Hạ-nghị-viện; bà **NGUYỄN THỊ NỪNG**, trước 1975 làm thư-ký hãng Hàng-không Việt-nam, di-tản tháng 4.1975, xin liên-lạc **PHAN VĂN BÍCH**, 32/5 phường 6, quận Tân-bình, Sài-gòn, hoặc con trai đang sống ở trại tị-nạn: **PHẠM VĂN THANH**, MC: 368017, ID: 160796, Camp Sungei Besi, Kuala Lumpur, Malaysia.

367-8989
367-8989
367-8989
367-8989
367-8989
367-8989
367-8989
367-8989
367-8989



367-8989
367-8989
367-8989
367-8989
367-8989
367-8989
367-8989
367-8989
367-8989

Thật vui mừng và hân hạnh được giới thiệu cùng tất cả quý bạn một sự kết hợp hài hòa giữa nền kỹ thuật khoa học tinh vi nhất của Nhật Bản cùng với các chuyên viên Việt Nam từng tu nghiệp tại Nhật

Kính mời quý bạn đến Yamashita tham quan phòng trưng bày (show room) để được thấy, được nghe những hệ thống âm thanh cực mạnh Blaupunkt, Denon, Yamaha, Sony, Pioneer.

Và hơn nữa, chuyên viên hãng Yamashita sẽ Custom Design, thay đổi hình dáng, thay gắn các loại Sunroof, Spoiler, Side Running Board theo sự yêu thích của bạn.

- Dán kiếng màu cho các loại xe (Tinting)
- Gắn tất cả các hệ thống Alarm cho xe hơi
- Yamashita với toàn bộ chuyên viên nhiều kinh nghiệm đang và từng phục vụ tại Downtown EXCELCAR CANADA.
- Một lần nữa Yamashita sẽ đảm nhận từ A tới Z cho tất cả các công việc mà chẳng may khi xe bạn bị tai nạn
 - ❖ Kiếng bị nứt, bị bể, bị đập
 - ❖ Xe bị cạo trầy - Mất máy Cassette - Mất vỏ xe. Đừng chậm trễ, đừng lo - Hãy gọi ngay chúng tôi 367-8989
 - ❖ Hệ thống Tow Truck FREE và nhân viên sẽ có mặt trong vòng 15 phút.

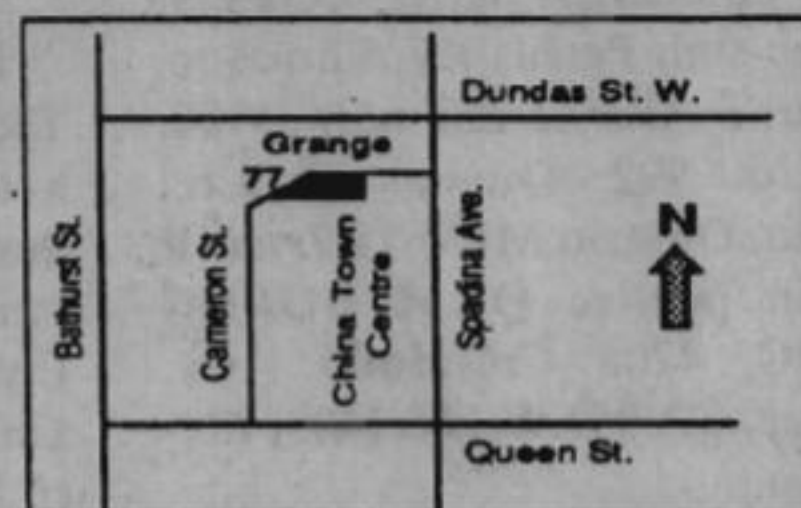
Phục vụ Emergency 24/24

- ⇒ Đảm nhận tất cả thủ tục Insurance Claim với mọi hãng bảo hiểm.
- ⇒ Giá Đặc Biệt cho xe không bảo hiểm
- ⇒ Free Deductible (tùy trường hợp) upto \$100.00
- ⇒ Định giá, Pick up & Delivery miễn phí
- ⇒ Nhận đến tận nhà / văn phòng để phục vụ (Mobile service)
- ⇒ Cho mượn xe miễn phí trong lúc xe bỏ sửa (toàn xe brand new 91 Toyota Corolla và 91 Chevrolet Cavalier)

Emergency: 367-8989

Mobile: 565-6570

Yamashita
—AUTOMOTIVE INC.
EXPERT IN AUDIO DESIGN & GLASS
77 Grange Ave. Toronto Ontario M5T 1E2



W

Tâm
10MK—12GK
MỖI TÌNH CỦA CHÀNG NHẠC SĨ
Hermann Hess, Vũ Đăng dịch
12MK—15.50GK
MỘT BÔNG HỒNG CHO VĂN-NGHỆ
Tạp bút, Nguyễn Sa
12MK—15.50GK
MỘT KỶ-NIỆM ĐẸP
Tạp bút, Nguyễn Tấn Hưng
10MK—13GK
MỘT LỄ CƯỚI KHÁC THƯỜNG
6.50MK—8.50GK
MÙA ÁO ẢNH
Truyện dài, Đỗ Thúc Vịnh
14MK—18GK
MÙA XUÂN CHIẾN-THẮNG
Truyện ngắn, Hoàng Minh Thủy
7MK—10GK
MƯA PHỐ NÚI
Truyện ngắn, Đỗ Văn Trọn & Lê Thao Chuyên
12MK—15.50GK
MƯU-LƯỢC CHỈNH-TRỊ ĐÔNG PHƯƠNG
Biên-khảo, Ngô Ty
8MK—11GK
NẤU ĂN NHANH
177 món Âu, Á
Kiến-thức phổ-thông,
10MK—13GK
NGHỆ-THUẬT CẮM HOA NHẬT-BẢN
Kiến-thức phổ-thông, Minh Hùng
8MK—11GK
NGHỆ-THUẬT NẤU ĂN VIỆT-NAM
180 món mặn và chay
Kiến-thức phổ-thông, Quốc Việt
10MK—13GK
NGHỆ-THUẬT NẤU ĂN TÀU, VIỆT
Kiến-thức phổ-thông, Quốc Việt
7MK—10GK
NGHĨA TÌNH
Thơ, Khải Chính
7MK—9GK
NGÔI NHÀ BÀ GIÁO
Truyện dài, Huyền Châu
10MK—13GK
NGƯỜI ĐÀN BÀ ĐI BÊN TÔI
Truyện ngắn, Nguyễn Ngọc Ngạn
12MK—15GK
NGƯỜI LÍNH CÒN LẠI
10MK—13GK
NGƯỜI YÊU NƯỚC MỸ
Tạp-bút, Khải Sơn
12MK—15.50GK
NHÁNH RONG PHIÊU BẠC
Truyện dài, Võ Hồng
7MK—9GK
NHỚ ƠN MẸ
Sách Công-giáo, Trương Văn Thục
5MK—7GK
NHỮNG BÍ-ẢNH TRÊN KHUÔN MẶT VÀ BÀN TAY
Biên-khảo, Đoàn Văn Thông
14MK—18.50GK
NHỮNG CHUYỆN TÌNH TRONG CUNG CẤM

Tiểu-thuyết dã-sử, Đoàn Văn Thông
13MK—16GK
NHỮNG KHUÔN MẶT VĂN-NGHỆ ĐI QUA ĐỜI TÔI
Hồi-ký, Tạ Ty
16MK—21GK
NHỮNG NGƯỜI ĐANG TỚI
Truyện dài, Đỗ Thúc Vịnh
9MK—12GK
NHỮNG PHẢN-ẢNH THỜI-SỰ CHỈNH-TRỊ MIỀN BẮC
Tài-liệu
7MK—10GK
NHỮNG SUY-NIỆM SIÊU-HÌNH HỌC
Kiến-thức phổ-thông, René Descartes, LM Trần Thái Đình dịch
9MK—12GK
NỬA ĐÊM NGHE MẸ THỞ DÀI
Thơ, Hoàng Chính
7MK—8GK
NƯỚC MẮT TRONG TIM
Bút ký, Lê Đại Lăng
11MK—14GK
NƯỚC MÌNH, NƯỚC MỸ
Truyện ngắn, Ngô Du Trung
10MK—12GK
NUÔI-DƯỠNG TRẺ CON
Kiến-thức phổ-thông, Phạm Côn-Son
10MK—13GK
PHẢN THÔNG VÀNG
Tạp-bút, Xuân Diệu
6MK—8GK
PHEDON (KHẢO-LUẬN VỀ LINH-HỒN THEO LUẬN-LÝ)
Kiến-thức phổ-thông, Platon, Trịnh Xuân Ngân dịch
11MK—14.50GK
PHÍA ĐÔNG VƯỜN ĐỊA-ĐÀNG
Sách dịch, Đình Hoàng Sa
10MK—13GK
QUỖI-CỐC TOÁN MỆNH
Tài-liệu, Dương Đình Lê Thứ Chi
18MK—23.50GK
NGHỆ-THUẬT LÀM MẸ
Kiến-thức phổ-thông, Trịnh Lê Hoàng
5MK—7GK
RÈN LUYỆN TÂM-THUẬT HUYỀN LINH
Triết-học, Phạm Công Thiện
10MK—12GK
RỪNG NÚI VỀ ĐÊM
Truyện dài, Huyền Châu
9MK—12GK
SÁCH LỄ GIÁO DÂN
Sách Công-giáo
27MK—35GK
SÀI-GÒN CƯỚI MỘT MÌNH
Tạp-bút, Nhã Ca
12MK—15.50GK
SAO CÓ TIẾNG SÓNG
Tạp-bút, Võ Đình
13MK—17GK
SÁO TRÚC CHỈ-LINH
Truyện dài dã-sử, Vũ Xương (trọn bộ 2 cuốn)
16MK—21GK
SAU DÂY TRƯỞNG SƠN
Truyện dài, Lý Văn Sâm
6MK—8GK
SƠN-LÂM ẼM-ĐỀM
(Les cosaques) Truyện dài,

Leon Tolstoi, Nguyễn Trọng Đạt dịch
10MK—13GK
SÔNG CÔN MÙA LŨ
Truyện dài, Nguyễn Mộng Giác
- Cuốn I: 18MK—24GK
- Cuốn II: 20MK—26GK
- Cuốn III: 20MK—26GK
- Cuốn IV: 20MK—26GK
SŨ-MỆNH VĂN-NGHỆ HIỆN-ĐẠI
Albert Camus, Bùi Giáng dịch
7.50MK—10GK
SỬA BƯỚC SANG NGANG
Kiến-thức phổ-thông, Harold Shryock
8MK—11GK
TAN RÃ
Truyện dài, Cao Xuân Lý
10MK—13GK
TẠP-CHỦNG
Truyện ngắn, Hồ Trường An
14MK—17GK
THÀNH PHỐ TRONG HỒI TUỞNG
Truyện ngắn, Trần Hồng Châu
8MK—10.50GK
THẤT-SƠN MÀU-NHIỆM
Biên-khảo, Nguyễn Văn Hầu
7.50MK—10GK
THEO ÁNH TINH-CẦU
Tạp-bút, Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh
15MK—19.50GK
THIÊN-ĐƯỜNG KHÔNG CÓ HAI NƠI
Nhận-định, Đặng Thiên Sơn
10MK—13GK
THIÊN-LUẬN
Bộ sách thiên phổ-thông và hữu-ích nhất
Biên-khảo của thiền-sư Suzuki, bản Việt văn của Trúc Thiên, trọn bộ 3 cuốn bìa cứng:
54MK—70GK
THƠ MIỀN NAM
Biên-khảo, Võ Phiến
6MK—8GK
THƠ TAGORE
Thơ, Đỗ Khánh Hoan dịch
8MK—11GK
THƠ TỔNG
Biên-khảo và tuyển dịch, Trần Trọng San
15MK—18GK
THUẬT HÙNG-BIỆN
Kiến-thức phổ-thông, Hoàng Xuân Việt
8MK—11GK
THU KHÔNG NGƯỜI NHẬN
Truyện, Hoàng Khởi Phong
10MK—13GK
THƯƠNG CHỒNG
Truyện dài, Lan Phương
7MK—9GK
TIỂU-ĐOÀN TRÙNG-GIỚI
Truyện dài, Heinz-Gunther Konsalik, Tâm Vũ dịch
12MK—16GK
TIỂU NGU NỮ
Tiểu-thuyết, Hans Anderson
8MK—11GK
TIỂU THƯƠNG TẠI HOA-KỲ
Kiến-thức phổ-thông, Kiêm Thèm
13MK—17GK
TINH-HOÀ VÀ SỰ PHÁT-TRIỂN CỦA ĐẠO PHẬT
Kiến-thức phổ-thông, Edward

Kiến-thức phổ-thông, Edward Conze, Nguyễn Hữu Hiệu dịch
11MK—14.50GK
TÌNH DỤC TOÀN THU
Kiến-thức phổ-thông, Thu Nhân và Trần Xuân Tiên
bộ 4 cuốn: 38MK—50GK
TÌNH-YÊU VÀ HÔN-NHÂN
Kiến-thức phổ-thông, Muriel James, Lê Quốc Hưng dịch
7MK—10GK
TỐT ĐEN
Truyện dài, Nguyễn Thụy Long
8.50MK—11GK
TRẠI TỬ TRÙNG-GIỚI K-5
Hồi-ký, Phạm Quang Giai
18MK—23.50GK
TRONG MUÔN VẠN XA CÁCH
Truyện dài, Thanh Phương
10MK—13GK
TRỞ VỀ
Thơ, Kha Huyền
7MK—8GK
TRỜI XANH TRÊN MÁI NON CAO
Truyện dài, Nguyễn Thị Hoàng
5MK—7GK
TRUYỆN DÂN-GIAN TRUNG-QUỐC
Truyện cổ, Lâm Ngữ Đường, Nguyễn Quốc Đoàn dịch
8MK—11GK
TRUYỆN HAY HẢI NGOẠI
Truyện ngắn, nhiều tác-giả
18MK—23.50GK
TRUYỆN 2 KINH THÀNH
A Tale of Two Cities, Ch. Dickens, HHU dịch
8MK—10.50GK
TRUYỆN LOÀI VẬT
Truyện ngắn tiên-chiến, Tô Hoài
6MK—8.50GK
TRUYỆN MỘT CẬU BÉ "CHÚ NHỎ"
Truyện dài, Alphonse Daudet, Nguyễn Thị Hạnh dịch
9MK—12GK
TRUYỆN THẬT NGẮN
Truyện ngắn, Võ Phiến
6MK—8GK
TUỔI 15—20
Kiến-thức phổ-thông
7MK—9GK
TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN
Truyện ngắn, Hoàng Minh Thủy
7MK—10GK
TU-BẢN KARL MARX
Tài-liệu, Nguyễn Văn Tuyển dịch
(trọn bộ 2 cuốn). 35MK—45GK
TỪ-NGŨ ĐẶC-BIỆT TRONG ĐỘNG-TỪ ANH-VĂN
Kiến-thức phổ-thông, Hoàng Năng Oanh
15MK—20GK
TỰ-ĐIỂN ANH-VIỆT VIỆT-ANH
Tự-điển, Lê Bá Kông
27MK—35GK
TỰ-ĐIỂN CHUYÊN-MÔN VIỆT-ANH ĐỐI-CHIẾU
Tự-điển, Quỳnh Lâm
9MK—12GK
TỰ-ĐIỂN DANH-TỪ Y-KHOA ANH-VIỆT
Tự-điển
14—18GK

TỰ-ĐIỂN Y-HỌC
Tự-điển
30MK—39GK
TỰ-HÀO LÀ NGƯỜI VIỆT-NAM
Biên-khảo, Cao Thế Dung
12MK—16GK
TỰ-HỌC ĐỘC-TÁU TÂY-BAN-CẦM
Kiến-thức phổ-thông, Lê Thu
12MK—16GK
VÀI CHÚ-GIẢI VỀ THIÊN ĐỐN-NGỘ
Biên-khảo, Phan Tấn Hải
8MK—11GK
VÀI NGÀY LÀM VIỆC TẠI CHUNG SỰ VỤ
Truyện dài, Nguyễn Sa
12MK—15.50GK
VĂN-HỌC VIỆT-NAM DƯỚI CHẾ-ĐỘ CỘNG-SẢN
Nhận-định, Nguyễn Hưng Quốc
16MK—21GK
VIỆT-NAM 30 NĂM MÁU LỬA
Nhận-định, Cao Thế Dung
24MK—31GK
VIỆT SỬ TIỂU ÁN
Tài-liệu, Ngô Thời Sĩ
14MK—18GK
VĨNH-BIỆT SÀI-GÒN
Bút-ký, Jean Lartéguy, Phạm Kim Vinh
12MK—16GK
VÕ CỔ-TRUYỆN
Biên-khảo, Lạc Hà
12MK—16GK
VÕ-THUẬT TỔNG-HỢP VÀ THỰC-HÀNH
Kiến-thức phổ-thông, Lạc Hà và Phạm Xuân Thảo
6MK—8.50GK
VŨ-MÔN
Truyện ngắn, Nguyễn Trung Tâm
10MK—12GK
XẾP AL CAPONE
Truyện dài, Trương Sơn Lê Xuân Nhị
- Cuốn I: 15MK—19.50GK
- Cuốn II: 15MK—19.50GK
ZEN, THUẬT TRƯỞNG-SINH
Kiến-thức phổ-thông
7MK—10GK
15 TRUYỆN NGẮN GIẢI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT LÃNG VÂN 1990
Truyện ngắn, Ngọc Duy, Trương-sơn Lê Xuân Nhị, Đông Nghi, Trâm Lương, Tam Thanh, Phùng Nhân, Đình Hiếu, Võ Hoài Nam và Nguyễn Quốc Ngân.
14MK—17GK

● *Độc-giả dài hạn Làng Văn (có mã-số độc-giả), được bớt 10% khi mua sách qua tòa-soạn, xin trừ trước trong chi-phiếu khi đặt mua.*
Thư-tử, chi-phiếu xin đề:
LÀNG VĂN
P.O. Box 310, Stn. "W"
Toronto, ON, M6M 5B9
Canada

Đã phát-hành khắp nơi:

**CUỐN SÁCH NÓI VỀ NHỮNG SỰ KIỆN HUYỀN-BÍ
DƯỚI MẮT MỘT NHÀ NGHIÊN-CỨU TÂY-PHƯƠNG**

**HUYỀN-THUẬT
VÀ ĐẠO-SĨ
TÂY-TẠNG**



NGUYỄN PHONG

“Phép lạ còn là ‘phép lạ’ khi người ta chưa hiểu-biết, chưa thể chứng-minh hay giải-thích rõ-rệt. Một khi đã nghiên-cứu thấu-đáo và chính-xác, các hiện-tượng lạ-lùng này cũng chỉ là những chuyện thông-thường hằng xảy ra trong vũ-trụ mà thôi.”

Giá 15 mỹ-kim (18 gia-kim)

HỎI TẠI CÁC TIỆM SÁCH HOẶC GỬI CHI-PHIẾU VỀ:

Làng Văn

P.O. Box 310, Station “W”, Toronto, Ont. M6M 5B9, Canada